

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
---o0o---



BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NĂM 2017

Tp.Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM.....	3
1. Thông tin chung về Nhà trường	3
2. Khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường	3
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường.....	5
3.1. Cơ cấu tổ chức:	5
3.2. Nhân sự của Trường.....	5
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường	6
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	7
5.1. Cơ sở vật chất	7
5.2. Thư viện	8
5.3. Tài chính	9
PHẦN II - KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG.....	9
1. Đặt vấn đề.....	9
2. Tổng quan chung	10
2.1. Căn cứ tự đánh giá	10
2.2. Mục đích tự đánh giá.....	11
2.3. Yêu cầu tự đánh giá	11
2.4. Phương pháp tự đánh giá	11
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	12
3. Tự đánh giá.....	13
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	13
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....	25
3.2.1. TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý.....	25
3.2.2. TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo.....	38
3.2.3. TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động ..	56
3.2.4. TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình	68

3.2.5.	TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	83
3.2.6.	TIÊU CHÍ 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	96
3.2.7.	TIÊU CHÍ 7: Quản lý tài chính.....	102
3.2.8.	TIÊU CHÍ 8: Dịch vụ người học	111
3.2.9.	TIÊU CHÍ 9: Giám sát, đánh giá chất lượng.	121
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÀ TRƯỜNG		128
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ		132
CÁC PHỤ LỤC		
Phụ lục 1 - Quyết định thành lập Hội đồng Kiểm định Chất lượng CSGDNN		
Phụ lục 2 - Kế hoạch tự đánh giá của Nhà trường		
Phụ lục 3 - Bảng mã minh chứng		

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

1. Thông tin chung về Nhà trường

- Tên trường: Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên Tiếng Anh: Hồ Chí Minh City College of Construction (HCC)
- Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng
- Địa chỉ trường:
- Trụ sở chính: 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 1: 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 2: 228 Hoàng Diệu 2, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 3: Đường 11, Phường Long Bình, Quận 9, Tp Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 08 38962938 - 028 38962938
- Số fax: 08 38968161 - 028 38968161
- Email: ptchc.cdxd2@gmail.com
- Website: www.hcc2.edu.vn
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: Trường Trung học Xây dựng số 7 theo QĐ số 86/BXD-TC ngày 14/2/1976 của Bộ Xây dựng
 - + Năm nâng cấp thành trường: Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 theo QĐ số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ Tướng Chính Phủ.
 - + Năm nâng cấp thành trường: (Đổi tên trường) Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh theo QĐ số 1148/QĐ-LĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
- Loại hình trường: Công lập

2. Khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường

Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (tên cũ Trường Cao đẳng Xây dựng số 2) - tiền thân là Trường Trung học xây dựng Số 7 (được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 86/BXD-TC ngày 14/2/1976 của Bộ trưởng Bộ xây dựng), đến năm 1999, để tương xứng với tiềm năng và quy mô phát triển của nhà trường và nhằm

đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương khu vực phía nam, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 trên cơ sở Trường Trung học Xây dựng số 7 (Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng chính phủ). Trường có nhiệm vụ: đào tạo cán bộ kỹ thuật bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật các ngành nghề trong lãnh vực xây dựng; Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ tiên tiến, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ; Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong những người học và trong đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên của Trường.

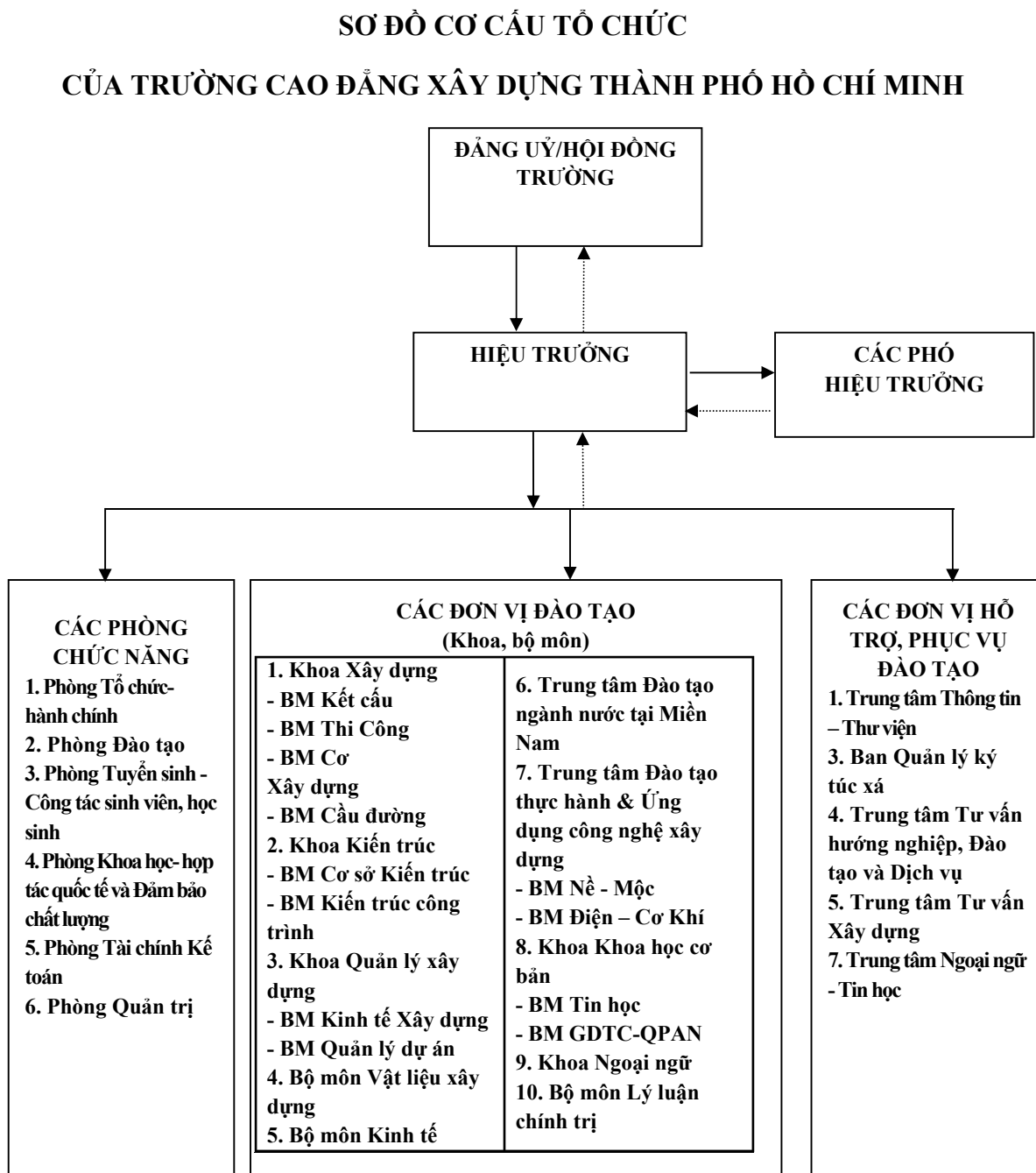
Với bề dày trên 40 năm hoạt động đào tạo nguồn nhân lực ngành Xây dựng cho các tỉnh thành phía Nam. Nhiều học sinh, sinh viên của Trường đã trưởng thành và giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt trong ngành xây dựng ở cấp tỉnh thành, cấp quận huyện, các doanh nghiệp xây dựng, là lực lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật nòng cốt của các cơ quan quản lý về xây dựng và các doanh nghiệp xây dựng; chất lượng đào tạo của Trường đã được khẳng định, gần 100% học sinh, sinh viên tốt nghiệp hàng năm có việc làm đúng với ngành, nghề đào tạo. Trường có đội ngũ giảng viên được đào tạo đạt chuẩn, có bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, kinh nghiệm trong thực tế sản xuất, nhiệt huyết trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong công tác nghiên cứu khoa học đã tập trung vào một số lĩnh vực chính như: Nghiên cứu và thực hiện các đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Trường; đổi mới nội dung chương trình đào tạo; biên soạn giáo trình, bài giảng các môn học thuộc các chuyên ngành đào tạo của Trường; đổi mới, cải tiến phương pháp giảng dạy tích cực, lấy sinh viên học sinh làm trung tâm; cải tiến công tác quản lý giáo dục sinh viên học sinh phục vụ công việc chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ; thiết kế, chế tạo và ứng dụng các mô hình, đồ dùng dạy học.

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 3/9/2016 tại phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8/2016 đã giao quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp (GDNN) cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH). Từ ngày 01/01/2017, các Trường Cao đẳng và Trung cấp đã được Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội thống nhất quản lý về mặt giáo dục nghề nghiệp, do đó tạo điều kiện tăng cường đào tạo theo các định hướng thực hành. Việc định hướng cho việc cung cấp nguồn nhân lực cho ngành và địa phương được đảm bảo hiệu quả nhất, do vậy cần có sự năng động trong đổi mới đào tạo, kết nối đào tạo với thực tiễn, nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động.

Với thực tiễn Vùng đô thị Tp.HCM trong quá trình phát triển, nhu cầu đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng thì khu vực này sẽ là một đại công trường lớn nhất nước hiện nay với nhu cầu nhân lực làm việc trong lĩnh vực xây dựng là rất lớn. Vùng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 ước tính có khoảng 2,5 triệu người làm việc trong lĩnh vực xây dựng, trong đó, mục tiêu là có 1,62 triệu người đã qua đào tạo ở mọi cấp học.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường

3.1. Cơ cấu tổ chức:



3.2. Nhân sự của Trường

Tổng số cán bộ, nhân viên của Trường là 187 người:

+ Trong đó, đội ngũ giáo viên: 139 người gồm có:

+ Nam: 90

+ Nữ: 49

+ Cơ hữu: 139

+ Thỉnh giảng: 2

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	6
Thạc sĩ	79
Đại học	53
Cao đẳng (Tay nghề Thợ bậc 5/7)	1
Trung cấp	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	0
Tổng số	139

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường

TT	Tên ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Năm 2016
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	
1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Cao đẳng	1704
2	Quản lý xây dựng	Cao đẳng	545
3	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Cao đẳng	165
4	Cấp thoát nước	Cao đẳng	113
5	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	Cao đẳng	41
6	Kế toán	Cao đẳng	124
7	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng	139
8	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Cao đẳng	139

9	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung cấp	412
10	Cấp thoát nước	Trung cấp	42
11	Kế toán	Trung cấp	5
	Tổng cộng		3.429

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất

Tổng diện tích đất của trường: 51.544 m², trong đó:

Cơ sở 1: Khu học tập và làm việc tại 190 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích đất: 15.302,8 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 5.291,8 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 10.011 m²

Cơ sở 2: Trung tâm đào tạo Thực hành và Ứng dụng công nghệ xây dựng tại đường số 11, phường Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích đất: 15.000 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 5.664 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 9336 m²

Khu Ký túc xá: tại số 228 Hoàng Diệu 2, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích đất: 8.241,3 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 3.001 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 5.240,3 m²

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích xây dựng	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Ký túc xá
1	Khu hiệu bộ	4.141 m ²	4.050 m ²	91,2 m ²	
2	Phòng học lý thuyết	6.050 m ²	5.928 m ²	121,6 m ²	

3	Xưởng / Phòng thực hành	7.757 m ²	4.650 m ²	3.107,0 m ²	
4	Khu phục vụ	9.608 m ²			
4.1	Thư viện	450 m ²			
4.2	Ký túc xá	4.212 m ²			4.212 m ²
4.3	Nhà ăn	491 m ²	300 m ²	91,2 m ²	100 m ²
4.4	Trạm y tế	90 m ²	30 m ²	30,4 m ²	30 m ²
4.5	Khu thể thao	3.735 m ²	900 m ²	1.935,0 m ²	900 m ²
5	Khác (Nhà bảo vệ, nhà xe)	630 m ²	20 m ²	590,3 m ²	20 m ²
	Tổng cộng				

Ngoài ra Nhà trường đang làm thủ tục trình UBND Tp.HCM cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất 13.000 m² tại Phường Long Bình Quận 9, Tp.HCM để mở rộng khu đào tạo thí nghiệm thực hành và xây dựng Trung tâm kiểm định Xây dựng và đánh giá kỹ năng nghề

5.2. Thư viện

Diện tích: 450m² bao gồm: phòng tổng hợp, phòng nghiệp vụ, kho lưu trữ

Đội ngũ nhân sự: 5 người

TT	Loại tài liệu	ĐVT	Số lượng
1	Tổng số đầu sách	Cuốn	2.435
2	Tổng số bản sách	Bản	22.088
2.1	Giáo trình	Bản	17.000
2.2	Sách tham khảo	Bản	4.000
2.3	Sách điện tử	Bản	1.000
2.4	Tạp chí luận văn luận án	Bản	88

3	Trung bình đầu sách/ngành	Cuốn	1.500
4	Tài liệu điện tử	Tài liệu	1.400.000

5.3. Tài chính

	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng thu	50.312	46.564
	Thu NSNN cấp	19.500	20.019
	Thu học phí, lệ phí	16.341	16.400
	ODA		
	Nguồn khác	14.471	10.145
2	Tổng Quyết toán	50.312	46.564

PHẦN II - KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Trong xu thế toàn cầu hóa và yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội là chủ trương lớn của ngành giáo dục đào tạo trong giai đoạn hiện nay. Cũng như những ngành nghề khác, ngành xây dựng đang đứng trước áp lực lớn là phải đáp ứng nhu cầu cả về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề. Chính vì vậy, việc phát triển quy mô đồng thời phải đảm bảo chất lượng đào tạo là yêu cầu cấp thiết của các cơ sở đào tạo thuộc ngành xây dựng trong giai đoạn hiện nay để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ của ngành.

Đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo là trách nhiệm và mục tiêu mà bất cứ cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào cũng phải cố gắng phấn đấu để đạt được. Thực hiện chỉ đạo theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội đề ra chủ trương các trường tự đánh giá chất lượng đào tạo, lãnh đạo Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định « Tự đánh giá là việc làm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng và có tác dụng thiết thực trong việc đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong nhà trường .

Nhà trường đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá gồm các thành viên là cán bộ lãnh đạo của trường, của các đơn vị, các đoàn thể trong trường và các nhà giáo có uy tín do Hiệu trưởng làm chủ tịch Hội đồng. Hội đồng tự đánh giá thành lập ra Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách để triển khai công tác tự đánh giá, lập kế hoạch, xây dựng quy trình tự đánh giá và tổ chức cho các nhóm thực hiện. Hội đồng đã tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả các mặt hoạt động của nhà trường trên cơ sở so sánh với 100 tiêu chuẩn thuộc 09 tiêu chí, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần phải khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp và chương trình hành động cụ thể nhằm cải thiện các mặt còn tồn tại chưa đạt so với yêu cầu của tiêu chuẩn. Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng, Ban thư ký hoàn thiện các báo cáo tiêu chí và tích hợp với các nội dung khác thành bản báo cáo tự đánh giá chính thức.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tiến hành tự đánh giá để thấy được những ưu điểm, nhược điểm, xây dựng kế hoạch hành động phù hợp là mối quan tâm hàng đầu của Nhà trường để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường nhận thức được tầm quan trọng của công tác tự đánh giá để Nhà trường nhìn lại chất lượng đào tạo và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng trong Nhà trường. Trong xu thế phát triển và hội nhập, Nhà trường đã xác định muốn nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, trường phải thực hiện hoạt động tự đánh giá (TĐG) và tiến tới đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng. Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được xác định.

Căn cứ Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTĐBXH ngày 29/12/2011 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc quy định về thực hiện kiểm định giảng dạy nghề.

Căn cứ Hướng dẫn đánh giá các chỉ số kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề của Tổng cục Dạy nghề tại Công văn số 754/TCDN-KĐCL ngày 12/5/2014.

Căn cứ Thông tư số 15/2017/ TT-BLĐTĐBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-CDXD ngày 18/10/2017 về việc thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Kế hoạch thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục của Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017.

Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai hoạt động tự đánh giá theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đề ra là tự đánh giá 100 tiêu chuẩn thuộc 09 tiêu chí nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp của chương trình đào tạo theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của việc tự đánh giá là tiến hành rà soát, đánh giá về chất lượng và hiệu quả của tất cả các hoạt động bên trong Nhà trường, bao gồm: đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của đơn vị và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề quy định tại Quyết định số 02/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 17/01/2008 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội; công tác HSSV, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và các hoạt động liên quan khác, từ đó phát hiện những điểm mạnh, điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp đơn vị hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, góp phần xây dựng Nhà trường trở thành đơn vị giáo dục đạt chất lượng cao.

Mục đích của việc tự kiểm định là bước khởi đầu rất quan trọng cho việc KĐCLDN bắt buộc của Bộ LĐTB-XH trong thời gian tới.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Các thông tin, phân tích đánh giá cần rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng của đơn vị. Các nội dung đánh giá có minh chứng phù hợp để chứng minh.

Ngôn ngữ mô tả dễ hiểu, văn phong rõ ràng, mạch lạc. Không có lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp.

Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định.

Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.

Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu các chỉ số trong bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phục vụ quá trình kiểm định.

Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của các đơn vị và tìm những chứng cứ để chứng minh nội hàm chỉ số.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các thành viên trong trường, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

Mô tả, làm rõ thực trạng của Trường, phân tích, đánh giá, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại, từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Các bước tiến hành tự kiểm định tuân thủ theo Điều 5 – Thông tư 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2011 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội quy định về quy trình thực hiện kiểm định dạy nghề, bao gồm:

- Xác định mục đích, phạm vi tự kiểm định.
- Kiện toàn Hội đồng kiểm định chất lượng của Trường.
- Xây dựng Kế hoạch tự kiểm định chất lượng.
- Thực hiện tự kiểm định chất lượng của các đơn vị (*Phòng, Khoa, Trung tâm, Ban*) trong Trường:
 - + Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị;
 - + Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí, phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của Trường;
 - + Viết báo cáo tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường và gửi Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường.
- Thực hiện tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội đồng tự kiểm định:
 - + Nghiên cứu báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục của các đơn vị trong Trường;
 - + Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
 - + Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
 - + Đối chiếu với hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của

từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của Trường;

+ Viết dự thảo báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục của Trường, gửi các đơn vị để lấy ý kiến;

+ Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng của Trường.

- Công bố công khai kết quả tự kiểm định trong nội bộ Nhà trường và nộp báo cáo về Tổng cục Dạy nghề.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt chuẩn chất lượng
	Tổng điểm	100	90
1.	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
1.1.	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
1.2.	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
1.3.	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
1.4.	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
1.5.	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
1.6.	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.7.	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.8.	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.9.	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.10.	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.11.	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.12.	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	<i>17</i>	<i>17</i>
2.1.	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.2.	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
2.3.	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
2.4.	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	1
2.5.	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng môn, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
2.6.	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
2.7.	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
2.8.	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
2.9.	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
2.10.	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
2.11.	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
2.12.	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.13.	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.14.	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.15.	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.16.	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.17.	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	12
3.1.	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.2.	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.3.	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu	<i>1</i>	<i>0</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	có.		
3.4.	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	0
3.5.	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
3.6.	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
3.7.	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
3.8.	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
3.9.	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	0
3.10.	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
3.11.	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
3.12.	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
3.13.	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.		
3.14.	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
3.15.	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4.	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	13
4.1.	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
4.2.	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
4.3.	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
4.4.	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	0
4.5.	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
4.6.	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
4.7.	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	với chương trình đào tạo đã ban hành.		
4.8.	Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	0
4.9.	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
4.10.	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
4.11.	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
4.12.	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
4.13.	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
4.14.	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
4.15.	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5.	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	14
5.1.	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn;	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
5.2.	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.3.	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.4.	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.5.	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.6.	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.7.	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.8.	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan	<i>1</i>	<i>1</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.		
5.9.	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.10.	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.11.	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.12.	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	<i>1</i>	<i>0</i>
5.13.	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.14.	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.15.	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy	<i>1</i>	<i>1</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
6.	Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	4
6.1.	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
6.2.	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
6.3.	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	0
6.4.	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
6.5.	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7.	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6	5
7.1.	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
7.2.	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
7.3.	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	động của trường.		
7.4.	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
7.5.	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	0
7.6.	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8.	Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học	9	9
8.1.	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
8.2.	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
8.3.	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
8.4.	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
8.5.	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
8.6.	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.		
8.7.	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
8.8.	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
8.9.	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9.	Tiêu chí 9 – Giám sát, đánh giá chất lượng	6	4
9.1.	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
9.2.	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
9.3.	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
9.4.	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	0
9.5.	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	0
9.6.	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	nghe đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.		

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Sứ mạng của Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh được xác định với sự đồng thuận của tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và sinh viên, học sinh. được công bố công khai, có nội dung rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường. Sứ mạng chỉ ra được thế mạnh và hướng phát triển nhà trường trong tương lai. Các mục tiêu của Trường được xác định cụ thể theo từng giai đoạn, rõ ràng, phù hợp với Luật Giáo dục Nghề nghiệp và chiến lược phát triển của trường. Mục tiêu được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và triển khai thực hiện. Cơ cấu tổ chức của Trường đã được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế, được thể chế hoá bằng các quy chế hoạt động rõ ràng nên phát huy được mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ mục tiêu chung. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trong Trường được quy định cụ thể, rõ ràng trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, tạo điều kiện cho các đơn vị hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được giao. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đủ về số lượng, tương đối đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, có tâm huyết, làm việc có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý trong nhà trường. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đã đáp ứng các tiêu chuẩn, có trách nhiệm, có tâm huyết với ngành học, với Trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo quy định và đã có thành tích đáng kể trong việc đào tạo nghề kỹ thuật, triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Công tác đảm bảo chất lượng nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Trường. Cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng có năng lực, nhiệt tình và có trách nhiệm cao đối với công việc được giao. Đảng bộ Trường đã phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện của mình. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên của Trường đạt được những thành tích tốt trong các hoạt động phong trào và được cấp trên đánh giá cao.

Điểm hạn chế hiện nay của Trường là tuyên bố về sứ mạng của Trường chưa được phổ biến rộng rãi đến các nhà tuyển dụng, các tổng công ty, các doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng và bên ngoài xã hội. Quá trình triển khai thực hiện mục tiêu còn chậm. Trường chưa tổ chức lấy ý kiến cựu sinh viên học sinh, nhà tuyển dụng trong quá trình bổ sung, điều chỉnh mục tiêu. Cơ sở vật chất của Trường còn nhiều hạn chế; Phương thức và nội dung hoạt động của tổ chức Đảng và các đoàn thể trong Trường còn chưa phong phú.

Từ năm học 2014-2015, Trường đã thông báo rộng rãi mục tiêu, sứ mạng của Trường ra bên ngoài, tăng cường giới thiệu về mục tiêu, sứ mạng của Trường trên các tài liệu quảng bá chính thức, đồng thời thường xuyên tổ chức lấy ý kiến cán bộ, viên chức và sinh viên về phương hướng phát triển của Trường, về các mục tiêu, giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu, sứ mạng. Hàng năm, sẽ thực hiện việc khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan và địa phương nhằm bổ sung và hoàn chỉnh mục tiêu, sứ mạng của Trường. Bên cạnh đó, tuyên bố sứ mạng, mục tiêu của Trường sẽ được đưa vào các bảng đặt tại các vị trí trang trọng của các hội trường, thư viện, ký túc xá và các cơ sở trực thuộc.

Năm học 2016-2017, Trường thành lập một bộ phận chuyên biệt về truyền thông và xúc tiến doanh nghiệp. Qua bộ phận này, việc thu thập thông tin, tài liệu về nhu cầu nhân lực được thực hiện thường xuyên, liên tục. Bộ phận này, nay đã đi vào hoạt động ổn định. Chất lượng thu thập, phân tích thông tin, tài liệu về nhu cầu nhân lực đã có chuyển biến tích cực.

Phát huy thành tích đạt được trong xây dựng, bàn hành quy chế quy định trong năm vừa qua. Thời gian tới, Trường tiến hành hệ thống hóa các quy chế, quy định. Sắp xếp quy chế, quy định theo lĩnh vực hoạt động. Điều chỉnh phạm vi của các quy chế, quy định theo nhóm như: Tổ chức; hoạt động đào tạo; hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế; tài chính, tài sản; thanh tra kiểm tra.

Cử cán bộ, viên chức tham gia lớp học nghiệp vụ quản lý nhà nước.

Công tác rà soát quy chế, quy định của Trường và việc cập nhật văn bản pháp luật mới tiếp tục thực hiện như hiện nay. Khắc phục một số hạn chế về kỹ thuật soạn thảo văn bản, nhất là quy định về phạm vi điều chỉnh của quy chế, quy định.

Tiếp tục phân cấp, phân quyền về chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị trong Trường ngày càng sâu, càng rộng. Nhằm hạn chế sự bị động trong tổ chức triển khai, thực hiện chức năng của từng đơn vị và phát huy tính năng động của từng đơn vị, từng cá nhân.

Tiếp tục quản lý, điều hành, phân công công việc cho các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ của các hội đồng, các đơn vị. Đồng thời, tiếp tục rà soát để hoàn thiện cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của các hội đồng, các đơn vị.

Trong năm tới, khi xây dựng báo cáo tổng kết năm học, ngoài việc tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phải được so sánh với tiêu chí đăng ký đảm bảo chất lượng.

Trường tiếp tục thực hiện công tác đảm bảo chất lượng như hiện nay. Đồng thời nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, viên chức chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được về chính sách ưu đãi, bình đẳng giới trong thời gian qua, Trường tiếp tục rà soát những định mức quy định hiện hành để chỉnh sửa, bổ sung cho những ưu đãi, bình đẳng giới được thực hiện tốt nhất ở trong Trường.

Tiêu chuẩn 1.1: *Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.*

Mô tả:

Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh có mục tiêu, sứ mạng rõ ràng. Mục tiêu, sứ mạng được nêu cụ thể trong các văn bản chính thức của trường như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường (MC 1.1.1); Nghị quyết đại hội Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015-2020 (MC 1.1.2); Đề án phát triển Trường giai đoạn 2015-2020 (MC 1.1.3). Mục tiêu và sứ mạng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng khu vực phía Nam giai đoạn 2011-2020 (MC 1.1.4). Mục tiêu và sứ mạng của Nhà trường đã được đăng nhiều lần trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên website của Nhà trường (MC 1.1.5).

Phân tích:

Nội dung của tuyên bố mục tiêu, sứ mạng phù hợp với chức năng nhiệm vụ cũng như nguồn lực của Trường. Mục tiêu, sứ mạng thể hiện Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đang phấn đấu trở thành một trong những trường cao đẳng đào tạo nghề chất lượng cao. Trường có những cơ sở để đưa ra tuyên bố mục tiêu, sứ mạng của mình bởi: Trường là cơ sở đào tạo công lập trực thuộc Bộ Xây dựng có bề dày 41 năm (thành lập năm 1976) đào tạo nguồn nhân lực ngành xây dựng cho khu vực phía nam. Trường có thế mạnh trong lĩnh vực đào tạo chuyên sâu về kỹ năng thực hành, được đánh giá là một trong những địa chỉ đáng tin cậy về đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực ngành xây dựng. Mục tiêu, sứ mạng của trường phù hợp với chiến lược phát triển ngành, phù hợp với đề án quy hoạch mạng lưới các trường đào tạo nghề chất lượng cao.

Mục tiêu, sứ mạng của Trường phù hợp và gắn kết với các chiến lược của địa phương. Điểm mạnh trong tuyên bố sứ mạng của Trường là xác định được vai trò của mình trong đào tạo nguồn nhân lực ngành xây dựng có chất lượng cung cấp cho ngành và xã hội; đồng thời chuyển giao những kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Trường xem trọng và luôn ý thức trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo. Qua đánh giá của các tổng công ty, các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương, Trường đã khẳng định được uy tín thương hiệu của mình.

Việc xác định mục tiêu là cơ sở để hoạch định chính sách phát triển Trường từng giai đoạn. Hay nói cách khác, mục tiêu là định hướng mà mỗi giai đoạn Trường phải nỗ lực phấn đấu, thực hiện.

Việc xác định sứ mạng là nhằm xác định rõ vị trí, vai trò của Trường đối với xã hội. Cụ thể, Trường có nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp về quản lý và kỹ thuật xây dựng từ trình độ cao đẳng trở xuống.

Nhận định:

Xác định mục tiêu, sứ mạng của Trường là rất cần thiết, mục tiêu và sứ mạng giúp Trường chủ động huy động các nguồn lực cho từng giai đoạn để phát triển Trường. Đảm bảo vừa ổn định và vừa phát triển phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: *Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.*

Mô tả:

Năm học 2015-2016, Trường tổ chức thu thập thông tin, tài liệu về nhu cầu nhân lực trình độ quản lý và kỹ thuật xây dựng để phân tích, đánh giá xây dựng đề án phát triển trường (MC 1.2.1; MC 1.2.2). Các ngành nghề đào tạo của Trường đã được Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận hoạt động nghề nghiệp (MC 1.2.4; MC 1.2.5; MC 1.2.6). Ngành nghề và quy mô đào tạo hiện nay của Trường phù hợp với kết quả phân tích, đánh giá nguồn nhân lực (MC 1.2.3).

Phân tích:

Trường coi trọng công tác thu thập thông tin, tài liệu về nhu cầu nhân lực trình độ quản lý và kỹ thuật xây dựng. Thông qua thông tin, tài liệu thu thập được và qua công tác phân tích, đánh giá, Trường hoạch định chính sách để huy động và tập trung các nguồn lực của Trường và ngoài Trường để thực hiện. Đảm bảo sử dụng nguồn lực hiệu quả, sản phẩm đào tạo đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Nhận định:

Công tác thu thập, phân tích thông tin, tài liệu về nhu cầu nhân lực của Trường trong những năm qua đã được tổ chức, triển khai thực hiện. Tuy nhiên, công tác này còn một số hạn chế nhất định, như: Hàng năm, Trường chưa đưa ra dự báo số lượng người học trên địa bàn đăng ký các ngành học mà Trường đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: *Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.*

Mô tả:

Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ với tên gọi là Trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 (MC 1.3.1). Đến năm 2017, Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh (MC 1.3.2). Hiện nay, Trường xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động dựa trên căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và dựa trên quy chế hiện hành của Trường (MC 1.3.3). Các đơn vị thành lập trong Trường dựa trên cơ sở đề án và quy chế tổ chức hoạt động. Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập các đơn vị thuộc Trường (từ MC 1.3.4 đến MC 1.3.20). Ngoài ra, để công tác quản lý điều hành đạt hiệu quả, Trường ban hành các quy chế, quy định như quy chế dân chủ cơ sở, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế hoạt động của các đơn vị phục vụ đào tạo, quy định tuyển dụng, sử dụng viên chức, quy định hoạt động thanh tra, quy định hoạt động bảo đảm chất lượng... (MC 1.3.21). Nội quy, quy chế, quy định được căn cứ trên cơ sở pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần.

Phân tích:

Quyết định thành lập Trường là cơ sở pháp lý quan trọng bậc nhất, khai sinh ra Trường, là cơ sở để xác định vị trí của Trường đối với xã hội. Đồng thời, xác định rõ ràng quyền sở hữu thuộc Nhà nước. Hay nói cách khác đây là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

Trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của mình được dựa trên cơ sở pháp luật, đặc biệt Nghị định 16/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH quy định về điều lệ trường cao đẳng. Nội dung của quy chế quy định rõ ràng.

Công tác xây dựng thể chế (quy chế, quy định) của Trường là hết sức cần thiết. Bởi vì, quy chế, quy định đưa ra nguyên tắc hoạt động cho tập thể và các nhân trong đơn vị. Quy chế, quy định thống nhất ý trí hành động và rạch ròi các công việc cụ thể phải làm ở từng giai đoạn đối với mỗi đơn vị, cá nhân. Quy định càng chi tiết, càng cụ thể và đồng bộ thì triển khai, thực hiện công việc thuận lợi, nhanh chóng, kịp thời, giảm tiêu cực, giảm phiền hà, đạt hiệu quả cao.

Nhận định:

Trường đã ban hành đầy đủ các quy chế, quy định về các lĩnh vực hoạt động của mình, giúp cho hoạt động đi vào nề nếp, ổn định, phát huy được điểm mạnh của tập thể và cá nhân, chủ động, sáng tạo trong hoạt động. Tuy nhiên, một số quy định cụ thể của một số quy chế có chất lượng soạn thảo chưa cao, chưa kịp thời đáp ứng đòi hỏi của thực tế. Nguyên nhân khách quan là do trong thời gian vừa qua, chế độ chính của Nhà nước về lĩnh vực hoạt động của Trường có sự thay đổi, điều chỉnh. Mặt khác, Trường là đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng việc thay đổi một số quy định thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ phải mất khoảng thời gian nhất định để được phê duyệt, chấp thuận. Nguyên

nhân chủ quan là do một số cán bộ, viên chức chưa được đào tạo nghiệp vụ về hành chính và hạn chế kiến thức về pháp luật.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: *Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả:

Công tác rà soát văn bản được thực hiện trên cơ sở kết luận tại cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt của Trường (MC 1.4.1; MC 1.4.6) hoặc trong những thời điểm cụ thể (MC 1.4.2). Kết quả rà soát văn bản được thông báo tại báo cáo hội nghị công chức, viên chức hàng năm (MC 1.4.3; MC 1.4.4; MC 1.4.5; MC 1.4.8). Căn cứ kết quả rà soát, Trường ban hành các văn bản điều chỉnh những quy định không còn phù hợp (nếu có) đồng thời bổ sung quy định mới mà trước đây chưa quy định (MC 1.4.7).

Phân tích:

Hàng năm, Trường tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả việc thực hiện và tính phù hợp pháp luật của từng quy chế, quy định của Nhà trường. Qua công tác rà soát phát hiện được những quy định không phù hợp hoặc thiếu so với quy định hiện hành của pháp luật. Việc rà soát quy chế, quy định là cơ sở để đánh giá hiệu quả công tác quản lý, điều hành. Đồng thời là một trong những cách thức chỉ ra nguyên nhân gây cản trở, khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và giải pháp khắc phục. Vì vậy, các quy chế, quy định được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hàng năm. Đặc biệt quy chế chi tiêu nội bộ mỗi năm sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung một lần.

Nhận định:

Trường chủ động rà soát quy chế, quy định của mình một cách thường xuyên, liên tục, song hành cùng với việc cập nhật văn bản pháp luật mới, giúp công tác quản lý, điều hành hạn chế rủi ro, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

Tuy nhiên, kỹ thuật soạn thảo văn bản còn hạn chế, chẳng hạn như phạm vi điều chỉnh của một lĩnh vực, một đối tượng được điều chỉnh ở các quy chế khác nhau. Ví dụ: Lĩnh vực về thời gian lao động được quy định tại hai quy chế làm việc (Quy chế làm việc của Trường, quy chế làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp). Một số quy chế, quy định không quy định chính sách khen thưởng và chế tài xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện quy chế, quy định được áp dụng vào quy chế, quy định nào của Trường hoặc quy định nào của pháp luật.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: *Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.*

Mô tả:

Hiệu trưởng ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, của các đơn vị hỗ trợ phục vụ, đào tạo và quy định chức năng, nhiệm vụ của phòng chức năng để quy định chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị trong Trường (MC 1.5.1). Hằng năm, Trường có báo cáo tổng kết năm học trong hội nghị công chức, viên chức (MC 1.5.2).

Phân tích:

Xuất phát từ vị trí, vai trò, sứ mạng, mục tiêu, nhiệm vụ và quyền tự chủ của Trường. Hiệu trưởng tổ chức triển khai xây dựng các đề án để thành lập các đơn vị thuộc Trường. Nội dung của đề án xác định vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn ... Nhằm đảm bảo các đơn vị được phân công, phân cấp rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ. Để các đơn vị chủ động thực hiện, tránh chồng chéo, đùn đẩy khi thực hiện nhiệm vụ. giúp cho Trường thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ.

Hàng năm, Trường tổ chức tổng kết kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường qua báo cáo tổng kết năm được trình bày tại hội nghị công chức, viên chức. Qua tổng kết, đánh giá được ưu điểm và những hạn chế trong phân công, phân cấp về chức năng, nhiệm vụ của Trường đối với từng đơn vị thuộc Trường.

Nhận định:

Việc phân cấp, phân quyền về chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị trong Trường giúp công tác quản lý, điều hành thuận tiện trong công tác điều hành, là cơ sở để xác định nhu cầu nguồn lực cần thiết của mỗi đơn vị thuộc Trường. Đối với từng đơn vị thuộc Trường chủ động phân công nguồn lực, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ mình, làm cho nhiệm vụ chung của Trường, cũng như nhiệm vụ riêng của từng đơn vị tiết kiệm nguồn lực, đạt hiệu quả.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.6: *Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.*

Mô tả:

Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành lập các Hội đồng về khoa học và đào tạo, tuyển sinh, xét tốt nghiệp, thi tuyển viên chức, khen thưởng, kỷ luật... (từ MC 1.6.1 đến MC 1.6.32). Trường ban hành văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường (MC 1.6.33). Hằng năm, Trường có báo cáo tổng kết năm học trong hội nghị công chức, viên chức (MC 1.6.34).

Phân tích:

Trường thành lập các Hội đồng để tư vấn cho Hiệu trưởng những công việc về chuyên môn kỹ thuật và những công việc theo quy định của pháp luật phải có quyết nghị tập thể. Các Hội đồng tư vấn, các đơn vị thuộc Trường, ngoài việc phải thực hiện công việc đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, còn phải thực hiện đúng cách thức, phạm vi làm việc được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động và quy chế làm việc của Trường. Nhằm tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm từ tập thể, cá nhân này sang tập thể, cá nhân khác. Đồng thời qua quá trình quản lý, điều hành phát hiện tập thể mạnh hoặc yếu, cá nhân có năng lực, tích cực hoặc yếu năng lực, thiếu trách nhiệm. Làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, công tác quản lý, điều hành các nguồn lực của Trường, nhất là công tác quy hoạch, bồi dưỡng, đề bạt bổ nhiệm cán bộ...

Nhận định:

Các Hội đồng, các đơn vị thuộc Trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ. Đảm bảo cho việc nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi tập thể, mỗi cá nhân khi thực hiện công việc. Các Hội đồng giúp Trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, giúp cho công tác quản lý, điều hành phân công công việc đúng đơn vị, đúng người, đúng việc, đảm bảo tính chuyên môn, chuyên sâu của từng đơn vị, của từng vị trí việc làm được phát huy, là cơ sở đánh giá được thành tích của từng tập thể, cá nhân.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.7: *Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.*

Mô tả:

Năm 2014, Nhà trường thành lập phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng (MC 1.7.1). Theo đó, bộ phận thanh tra chuyên trách thực hiện công tác giám sát các hoạt động đào tạo nói chung của Nhà trường bao gồm việc thực hiện các quy định về tuyển sinh, kế hoạch đào tạo, thi cử, chế độ chính sách dành cho người học, cấp phát văn bằng chứng chỉ, xét học vụ... Kết hợp với bộ phận thanh tra là ban thanh tra nhân dân thực hiện giám sát việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động trong Nhà trường. Bộ phận Đảm bảo Chất lượng tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường thực hiện các công tác tăng cường chất lượng đào tạo. Đây là một bộ phận cấu thành nên hệ thống đảm bảo chất lượng trong Nhà trường (MC 1.7.2). Hằng năm, bộ phận Đảm bảo Chất lượng có trách nhiệm triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng trong Nhà trường (MC 1.7.3).

Phân tích:

Hàng năm, Trường giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Trường xây dựng báo cáo tổng kết năm. Trong đó, Phòng Tổ chức – Hành chính là đơn vị chủ trì, các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm, ban là đơn vị phối hợp. Báo cáo tổng kết năm được công bố công khai trong hội nghị công chức, viên chức (MC 1.7.4).

Qua công tác tổng kết, Trường xác định được những việc đã làm được, những việc chưa làm việc, nguyên nhân khách quan, chủ quan. Đồng thời, rút ra bài học kinh nghiệm để giúp công tác quản lý, điều hành được hiệu quả hơn.

Nhận định:

Hàng năm, Trường có báo tổng kết năm học được trình bày tại hội nghị công chức, viên chức nội dung báo cáo đề cập số liệu của các lĩnh vực như: Tổ chức, đào tạo, nghiên cứu khoa học, quan hệ quốc tế, tài chính, tài sản và công tác thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, trong báo cáo báo tổng kết số liệu đã được đưa ra chưa đánh giá, so sánh với các tiêu chí đăng ký đảm bảo chất lượng của Trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.8: *Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

Mô tả:

Năm 2014, Nhà trường thành lập phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng (MC 1.8.1). Nhiệm vụ của bộ phận Đảm bảo Chất lượng được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường và quy định về nhiệm vụ của các phòng chức năng (MC 1.8.2). Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác đảm bảo chất lượng trong đó nêu rõ nhiệm vụ của bộ phận Đảm bảo Chất lượng là thực hiện các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Bộ phận Đảm bảo Chất lượng có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng đầu năm và cuối năm báo cáo tình hình thực hiện đảm bảo chất lượng cho Ban Giám hiệu (MC 1.8.3).

Phân tích:

Công tác đảm bảo chất lượng được Trường coi trọng và là cơ sở để đánh giá chất lượng đào tạo. Vì vậy, Trường thành lập bộ phận này và bố trí cán bộ, trang thiết bị giúp Hiệu trưởng quản lý đảm bảo chất lượng đào tạo. Thông qua hoạt động của bộ phận Đảm bảo Chất lượng, Nhà trường có thể phát hiện những thiếu sót hạn chế trong quá trình vận hành Nhà trường. Từ đó Nhà trường sẽ có những biện pháp giải quyết kịp thời để đảm bảo chất lượng đào tạo.

Nhận định:

Việc có bộ phận chuyên biệt quản lý đảm bảo chất lượng giúp cho công tác quản lý, điều hành có thông tin đầy đủ, kịp thời về chất lượng đào tạo. Là cơ sở để Trường hoạch định chính sách đào tạo. Các năm qua, bộ phận Đảm bảo Chất lượng hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao góp phần giữ gìn sự ổn định trong đào tạo. Định hướng các năm tới, bộ phận này phải tăng cường hoạt động để định hướng đưa Nhà trường phát triển thành trường Cao đẳng chất lượng cao.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.9: *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.*

Mô tả:

Là một trường công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, Đảng bộ Nhà trường là tổ chức lãnh đạo, định hướng phát triển Nhà trường. Đảng bộ Trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh có 7 chi bộ với 86 đảng viên. Tổ chức Đảng có quy chế tổ chức hoạt động và có cơ cấu tổ chức đúng theo điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (MC 1.9.1; MC 1.9.2). Hoạt động lãnh đạo, định hướng của Đảng bộ Nhà trường thực hiện thường xuyên liên tục song hành với các hoạt động chính quyền đoàn thể và có báo cáo định kỳ (MC 1.9.3; MC 1.9.4).

Phân tích:

Trong các năm qua, Tổ chức Đảng đã lãnh đạo Nhà trường thực hiện được nhiều mục tiêu quan trọng như: phát huy sức mạnh tập thể, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong toàn đảng bộ; đẩy mạnh thực hiện “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*”; tăng cường quản lý giáo dục đảng viên, làm tốt phát triển đảng, bảo vệ chính trị nội bộ, nâng cao trình độ lý luận chính trị, quan tâm phát triển đội ngũ Nhà giáo, cán bộ viên chức trong Nhà trường; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, giảng dạy, mở rộng ngành nghề đào tạo, tăng cường nghiên cứu khoa học, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới trong xây dựng.

Nhận định:

Bằng các chương trình hành động đúng đắn của Đảng bộ, Nhà trường đã có những bước phát triển tích cực và gặt hái được một số thành công nhất định. Tập thể công chức, viên chức và người lao động đoàn kết quyết tâm đưa Nhà trường vượt qua những khó khăn, hướng đến mục tiêu trường cao đẳng chất lượng cao. Bản thân Đảng bộ Nhà trường cũng được công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.10: *Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả:

Sau mỗi lần Đại hội nhiệm kỳ mới Đoàn hội Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM nhận được quyết định chuẩn y từ Đoàn hội cấp trên (MC 1.10.1; MC 1.10.2; MC 1.10.3; MC 1.10.4). Từ đó Đoàn hội Nhà trường xây dựng quy chế hoạt động và cơ cấu tổ chức theo đúng điều lệ và pháp luật (MC 1.10.5; MC 1.10.6; MC 1.10.7; MC 1.10.8). Để các phong trào Đoàn Hội được diễn ra liên tục, đảm bảo chất lượng, Ban

Chấp hành Đoàn hội Nhà trường lập kế hoạch hoạt động cho một năm học, đồng thời xây dựng phương hướng nhiệm vụ cho cả một nhiệm kỳ, xác lập các mục tiêu, tiêu chí đạt được trong nhiệm kỳ đó (*MC 1.10.9; MC 1.10.10*). Tổ chức Đoàn hội Nhà trường giữ vai trò nòng cốt trong các phong trào thi đua học tập và rèn luyện của sinh viên toàn trường và thu hút đông đảo đoàn viên, sinh viên tham gia (*từ MC 1.10.11 đến MC 1.10.40*). Trong các năm qua, Đoàn hội đã nhận được nhiều danh hiệu cao quý như: Trung ương Đoàn – Trung ương Hội tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Thành đoàn TP.HCM, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Trà Vinh, Tỉnh đoàn Trà Vinh tặng bằng khen và nhiều giấy khen các cấp. Như vậy Đoàn hội Nhà trường đã góp phần thực hiện mục tiêu, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Phân tích:

Đoàn hội Nhà trường dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Nhà trường, chịu sự quản lý trực tiếp của Đoàn khối cơ sở Bộ Xây dựng, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Thành phố, Hội cựu chiến binh Quận, Liên đoàn lao động Việt Nam đã tham gia hoạt động tốt và đóng góp nhiều kết quả trong công tác xây dựng Đoàn, trong công tác đào tạo của Nhà trường.

Về tư tưởng, quan điểm lập trường của đoàn viên nhìn chung ổn định, hầu hết tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong công cuộc đổi mới. Đội ngũ Ban chấp hành trẻ trung, năng động có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tổ chức kỷ luật, làm việc có kế hoạch, chủ động trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên các hoạt động Đoàn hội vẫn còn một số hạn chế như các mô hình, hình thức lẫn nội dung hoạt động chưa phong phú đa dạng, chưa thu hút mọi đối tượng đoàn viên thanh niên, giáo viên, sinh viên tham gia, sự phối hợp hoạt động giữa các đoàn thể, các Chi đoàn – hội có lúc chưa nhịp nhàng.

Nhận định:

Các tổ chức Đoàn hội bám sát sự chỉ đạo của Đảng ủy- Ban Giám Hiệu trong quá trình chỉ đạo, đặc biệt là công tác tổ chức, Thường xuyên phối hợp với nhau trong các mặt hoạt động. Ban Chấp hành Đoàn hội thường xuyên đưa ra nội dung, kế hoạch hoạt động và có giải pháp cụ thể, kiên quyết xử lý những sai phạm, nỗ lực khắc phục mọi khó khăn, đạt được sự thống nhất cao giữa Ban Chấp hành và cấp ủy Đảng để cùng thực hiện và kiểm tra. Hoạt động của Đoàn hội thật sự là một nỗ lực rất lớn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.11: *Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.*

Mô tả:

Để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, năm 2012, Nhà trường đã thành lập Phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng. Năm 2014, Trường đã ban hành “Quy định Tổ chức và hoạt động Thanh tra” (*MC 1.11.1*). Trong đó, nội dung hoạt động chính của Thanh tra là thanh tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục; quy chế chuyên môn, quy chế thi cử, cấp phát văn bằng, chứng chỉ; việc thực hiện các quy định về giáo trình, bài giảng; hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế; việc thực hiện các quy định về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có Ban Thanh tra Nhân dân (*MC 1.11.2*), được phê chuẩn bởi tổ chức Công đoàn Trường, phối hợp với Bộ phận Thanh tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ hằng năm của các đơn vị trong Trường, việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tiếp nhận và xử lý các trường hợp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Phân tích:

Hằng năm Bộ phận Thanh tra xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên các hoạt động đào tạo bao gồm công tác lập kế hoạch đào tạo, việc thực hiện kế hoạch đào tạo của giảng viên, giáo viên trong Nhà trường, công tác tổ chức thi kết thúc môn học, công tác tổ chức thi và xét tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa, chế độ chính sách cho sinh viên học sinh, công tác cấp bằng tốt nghiệp, hoạt động nghiên cứu khoa học ở các cấp (*MC 1.11.3*). Riêng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo của giảng viên, giáo viên đã được cụ thể hóa trong Quy định tổ chức và hoạt động thanh tra, được lấy ý kiến dự thảo và trình Ban Giám hiệu Nhà trường phê duyệt ban hành. Kết thúc năm học, Bộ phận Thanh tra thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra các nội dung giám sát trước Ban Giám hiệu để nắm bắt tình hình thực hiện công tác đào tạo trong năm, qua đó phát hiện những bất cập nếu có làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và có biện pháp giải quyết kịp thời (*MC 1.11.4*). Riêng đối với công tác kiểm tra kế hoạch thực hiện đào tạo của giảng viên, giáo viên thì được báo cáo hằng tháng về các đơn vị đào tạo, phòng Tổ chức Hành chính và Ban Giám hiệu để kịp thời đôn đốc nhắc nhở giảng viên, giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và nghiêm túc xử lý các trường hợp vi phạm quy định giảng dạy nhằm đảm bảo chất lượng trong đào tạo. Ngoài ra Ban Thanh tra Nhân dân, căn cứ theo quy định của Luật Thanh tra, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và thực hiện báo cáo kết quả cuối năm trước Hội nghị cán bộ công chức viên chức (*MC 1.11.5*), góp phần đảm bảo sự phát triển ổn định của Nhà trường, giúp cán bộ giảng viên, giáo viên yên tâm công tác.

Nhận định:

Hoạt động kiểm tra thường xuyên của Bộ phận Thanh tra là yếu tố quan trọng giúp cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường. Qua nhiều năm thực

hiện duy trì kiểm tra giám sát, Nhà trường đã thay đổi, điều chỉnh ở một số hoạt động đào tạo nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, tăng cường chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu người học, điển hình như việc chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo tín chỉ, cải tiến hoạt động thi kết thúc môn học, đào tạo liên thông ở các trình độ... Nhà trường sẽ tiếp tục duy trì đều đặn hoạt động này như là một công cụ tin cậy để đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.12: *Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.*

Mô tả:

Đối với người học, trong những năm qua nhà trường luôn cập nhật các văn bản về chế độ chính sách cho người học, các văn bản chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước liên quan đến người học và gửi thông báo đến người học (MC 1.12.1). Trong tuần sinh hoạt đầu khóa, sinh viên học sinh được phổ biến đầy đủ các quy định, chính sách ưu đãi. Được hướng dẫn đầy đủ các thủ tục, điều kiện để thực hiện chế độ xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng theo quy định của nhà nước (MC 1.12.2; MC 1.12.3).

Trường đã ban hành các quy chế, quy định: Quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế dân chủ cơ sở, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về tuyển dụng và sử dụng viên chức để thực hiện chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước (MC 1.12.4), trong đó có chính sách bình đẳng giới như thời gian làm việc, thu nhập tăng thêm, các loại phụ cấp... Áp dụng quy định đã ban hành Nhà trường thực hiện chi chế độ chính sách cho người học và người lao động trong Nhà trường (MC 1.12.5). Bên cạnh đó Nhà trường vẫn thực hiện chương trình bình đẳng giới với các hoạt động chăm lo quyền lợi của phụ nữ (MC 1.12.6; MC 1.12.7). Các hoạt động nói trên luôn được báo cáo trong các hội nghị công đoàn (MC 1.12.8).

Phân tích:

Ban giám hiệu và các cán bộ phòng ban chức năng của Nhà trường luôn có ý thức cao trong việc đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách cho người học, xét duyệt đúng quy định, đúng đối tượng, thông báo công khai. Vào mỗi đầu học kì Nhà trường sẽ tiến hành thông báo rộng rãi đến sinh viên học sinh các chế độ chính sách đang được áp dụng, hướng dẫn sinh viên học sinh làm thủ tục, hồ sơ và tiến hành xét duyệt hồ sơ theo đúng thời hạn đã quy định.

Trong quy chế làm việc quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù về thời gian lao động đối với nhà giáo nói chung và nhà giáo nữ sau khi sinh sản như: Thời gian làm việc của nhà giáo được quản lý theo định mức giờ chuẩn, không quản lý thời gian làm việc

theo thời gian hành chính, nhà giáo nữ có con nhỏ dưới 12 tháng được giảm thời gian làm việc... Trong quy chế làm việc và quy chế chi tiêu nội bộ quy định: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động nói chung và nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động là nữ nói riêng được Trường khuyến khích tham gia các khóa học, chương trình đào năng cao nghiệp vụ chuyên môn như: Được miễn thời gian làm việc trong thời gian tham gia học tập, được hỗ trợ kinh phí, học phí học tập.

Nhận định:

Đến nay, việc triển khai và thực hiện chế độ chính sách cho người học được Nhà trường thực hiện đầy đủ và rõ ràng, công khai. Việc thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định giúp cho người học thuộc diện được miễn giảm giảm bớt được chi phí học tập cho gia đình để người học thuộc diện chính sách yên tâm học tập hoàn thành chương trình đào tạo tại trường một cách tốt nhất. Nhà trường định hướng trong tương lai sẽ đẩy mạnh các kênh thông tin của trường phát triển hơn nữa để người học được tiếp cận, cập nhật các chế độ chính sách một cách nhanh chóng.

Trường đã ban hành và tổ chức thực hiện các quy chế, quy định để thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và chính sách bình đẳng giới đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động nói chung và nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động nữ nói riêng. Các chính sách này đi vào cuộc sống, nó là cách thức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Các chính sách này, vừa là động lực làm việc, vừa ổn định tâm lý của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Kết quả thực hiện các chính sách này được lãnh đạo Trường báo cáo thường xuyên tại các cuộc họp giao ban của Trường và báo cáo tổng kết năm tại hội nghị công chức, viên chức.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.2. TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Hoạt động đào tạo được thực hiện trên cơ sở mục tiêu, sứ mạng của nhà Trường; Các hoạt động này đều bám sát mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt nhằm trang bị cho người học có đầy đủ kiến thức về chuyên môn, kỹ năng rèn nghề và thái độ đúng đắn trong hoạt động nghề nghiệp khi ra trường. Hoạt động tuyển sinh được nhà trường triển khai trên cơ sở khảo sát nhu cầu người học, đáp ứng nhu cầu xã hội và doanh nghiệp sử dụng lao động. Các loại hình đào tạo và phương thức đào tạo được đa dạng hóa, hoạt động liên kết đào tạo được mở rộng góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực xây dựng và đáp ứng nhu cầu người học.

Trong quá trình tổ chức đào tạo, nhà trường đã triển khai thực hiện các phương thức đào tạo theo niên chế, theo tín chỉ, đáp ứng nhu cầu của người học; Bên cạnh việc truyền đạt kiến thức chuyên môn, nhà trường còn kết hợp chặt chẽ với việc rèn luyện kỹ

năng tay nghề, kỹ năng thực hành, thực tập, phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo và khả năng làm việc độc lập của người học.

Hoạt động thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập được cải tiến, từ năm 2015 nhà trường đã áp dụng tổ chức đào tạo tín chỉ và thực hiện việc đánh giá kết quả học tập từ cuối kỳ sang đánh giá theo quá trình học tập, tổ chức thi hết môn với hình thức sử dụng chung đề, chung đợt và chấm chung. Kết quả học tập được công khai trước lớp, cập nhật kịp thời trên phần mềm quản lý đào tạo và công bố trên cổng thông tin đào tạo của nhà trường.

Hoạt động đào tạo của nhà trường từ khâu tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá hoạt động đào tạo, lưu giữ và thông tin kết quả đào tạo đến người học của nhà trường được tổ chức một cách khoa học, đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. thông tin người học được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường. tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và cấp phát văn bằng cho người học đã được triển khai thực hiện. Hằng năm, nhà trường đều báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng thời hạn quy định.

Nhà trường thường xuyên quan tâm đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên học sinh. Nhà trường chủ động đa dạng hóa phương pháp và hình thức đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác và phù hợp với từng loại hình đào tạo.

Kết quả học tập của người học được nhà trường lưu giữ một cách đầy đủ, chính xác, an toàn. Thông tin được cung cấp cho người học một cách kịp thời; văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ được cấp theo đúng quy định và được công khai trên website của nhà trường.

Tuy nhiên, hoạt động tuyển sinh chưa được đẩy mạnh, thông tin tuyển sinh và hình ảnh nhà trường chưa được quảng bá rộng khắp; ngành nghề đào tạo chưa được mở rộng, kết quả tuyển sinh chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Việc xây dựng chương trình đào tạo còn nhiều lúng túng, quy trình thực hiện chưa khoa học, chưa đảm bảo sự tham gia đầy đủ các bên liên quan đến sản phẩm đào tạo tham gia vào quá trình xây dựng chương trình. Phương pháp giảng dạy chậm được đổi mới, kết quả học tập chưa đồng đều, tỷ lệ người học bỏ học và tỷ lệ người học chưa tốt nghiệp còn khá cao, chưa đáp ứng được chất lượng đào tạo.

Trong thời gian tới, Trường cần đẩy mạnh việc khảo sát nhu cầu người học để đa dạng hóa ngành nghề, tăng cường công tác tuyển sinh, mở rộng quy mô đào tạo. Tăng cường công tác xúc tiến doanh nghiệp, liên hệ chặt chẽ với cựu sinh viên học sinh, phối hợp tốt với các bên liên quan trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện quá trình đào tạo, không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường công tác quản lý, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tiêu chuẩn 2.1: *Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.*

Mô tả:

Tất cả các ngành, nghề đào tạo của trường (bao gồm 13 ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng và 05 ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp) đều được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (MC 2.1.1) và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung (MC 2.1.2). Trường cũng đã ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo cho các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp từ năm 2011 (MC 2.1.3; MC 2.1.4; MC 2.1.5) và năm 2015 (MC 2.1.7) và chuẩn đầu ra ngoại ngữ dành cho sinh viên trình độ cao đẳng hệ tín chỉ (MC 2.1.6). Văn bản quy định chuẩn đầu ra được nhà trường công khai trên trang thông tin điện tử của trường (MC 2.1.8).

Phân tích:

Thực hiện theo luật giáo dục nghề nghiệp nhà trường đã tiến hành lập hồ sơ đăng ký chuyển đổi ngành, nghề đào tạo của trường theo hướng dẫn của tổng cục dạy nghề và đã được Bộ Lao động Thương binh và xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Căn cứ giấy chứng nhận đã được cấp nhà trường tiến hành thông báo tuyển sinh và tổ chức quá trình đào tạo theo các ngành, nghề đã được cấp giấy.

Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đã được rà soát xây dựng trên cơ sở mục tiêu, chương trình đào tạo được các khoa chuyên ngành xây dựng và tham khảo các đơn vị doanh nghiệp sử dụng lao động để bám sát các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học sau khi tốt nghiệp.

Nhận định:

Việc lập hồ sơ đăng ký chuyển đổi hoạt động giáo dục nghề nghiệp được nhà trường thực hiện kịp thời, nghiêm túc. Hoạt động tuyển sinh cũng được tiến hành sau khi có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo đúng quy định của Bộ Lao động thương binh và Xã hội.

Việc ban hành chuẩn đầu ra đã được thực hiện đối với chương trình đào tạo khóa 2014 trở về trước, đối với chương trình đào tạo khóa 2015, 2016 nhà trường chỉ mới ban hành chuẩn đầu ra đối với ngoại ngữ.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: *Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.*

Mô tả:

Công tác tuyển sinh của trường được thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng như Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT, Thông tư số 27/2014/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/VBHN-BGDĐT, Thông tư số 05/2017/TT-BLĐT BXH. Ngoài ra hằng năm, nhà trường dựa vào quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Bộ Lao động Thương binh và Xã hội để xây dựng kế hoạch tuyển sinh (MC 2.2.1) và các quy chế tuyển sinh riêng của trường như (MC 2.2.2; MC 2.2.3). Công tác tuyển sinh theo đúng quy chế nhằm nâng cao chất lượng đầu vào, đáp ứng được các mục tiêu và yêu cầu của nhà trường.

Phân tích:

Công tác tuyển sinh của nhà trường những năm qua đảm bảo đúng quy chế. Thông tin tuyển sinh được cung cấp đầy đủ và rõ ràng trên các phương tiện thông tin đại chúng như website, báo chí và các trang mạng xã hội. Tuy nhiên, công tác tuyển truyền và quảng bá cho tuyển sinh mang tính chất thời vụ chưa được liên tục, một số phương tiện dùng cho tư vấn tuyển sinh chưa đầy đủ dẫn đến hiệu quả chưa cao.

Nhận định:

Công tác tuyển sinh đầu vào là một yếu tố tiên quyết quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Trường. Vì vậy, để đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyển sinh trong thời gian tới, cần phải thực hiện tốt một số giải pháp: Thiết lập thêm nhiều kênh thông tin hơn nữa để giúp học sinh tiếp cận được các thông tin tuyển sinh một cách nhanh chóng, kịp thời. Tập trung xây dựng các tài liệu cần thiết để tư vấn, hướng nghiệp và tuyển sinh đến các em học sinh lớp 12 trên toàn Quốc. Xây dựng đội ngũ tuyển sinh chuyên trách am hiểu tường tận về công tác đào tạo, các ngành đào tạo và những nội dung về chế độ chính sách của nhà trường để giải thích và giải quyết được tất cả những thắc mắc.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: *Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.*

Mô tả:

Hằng năm trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành và được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh, cụ thể: Chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh các năm (MC 2.3.1); kế hoạch tuyển sinh (MC 2.3.2; MC 2.3.3). Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2017 được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp kèm theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghề nghiệp.

Công tác tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. Cụ thể: Căn cứ thông báo chỉ tiêu tuyển sinh nhà trường thành lập hội đồng tuyển sinh (MC 2.3.6); Ra thông báo tuyển sinh (MC 2.3.4; MC 2.3.5);

Thực hiện công tác tuyển sinh (*từ MC 2.3.7 đến MC 2.3.22*) và quyết định công nhận danh sách trúng tuyển (*MC 2.3.23; MC 2.3.24; MC 2.3.25*) và Báo cáo kết quả tuyển sinh (*MC 2.3.26; MC 2.3.27*).

Phân tích:

Hằng năm nhà trường căn cứ trên năng lực đội ngũ giảng viên, diện tích sàn xây dựng và quy mô sinh viên hiện tại để xác định chỉ tiêu tuyển sinh và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo chỉ tiêu tuyển sinh nhà trường tiến hành các thủ tục cần thiết để triển khai công tác tuyển sinh.

Việc thực hiện công tác tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, công bằng và khách quan ở tất cả các khâu từ nhận hồ sơ đến thi tuyển/ xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển.

Nhận định:

Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy định của Thông tư 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp và Thông tư số 20/2012/TT-BGDĐT ngày 12/6/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT.

Tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy định, không vượt quá chỉ tiêu đã đăng ký, không xảy ra tình trạng khiếu kiện trong tuyển sinh. Kết quả tuyển sinh được công bố công khai trên website của trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: *Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.*

Mô tả:

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu học tập của người học, cụ thể:

- Phương thức đào tạo chính quy gồm: Phương thức đào tạo niên chế được thực hiện dành cho các sinh viên trình độ cao đẳng khóa 2014 trở về trước và học sinh trung cấp chuyên nghiệp. Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ được áp dụng cho sinh viên trình độ cao đẳng từ khóa 2015 trở về sau (*MC 2.4.10; MC 2.4.11; MC 2.4.12*).

- Phương thức đào tạo liên thông (*MC 2.4.1; MC 2.4.2; MC 2.4.3; MC 2.4.4*)

- Các phương thức đào tạo khác nhau đều có kế hoạch đào tạo (MC 2.4.5; MC 2.4.6; MC 2.4.7; MC 2.4.8; MC 2.4.9) và có kết quả công nhận tốt nghiệp (MC 2.4.13; MC 2.4.14; MC 2.4.15; MC 2.4.16).

Phân tích:

Việc đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo giúp người học có nhiều lựa chọn theo đúng năng lực và điều kiện của mình, trong đó:

- Phương thức đào tạo niên chế giúp sinh viên học sinh được học theo một thời khóa biểu cố định dành cho cả lớp theo đúng chuyên ngành đào tạo. Với phương thức này người học không phải đăng ký môn học mà học theo chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo mà nhà trường định sẵn nhưng phải dự thi tốt nghiệp mới được công nhận tốt nghiệp.

- Phương thức đào tạo tín chỉ giúp sinh viên chủ động hơn trong việc chọn chương trình và kế hoạch học tập. Với phương thức này người học được đăng ký khối lượng học tập và chọn lựa thời gian học theo đúng khả năng và điều kiện của cá nhân mình. Mặt khác, phương thức này người học có điều kiện để học vượt, học cải thiện hoặc học lại nhằm hoàn thành và tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết để được công nhận tốt nghiệp.

Nhận định:

Việc tổ chức thực hiện nhiều phương thức tổ chức đào tạo sẽ giúp người học có nhiều lựa chọn, đặc biệt đối với những người học có nhu cầu học lại, học vượt sẽ rất dễ dàng đăng ký học tập với các khóa sau hoặc đăng ký học với sinh viên ngành khác để hoàn thành chương trình học tập. Người học cũng có thể điều chỉnh tiến độ học tập để dành thời gian hoàn thành các học phần mà nhà trường ít mở hoặc đã bị hủy bỏ do thay đổi chương trình đào tạo. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện nhiều phương thức tổ chức đào tạo gây nhiều bất cập trong công tác sắp xếp thời khóa biểu và khó khăn trong công tác quản lý và xử lý kết quả học tập.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả:

Căn cứ vào chương trình khung của Bộ, trường đã xây dựng chương trình đào tạo cho từng nghề được Hiệu trưởng phê duyệt (MC 2.5.1), Phòng đào tạo xây dựng kế hoạch toàn khóa (MC 2.5.2), kết hợp với các khoa tổ bộ môn xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng ngành nghề, theo từng học kỳ, năm học; có kế hoạch đào tạo chi tiết đến

từng mô-đun, môn học, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở sản xuất của doanh nghiệp (MC 2.5.3). Kế hoạch đào tạo được thông báo cụ thể (MC 2.5.4).

Phân tích:

Kế hoạch đào tạo được xây dựng khoa học, tiến độ thực hiện trong năm học, công tác giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo đã được thực hiện thường xuyên và có sự tham gia của các khoa cùng các phòng chức năng trong quá trình đào tạo. Việc xây dựng kế hoạch đào tạo còn chưa linh động, đáp ứng sự phối hợp với các doanh nghiệp trong việc đưa người học thực tập thực hành tại các xí nghiệp, công ty.

Nhận định:

Cần phối hợp, mở rộng liên hệ với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài khu vực nhằm có được nhiều nguồn thực tập cho người học và kế hoạch đào tạo được linh hoạt và cụ thể đến từng giờ học thực hành ngoài trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: *Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.*

Mô tả:

Hàng năm nhà trường căn cứ vào kế hoạch toàn khóa của từng nghề đã được phê duyệt mà xây dựng thời khóa biểu với mục tiêu và nội dung cụ thể cho từng học kỳ, năm học và đã được hiệu trưởng phê duyệt (MC 2.6.1; MC 2.6.2).

Căn cứ vào kế hoạch cụ thể từng học kỳ, năm học, Ban giám hiệu chỉ đạo các Phòng, Khoa/Bộ môn liên quan thực hiện và giám sát các hoạt động dạy và học. Nhà giáo lên lớp có bài giảng, giáo án chi tiết (MC 2.6.3) đồng thời Nhà trường có bộ phận kiểm tra báo cáo hoạt động lên lớp của nhà giáo theo đúng kế hoạch đã được duyệt (MC 2.6.4).

Phân tích:

Các hoạt động dạy nghề được thực hiện theo nội dung chương trình đã được phê duyệt. Định kỳ hàng năm tổ chức dạy và dự giờ rút kinh nghiệm.

Riêng việc kiểm tra thời gian vào ra của các tiết học còn gặp nhiều khó khăn vì có nhiều hệ đào tạo trong trường với thời lượng tiết học khác nhau. Việc bố trí giáo viên dạy thay khi có trường hợp báo nghỉ đột xuất cũng chưa được triệt để dẫn đến phải dạy bù vào buổi khác.

Nhận định:

Sắp đến trường sẽ cố gắng đồng bộ thời lượng tiết học một cách tối đa để công tác kiểm tra giờ lên lớp được thuận lợi hơn.

Sắp xếp nhà giáo dạy được nhiều môn học môn đụn và một môn học môn đụn có nhiều nhà giáo tham gia giảng dạy nhằm linh hoạt và chủ động hơn trong việc bố trí dạy thay khi có báo nghỉ đột xuất, tránh ảnh hưởng việc thực hiện kế hoạch đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả:

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của các ngành đã được phê duyệt. Kế hoạch đào tạo được xây dựng theo đúng nội dung chương trình đào tạo, thời lượng lý thuyết, thực hành, thực tập được phân bổ chi tiết theo từng lớp, từng ngành học (MC 2.7.1; MC 2.7.2).

Hoạt động giảng dạy được thực hiện theo đúng đề cương chi tiết các học phần đã được phê duyệt. Nội dung của chương trình môn học được xây dựng kết hợp giữa trang bị kiến thức lý thuyết và rèn luyện kỹ năng thực hành trên lớp (MC 2.7.3; MC 2.7.4).

Hoạt động thực hành, thực tập được nhà trường chú trọng. Nhà trường đã kết hợp với các doanh nghiệp để gửi người học đi tham quan, thực tập, thường xuyên tổ chức các lớp thực hành nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp có sự phối hợp hướng dẫn của các đơn vị sử dụng lao động (từ MC 2.7.5 đến MC 2.7.9).

Phân tích:

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức triển khai các hoạt động đào tạo đều bám sát mục tiêu, nội dung trong chương trình đào tạo đã được phê duyệt cho các ngành học, khóa học và lớp học để phân bổ thời lượng học tập kiến thức chuyên môn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và bồi dưỡng các hoạt động bổ trợ ngoại khóa cho người học.

Việc tổ chức giảng dạy và học tập cũng được bám sát theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo và chương trình môn học. Các môn học được sử dụng chung chương trình môn học, tổ chức thi chung, chấm chung và đánh giá kết quả học tập theo đúng quy định trong chương trình môn học.

Các môn học thực hành, thực tập, đồ án môn học được bố trí thời lượng lên lớp cụ thể, các lớp học được chia nhóm và được bố trí nhà xưởng, phòng thí nghiệm hoặc gửi đến các doanh nghiệp để thực hiện các chuyên đề tham quan, thực tập chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp.

Nhận định:

Các hoạt động đào tạo của nhà trường phần lớn được thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của các ngành đã được phê duyệt. Kế hoạch đào tạo cũng được phân bổ rõ ràng thời gian học lý thuyết, thực hành, thực tập. Chương trình môn học được xây dựng để dùng chung cho các ngành học trong cùng bậc học. Tuy nhiên, tiến trình giảng dạy của nhà giáo chưa được kiểm soát chặt chẽ.

Các hoạt động thực hành, thực tập đã có sự tham gia phối hợp của các doanh nghiệp sử dụng lao động. Tuy nhiên, khối lượng các doanh nghiệp sử dụng tham gia chưa nhiều, chưa tham gia vào việc xây dựng chương trình đào tạo hay sự phản hồi về sản phẩm đào tạo của trường chưa được kịp thời.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: *Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.*

Mô tả:

Phương pháp đào tạo không ngừng được đổi mới, việc trang bị kiến thức chuyên môn luôn được kết hợp với rèn luyện kỹ năng thực hành, thực tập. Khối lượng giờ giảng thực hành, thực tập được thể hiện rõ ràng trong kế hoạch học tập và thời khóa biểu của các lớp học, ngành học (MC 2.8.1). Nội dung thực hành, thực tập và phương pháp kiểm tra đánh giá được chi tiết trong lịch trình lên lớp (MC 2.8.2) và được kiểm tra qua các hoạt động dự giờ (MC 2.8.3).

Sinh viên được chủ động lựa chọn chương trình và kế hoạch học tập nhằm phát huy tính tích cực, tự giác. Việc tổ chức giảng dạy các môn học có khối lượng thực hành, thực tập được phân thành các nhóm với số lượng không quá 25 sinh viên/ giảng viên. Các học phần thực hành, thực tập và đồ án môn học được bố trí 2 giảng viên đảm trách nhằm giúp người học phát huy khả năng làm việc độc lập và rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

Phân tích:

Nhà trường chú trọng thực hiện phương pháp đào tạo trang bị kiến thức chuyên môn kết hợp với rèn luyện năng lực thực hành, thực tập không những giúp người học có kiến thức chuyên môn về nghề nghiệp mà còn giúp người học có kỹ năng áp dụng kiến thức được trang bị vào việc tổ chức thực hiện hoạt động nghề nghiệp vào thực tế.

Các nội dung thực hành, thực tập được các khoa biên soạn cụ thể trong đề cương chi tiết và được triển khai giảng dạy theo đúng đề cương đã được phê duyệt. Ngoài ra, người học còn được nhà trường đưa đi tham quan thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức thực tập chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp và có báo cáo thu

hoạch khi kết thúc đợt thực tập. Việc phân nhóm trong tổ chức giảng dạy các học phần thực hành, thực tập cũng giúp người học phát huy tốt khả năng làm việc độc lập và rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

Nhận định:

Việc kết hợp rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp với trang bị kiến thức chuyên môn đã được nhà trường quan tâm đúng mực. Khối lượng thực hành, thực tập được tăng cường, đáp ứng đủ thời gian cần thiết cho người học rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Trong thời gian tới nhà trường sẽ tăng cường hơn nữa việc hợp tác với doanh nghiệp để triển khai mô hình đào tạo kết hợp giữa nhà trường với doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.9: *Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.*

Mô tả:

Nhiều năm qua, Nhà trường đã tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học. Trong hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên, toàn bộ các môn học đều được giảng dạy bằng bài giảng điện tử (MC 2.9.1). Một số môn học thuộc ngành trọng điểm của Nhà trường đã có giáo trình điện tử như Sức bền vật liệu, Kết cấu bê tông, Kỹ thuật thi công....Ở góc độ quản lý, Nhà trường đã sử dụng phần mềm đào tạo với nhiều chức năng hỗ trợ các hoạt động quản lý đào tạo từ việc lập kế hoạch đào tạo, quản lý điểm đến xét học vụ, tổ chức thi kết thúc môn học, xét hồ sơ chế độ chính sách cho học sinh sinh viên, thu học phí. (MC 2.9.2; MC 2.9.3). Trong thời gian tới để tăng cường chất lượng giảng dạy, Nhà trường dự kiến trang bị thêm phần mềm như NetOp School phục vụ tương tác máy tính, phần mềm mô phỏng thực tế ảo để giảng dạy vận hành thiết bị cơ giới xây dựng, phần mềm kế toán, quản lý nhân sự.

Phân tích:

Vận dụng sự phát triển công nghệ thông tin vào các hoạt động dạy và học là chủ trương của Nhà trường để nâng cao hiệu quả giảng dạy. Bằng cách khuyến khích giảng viên, giáo viên biên soạn bài giảng điện tử, đến nay hầu hết các môn học được giảng dạy trong Trường đều có bài giảng điện tử. Nhờ đó, việc truyền đạt kiến thức trở nên lôi cuốn hấp dẫn hơn, nhiều hình ảnh, đoạn phim được đưa vào để minh họa nội dung bài giảng. Với giáo trình điện tử, sinh viên dễ dàng tra cứu nội dung môn học ở bất kỳ nơi đâu có hệ thống máy tính kết nối mạng. Không những thế, các đoạn phim, hình ảnh được tích hợp ngay vào trong giáo trình giúp sinh viên hiểu rõ hơn kiến thức môn học. Năm 2015, Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để hiệu quả hóa hoạt động quản lý, phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ. Toàn bộ điểm sinh viên được lưu trữ trong hệ thống dữ liệu. Các hoạt động đăng ký môn học có thể thực hiện

trực tuyến. Bằng cách chia sẻ dữ liệu giữa các phòng ban chức năng, các hoạt động phục vụ đào tạo khác như lập kế hoạch đào tạo, thu học phí, xét học bổng, tổ chức thi kết thúc môn học cũng diễn ra thuận lợi hơn. Về cơ sở vật chất, để có thể ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học và quản lý, Nhà trường đã đầu tư hệ thống projector cùng màn chiếu lắp đặt ở phòng học, hệ thống máy tính kết nối mạng ở các phòng máy cũng như ở thư viện để phục vụ nhu cầu tra cứu dữ liệu và học tập của sinh viên, hệ thống máy chủ và server liên kết giữa các phòng ban để chia sẻ dữ liệu (MC 2.9.4).

Nhận định:

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học là chủ trương của Nhà trường để tăng cường chất lượng đào tạo, đặc biệt trong giáo dục nghề nghiệp. Trong các năm qua, Nhà trường đã triển khai hoạt động này và đạt được kết quả đáng khích lệ. Định hướng trong thời gian tới, Nhà trường tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đưa hoạt động dạy và học tiến tới tiếp cận với cách mạng khoa học công nghệ 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.10: *Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.*

Mô tả:

Năm 2012, Nhà trường có quyết định thành lập Phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng (MC 2.10.1). Năm 2014, Nhà trường ban hành “Quy định Tổ chức và hoạt động Thanh tra”, trong đó nêu rõ một trong các hoạt động của Thanh tra là công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trong Nhà trường (MC 2.10.2). Điều 9 của Quy định này cụ thể hóa công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo của giảng viên, giáo viên. Với Quy định này, Nhà trường đã đưa công tác giám sát hoạt động dạy và học thành một nhiệm vụ định kỳ hằng năm của bộ phận Thanh tra xuyên suốt năm học. Kết quả kiểm tra, giám sát được báo cáo hằng tháng đến các đơn vị đào tạo, phòng Tổ chức Hành chính và Ban Giám hiệu (MC 2.10.4).

Phân tích:

Vào đầu mỗi học kỳ, phòng Đào tạo, sau khi tiếp nhận đăng ký môn học, sẽ hoàn chỉnh kế hoạch giảng dạy và chuyển bản kế hoạch đến các đơn vị đào tạo, đồng thời chuyển cho Bộ phận Thanh tra để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên, giáo viên. Bộ phận Thanh tra thực hiện công tác giám sát giảng dạy theo đúng kế hoạch đào tạo, đảm bảo tính chính xác, khách quan, công khai, kịp thời. Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của bộ phận Thanh tra được thực hiện chi tiết cho từng buổi học (MC 2.10.3) xuyên suốt học kỳ. Các trường hợp giảng viên, giáo viên thay đổi kế hoạch giảng dạy đều được ghi nhận

lại và phải có sự xác nhận cho phép từ đơn vị quản lý và từ phòng Đào tạo. Vào ngày 30 hàng tháng, Bộ phận Thanh tra có trách nhiệm tổng hợp kết quả giám sát hoạt động dạy và học, báo cáo đến các Khoa, Bộ môn, Phòng Tổ chức Hành chính và báo cáo Ban Giám hiệu. Các đơn vị đào tạo căn cứ vào bản báo cáo giám sát của Bộ phận Thanh tra nắm bắt tình hình thực hiện hoạt động dạy học trong đơn vị và kịp thời đôn đốc nhắc nhở giảng viên trong đơn vị thực hiện nghiêm túc kế hoạch giảng dạy (MC 2.10.5; MC 2.10.6). Cuối mỗi học kỳ và cuối năm, Bộ phận Thanh tra tổng hợp kết quả giám sát hoạt động dạy và học, gửi cho các đơn vị liên quan, Phòng Tổ chức Hành chính và Ban Giám hiệu để xếp loại thi đua khen thưởng (MC 2.10.4).

Nhận định:

Trong những năm qua, việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của giảng viên, giáo viên được duy trì rất đều đặn. Kết quả kiểm tra được báo cáo thường xuyên kịp thời đến lãnh đạo các đơn vị đào tạo và Ban Giám hiệu để có những giải pháp cần thiết chấn chỉnh những trường hợp vi phạm trong hoạt động dạy học của giảng viên, đảm bảo duy trì chất lượng giảng dạy và học tập. Mặc dù trong quá trình giám sát vẫn còn gặp một số khó khăn, tuy nhiên trong thời gian tới, hoạt động này sẽ được tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa, kết hợp áp dụng công nghệ thông tin để đảm bảo tính chính xác khách quan, minh bạch.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.11: *Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.*

Mô tả:

Năm 2014, Nhà trường ban hành “Quy định Tổ chức và hoạt động Thanh tra”, trong đó điều 9 của Quy định này cụ thể hóa công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo của giảng viên, giáo viên. Để đảm bảo hoạt động lên lớp của giảng viên được ổn định và đạt chất lượng tốt thì việc kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học của Bộ phận Thanh tra phải được thực hiện một cách nghiêm túc và minh bạch. Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy của Phòng Đào tạo, Bộ phận Thanh tra sẽ thực hiện việc kiểm tra này chi tiết cho từng buổi học và xuyên suốt năm học (MC 2.11.1). Cuối mỗi tháng, Bộ phận Thanh tra sẽ gửi báo cáo giám sát tình hình giảng dạy của giảng viên đến các Khoa, Bộ môn, Phòng Tổ chức Hành chính và Ban Giám hiệu (MC 2.11.2). Căn cứ vào báo cáo giám sát của Bộ phận Thanh tra, các Khoa, Bộ môn sẽ theo dõi được tình hình thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên, giảng viên trong đơn vị mình và sẽ có những đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh cần thiết đối với những trường hợp vi phạm quy định lên lớp của giảng viên (MC 2.11.3).

Phân tích:

Trong suốt quá trình đào tạo hằng năm, thông qua báo cáo giám sát của Bộ phận Thanh tra, lãnh đạo các đơn vị đào tạo hoàn toàn nắm bắt được tình hình lên lớp của từng giảng viên, giáo viên trong đơn vị mình. Nếu xảy ra trường hợp giảng viên vi phạm giờ lên lớp cũng như vi phạm kế hoạch giảng dạy đã được Khoa, Bộ môn phân công dựa vào kế hoạch giảng dạy của Phòng Đào tạo thì lãnh đạo các đơn vị đào tạo kịp thời có những biện pháp nhắc nhở, chấn chỉnh giảng viên vi phạm trong đơn vị mình, thông qua các buổi họp hoặc các buổi sinh hoạt chuyên môn trong đơn vị. Với những trường hợp vi phạm nhiều lần quy định lên lớp, Bộ phận Thanh tra phối hợp với lãnh đạo đơn vị đề nghị giảng viên giải trình nghiêm túc và nhắc nhở để đảm bảo chất lượng hoạt động dạy học, đồng thời Bộ phận Thanh tra cũng gửi báo cáo đến Phòng Tổ chức Hành chính để làm căn cứ đề xuất hạ hệ số xếp loại hoàn thành công việc của giảng viên cuối tháng. Có những trường hợp vi phạm quy định lên lớp nghiêm trọng, Bộ phận Thanh tra có văn bản kiến nghị lãnh đạo Nhà trường có những hình thức kỷ luật các trường hợp vi phạm này.

Nhận định:

Việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của giảng viên một cách thường xuyên kết hợp với các biện pháp xử lý thích hợp là phương pháp hữu hiệu để đảm bảo chất lượng đào tạo. Nhiều năm qua, Nhà trường đã duy trì đều đặn công tác giám sát giờ lên lớp của giảng viên. Bằng các hoạt động giám sát và xử lý triệt để, tình hình thực hiện quy định lên lớp của giảng viên trong Trường đã được cải thiện và đi vào nề nếp một cách đáng kể, góp phần cải thiện chất lượng đào tạo trong Nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.12: *Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.*

Mô tả:

Nhà trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Quy chế về đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với trình độ cao đẳng được ban hành trên cơ sở quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ (MC 2.12.1). Quy chế đào tạo theo niên chế được sử dụng quy chế 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp. Các quy chế, quy định được ban hành và được cụ thể hóa trong sổ tay sinh viên và công khai trên website của nhà trường (MC 2.12.2).

Phân tích:

Các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được rà soát và ban hành trên cơ sở cụ thể hóa các

quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động thương binh và Xã hội. Một số quy định được nhà trường áp dụng theo đúng quy định của quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động thương binh và Xã hội.

Nhận định:

Việc ban hành các quy định đã được thực hiện nghiêm túc, khách quan, thực hiện đúng quy định của quy trình ban hành văn bản. Các văn bản đã ban hành đúng quy định nhưng chưa đủ, một số quy chế vẫn chưa được cụ thể hóa bằng các quy định của nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.13: *Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả:

Đánh giá kết quả học tập của người học là điều kiện bắt buộc nhằm tổng kết, kiểm tra xem người học đã thu nạp được những gì sau khi kết thúc quá trình đến lớp. Kỳ thi kết thúc môn học giúp sinh viên nắm bắt được kiến thức của môn học đồng thời xác định được trọng tâm của kiến thức môn học. Riêng đối với sinh viên năm cuối, với đặc thù là một Trường kỹ thuật với các Khoa, Bộ môn chuyên ngành như Xây dựng, Quản lý Xây dựng, Kinh tế, Cầu đường, Vật liệu Xây dựng, Cấp thoát nước, một đồ án hay luận văn tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức thu thập được trong toàn khóa học. Nhà trường chủ trương kết hợp doanh nghiệp bố trí sinh viên tham quan, thực tập, kiến tập tại các lĩnh vực có liên quan để sinh viên có kiến thức làm đồ án, luận văn tốt nghiệp của mình. Báo cáo thực tập của sinh viên bắt buộc phải có nhận xét của doanh nghiệp, nơi mà các em tham quan, thực tập, kiến tập.

Phân tích:

Hàng năm, các Khoa, Bộ môn có văn bản (MC 2.13.1) gửi đến doanh nghiệp đề nghị tạo điều kiện cho sinh viên chuyên ngành đi tham quan, thực tập, kiến tập để củng cố kiến thức đã học và thực hiện đồ án tốt nghiệp. Sau khi hoàn thành thực tập, kiến tập, sinh viên phải làm báo cáo về các nội dung đã đi thực tập, kiến tập và phải có đánh giá nhận xét của người hướng dẫn tại doanh nghiệp về những gì mà sinh viên thu thập được (MC 2.13.2). Bên cạnh đó, các Khoa, Bộ môn còn mời cán bộ kỹ thuật, chuyên gia kỹ thuật từ doanh nghiệp tham gia vào hội đồng hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, hội đồng phản biện thi tốt nghiệp nhằm giúp cho nội dung hướng dẫn tốt nghiệp phù hợp với tình hình thực tế. Quá trình thực tập giúp cho sinh viên kiểm tra những kiến thức đã học từ Nhà trường so sánh với thực tế, từ đó giúp các em có những định hướng tốt hơn trong công việc tương lai của mình, nhiều trường hợp sinh viên chưa thực hiện thi tốt nghiệp nhưng vẫn được doanh nghiệp “đặt hàng” để làm việc (MC 2.13.3). Tuy nhiên, việc đưa sinh viên đi tham quan thực tập, kiến tập tại doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn

vì không phải doanh nghiệp nào cũng tạo điều kiện cho sinh viên đi thực tập. Một số vì lý do bí mật công nghệ, nhiều trường hợp sinh viên phải đi thực tập ở xa tốn nhiều kinh phí, khó khăn trong quản lý, ngoài ra việc đi thực tập, kiến tập chỉ có thể áp dụng cho sinh viên năm cuối nên mức độ doanh nghiệp tham gia vào đánh giá kết quả học tập của sinh viên chưa được nhiều.

Nhận định:

Đến nay, việc mời doanh nghiệp tham gia vào quá trình đánh giá kết quả học tập của người học đã được Nhà trường thực hiện rất tốt. Việc này giúp cho nhà trường liên tục đổi mới, cập nhật chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp để người học nhanh chóng tiếp cận công việc. Nhà trường định hướng trong tương lai sẽ duy trì và đẩy mạnh hơn nữa việc kết hợp với doanh nghiệp trong việc đánh giá kết quả người học, không chỉ sinh viên năm cuối mới hợp tác doanh nghiệp đánh giá kết quả học tập mà đối với sinh viên còn đang học Nhà trường cũng sẽ mời doanh nghiệp cùng tham gia giảng dạy với giáo viên và trực tiếp đánh giá kết quả học tập môn học của sinh viên.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.14: *Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.*

Mô tả:

Vào cuối mỗi học kỳ, nhà trường triển khai tổ chức thực hiện công tác kiểm tra và thi hết môn, tổ chức đánh giá kết quả học tập và rèn luyện theo đúng quy định đã ban hành (MC 2.14.1; MC 2.14.2). Danh sách người học được xét công nhận tốt nghiệp đều được thông qua hội đồng, biên bản họp hội đồng đều được đính kèm khi ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp (MC 2.14.3). Các hoạt động này được kiểm tra và báo cáo cuối năm bởi bộ phận kiểm tra của Nhà trường (MC 2.14.4; MC 2.14.5).

Việc in và cấp phát văn bằng cho người học được công nhận tốt nghiệp được thực hiện đúng nội dung, đúng thời gian quy định, đảm bảo nghiêm túc, khách quan. Danh sách người học tốt nghiệp được công bố trên website của nhà trường.

Phân tích:

Vào cuối mỗi học kỳ, căn cứ lịch thi được phòng đào tạo phát hành, phòng thanh tra khảo thí & đảm bảo chất lượng phối hợp với các Khoa/Bộ môn tổ chức thực hiện thi hết môn và tổ chức chấm thi theo đúng quy định. Việc tổ chức thi tốt nghiệp được Hội đồng thi tốt nghiệp triển khai phân công nhiệm vụ cho các ban giúp việc như ban coi thi, ban đề thi, ban chấm thi và tổ chức thực hiện nghiêm túc, khách quan. Kết quả thi tốt nghiệp được công bố kịp thời, công tác xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy định.

Nhận định:

Hoạt động tổ chức thi hết môn được đổi mới với việc tổ chức thi chung, chấm chung và sử dụng chung đề thi. Công tác thi tốt nghiệp được hội đồng tốt nghiệp triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định về công tác thi tuyển sinh. Công tác cấp phát văn bằng tốt nghiệp đã được cải thiện, thời gian đã rút ngắn, thông tin người học tốt nghiệp được công khai.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.15: *Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả:

Năm 2013 nhà trường đã ban hành quy định về tổ chức thi hết môn học, học phần (MC 2.15.1). Đến năm 2016 Nhà trường tiến hành rà soát, dự thảo và ban hành quy chế quy định về thi, xét công nhận tốt nghiệp và cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ tín chỉ (MC 2.15.1). Bên cạnh đó Nhà trường cũng rà soát các quy định khác dành cho người học (MC 2.15.2). Năm 2017 căn cứ thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/03/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, nhà trường đang tiến hành rà soát để ban hành các quy định về công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.

Việc rà soát các quy chế quy định về kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp là rất kịp thời khi có sự thay đổi về quy chế đào tạo hoặc có phát sinh vấn đề trong thực tiễn tổ chức đào tạo như xét điều kiện dự thi (MC 2.15.3; MC 2.15.4; MC 2.15.5; MC 2.15.6) hoặc thay đổi một số quy định về tổ chức thi kết thúc học phần (MC 2.15.7; MC 2.15.8; MC 2.15.9).

Phân tích:

Nhà trường rất chú trọng việc rà soát quy chế quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và đánh giá kết quả học tập cũng như việc công nhận tốt nghiệp và cấp phát văn bằng tốt nghiệp nhằm đảm bảo cập nhật kịp thời các quy định của cấp trên và phù hợp với điều kiện thực tiễn phát sinh của nhà trường.

Việc rà soát được tiến hành nghiêm túc, kịp thời khi có sự thay đổi quy chế quy định, đảm bảo tính pháp lý và là công cụ để thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, thi, đánh giá kết quả và công nhận tốt nghiệp.

Nhận định:

Việc rà soát các quy chế, quy định về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả và công nhận tốt nghiệp là kịp thời nhưng chưa được tiến hành thường xuyên. Một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn vẫn chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả:

Hoạt động đào tạo liên thông được thực hiện theo đúng quy định, nhà trường đã tổ chức đào tạo và công nhận tốt nghiệp cho hệ liên thông cao đẳng chính quy theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nhà trường cũng đã ban hành quyết định đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên Cao đẳng hệ chính quy (MC 2.16.1). Quy chế đào tạo liên thông cũng được ban hành trên cơ sở quy định của Bộ Lao động Thương binh và xã hội (MC 2.16.2).

Chương trình đào tạo bậc Cao đẳng liên thông được thiết kế hoàn toàn trên nội dung của chương trình đào tạo bậc Cao đẳng chính quy, với các học phần có cùng tên, cùng số tín chỉ tích lũy, được thiết kế đảm bảo khối lượng kiến thức để người học khi liên thông không phải học lại khối lượng kiến thức cơ bản, khối lượng kiến thức cơ sở ngành đã tích lũy được ở bậc học trung cấp.

Quy trình đào tạo liên thông được Nhà trường đưa lên website và hướng dẫn người học đăng ký tuyển sinh và tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo theo đúng quy định (từ MC 2.16.3 đến MC 2.16.10).

Phân tích:

Các chương trình đào tạo của Trường đều được Hội đồng đào tạo các ngành xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có sự hướng dẫn của Nhà trường, vì vậy giữa các ngành đào tạo đều có sự liên thông cao về các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành; đồng thời sinh viên học ở các trường trung cấp khác có cùng ngành học do có liên thông về các kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành nên việc chuyển từ các trường Trung cấp khác về trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (và ngược lại) được thuận lợi, dễ dàng; sinh viên được bảo lưu các học phần liên thông giữa các trường với nhau. Đặc biệt từ năm 2015 Nhà trường tổ chức điều chỉnh chương trình đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2015 (Khóa 2015), theo đó chương trình đào tạo theo nhóm ngành, chia thành hai giai đoạn: giáo dục đại cương và giáo dục nghề nghiệp; các ngành cùng nhóm ngành được đào tạo giai đoạn giáo dục đại cương giống nhau; tỉ lệ liên thông kiến thức đại cương cho tất cả các ngành đào tạo đạt 25%, tỉ lệ liên thông kiến thức cho các ngành trong nhóm ngành đạt 45 -60%.

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng liên thông giữa trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng, phương thức đào tạo, giữa các trình độ đào tạo của Trường và được công khai cho người học.

Nhận định:

Trong năm 2017-2018, Nhà trường tiếp tục chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng chương trình đào tạo cho tất cả các ngành đào tạo, việc liên thông kiến thức giữa tất cả các ngành với nhau và các ngành trong cùng nhóm ngành được thực hiện tối đa.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.17: *Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.*

Mô tả:

Toàn bộ hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý của Nhà trường được thực hiện trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, vì thế toàn bộ dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường đều được lưu trữ đầy đủ trên cơ sở dữ liệu hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (MC 2.17.1; MC 2.17.2). Tùy theo phân quyền chức năng đối với người dùng mà có thể xem, tra cứu và khai thác sử dụng các dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường từ chương trình đào tạo, thời khóa biểu, phân công giờ giảng, dữ liệu đăng ký học, học phí, lịch phòng học, lịch thi, dữ liệu về kết quả học tập, xét học bổng, cảnh cáo học vụ, tốt nghiệp, ... (MC 2.17.3; MC 2.17.4; MC 2.17.5)

Phân tích:

Khi nhập học, Nhà trường có lưu trữ đầy đủ thông tin cá nhân của sinh viên như địa chỉ, điện thoại, địa chỉ email của sinh viên, toàn bộ thông tin này được cập nhật, lưu trữ vào phần mềm quản lý hồ sơ sinh viên của Nhà trường. Thông tin này được chia sẻ cho tất cả các đơn vị trong Trường có nhu cầu như Phòng Tuyển sinh – Công tác sinh viên, Phòng Tài chính – Kế toán, các Khoa/Bộ môn, Trung tâm trực thuộc trường nhằm tìm kiếm dễ dàng để liên lạc, thông báo đến sinh viên khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

Nhà trường phân công và cấp tài khoản cho giảng viên làm Cố vấn học tập cho các lớp hệ Cao đẳng chính quy tín chỉ và Giáo viên chủ nhiệm các lớp hệ Trung cấp chuyên nghiệp. Để từ đó có thể truy xuất dữ liệu, theo dõi được tình hình học tập, giải đáp thắc mắc của từng sinh viên, giúp đỡ sinh viên gặp hoàn cảnh khó khăn và nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ.

Nhà trường đã làm công tác khảo sát sinh viên tốt nghiệp về tình hình việc làm, trình độ chuyên môn sau khi ra trường để lưu trữ vào cơ sở dữ liệu nhằm mục đích nâng cao hoạt động đào tạo.

Nhận định:

Nhà trường đã có cơ sở dữ liệu đầy đủ về hoạt động đào tạo, giúp công tác quản lý, lưu trữ và công bố kết quả học tập một cách nhanh chóng, chính xác, an toàn và bảo mật. Nhà trường có đầy đủ thông tin cá nhân, theo dõi tình hình học tập của từng sinh viên để từ đó có thể hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên tốt hơn trong quá trình học tập. Nhà trường tăng cường hiệu quả hoạt động của đơn vị chuyên trách, triển khai thu thập

dữ liệu về việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp trên diện rộng và thường xuyên. Xây dựng thêm cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo, có thông tin về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: *Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động*

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động là yếu tố quan trọng quyết định Nhà trường có hoàn thành mục tiêu sứ mạng đã đề ra hay không. Tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động toàn tâm toàn ý với công việc, chung sức đoàn kết gắn bó thì Nhà trường ổn định và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi lãnh đạo Nhà trường phải điều hành quản lý một cách khoa học, minh bạch, chính trực thông qua hoạch định chính sách, xây dựng các quy chế quy định rõ ràng, đảm bảo quyền lợi người làm việc, làm theo năng lực, hưởng theo năng suất, thưởng phạt nghiêm minh. Các quy định về tuyển dụng bổ nhiệm điều động nhân sự công khai minh bạch. Đội ngũ nhà giáo là lực lượng sản xuất chủ yếu có chuyên môn, trình độ và được làm việc đúng theo nguyện vọng năng lực của mình. Nhà trường, bằng cơ chế động viên khuyến khích và có định hướng rõ ràng trong việc tăng cường năng lực nhân sự, xây dựng tập thể vừa hồng vừa chuyên, sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đưa Nhà trường vượt qua khó khăn, ổn định và phát triển.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện tốt các nghĩa vụ được Trường đảm bảo các quyền theo quy định của điều lệ trường cao đẳng đã được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Đội ngũ nhà giáo đảm bảo trình độ chuẩn, được Trường phân công theo đúng chuyên ngành đào tạo, đảm bảo cơ cấu và trình độ theo quy định. Trình độ ngoại ngữ và tin học của nhà giáo bước đầu đáp ứng được về chuyên môn và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ nhà giáo thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, được trẻ hoá để đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường được trẻ hoá, năng động, sáng tạo, nhiệt tình trong công việc và đều được bố trí công việc đúng chuyên môn đào tạo. Trường có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho nhà giáo và đã triển khai thực hiện kế hoạch công khai, minh bạch.

Trong những năm qua, đội ngũ Nhà giáo đã có những nỗ lực lớn để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên về cơ bản vẫn chưa đáp ứng 100% quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về tiêu chuẩn năng lực ngoại ngữ tin học cũng như chuẩn kỹ năng thực hành nghề. Một thiểu số Nhà giáo vẫn còn vi phạm quy định giờ lên lớp. Đội ngũ nhà giáo và kỹ thuật viên dạy nghề còn thiếu so với nhu cầu mở rộng qui mô đào tạo. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ ở một số đơn vị chưa được tổ chức thực hiện đúng theo tiến độ đã đề ra. Ở một số Khoa và Bộ môn còn có sự hạn chế trong việc đưa nhà giáo đi thực tập bồi dưỡng kiến thức tại doanh nghiệp.

Thời gian tới, Trường tiến hành rà soát quy định tuyển dụng, sử dụng viên chức. Đánh giá chi tiết từng quy định cụ thể, đồng thời tiến hành sửa đổi, bổ sung để đảm bảo quy định đi vào thực tế, không vi phạm pháp luật, dễ thực thực hiện và đạt hiệu quả cao. Đảm bảo nhà giáo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Trường thực hiện thường xuyên về công tác tư tưởng đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động, đồng thời thực hiện thanh tra, kiểm tra về thời gian làm việc trong toàn Trường. Trường tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Trường chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên, học sinh, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, học sinh về chất lượng giảng dạy của nhà giáo.

Tiêu chuẩn 3.1: *Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.*

Mô tả:

Trường xây dựng quy định tuyển dụng, sử dụng viên chức, hàng năm ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (MC 3.1.1; MC 3.1.2). Các văn bản của Trường được xây dựng dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, các Bộ ngành, của Ban cán sự Đảng hàng năm về việc hướng dẫn đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (MC 3.1.3; MC 3.1.4; MC 3.1.5; MC 3.1.6; MC 3.1.7).

Phân tích:

Nhằm chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về chuyên môn nghiệp vụ và có tư tưởng lập trường vững vàng, đảm bảo mỗi cá nhân hoàn thành tốt công việc được giao, góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ của Trường.

Việc ban hành quy định tuyển dụng, sử dụng viên chức, người lao động và hàng năm ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động là hết sức quan trọng. Là cơ sở để thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về nguồn lực lao động. Nó là nguyên tắc để tổ chức thực hiện.

Nhận định:

Từ năm 2014 đến nay, Trường đã thực hiện tương đối tốt ở công tác này. Hiện nay tình hình thực tế có nhiều khó khăn, nhưng Trường vẫn ổn định và phát triển.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: *Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định,*

đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả:

Trường ban hành quy định tuyển dụng sử dụng viên chức (MC 3.2.1); hàng năm, có báo cáo bằng văn bản về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động tại hội nghị công chức, viên chức (MC 3.2.2; MC 3.2.3; MC 3.2.4), có báo cáo bằng văn bản về thực hiện chế độ chính sách cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động tại hội nghị công chức, viên chức (MC 3.2.5; MC 3.2.6), không có kết luận thanh tra, kiểm tra về việc có sai phạm trong quá trình tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động, cũng như không có sai phạm trong quá trình thực hiện chính sách với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (MC 3.2.7).

Phân tích:

Công tác tuyển dụng, điều động, sử dụng, đánh giá, xếp loại, quy hoạch, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động dựa trên nguyên tắc “việc tìm người”, tức là có việc mới tìm người. Không tuyển dụng, bổ nhiệm khi chưa có nhu cầu, hạn chế lãng phí về nguồn lực lao động.

Hàng năm, Trường xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động .

Căn cứ kế hoạch hội đồng tuyển dụng, các đơn vị trong Trường tổ chức tổ chức thực hiện. Kết thúc kế hoạch, Trường tổ chức cuộc họp tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

Nhận định:

Công tác tuyển dụng, điều động, sử dụng, đánh giá, xếp loại, quy hoạch, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đã đi vào nề nếp và được tiến hành đúng trình tự, thủ tục, công khai, minh bạch, dân chủ, bình đẳng theo quy định của pháp luật và đảm bảo tính đồng bộ ngành theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Đây là công tác trọng tâm của Trường, quyết định đến mọi thắng lợi hay thất bại của Trường. Do tính chất quan trọng đó, Lãnh đạo Trường cùng với Đảng ủy Trường luôn luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có nhiều nghị quyết của Đảng ủy, của Ban lãnh đạo Trường về lĩnh vực này.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: *Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.*

Mô tả:

Trường có danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên, mô đun, môn học giảng dạy, trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học (MC 3.3.1); hồ sơ nhà giáo được sắp xếp quản lý ngăn nắp (MC 3.3.2); trong hồ sơ nhà giáo có văn bản đánh giá phân loại hàng năm (MC 3.3.3); Hầu hết nhà giáo tham gia giảng dạy các môn chuyên ngành, nghề đạt chuẩn theo quy định (MC 3.3.4).

Phân tích:

Trường được thành lập và phát triển đến nay được 41 năm, trong quá trình xây dựng và phát triển, đến nay đội ngũ nhà giáo của Trường đã được chuẩn hóa 100%, đáp ứng được yêu cầu giảng dạy. Từ năm 2017, Nhà trường chịu sự quản lý về mặt chuyên môn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Tham chiếu theo quy định của Bộ, một số nhà giáo của Nhà trường vẫn chưa đáp ứng tiêu chuẩn về nghiệp vụ tin học ngoại ngữ hoặc chứng chỉ nghiệp vụ đối với nhà giáo dạy tích hợp và thực hành.

Nhận định:

Đội ngũ nhà giáo của Trường đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu đào tạo. Tuy nhiên vẫn còn một số trường hợp chưa đáp ứng theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về chuẩn nghiệp vụ tin học, ngoại ngữ phục vụ đào tạo tích hợp và thực hành trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: *Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của Trường.*

Mô tả:

Nhà trường có danh sách Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động trong Trường (MC 3.4.1; MC 3.4.2). Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế, quy định của Trường và chịu sự phân công, kiểm soát công việc của trường đơn vị. Kết thúc năm học Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện tự nhận xét, đánh giá, phân loại viên chức theo luật (MC 3.4.3).

Phân tích:

Trường xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, các đơn vị phân công công việc cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Trong những năm qua, hầu hết nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đều thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của Trường. Cá biệt năm 2016, vẫn có nhà giáo vi phạm quy định về thời gian giảng dạy.

Nhận định

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động nhận thức rõ phạm vi, trách nhiệm công việc phải thực hiện và quyền lợi cá nhân. Do đó trong những năm qua hầu hết đều hoàn thành, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đặc biệt có một số người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tuy nhiên, năm 2016 vẫn còn xảy ra hiện tượng nhà giáo bỏ giờ giảng dạy. Đây là hiện tượng cá biệt không phải là phổ biến. Trường đã kịp thời chấn chỉnh.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: *Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.*

Mô tả:

Nhà trường có danh sách Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động trong Trường (MC 3.5.1). Nhà trường ban hành quy định chế độ làm việc của Nhà giáo trong đó xác định giờ nghỉ vụ của Nhà giáo (MC 3.5.2). Hằng năm, Phòng Đào tạo có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo cho cả năm học và cho từng học kỳ (MC 3.5.3; MC 3.5.4). Căn cứ vào số lượng người học có được sau kỳ tuyển sinh (MC 3.5.5; MC 3.5.6; MC 3.5.7), Phòng Đào tạo phân bổ lớp học với số lượng học viên phù hợp và phân bổ số lượng Nhà giáo lên lớp hiện có do Khoa/Bộ môn đề xuất.

Phân tích:

Theo quy định chế độ làm việc của giảng viên, mỗi Nhà giáo có giờ chuẩn nhất định về công tác giảng dạy cũng như hoạt động nghiên cứu khoa học và sinh hoạt chuyên môn. Nhà giáo thực hiện hoạt động giảng dạy trong khung giờ chuẩn theo quy định để đảm bảo tỉ lệ học viên/giáo viên nằm trong phạm vi cho phép để đảm bảo chất lượng đào tạo. Khoa/Bộ môn có trách nhiệm thống kê theo dõi hoạt động giảng dạy của nhà giáo (MC 3.5.8). Với số lượng học viên vượt ngưỡng cho phép, nhà giáo được phép dạy vượt giờ chuẩn nhưng không vượt quá định mức trong quy định chế độ làm việc. Những trường hợp đó nhà giáo được thanh toán theo chế độ riêng (MC 3.5.9). Tỉ lệ học viên/giáo viên hiện nay không vượt quá 20 học viên/giáo viên. Tỉ lệ giảng viên cơ hữu hiện nay đảm nhận hơn 90% tổng khối lượng giảng dạy của Nhà trường (MC 3.5.10). Về phía đào tạo sơ cấp nghề cũng tương tự. Đào tạo sơ cấp nghề của Nhà trường bắt đầu thực hiện từ năm 2017 với tỉ lệ không quá 20 học viên/giáo viên (MC 3.5.11; MC 3.5.12; MC 3.5.13). Đặc biệt tổng số giảng viên có trình độ đại học trở lên chiếm hơn 60% tổng số giảng viên của Trường và bất cứ ngành đào tạo nào cũng có giảng viên có trình độ thạc sĩ.

Nhận định:

Đội ngũ nhà giáo của Nhà trường hiện nay đảm bảo giảng dạy đủ cho toàn bộ học viên của Nhà trường với tỉ lệ học viên/nhà giáo theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận hơn 90% khối lượng giảng

dạy của Nhà trường và mỗi ngành nghề đào tạo đều có nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: *Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.*

Mô tả:

Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng Đào tạo, căn cứ vào chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo cho tất cả các ngành và cho tất cả các hệ đào tạo bao gồm cao đẳng chính quy, cao đẳng liên thông và trung cấp chuyên nghiệp (MC 3.6.1). Vào đầu mỗi học kỳ (hai học kỳ chính và một học kỳ hè), Phòng Đào tạo căn cứ vào kế hoạch đào tạo, phân công giảng viên từ Khoa, Bộ môn và đăng ký môn học của sinh viên để lập thời khóa biểu lên lớp một cách chi tiết (MC 3.6.2). Thời khóa biểu được chuyển đến từng giảng viên để thực hiện lên lớp và chuyển đến Bộ phận Thanh tra để thực hiện kiểm tra giám sát. Đối với các Khoa, Bộ môn, với số lượng giảng viên đang quản lý, thực hiện phân bổ giảng viên đảm bảo đáp ứng tất cả các môn học mà đơn vị đang phụ trách, trên tinh thần mỗi môn học có ít nhất 3 giảng viên có thể giảng dạy được môn học đó (MC 3.6.3).

Phân tích:

Kế hoạch đào tạo đầu năm học giúp các đơn vị đào tạo chủ động trong sắp xếp lực lượng giảng viên đáp ứng yêu cầu môn học đồng thời giúp các đơn vị phục vụ đào tạo chủ động trong công việc của mình. Thời khóa biểu lên lớp đầu học kỳ được phân công một cách cụ thể đến từng giảng viên và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kiểm tra giám sát. Mỗi một môn học có ít nhất 3 giảng viên có thể dạy được môn học đó giúp Khoa, Bộ môn luôn luôn chủ động trong công tác giảng dạy khi có những trường hợp bất khả kháng như giảng viên bận việc cá nhân, ốm đau, thai sản...luôn có giảng viên thay thế đảm bảo môn học không bị gián đoạn. Giảng viên khi lên lớp phải mang theo và giảng dạy đúng theo đề cương chi tiết và lịch trình lên lớp đã được lãnh đạo đơn vị phê duyệt (MC 3.6.5). Giảng viên, giáo viên trước khi đứng lớp đều phải chuẩn bị bài giảng đầy đủ của môn học đó (MC 3.6.4). Căn cứ theo thời khóa biểu đã được phê duyệt, Bộ phận Thanh tra thực hiện chức năng giám sát của mình để đảm bảo giảng viên lên lớp đúng theo thời khóa biểu. Những trường hợp thay đổi kế hoạch đột xuất đều phải có lý do chính đáng và phải được sự chấp thuận của đơn vị quản lý và Phòng Đào tạo, hoặc phải có giảng viên thay thế nhằm đảm bảo kế hoạch đào tạo được duy trì liên tục. Để đảm bảo giảng viên giảng dạy đúng theo nội dung môn học, Khoa, Bộ môn hoặc Bộ phận Đảm bảo Chất lượng Nhà trường có những kế hoạch dự giờ giảng viên hoặc kiểm tra hồ sơ đứng lớp trong năm học (MC 3.6.6; MC 3.6.7; MC 3.6.8).

Nhận định:

Trong các năm qua, Nhà trường đã thực hiện đúng, đủ, kịp thời và duy trì tốt việc yêu cầu nhà giáo giảng dạy theo đúng nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. Hoạt động này đảm bảo quyền lợi của học viên và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo. Với định hướng đào tạo chuyên sâu thực hành, Nhà trường sẽ có kế hoạch tăng cường chất lượng đội ngũ nhà giáo đáp ứng quy định Nhà nước, đồng thời cải tiến nội dung môn học để người học được tiếp cận với nhu cầu xã hội ngay từ khi còn ngồi ở giảng đường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: *Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.*

Mô tả:

Chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy được Trường quy định tại quy chế làm việc và quy chế chi tiêu nội bộ (MC 3.7.1). Tùy theo từng thời điểm Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ riêng biệt cụ thể cho Nhà giáo (MC 3.7.2). Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn Nhà giáo của Nhà trường cũng được định hướng lâu dài (MC 3.7.3).

Phân tích:

Nhằm động viên, khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Nhà trường xây dựng chính sách ưu tiên về thời gian trong quy chế làm việc của nhà giáo, chính sách khuyến khích về vật chất được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, chính sách khen thưởng trong quy định thi đua khen thưởng. Hàng năm, Nhà trường bố trí thời gian, chi trả tiền phí cho nhà giáo cho tổ chức cho nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Đồng thời xét khen thưởng, quy hoạch, bố trí vào các vị trí quản lý, điều hành đối với những nhà giáo hoàn thành xuất sắc trong học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Nhận định:

Mặc dù nguồn lực của Trường còn hạn hẹp, khó khăn nhưng đã thực hiện tốt chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy một cách thường xuyên, liên tục trong những năm qua. Vì vậy, đến nay số lượng nhà giáo có trình độ sau đại học đạt trên 60%.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: *Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.*

Mô tả:

Hàng năm, căn cứ đăng ký học tập nâng cao trình độ chuyên môn của nhà giáo. Trường ban hành quyết định cử nhà giáo đi học (từ MC 3.8.1 đến MC 3.8.8). Nhà giáo được cử đi học sau khi hoàn thành khóa học phải báo cáo kết quả học tập về cho Nhà trường (MC 3.8.9).

Phân tích:

Hàng năm Nhà trường luôn có chủ trương hỗ trợ nhà giáo đi học bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ nhà giáo hiện nay của Trường đã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn. Tuy nhiên, hiện nay Trường đang xây dựng kế hoạch học tập nâng cao nghề nghiệp, chuyên môn đối với những nhà giáo để đáp ứng yêu cầu về giảng dạy theo Luật Giáo dục Nghề nghiệp.

Nhận định:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy được Trường thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà giáo. Đồng thời, thông qua công tác này đội ngũ nhà giáo của Trường đến nay đã được chuẩn hóa.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.9: *Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả:

Nhà trường đã có nhiều biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên, giáo viên, cán bộ và nhân viên nâng cao trình độ, đặc biệt là đội ngũ nhà giáo dạy chuyên môn (MC 3.9.1). Một trong các hoạt động đó là việc Khoa/Bộ môn hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động để Nhà giáo dạy chuyên môn có thể kiến tập, thực tập bồi dưỡng trao đổi kiến thức khoa học và công nghệ mới (MC 3.9.2). Nhà giáo thực tập tại đơn vị sử dụng lao động báo cáo về Khoa/Bộ môn quá trình sinh hoạt của mình tại đơn vị sử dụng lao động (MC 3.9.3).

Phân tích:

Hợp tác với doanh nghiệp là phương thức tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giảng viên, giáo viên dạy chuyên môn và cả cán bộ quản lý bồi dưỡng cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ. Hàng năm, Khoa/Bộ môn lên kế hoạch và ký kết với các đơn vị sử

dụng lao động tạo điều kiện cho nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định. Nhà giáo thường xuyên cập nhật được kiến thức, kinh nghiệm thực tế áp dụng trong giảng dạy, giúp sinh viên được đào tạo sau khi tốt nghiệp có thể đi làm được ngay, không bị lạc hậu về mặt kiến thức, doanh nghiệp không phải đào tạo lại. Tuy nhiên việc thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, không thường xuyên do phải bị động, phụ thuộc vào kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp.

Nhận định:

Trong các năm qua, Nhà trường đã khuyến khích Khoa/Bộ môn thực hiện liên kết hợp tác với đơn vị sử dụng lao động để đưa nhà giáo giảng dạy chuyên môn có cơ hội thực tập, trao đổi kinh nghiệm, cập nhật kiến thức công nghệ. Một số Khoa/Bộ môn cơ bản đã triển khai hoạt động này. Tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn còn nhiều hạn chế do còn bị động, phụ thuộc vào kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3.10: *Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.*

Mô tả:

Hàng năm, kết quả đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo được Trường tổng kết đánh giá trong báo cáo hội nghị công chức, viên chức (MC 3.10.1).

Phân tích:

Hàng năm, Trường tổ chức hội nghị công chức, viên chức tại hội nghị tổng kết và đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo. Qua hội nghị đánh giá những việc đã làm được, những việc chưa làm được và đề ra biện pháp khắc phục hạn chế.

Nhận định:

Việc tổng kết, đánh giá quả đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo được Trường thực hiện nghiêm túc mỗi năm một lần.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.11: *Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.*

Mô tả:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn về chuyên môn, sức khỏe, đạo đức, chính trị theo quy định của Nhà nước. Trường lập danh sách trích ngang (MC 3.11.1), hồ sơ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (MC 3.11.2) để quản lý. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, quy chế của Trường

(MC 3.11.3). Hoạt động điều hành của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt hiệu quả cao, đưa Nhà trường hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch của năm, được báo cáo cuối năm trước hội nghị cán bộ công chức viên chức (MC 3.11.4). Các năm qua, Nhà trường ổn định và phát triển do những nỗ lực tích cực của Ban giám hiệu (MC 3.11.5).

Phân tích:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng là những người quản lý, điều hành của Trường vì vậy phải bảo đảm các tiêu chuẩn mới đáp ứng được công việc quản lý, điều hành của Trường.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng là công chức chỉ thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn mà pháp luật cho phép. Vì vậy, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của Trường chỉ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định được quy định của Trường, của pháp luật.

Nhận định:

Tiêu chuẩn và nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các năm qua, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ được giao, giúp Nhà trường hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đề ra trong năm.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.12: *Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.*

Mô tả:

Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cán bộ quản lý các đơn vị thuộc Trường được thực hiện theo quy định của pháp luật và được cụ thể hóa quy định bổ nhiệm trong quy định tuyển dụng, sử dụng viên chức của Trường (MC 3.12.1). Có hồ sơ, danh sách trích ngang để quản lý cán bộ quản lý (MC 3.12.2). Cán bộ quản lý được bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức bằng hình thức ban hành quyết định áp dụng quy phạm pháp luật (MC 3.12.3).

Phân tích:

Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cán bộ quản lý của Trường thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật được cụ thể bằng quy định tuyển dụng, sử dụng viên chức của Trường. Trong những năm qua, không có khiếu nại, tố cáo trong công tác này.

Nhận định:

Trường đã tuân thủ quy định của pháp luật, công tác được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.13: *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*

Mô tả:

Cán bộ quản lý của Trường đảm bảo các tiêu chuẩn chuyên môn, sức khỏe, đạo đức, chính trị theo quy định của Nhà nước. Trường lập danh sách trích ngang (MC 3.13.1), hồ sơ (MC 3.13.2) để quản lý. Cán bộ quản lý của Trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, quy chế của Trường. Riêng với kế toán trưởng tiêu chuẩn bổ nhiệm phải đảm bảo theo quy định của Thông tư liên tịch 163/2013/TTLT-BTC-BNV (MC 3.13.3). Tiêu chuẩn chuyên môn, sức khỏe, đạo đức, chính trị của viên chức bổ nhiệm được Trường cụ thể trong quy chế tuyển dụng, sử dụng viên chức (MC 3.13.4).

Phân tích:

Trường quy định tiêu chuẩn của cán bộ quản lý đáp ứng quy định của Nhà nước. Đồng thời, những người làm cán bộ quản lý của Trường đủ khả năng đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hằng năm, hoạt động của các đơn vị trong đó thể hiện vai trò của cán bộ quản lý đều được báo cáo trước Hội nghị cán bộ viên chức người lao động để nhìn nhận các ưu khuyết điểm trong một năm vận hành quản lý đơn vị của người quản lý (MC 3.13.5). Cá nhân mỗi cán bộ quản lý phải thực hiện tự kiểm điểm đánh giá bản thân về hoạt động quản lý của mình cũng như trước toàn thể đơn vị (MC 3.13.6; MC 3.13.7).

Nhận định:

Việc quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ quản lý của Trường phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của Trường hiện nay. Hoạt động của cán bộ quản lý được theo dõi giám sát và được báo cáo cụ thể trước toàn bộ tập thể Nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.14: *Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.*

Mô tả:

Nhà trường luôn xây dựng và triển khai kế hoạch cử hoặc sắp xếp thời gian cho cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nội dung này được thể hiện rõ trong nghị quyết hội nghị viên chức của Trường (MC 3.14.1). Trong các năm qua, tùy theo tình hình thực tế, Nhà trường tổ chức các đợt bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ với các nội dung khác nhau cho các đối tượng cán bộ quản lý khác nhau (Từ MC 3.14.2 đến MC 3.14.6). Kết thúc các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cán bộ quản lý báo cáo tình hình kết quả học tập về cho Nhà trường (MC 3.14.7).

Phân tích:

Công tác quản lý là một trong những công tác trọng tâm, được nhà Trường thường xuyên quan tâm. Thực hiện tốt công tác này giúp thực hiện tốt nhiệm vụ của Trường. Tùy theo từng thời điểm, Nhà trường có chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khác nhau dành cho cán bộ quản lý.

Nhận định:

Trong những năm vừa qua Trường thực hiện tốt công tác này. Trong thời gian tới, chiếu theo quy định của Luật Giáo dục Nghề nghiệp, Nhà trường sẽ có kế hoạch dài hạn cho việc bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý của Trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.15: *Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.*

Mô tả:

Đội ngũ viên chức, người lao động được Trường chuẩn hóa theo vị trí việc làm được quy định trong quy định tuyển dụng, sử dụng viên chức. Trường có danh sách trích ngang ghi tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, thâm niên công tác của từng viên chức, người lao động (MC 3.15.1). Hàng năm, Trường tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ viên chức, người lao động trong báo cáo tại hội nghị công chức, viên chức (MC 3.15.2). Căn cứ thông báo nhập học của các đơn vị đào tạo, Trường có ban hành quyết định cử viên chức, người lao động tham gia học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ (MC 3.15.3).

Phân tích:

Ngoài việc chăm lo về đời sống vật chất, tinh thần. Trường luôn luôn chăm lo đến nghiệp vụ chuyên môn của viên chức và người lao động. Trong những năm qua, Trường đã bố trí, sắp xếp thời gian làm việc cho phù hợp để cho một số viên chức và người lao động tham gia một số chương trình đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. Chủ trương này của Nhà trường nhằm tạo ra một đội ngũ viên chức, người lao động đáp ứng nhu cầu công việc được giao, giúp Nhà trường hoàn thành mục tiêu của mình.

Nhận định:

Trong những năm vừa qua Trường thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức người lao động. Trong thời gian tới, theo quy định của Luật Giáo dục Nghề nghiệp, Nhà trường sẽ có sự sắp xếp điều động nhân sự đảm trách các nhiệm vụ khác nhau để nâng cao hiệu quả hoạt động. Chính vì vậy Nhà trường sẽ có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức người lao động để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ mới.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.4. TIÊU CHÍ 4: *Chương trình, giáo trình*

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Trong hoạt động giáo dục và đào tạo, chương trình đào tạo và giáo trình là hai yếu tố chính quyết định chất lượng đầu ra của quá trình đào tạo. Chương trình đào tạo và giáo trình được chuẩn hóa thông qua thực tế giảng dạy của từng năm học, khóa học và chương trình, giáo trình luôn được cập nhật bổ sung cho phù hợp với xu thế phát triển của khoa học kỹ thuật và phát triển của xã hội trên cơ sở chương trình khung của Bộ chủ quản chuyên môn và ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo và giáo trình của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM được xây dựng từ năm 2011 tuân theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2017, chương trình đào tạo và giáo trình được điều chỉnh theo quy định mới của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Chương trình đào tạo và giáo trình được xây dựng đúng theo quy định hiện hành của Bộ quản lý chuyên môn, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý; đảm bảo tính hệ thống, khoa học, đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đào tạo trình độ cao đẳng, đảm bảo tính liên thông với trình độ giáo dục hệ trung cấp và trình độ đào tạo đại học cùng ngành và chuyển tiếp với các ngành liên quan đáp ứng được yêu cầu của người học và thị trường lao động. Quy trình xây dựng chương trình và giáo trình chặt chẽ, có sự tham gia của tất cả Nhà giáo tham gia giảng dạy, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật đại diện doanh nghiệp và người tốt nghiệp.

Mặt hạn chế hiện nay của chương trình đào tạo và giáo trình là chưa cập nhật được kiến thức và công nghệ mới vào chương trình đào tạo. Nhà trường vẫn chưa nghiên cứu áp dụng chương trình đào tạo quốc tế nào vào chương trình đào tạo hiện hữu của Nhà trường. Phần lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp cho giáo trình chưa toàn diện. Chương trình đào tạo sơ cấp được đăng ký hoạt động từ năm 2014, tuy nhiên đến năm 2017 mới triển khai tuyển sinh đào tạo nên chưa có điều kiện xem xét rà soát chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Hiện nay Nhà trường đang điều chỉnh chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Nhà trường định hướng tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước để chuẩn hóa chương trình đào tạo và giáo trình theo hướng quốc tế, đẩy mạnh đào tạo thực hành trong chương trình, tìm kiếm các chương trình đào tạo cùng ngành theo chuẩn quốc tế để áp dụng vào chương trình hiện hữu. Nhà trường tăng cường việc lấy ý kiến từ doanh nghiệp và nhà tuyển dụng về giáo trình đào tạo trong quá trình rà soát điều chỉnh giáo trình để đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã quy định.

Tiêu chuẩn 4.1: *Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.*

Mô tả:

Tính đến năm 2016, Nhà trường đã tổ chức đào tạo 8 ngành nghề ở trình độ cao đẳng và 3 ngành nghề ở trình độ trung cấp. Chương trình đào tạo của các ngành nghề nêu trên đã có quyết định ban hành từ năm 2015. Kể từ năm 2017, theo quy định của Luật Giáo dục Nghề nghiệp, Nhà trường chịu sự quản lý về mặt chuyên môn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Nhà trường đăng ký bổ sung thêm 2 ngành nghề đào tạo ở trình độ cao đẳng. Tất cả các ngành nghề đã được đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp từ Bộ quản lý chuyên môn. Nhà trường hiện đang hoàn chỉnh các chương trình đào tạo theo quy định mới. Ngoài ra, năm 2014, Nhà trường cũng đã đăng ký hoạt động đào tạo 7 ngành nghề ở trình độ sơ cấp và bắt đầu triển khai tuyển sinh từ năm 2017 (MC 4.1.1; MC 4.1.2).

Phân tích:

Kể từ ngày thành lập Trường cho đến nay, Nhà trường đã không ngừng mở rộng ngành nghề đào tạo để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Các chương trình đào tạo của các ngành nghề được các Khoa/Bộ môn xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung giảng dạy được chất lọc từ kinh nghiệm của Nhà giáo kết hợp tham khảo các trường có cùng chuyên ngành đào tạo. Dựa vào tình hình phát triển kinh tế xã hội khu vực và dự báo nguồn nhân lực, tùy theo thời điểm, Nhà trường quyết định mở thêm các ngành đào tạo mới. Mỗi một ngành đào tạo được mở thêm đều có chương trình khung giảng dạy do Khoa/Bộ môn quản lý ngành nghiên cứu xây dựng và trình Ban Giám hiệu phê duyệt ban hành. Tuy nhiên vẫn còn một điểm hạn chế của các chương trình đào tạo hiện hành là tính cập nhật khoa học công nghệ mới vào chương trình vẫn còn chậm, mặc dù Nhà trường trong các năm qua vẫn tích cực rà soát chương trình thường xuyên.

Nhận định:

Hiện nay Nhà trường có tất cả 13 ngành nghề đào tạo ở các trình độ trung cấp và cao đẳng. Các ngành nghề này đã có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Các ngành nghề đăng ký trước năm 2017 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có chương trình đào tạo hoàn chỉnh được Nhà trường phê duyệt ban hành. Hiện Nhà trường đang thực hiện hiệu chỉnh chương trình đào tạo theo quy định mới của Luật Giáo dục Nghề nghiệp. Ngoài ra năm 2017, Nhà trường cũng bắt đầu xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành ở trình độ sơ cấp nghề và bắt đầu thực hiện tuyển sinh.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định

Mô tả:

Năm 2015, Nhà trường ban hành chương trình đào tạo chính quy hệ cao đẳng theo hình thức đào tạo tín chỉ và chương trình đào tạo chính quy hệ trung cấp. Năm 2017, Nhà trường điều chỉnh chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục Nghề nghiệp và bổ sung thêm ngành đào tạo mới. Ở cả hai thời điểm xây dựng chương trình đào tạo, các Khoa/Bộ môn đều họp đơn vị lập ban soạn thảo hoặc lựa chọn chương trình (MC 4.2.1). Ban soạn thảo căn cứ chương trình khung của Bộ quản lý chuyên môn để xây dựng nội dung chương trình, bên cạnh đó là lấy ý kiến phản biện từ các giảng viên có trình độ sau đại học, các giảng viên có kinh nghiệm lâu năm, các cán bộ quản lý giáo dục và cán bộ kỹ thuật từ doanh nghiệp (MC 4.2.2). Các ý kiến này được tiếp thu đưa vào nội dung chỉnh sửa (MC 4.2.3). Sau khi hoàn tất chỉnh sửa, chương trình đào tạo sẽ được ra quyết định ban hành (MC 4.2.4; MC 4.2.5; MC 4.2.6).

Phân tích:

Quá trình xây dựng chương trình đào tạo các ngành nghề được thực hiện đúng theo quy định hiện hành. Việc xây dựng chương trình được giao cho Khoa/Bộ môn có chuyên môn thực hiện, từ việc thành lập tổ biên soạn đến quy trình lấy ý kiến đánh giá phản biện chương trình. Sau khi điều chỉnh bổ sung tham khảo từ ý kiến đánh giá phản biện, Khoa/Bộ môn sẽ trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường đánh giá lần cuối trước khi phê duyệt ban hành. Về cơ bản, nội dung chương trình đào tạo của các ngành nghề được xây dựng trên cơ sở chương trình khung hoặc chuẩn đầu ra do Bộ quản lý chuyên môn ban hành. Chương trình đào tạo có sự tham gia của các giảng viên có trình độ sau đại học, các giảng viên có kinh nghiệm lâu năm, các cán bộ quản lý của trường. Điểm hạn chế của các chương trình đào tạo trước đây là sự tham khảo ý kiến từ các cán bộ kỹ thuật doanh nghiệp không được nhiều.

Nhận định:

Kể từ năm 2017, Nhà trường thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục Nghề nghiệp. Khắc phục hạn chế của các chương trình đào tạo trước đây, Nhà trường sẽ tập trung hơn nữa vào việc lấy ý kiến từ doanh nghiệp kết hợp với rà soát thường xuyên chương trình đào tạo để đảm bảo phù hợp thực tiễn, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: *Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau khi tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.*

Mô tả:

Trường đã ban hành mục tiêu đào tạo và chương trình đối với từng trình độ đào tạo: cao đẳng, trung cấp có xét đến tính liên thông giữa cao đẳng và trung cấp (MC 4.3.1).

Chương trình đào tạo cao đẳng trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo theo diện chuyên sâu, có nền tảng kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản và chuyên môn nghiệp vụ vững để dễ tiếp cận trong vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế, có chuyên môn sâu trong lĩnh vực được đào tạo. Chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp có cấu trúc hợp lý đáp ứng nhu cầu nhân lực và thực tế hoạt động sản xuất trong các ngành nghề đào tạo mà xã hội cần (MC 4.3.3). Chương trình đào tạo sơ cấp đáp ứng quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (MC 4.3.2).

Chương trình có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic giữa các học phần, tính liên thông giữa các bậc đào tạo trung cấp và cao đẳng. Nhà trường cũng chú ý đến việc đưa việc rèn luyện kỹ năng thực hành vào chương trình đào tạo, đặc biệt là các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành.

Chương trình giáo dục các hệ đảm bảo được các khối kiến thức tối thiểu của các ngành đào tạo, gồm các kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó, kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp và khóa luận hoặc thi tốt nghiệp. Chương trình được thiết kế một cách có hệ thống giữa các khối kiến thức, cấu trúc hợp lý, đảm bảo tính logic giữa các học phần. Nhà trường cũng chú ý đến việc đưa những môn học hỗ trợ kỹ năng sử dụng tin học cơ bản và tin học chuyên ngành, ngoại ngữ vào chương trình đào tạo.

Phân tích:

Chương trình đào tạo của mỗi chuyên ngành, các bậc đào tạo đều thể hiện mục tiêu rõ ràng, gồm mục tiêu chung, mục tiêu đặc thù và các kỹ năng cần đạt được của người học sau khi hoàn thành khoá học. Chương trình được thiết kế một cách có hệ thống. Cấu trúc được thiết kế hợp lý theo các khối kiến thức mà Bộ quản lý chuyên môn đã quy định và có bổ sung những học phần cần thiết để đáp ứng yêu cầu trang bị kiến thức mới, hiện đại. Chương trình đào tạo đã được rà soát điều chỉnh để đáp ứng được các nhu cầu của thị trường lao động. Các chương trình đào tạo đều được xây dựng trên cơ sở có ý kiến đóng góp của các giảng viên và cán bộ quản lý từ các cấp và từ cán bộ kỹ thuật doanh nghiệp. Trường đã xây dựng nhiều chuyên ngành đào tạo mới nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Nhận định

Hàng năm Trường sẽ tổng kết đánh giá các chương trình đào tạo theo từng hệ, bậc đào tạo và rút ra kết luận cần thiết làm cơ sở bổ sung và phát triển. Kể từ năm học 2017, Nhà trường tiếp tục tăng cường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà tuyển

dụng, cựu sinh viên, các cơ sở đào tạo cùng đơn vị chủ quản. Trên cơ sở đó, Nhà trường sẽ cập nhật điều chỉnh chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: *Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả:

Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các chương trình đào tạo cho tất cả các ngành và bậc đào tạo được biên soạn trên cơ sở chương trình khung của Bộ quản lý chuyên môn. Quá trình biên soạn chương trình được thực hiện theo quy định bao gồm thành lập ban biên soạn chương trình (MC 4.4.1), tổ chức lấy ý kiến đánh giá phản biện chương trình (MC 4.4.2; MC 4.4.5), nghiên cứu rà soát chỉnh sửa chương trình theo ý kiến đóng góp (MC 4.4.3), trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà Trường xem xét lần cuối trước khi phê duyệt ban hành (MC 4.4.4). Với mỗi chương trình, Trường đã quy định rõ thời lượng đào tạo cho toàn khóa, thời lượng cho các khối kiến thức, các học phần và kế hoạch đào tạo.

Phân tích:

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Nhà trường căn cứ vào các quy định hiện hành của Bộ quản lý chuyên môn, tuy nhiên Nhà trường rất chú trọng vào việc lấy ý kiến đánh giá phản biện từ các Nhà giáo có kinh nghiệm lâu năm và từ đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Điểm hạn chế của Nhà trường là việc lấy ý kiến từ cán bộ kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động chưa được nhiều. Kể từ năm 2017, Nhà trường tổ chức đánh giá lại chương trình đào tạo theo từng hệ đào tạo, bậc đào tạo để cải tiến nội dung, phương pháp và chương trình giáo dục, từng bước đáp ứng được nhu cầu đào tạo của xã hội, lập kế hoạch hợp tác lâu dài với các nhà tuyển dụng, chuyên gia tư vấn và đồng nghiệp ở các trường bạn để nắm bắt nhu cầu lao động của thị trường và điều chỉnh chương trình phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Nhận định:

Chương trình đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo quy định, với sự tham gia của Nhà giáo có kinh nghiệm, có kiến thức và đội ngũ quản lý giáo dục cũng như đại diện doanh nghiệp. Tuy nhiên Trường chưa huy động được sự tham gia của các tổ chức, các hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chương trình một cách tích cực. Nguyên nhân chủ yếu do Trường chưa chủ động đầu tư và nguồn kinh phí thực hiện còn hạn chế. Ngoài ra các Khoa/Bộ môn chưa thể hiện được vai trò là người chủ động trong việc đề xuất chương trình giáo dục các chuyên ngành.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: *Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động*

Mô tả:

Từ năm 2015, Nhà trường đã xây dựng đầy đủ các chương trình đào tạo cho tất cả các ngành và bậc đào tạo. Quá trình biên soạn chương trình được thực hiện theo quy định bao gồm thành lập ban biên soạn chương trình (MC 4.5.1), tổ chức lấy ý kiến đánh giá phản biện chương trình (MC 4.5.2), nghiên cứu và soát chỉnh sửa chương trình theo ý kiến đóng góp (MC 4.5.3), trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà Trường xem xét lần cuối trước khi phê duyệt ban hành (MC 4.5.4). Với mỗi chương trình, Trường đã xây dựng các mô-đun, môn học một cách linh hoạt, sao cho người học có thể thích nghi và đáp ứng các nhu cầu công việc khác nhau ngoài thực tế xã hội (MC 4.5.5; MC 4.5.6).

Phân tích:

Chương trình đào tạo đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động bằng cách tăng thêm phần tự chọn và các môn học cần thiết khác. Sinh viên tốt nghiệp có thể linh hoạt thích nghi với môi trường làm việc dễ dàng tìm việc làm, có thể làm những việc khác nhau liên quan ít hoặc nhiều đến chuyên ngành mà đã được đào tạo. Trong quá trình đánh giá phân tích kết quả phản hồi từ doanh nghiệp cho thấy chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn. Vì vậy chương trình đào tạo được Nhà trường định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của ngành.

Nhận định:

Bằng cách linh hoạt chương trình đào tạo, người học sau khi ra trường hoàn toàn thích nghi với điều kiện công việc thực tế và có thể đảm nhận những loại hình công việc khác nhau trong ngành nghề được đào tạo. Trong điều kiện thực tế hiện nay, thông qua hoạt động hợp tác quốc tế Nhà trường còn tranh thủ ý kiến chuyên gia nước ngoài và chuyên gia trong nước về chương trình giáo dục của Trường nhằm điều chỉnh theo kịp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và xã hội.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: *Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.*

Mô tả:

Năm 2010, Nhà trường đã ban hành các chương trình đào tạo áp dụng từ năm 2011 trong đó đã lưu ý đến tính liên thông giữa trình độ cao đẳng và trình độ đại học (MC 4.6.1). Năm 2015, Nhà trường điều chỉnh chương trình đào tạo theo phương thức

đào tạo tín chỉ và phê duyệt ban hành trong đó vẫn kế thừa tính liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học (MC 4.6.2; MC 4.6.3). Với việc áp dụng chương trình đào tạo này Nhà trường đã thực hiện thành công việc liên kết đào tạo liên thông với các trường đại học trong khu vực như Đại học Kiến trúc Tp.HCM; Đại học Bách khoa Tp.HCM...Nhà trường cũng đã tổ chức các lớp liên thông từ hệ trung cấp chuyên nghiệp lên hệ cao đẳng trong Nhà trường.

Phân tích:

Chủ trương Nhà trường là xây dựng chương trình đào tạo theo hướng đảm bảo liên thông giữa trình độ trung cấp với cao đẳng và giữa trình độ cao đẳng với đại học. Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người học khi có nhiều lựa chọn trong quá trình học tùy theo khả năng thời gian và tài chính của mình. Đặc biệt, việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ mà Nhà trường chuyển hướng từ năm 2015 sẽ giúp sinh viên có thể liên thông giữa các ngành cao đẳng với nhau, trong thời gian học tập sinh viên có thể học thêm văn bằng 02 của ngành khác tại trường, hoặc có thể chuyển sang ngành khác phù hợp với khả năng hay sở thích mà không cần phải học lại từ đầu, những tín chỉ nào đã hoàn tất sẽ không phải học lại. Từ năm 2017, thực hiện điều chỉnh chương trình theo Luật Giáo dục Nghề nghiệp, Nhà trường vẫn bám sát mục tiêu liên thông giữa các trình độ và liên thông giữa các ngành gần để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người học.

Nhận định:

Chương trình đào tạo của Nhà trường bám sát chương trình khung hoặc yêu cầu chuẩn đầu ra của Bộ quản lý chuyên môn và đảm bảo tối đa tính liên thông giữa các trình độ trong hệ thống giáo dục quốc dân và liên thông giữa các ngành gần. Với chương trình đào tạo này Nhà trường hoàn toàn có thể đa dạng hóa các hình thức đào tạo đáp ứng nhu cầu người học bằng việc liên kết đào tạo với các trường đại học có chung ngành đào tạo trong khu vực.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả:

Chương trình đào tạo được Hội đồng Khoa học Nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với ý kiến, nhu cầu của các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức giáo dục nhằm đáp ứng nguồn nhân lực phát triển kinh tế xã hội của địa phương hoặc của cả nước. Năm 2015, Nhà trường đã chuyển đổi chương trình đào tạo từ phương thức đào tạo niên chế sang hoàn toàn tín chỉ nhằm lấy người học làm trung tâm, nâng cao tính tự học tự nghiên cứu của người học (MC 4.7.1). Đầu năm 2017, dưới sự quản lý chuyên môn từ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Nhà trường lại

tiếp tục chuyển hướng giáo dục nghề nghiệp, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo mới, tích hợp được nhiều nội dung thực hành, thực tiễn cho người học nhằm đáp ứng ngay nhu cầu làm việc hiệu quả ngay sau khi tốt nghiệp ra trường (MC 4.7.2; MC 4.7.3).

Phân tích:

Việc điều chỉnh, định hướng chương trình đào tạo luôn được thực hiện với sự tham khảo từ các khoa chuyên ngành, ý kiến chuyên môn của các trường, doanh nghiệp tuyển dụng. Chương trình đào tạo dù được bổ sung điều chỉnh nhưng vẫn phải rà soát nghiên cứu thường xuyên vì việc lấy ý kiến phản hồi từ người học sau khi tốt nghiệp và từ các tổ chức, nhà tuyển dụng vẫn chưa được triệt để và không phải lúc nào cũng đạt hiệu quả cao như mong đợi.

Nhận định:

Trong thời gian qua, Nhà trường đã nhiều lần rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo. Định hướng trong thời gian tới, Nhà trường sẽ tăng cường tham khảo, nghiên cứu chương trình đào tạo tiên tiến cả trong và ngoài nước cùng các biện pháp kiểm tra đánh giá sao cho hiệu quả nhất. Nâng cao biện pháp thu thập cơ sở dữ liệu của người học sau khi tốt nghiệp được chính xác, cập nhật thường xuyên nhất, và đặc biệt là đẩy mạnh hoạt động lấy ý kiến các tổ chức, chuyên gia giáo dục, đặc biệt là các nhà tuyển dụng để các chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện, thực tiễn hơn, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: *Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.*

Mô tả:

Năm 2011, Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra cho 7 ngành đào tạo hệ cao đẳng chính quy (MC 4.8.1). Các chương trình này được đào tạo theo hình thức đào tạo niên chế. Đến năm 2015, sau khi cân nhắc, Nhà trường đã quyết định thực hiện chuyển đổi sang hình thức đào tạo tín chỉ. Phương thức đào tạo này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học như tăng cường tính chủ động cho người học, cơ chế đào tạo linh hoạt, tăng cường kỹ năng tự nghiên cứu đối với người học (MC 4.8.2). Cùng với việc chuyển đổi phương thức đào tạo, Nhà trường tiến hành rà soát nội dung giảng dạy, điều chỉnh thời lượng các môn học cho phù hợp, điều chỉnh số lượng tín chỉ tích lũy toàn khóa. Tuy nhiên việc cập nhật các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành nghề đào tạo vẫn còn hạn chế. Năm 2017, thực hiện cơ chế chuyển đổi về quản lý nhà nước từ Bộ Giáo dục và Đào tạo sang Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Nhà

trường tiến hành rà soát chỉnh sửa lần nữa các chương trình đào tạo theo quy định mới và cân nhắc việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến (MC 4.8.3; MC 4.8.4).

Phân tích:

Để cải thiện chất lượng và dịch vụ đào tạo, Nhà trường đã thực hiện nhiều đợt nghiên cứu, rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo cũng như nội dung đào tạo cho thích ứng với tình hình mới. Việc chuyển đổi phương thức đào tạo với cơ chế đào tạo linh hoạt giúp người học chủ động hơn trong kế hoạch học tập. Tuy nhiên việc cập nhật thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào chương trình vẫn còn hạn chế. Nhiều lĩnh vực công nghệ có tính thương mại nên Nhà trường chưa có điều kiện hợp tác trao đổi tiếp cận kiến thức. Việc chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo mới chỉ dừng ở mức độ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học. Trong liên kết đào tạo ngoài nước, Nhà trường thực hiện một số hợp tác doanh nghiệp để xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn tuy nhiên vẫn chưa kết nối được các chương trình đào tạo nước ngoài vào chương trình đào tạo chính quy của Nhà trường. Từ năm học 2017, Nhà trường định hướng xây dựng chương trình đào tạo theo định hướng chú trọng kỹ năng thực hành cho người học theo quy định của Bộ chủ quản, theo đó việc ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào nội dung đào tạo sẽ được xem xét và đầu tư đúng mức.

Nhận định:

Trong thời gian qua, Nhà trường đã thực hiện một số rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng và dịch vụ đào tạo, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Việc điều chỉnh chương trình xoay quanh đổi mới phương thức đào tạo giúp người học chủ động hơn trong kế hoạch học tập, tuy nhiên chưa đủ điều kiện để đưa các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành nghề giảng dạy vào trong chương trình đào tạo. Ngoài ra, trong các năm qua, Nhà trường vẫn chưa có điều kiện nghiên cứu tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến từ ngoài nước và áp dụng vào chương trình đào tạo chính quy của Nhà trường. Định hướng từ năm 2017, Nhà trường sẽ có kế hoạch đầu tư áp dụng khoa học công nghệ vào chương trình giảng dạy, đặc biệt là các ngành trọng điểm, theo định hướng chú trọng đào tạo thực hành của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: *Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô-đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô-đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.*

Mô tả:

Nhà trường, căn cứ trên chương trình đào tạo hiện hành (MC 4.9.1), sau khi có quyết định trúng tuyển của mỗi đợt tuyển sinh đào tạo liên thông, Nhà trường đều thực

hiện rà soát các mô-đun, môn học, tín chỉ trong bảng điểm cá nhân của từng người học và so sánh đối chiếu với chương trình đào tạo. Từ đó Nhà trường ra quyết định và danh sách các mô-đun, môn học được công nhận kết quả và người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của họ (từ MC 4.9.2 đến MC 4.9.13).

Phân tích:

Chương trình đào tạo các ngành của Trường được thiết kế dựa trên chương trình khung của Bộ chủ quản về chuyên môn. Bên cạnh đó Nhà trường có tham khảo chương trình đào tạo các hệ đào tạo khác nhau của nhiều trường, ý kiến chuyên môn của các giảng viên hoặc cán bộ quản lý từ các trường đại học như Đại học Kiến Trúc Tp.HCM, Đại học Kiến Trúc Hà Nội, Đại học Bách Khoa Tp.HCM... vì vậy, tính liên thông giữa các hệ đào tạo là rất cao, hạn chế tối đa số mô-đun, môn học mà người học cần phải tích lũy khi vào học bậc học cao hơn.

Phần nhiều các chương trình đào tạo có sự liên thông về các khối kiến thức các môn chung, các môn cơ sở ngành. Một khó khăn không nhỏ trong đào tạo liên thông là hiện nay có rất nhiều chương trình đào tạo của các trường theo các thế mạnh ưu điểm khác nhau nên việc xét công nhận môn học được miễn học là tương đối khó khăn, đặc biệt là các môn học chuyên ngành.

Nhận định:

Tôn chỉ của Nhà trường khi đào tạo liên thông là tăng cường tham khảo, nghiên cứu chương trình đào tạo cũng như hợp tác đào tạo với các trường đại học, cao đẳng và trung cấp có cùng chuyên ngành đào tạo trong khu vực. Từ đó, phối hợp xây dựng chương trình đào tạo liên thông theo hướng mềm dẻo nhằm giúp cho người học giảm thiểu tối đa chi phí và thời gian.

Định hướng Nhà trường là đẩy mạnh hoạt động đào tạo liên thông để tạo cơ hội cho các đối tượng khác nhau trong xã hội có thể tham gia chương trình học. Nhằm phát triển các hoạt động đào tạo liên thông được hiệu quả, Nhà trường sẽ định kỳ tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm các hoạt động đào tạo liên thông.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: *Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo.*

Mô tả:

Toàn bộ các ngành nghề đào tạo của Nhà trường hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (MC 4.10.1; MC 4.10.2) và các ngành nghề này đã có chương trình đào tạo được ban hành. Mỗi một chương trình đào tạo, Nhà trường đã giao trách nhiệm cho các Khoa/Bộ môn thực hiện xây dựng hệ thống giáo trình giảng dạy đầy đủ cho tất cả các mô-đun, môn học. Ngoài ra theo từng

thời điểm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường có trách nhiệm định hướng cho Nhà giáo thực hiện biên soạn các tài liệu, giáo trình giảng dạy như là một nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Đến nay toàn bộ các mô đun, môn học đều có giáo trình để phục vụ giảng dạy (MC 4.10.3; MC 4.10.4).

Phân tích:

Căn cứ vào chương trình đào tạo đã được Nhà trường phê duyệt, các Khoa/Bộ môn tiến hành họp thống nhất về giáo trình được chọn để giảng dạy các mô đun, môn học. Giáo trình giảng dạy được sử dụng từ hai nguồn tài liệu: giáo trình tham khảo bên ngoài và giáo trình do Nhà giáo biên soạn. Việc lựa chọn giáo trình bên ngoài do Khoa/Bộ môn họp thống nhất chọn lựa. Việc biên soạn giáo trình căn cứ vào tình hình thực tế đối với các môn học chưa có tài liệu giảng dạy Khoa/Bộ môn sẽ đăng ký với Hội đồng Khoa học và Đào tạo và phân công Nhà giáo thực hiện như một nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Các giáo trình được lưu hành nội bộ hoặc có thể được đăng ký xuất bản. Định kỳ hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế trong giảng dạy và nhu cầu của người học, của nhà tuyển dụng, các Khoa/Bộ môn xem xét lại nội dung các mô đun, môn học cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Tất cả các môn học hiện nay đều có đủ giáo trình, được lưu trữ tại dưới dạng cơ sở dữ liệu và dạng bản in. Bên cạnh việc biên soạn, Khoa/Bộ môn còn đề nghị Thư viện mua bổ sung các giáo trình và tài liệu tham khảo chuyên ngành tại các đơn vị khác để bổ sung nguồn tài liệu nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của giáo viên và sinh viên.

Nhận định:

Tất cả các môn học hiện nay nằm trong chương trình đào tạo đã được đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường đều có đủ giáo trình, được lưu trữ dưới dạng cơ sở dữ liệu hoặc bản in. Ngoài ra, Thư viện Nhà trường còn có nguồn tài liệu tham khảo bổ sung vào giáo trình giảng dạy phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập của Nhà giáo và sinh viên.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả:

Đến nay toàn bộ các mô đun, môn học thuộc các chương trình đào tạo của Nhà trường đều có giáo trình để phục vụ giảng dạy (MC 4.11.1; MC 4.11.2). Các giáo trình được lựa chọn một cách kỹ càng do các Khoa/Bộ môn thực hiện, thông qua các buổi làm việc thống nhất trong đơn vị về chọn tài liệu chính thức làm giáo trình giảng dạy cho các môn học hoặc phân công biên soạn giáo trình đối với các môn học chưa có tài liệu giảng dạy (MC 4.11.3; MC 4.11.4). Việc biên soạn giáo trình giảng dạy được thực hiện theo quy định của công tác nghiên cứu khoa học.

Phân tích:

Giáo trình phục vụ đào tạo được Khoa/Bộ môn nghiên cứu chọn lựa hoặc biên soạn một cách kỹ lưỡng vì đây là yếu tố quyết định chất lượng đào tạo. Giáo trình phải bám sát đề cương giảng dạy môn học, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình và phải cập nhật tình hình thực tiễn phát triển kinh tế xã hội. Khoa/Bộ môn tổ chức các buổi họp lựa chọn giáo trình giảng dạy cho các trình độ khác nhau trong đó tiếp thu ý kiến từ các Nhà giáo có kinh nghiệm giảng dạy, có kiến thức chuyên ngành và đội ngũ quản lý. Đối với những môn học chưa có tài liệu giảng dạy, Khoa/Bộ môn thực hiện đăng ký với Hội đồng Khoa học và Đào tạo và giao cho Nhà giáo có chuyên môn sâu biên soạn giáo trình. Giáo trình này phải được lấy ý kiến đánh giá từ các thành viên của Khoa/Bộ môn, Hội đồng Khoa học Nhà trường xem xét tính khoa học và ứng dụng thực tiễn của giáo trình và nghiệm thu đưa giáo trình vào sử dụng. Định kỳ hằng năm Khoa/Bộ môn tổ chức rà soát, biên soạn lại hệ thống giáo trình, tài liệu của đơn vị cho phù hợp với phương thức đào tạo và thực tiễn, cập nhật kiến thức mới và các tiêu chuẩn ngành mới ban hành.

Nhận định:

Toàn bộ các chương trình đào tạo mà Nhà trường đang triển khai đều có đầy đủ giáo trình phục vụ giảng dạy. Giáo trình được chọn lựa từ hai hướng: chọn lựa tài liệu phù hợp với đề cương môn học làm giáo trình hoặc tổ chức biên soạn giáo trình. Khoa/Bộ môn là đơn vị chịu trách nhiệm lựa chọn hoặc biên soạn giáo trình. Quy trình lựa chọn hoặc biên soạn giáo trình được tổ chức chặt chẽ thông qua các buổi họp lấy ý kiến hoặc theo hướng dẫn của quy định nghiên cứu khoa học.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: *Giáo trình đào tạo cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.*

Mô tả:

Năm 2011, Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra cho 7 ngành đào tạo hệ cao đẳng chính quy. Các chương trình này được đào tạo theo hình thức đào tạo niên chế. Đến năm 2015, Nhà trường thực hiện chuyển đổi sang hình thức đào tạo tín chỉ (MC 4.12.1) và bổ sung thêm 1 ngành nghề. Ngoài ra Nhà trường còn có 3 ngành nghề đào tạo hệ trung cấp chính quy. Toàn bộ các chương trình đào tạo này đều có giáo trình giảng dạy (MC 4.12.3). Giáo trình được các Khoa/Bộ môn thực hiện chọn lựa kỹ càng (MC 4.12.2). Nội dung giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Phân tích:

Các giáo trình dạy học được biên soạn phù hợp với chương trình khung đào tạo của Bộ quản lý chuyên môn ban hành về mục tiêu đào tạo, nội dung kiến thức, kỹ năng

cần đạt được đối với người học. Giáo trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu cơ bản về chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp với từng mô đun, từng môn học theo quy định. Nhà trường đã thực hiện việc soạn thảo giáo trình cụ thể hoá được các yêu cầu về nội dung kiến thức kỹ năng cần đạt trong chương trình, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, thu thập từ những ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ, giáo viên và người học.

Nhận định:

Về cơ bản, các giáo trình đào tạo đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. Các giáo trình có kết cấu hợp lý, thiết kế logic, thường xuyên được hoàn thiện đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học. Một điểm hạn chế hiện nay là một số giáo trình vẫn còn tính “hàn lâm”. Để khắc phục hạn chế này, Khoa/Bộ môn cần chủ động tổ chức được các hội thảo, hội nghị chuyên đề để đánh giá giáo trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.13: *Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả:

Năm 2011, Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra cho 7 ngành đào tạo hệ cao đẳng chính quy. Các chương trình này được đào tạo theo hình thức đào tạo niên chế. Đến năm 2015, Nhà trường thực hiện chuyển đổi sang hình thức đào tạo tín chỉ (MC 4.13.1) và bổ sung thêm 1 ngành nghề. Ngoài ra Nhà trường còn có 3 ngành nghề đào tạo hệ trung cấp chính quy. Toàn bộ các chương trình đào tạo này đều có giáo trình giảng dạy (MC 4.13.3). Giáo trình được các Khoa/Bộ môn thực hiện chọn lựa kỹ càng (MC 4.13.2). Các giáo trình tạo điều kiện thuận lợi cho phương pháp dạy học tích cực.

Phân tích:

Giáo trình đào tạo được biên soạn theo phương pháp mở, đáp ứng linh hoạt nhu cầu đổi mới, cải tiến và đa dạng hoá các phương pháp giảng dạy tích cực như:

- + Phương pháp làm việc nhóm;
- + Phương pháp bể cá vàng;
- + Phương pháp sàng lọc;
- + Phương pháp đóng vai;
- + Phương pháp tình huống;
- + Phương pháp hỏi chuyên gia;

+ Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề....

Giáo trình đào tạo được biên soạn theo hướng lấy sinh viên làm trung tâm; giúp sinh viên chủ động, hoà nhập và tham gia tích cực vào bài giảng; nâng cao khả năng tư duy và sáng tạo của sinh viên; sinh viên tiếp thu kiến thức hiệu quả; nhà giáo có điều kiện tiếp cận, nắm bắt nhu cầu của sinh viên và có được phản hồi từ sinh viên.

Nhận định:

Giáo trình đào tạo hiện nay đáp ứng yêu cầu về nội dung kiến thức và tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực tự học của người học. Từ năm 2017 Khoa/Bộ môn sẽ hiệu chỉnh lại giáo trình phù hợp với chương trình giáo dục nghề nghiệp. Tất nhiên là giáo trình vẫn theo hướng mở, tạo điều kiện tốt nhất để nhà giáo thực hiện các phương pháp dạy học tích cực với sinh viên.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.14: *Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả:

Hiện nay các Khoa/Bộ môn đều có danh mục giáo trình được chọn phục vụ giảng dạy bao gồm giáo trình được chọn lựa từ các tài liệu phù hợp với đề cương môn học, môn học và giáo trình được Khoa/Bộ môn tổ chức biên soạn (MC 4.14.1). Định kỳ hàng năm Khoa/Bộ môn tổ chức họp thực hiện rà soát giáo trình giảng dạy để xem xét mức độ phù hợp của giáo trình so với thực tiễn (MC 4.14.2). Bên cạnh đó, Khoa/Bộ môn tổ chức lấy ý kiến của một số doanh nghiệp sử dụng lao động về tính phù hợp của giáo trình (MC 4.14.3). Tiếp thu và tổng hợp ý kiến đánh giá, Khoa/Bộ môn sẽ có những điều chỉnh cần thiết đối với giáo trình đào tạo (MC 4.14.4).

Phân tích:

Việc rà soát giáo trình là nhiệm vụ hằng năm của các Khoa/Bộ môn nhằm đảm bảo nội dung giảng dạy của các môn học đáp ứng mục tiêu đào tạo hoặc chuẩn đầu ra của chương trình. Việc lựa chọn giáo trình ban đầu được làm chặt chẽ đúng quy định, tuy nhiên qua thời gian giảng dạy mới có thể tổng kết rút kinh nghiệm, rà soát điều chỉnh giáo trình theo hướng phù hợp với phương pháp giảng dạy tích cực hơn, các nội dung cần được bổ sung cập nhật các kiến thức mới, các quy định mới ngoài xã hội và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của đơn vị sử dụng lao động. Các nội dung mang tính nghiên cứu chuyên sâu có thể giản lược vì không thích hợp với chuẩn đầu ra của hệ đào tạo. Nội dung giảng dạy của giáo trình phải nghiên về hướng thực hành nhiều hơn. Vì vậy, việc lấy ý kiến của các nhà giáo có trình độ, kinh nghiệm lâu năm, các cán bộ

quản lý của trường, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo là rất quan trọng. Một điểm hạn chế của việc rà soát điều chỉnh giáo trình là việc lấy ý kiến từ các doanh nghiệp chưa được nhiều, những kiến thức công nghệ mới chưa được đưa vào giảng dạy cho sinh viên vì vấn đề thương mại. Để khắc phục hạn chế này Nhà trường phải có kế hoạch dài hạn tập trung hợp tác với doanh nghiệp thì người học mới có cơ hội tiếp cận kiến thức mới.

Nhận định:

Giáo trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở theo các quy định hiện hành, có sự tham gia của các nhà giáo có trình độ, kinh nghiệm lâu năm, các cán bộ quản lý của trường, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động và người đã tốt nghiệp. Giáo trình được rà soát điều chỉnh thường xuyên nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo. Mặt hạn chế của việc rà soát giáo trình đào tạo hiện nay là việc tham khảo ý kiến từ doanh nghiệp chưa sâu rộng. Trong thời gian tới, Nhà trường đang điều chỉnh chương trình đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục Nghề nghiệp, giáo trình cũng sẽ được điều chỉnh, thông qua định hướng hợp tác doanh nghiệp, Nhà trường mong đợi những hạn chế của biên soạn giáo trình sẽ được khắc phục.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.15: *Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.*

Mô tả:

Năm 2015, Nhà trường ban hành chương trình đào tạo chính quy hệ cao đẳng theo hình thức đào tạo tín chỉ thay cho chương trình đào tạo theo hình thức niên chế từ năm 2011 và chương trình đào tạo chính quy hệ trung cấp. Năm 2017, Nhà trường điều chỉnh chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục Nghề nghiệp và bổ sung thêm ngành đào tạo mới. Trong các đợt điều chỉnh chương trình nêu trên, các Khoa/Bộ môn thực hiện hợp đơn vị rà soát và điều chỉnh lại giáo trình đào tạo cho phù hợp với chương trình mới (MC 4.15.1). Việc điều chỉnh giáo trình vẫn lấy ý kiến từ đóng góp từ cán bộ quản lý và đại diện các doanh nghiệp.

Phân tích:

Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, Khoa/Bộ môn đều có kế hoạch rà soát, thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định. Căn cứ vào các kết quả khảo sát từ nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp, sinh viên đã tốt nghiệp, Khoa/Bộ môn tiến hành công tác biên soạn dự thảo về thay đổi giáo trình đào tạo rồi chuyển dự thảo này cho các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp sẽ cho ý kiến tham vấn và Khoa/Bộ môn tiến hành hội thảo về điều chỉnh giáo trình đào tạo với sự tham gia của các thành viên là nhà giáo, cán bộ quản lý, nhà

khoa học chuyên môn, doanh nghiệp, sinh viên đã tốt nghiệp để góp ý tổng thể về những thay đổi của giáo trình đào tạo. Sau khi có kết quả hiệu chỉnh giáo trình đào tạo, Khoa/Bộ môn báo cáo Hội đồng Khoa học và Đào tạo để chính thức đưa vào sử dụng.

Nhận định:

Giáo trình đào tạo được rà soát điều chỉnh mỗi khi Nhà trường có sự thay đổi về chương trình đào tạo. Khoa/Bộ môn là đơn vị chủ trì thực hiện rà soát điều chỉnh giáo trình. Việc điều chỉnh có sự tham vấn ý kiến của doanh nghiệp, Khoa/Bộ môn thực hiện tổng hợp góp ý kiến, thực hiện điều chỉnh giáo trình và báo cáo Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường đưa giáo trình vào sử dụng.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.5. TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Song song với việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên để phát triển Nhà trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đã không ngừng đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hằng năm, Nhà trường bổ sung, sửa chữa mua sắm trang thiết bị hiện đại trang bị cho phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm.

Công tác quản lý cơ sở vật chất, thiết bị thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về sử dụng và quản lý tài sản công. Ký túc xá khang trang, sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu người học. Trường có đầy đủ các biện pháp để bảo vệ tài sản và an toàn cho người học, công tác an ninh trật tự được đảm bảo tốt.

Điểm hạn chế của công tác quản lý giám sát hoạt động cung ứng vật tư phục vụ đào tạo là Nhà trường chưa xây dựng được định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế kỹ thuật để quản lý một cách chặt chẽ hoạt động cấp phát vật tư phục vụ đào tạo.

Trong thời gian tới, Nhà trường có kế hoạch tăng cường đầu tư thiết bị cơ sở vật chất để đáp ứng trường cao đẳng chất lượng cao, với mục tiêu trở thành trường trọng điểm khu vực phía Nam, là nơi cung cấp nguồn nhân lực ngành xây dựng trong phạm vi cả nước và ASEAN.

Tiêu chuẩn 5.1: *Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả:

Trường Cao đẳng Xây dựng TP.HCM tọa lạc trên đường Võ Văn Ngân, vị trí của trường cách ngã tư Thủ Đức 01km, do vậy về giao thông rất thuận lợi, an toàn và phù hợp với quy hoạch chung của vùng (MC 5.1.1; MC 5.1.2)

Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại.

Phân tích:

Trường Cao đẳng Xây dựng TP.HCM được thiết kế dựa trên tiêu chuẩn TCVN 3981-1985 (*Tiêu chuẩn thiết kế trường đại học*) bao gồm: Khu thể dục thể thao được bố trí liên hệ trực tiếp với khu học tập và khu sinh hoạt của học sinh. Khu học tập đảm bảo yên tĩnh cho việc học tập và nghiên cứu, không bị chấn động, nhiễu loạn điện từ khói và hơi độc, không gần nhà máy xử lý nước thải cũng như các xí nghiệp độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ, học sinh và đến các thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu và có đường giao thông thuận tiện, bảo đảm cho việc đi lại của cán bộ, học sinh, cho việc vận chuyển vật tư, thiết bị kỹ thuật và sinh hoạt của trường.

Vị trí của nhà Trường thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, hơi, thông tin liên lạc v.v... từ mạng lưới cung cấp chung của thành phố và các điểm dân cư, giảm chi phí về đường ống, đường dây. Mặt khác khu đất thoáng, cao ráo, ít tốn kém về biện pháp xử lý móng công trình hay thoát nước khu vực.

Nhận định:

Với các nội dung nêu trên thì vị trí và địa điểm của nhà Trường phù hợp với các tiêu chuẩn đưa ra.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: *Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.*

Mô tả:

Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên Trường Cao đẳng Xây dựng TP.HCM hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định. Trường Cao đẳng Xây dựng TP.HCM được thiết kế dựa trên tiêu chuẩn TCVN 3981-1985 (*Tiêu chuẩn thiết kế trường đại học*) (từ MC 5.2.1 đến MC 5.2.5).

Phân tích:

Mặt bằng tổng thể của Trường thiết kế hoàn chỉnh, giải quyết tốt nhu cầu sử dụng trước mắt và phát triển về tương lai, các công trình xây dựng cố định đảm bảo. Mật độ xây dựng của khu học tập là 23,665% nằm trong giới hạn từ 20 đến 25%. Hiện tại hàng rào và khuôn viên cây xanh của nhà Trường cách trục đường chính Võ Văn Ngân là 15m nằm trong phạm vi cho phép (*Theo quy định thì Các ngôi nhà và công trình học tập của trường đại học phải cách đường đỏ ít nhất là 15m*).

Khu đất xây dựng Trường, không có các đường cao tốc, đường giao thông chính và các đường phố chia cắt, có luồng người đi bộ và giao thông xe cộ trong Trường. Trong khuôn viên nhà Trường có bãi đỗ xe ô tô ngoài trời, nhà để xe máy, xe đạp và các phương tiện giao thông khác. Diện tích khoảng 1200 m².

Xung quanh khuôn viên Trường được xây dựng bằng hệ thống tường rào cố định. Mặt trước sử dụng hệ song sắt liên kết với cột bê tông cốt thép, mặt bên và mặt sau sử dụng hệ tường gạch liên kết với cột bê tông cốt thép. Kết cấu tường rào đều được cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Mặt khác diện tích vườn hoa, cây xanh chiếm 56,6% nằm trong giới hạn cho phép (*Theo quy định thì khoảng 40% diện tích toàn bộ khu trường*).

Nhận định:

Với các nội dung nêu trên thì quy hoạch của nhà Trường phù hợp với các tiêu chuẩn đưa ra.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: *Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.*

Mô tả:

Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của Trường theo tiêu chuẩn: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo (MC 5.3.1; MC 5.3.2).

Phân tích:

Khu học tập và nghiên cứu (Phòng học lý thuyết, thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn) đều được thiết kế đúng theo tiêu chuẩn TCVN 3981: 1985: Đối với phòng 75 chỗ chiều cao 4,2 m; phòng học dưới 75 chỗ chiều cao 3,3 đến 3,6 m.

Khu thực hành (Xưởng thực hành, thực tập, vườn thí nghiệm): Đều được thiết kế đúng theo tiêu chuẩn TCVN 3981: 1985: Đều được bố trí các tầng trên mặt đất. Lối đi của các dãy bàn đều được thiết kế theo tiêu chuẩn (Giữa các dãy bàn là 70 cm; Giữa bàn và tường là 50 cm; Giữa bàn trên và bàn dưới khi làm việc một hàng là 80 cm; Giữa bàn trên và bàn dưới khi làm việc 2 hàng là 160 cm)

Khu rèn luyện thể chất, khu hành chính quản trị và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo: Khu hành chính quản trị có diện tích $7\text{m}^2/\text{học sinh}$ (đối với các trường có tổng sinh viên là 2000 đến 4000). Nhà trường có khu rèn luyện thể chất ngoài trời 900m^2 giành cho sinh viên học giáo dục quốc phòng. Hành lang đi lại được thiết kế theo tiêu chuẩn 1,4 m. Khu nhà ở học sinh – sinh viên được thiết kế đúng tiêu chuẩn đảm bảo cho quá trình sinh hoạt của sinh viên – học sinh (MC 5.3.1). Khu nhà xe được thiết kế đúng theo quy định $0,9\text{m}^2/\text{xe}$. Ngoài ra trường còn có căn tin rộng 200m^2 phục vụ nhu cầu của học sinh – sinh viên.

Nhận định:

Với các nội dung nêu trên thì khu học tập, làm việc khu thực hành thực tập và khu nhà ở học sinh sinh viên của nhà Trường phù hợp với các tiêu chuẩn đưa ra.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Phân tích:

Hệ thống đường giao thông nội bộ được thiết kế đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn về bề rộng làn đường, số làn đường trong khuôn viên Trường theo bản vẽ quy hoạch (MC 5.4.1). Hệ thống điện, cấp thoát nước: Được thiết kế đúng theo tiêu chuẩn TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong công trình, TCVN-27-1991: Tiêu chuẩn lắp đặt thiết bị điện trong nhà và công trình công cộng. Đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt của toàn thể cán bộ công nhân viên và các em học sinh toàn Trường theo bản vẽ thiết kế (MC 5.4.2).

Nhà trường đã hoàn tất hồ sơ hoàn công các khối công trình, mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và các chứng nhận thẩm duyệt cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh (MC 5.4.3; MC 5.4.4; MC 5.4.5; MC 5.4.6; MC 5.4.7)

Nhận định:

Với các nội dung nêu trên thì hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội bộ và toàn bộ hệ thống điện nước của nhà Trường phù hợp với các tiêu chuẩn đưa ra.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: *Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.*

Mô tả:

Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của Trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Phân tích:

Khu hành chính quản trị có diện tích $7\text{m}^2/\text{học sinh}$ (đối với các trường có tổng sinh viên là 2000 đến 4000). Nhà trường có khu rèn luyện thể chất ngoài trời 900 m^2 dành cho sinh viên học giáo dục quốc phòng. Hành lang đi lại được thiết kế theo tiêu chuẩn 1,4 m. Khu nhà ở học sinh – sinh viên được thiết kế đúng tiêu chuẩn đảm bảo cho quá trình sinh hoạt của sinh viên – học sinh (MC 5.5.2). Khu nhà xe được thiết kế đúng theo quy định $0,9\text{ m}^2/\text{xe}$. Ngoài ra trường còn có căn tin rộng 200 m^2 phục vụ nhu cầu của học sinh – sinh viên.

Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng Nhà trường đầy đủ (MC 5.5.1). Yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo giai đoạn 2013-2018 (MC 5.5.3). Báo cáo định kỳ cơ sở vật chất giữa năm và cuối năm (MC 5.5.4).

Nhận định:

Khu học tập và nghiên cứu (Phòng học lý thuyết, thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn), khu thực hành (Xưởng thực hành, thực tập, vườn thí nghiệm): đều được thiết kế đúng theo tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.*

Mô tả:

Trường có bộ phận quản lý, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị, máy móc phục vụ cho công tác đào tạo, trang thiết bị đảm bảo về số lượng, chất lượng và đa dạng về

chủng loại, có đội ngũ nhân viên kỹ thuật với tay nghề cao, nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo trì bảo dưỡng thiết bị. Nhà trường xây dựng và thực hiện thường xuyên quy định về bảo trì, bảo dưỡng thiết bị phục vụ đào tạo, nhằm nâng cao việc bảo quản và đưa vào sử dụng một cách có hiệu quả nhất thiết bị dạy học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường cũng như kéo dài tuổi thọ của trang thiết bị máy móc hạ tầng kỹ thuật...(từ MC 5.6.1 đến MC 5.6.3).

Phân tích:

Trường có danh mục trang thiết bị máy móc bao gồm số lượng, chất lượng chủng loại khác nhau. Trường có các quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo và tổ chức thực hiện đều đặn, thường xuyên, đúng thời gian tiến độ đề ra. Công tác quản lý và bảo quản chặt chẽ không để tình trạng hư hỏng, mất mát xảy ra. Ngoài công tác thường xuyên là phục vụ đào tạo còn tham gia các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khắc phục những sự cố hư hỏng đột xuất để đáp ứng nhanh nhất nhu cầu sử dụng của giảng viên, sinh viên, học sinh. Kết hợp với các công ty cung cấp máy móc chuyên dụng lên kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, đo hiệu chỉnh chuẩn thông số kỹ thuật máy móc thiết bị. Đáp ứng được về nhu cầu sử dụng trang thiết bị trong công tác giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên, học sinh trong nhà trường.

Nhận định:

Trang thiết bị đáp ứng về chủng loại, thời gian và công năng sử dụng. Thiết bị sử dụng công nghệ mới, hiện đại hàng năm Trường có kế hoạch đầu tư từng bước để bổ sung và từng bước hoàn thiện hơn nữa.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: *Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.*

Mô tả:

Nhà trường có vị trí thuận lợi trên mặt đường Võ Văn Ngân, với tổng diện tích đất là 15.302 m², được xây dựng 04 tòa nhà từ 2 đến 5 tầng và một số công trình cấp 4 phụ trợ. Hằng năm, Trường có phê duyệt kế hoạch cải tạo, sửa chữa các phòng học, phòng thực hành để đáp ứng nhu cầu về phòng học. Tổng số phòng học của Nhà trường hiện có 36 phòng học lý thuyết và 04 phòng máy tính để thực hiện học lý thuyết và thực hành, các phòng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ dạy và học như bàn ghế, âm thanh, ánh sáng, máy chiếu phục vụ tốt cho việc dạy và học.

Hiện nay, Trường có Trung tâm Đào tạo thực hành và ứng dụng công nghệ xây dựng tại phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ sở vật chất khang trang đáp ứng cho công tác đào tạo thực hành chuyên nghiệp các ngành nghề hoạt động xây dựng (MC 5.7.1; MC 5.7.2).

Phân tích:

Về cơ bản Nhà trường đã đáp ứng đủ phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo. Trường có các phòng thực hành, phòng học đặc thù; được đầu tư trang bị đầy đủ các trang thiết bị và học liệu phục vụ học tập của sinh viên, học sinh theo yêu cầu.

Hàng năm, Nhà trường phê duyệt kế hoạch và thực hiện việc mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị. Phòng thực hành máy tính được trang bị đủ trang thiết bị như điều hòa nhiệt độ, bàn ghế, bảng đặt chuẩn, thường xuyên cử cán bộ bảo dưỡng máy tính, giảng viên chuyên trách phụ trách và hướng dẫn học tập để đạt hiệu quả cao trong phục vụ dạy và học.

Môi trường, cảnh quan xung quanh khu vực trường và nhà ở khu ký túc xá được Nhà trường đầu tư hàng năm cải tạo, sửa chữa đảm bảo được thoáng mát, nhiều hệ thống cây xanh, cây cảnh, tạo không gian xanh, sạch, đẹp. Về mức độ đáp ứng, hiệu quả quản lý, sử dụng hệ thống các phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi thông qua trao đổi trực tiếp với sinh viên tại các cuộc đối thoại SV, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, hàng năm, giữa khóa và cuối khóa. Đồng thời đã tiến hành phát phiếu khảo sát SV trước khi tốt nghiệp về mức độ đáp ứng phòng học, phòng thực hành, đảm bảo ánh sáng, âm thanh, độ thông thoáng ... Kết quả được thể hiện qua điều tra 3 năm: khóa 2014-2016, được đánh giá tốt (MC 5.7.3). Một số phòng học đã được xây dựng từ thập niên 80 của thế kỷ XX, đến nay đã xuống cấp, tuy đã được cải tạo, sửa chữa nhưng chưa đồng bộ.

Nhận định:

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục đầu tư kinh phí để cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy và học cho đồng bộ hơn như: thư viện điện tử, trang bị thêm máy tính, máy chiếu, nâng cấp hệ thống wifi trong toàn Trường; có quy chế cụ thể để khai thác sử dụng hiệu quả hơn các phòng học, phòng thực hành trong thời gian tới.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: *Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.*

Mô tả:

Căn cứ vào nhiệm vụ và chỉ tiêu đào tạo hàng năm, Trường lập kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị phục vụ đào tạo. Các trang thiết bị được giao về cho các khoa

chuyên ngành để thuận lợi trong quá trình sử dụng, đào tạo (Khoa Xây dựng; Bộ môn Vật liệu Xây dựng; Trung tâm đào tạo thực hành và ứng dụng công nghệ xây dựng; Trung tâm nước...). Hàng năm khi Trường tiến hành mở ngành mới thì trang thiết bị được rà soát và bổ sung để đáp ứng ngành nghề. Đối với các ngành nghề chưa có danh mục và thiết bị tối thiểu thì căn cứ vào nhu cầu thực tế, các đơn vị chuyên môn chuyên ngành sẽ đề xuất danh mục để cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo. (MC 5.8.1; MC 5.8.2).

Phân tích:

Các thiết bị đào tạo hàng năm đều đưa ra sử dụng theo các ngành học và bậc học và được học sinh, sinh viên đánh giá phù hợp và đáp ứng được yêu cầu. Công tác đào tạo lý thuyết ngoài các trang thiết bị công cụ phục vụ giảng viên còn giới thiệu các mô hình để quá trình đào tạo được sinh động hơn và sát với thực tế hơn. Đối với giờ học thực hành, sinh viên – học sinh xuống các xưởng, phòng mô hình trực tiếp thực hành trên các trang thiết bị, mô hình của Trường đã đầu tư theo ngành học, bậc học (MC 5.8.3).

Hiện nay, được sự quan tâm của Bộ Xây dựng, Nhà trường đang triển khai lập một số đề án, dự án để đẩy mạnh phương pháp học thiên thực hành. Do vậy nhu cầu về trang thiết bị phục vụ đào tạo được Trường quan tâm và đưa lên hàng đầu trong việc đầu tư cơ sở vật chất...

Nhận định:

Đối chiếu vào ngành nghề đào tạo và đề cương môn học, Trường đã và đang đầu tư máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo chuyên ngành. Với các nội dung nêu trên, về danh mục thiết bị phục vụ đào tạo của Trường phù hợp với tiêu chuẩn đưa ra.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.9: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn thuận tiện cho việc đi lại, vận hành bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.*

Mô tả:

Trang thiết bị được bảo quản, bố trí lắp đặt một cách: hợp lý, khoa học, an toàn, thuận tiện cho việc vận hành sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng (MC: 5.9.1). Tủ bảo quản, sơ đồ sắp xếp vị trí đảm bảo yêu cầu về bảo quản, sư phạm, an toàn về PCCC, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường (MC 5.9.2). Hồ sơ thiết bị, hệ thống điện nước có đầy đủ (MC 5.9.3).

Phân tích:

Phòng lưu trữ bảo quản trang thiết bị được bố trí hợp lý, rộng rãi, thoáng mát, thuận tiện cho việc đi lại và không có vật cản trở. Tủ, kệ đựng thiết bị được thiết kế

vững chắc, cao ráo, bố trí khoảng cách hợp lý thuận tiện trong quá trình bảo trì bảo dưỡng. Các dãy bàn học, máy vi tính, máy chiếu được lắp đặt sắp xếp gọn gàng, khoa học đảm bảo các yêu cầu về sự phạm. Nhà trường đang triển khai một số hạng mục cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng thời đầu tư trang bị một số trang thiết bị mới với công nghệ hiện đại nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác đào tạo.

Nhận định:

Công tác tổ chức, bố trí thiết bị phục vụ đào tạo bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo các yêu cầu sự phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.10: *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.*

Mô tả:

Thực hiện thường xuyên công tác quản lý, báo cáo, bảo trì và đánh giá tình trạng trang thiết bị phục vụ đào tạo từ đó có đề xuất và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng (MC 5.10.1). Trường có quy định về bảo trì bảo dưỡng thiết bị phục vụ đào tạo nhằm nâng cao tuổi thọ, thời gian cũng như hiệu quả cao nhất trong quá trình sử dụng. (MC 5.10.2)

Phân tích:

Trang thiết bị đều có sổ sách quản lý, nhật ký theo dõi sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng được cập nhật rõ ràng, cụ thể và thường xuyên. Các chế độ bảo dưỡng, bảo trì được thực hiện đúng theo quy định, quy trình của nhà trường và nhà sản xuất. Trang thiết bị được sử dụng đúng công năng và mục đích. Hàng năm bộ phận chức năng thực hiện công tác báo cáo, kiểm kê và đánh giá về tình hình sử dụng trang thiết bị từ đó đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tối ưu nhất, thường xuyên cập nhật thông tin, công nghệ mới từ đó có những đề xuất cải tiến, đầu tư mới nhằm đáp ứng kịp thời xu hướng phát triển của xã hội, bồi dưỡng, hướng dẫn cho người sử dụng trang thiết bị đúng công năng, mục đích nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đồng thời tăng tuổi thọ và độ bền của thiết bị.

Nhận định:

Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá hàng năm trang thiết bị phục vụ đào tạo có quy định rõ ràng và được thực hiện thường xuyên. Bộ phận phụ trách thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và báo cáo thường xuyên cho lãnh đạo Nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.11: *Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.*

Mô tả:

Bộ phận phụ trách thiết bị thực hiện định kỳ và thường xuyên công tác báo cáo đánh giá tình trạng trang thiết bị phục vụ đào tạo từ đó có đề xuất và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng (MC 5.11.4). Nhà trường ban hành quy định về bảo trì bảo dưỡng thiết bị phục vụ đào tạo nhằm nâng cao tuổi thọ, thời gian cũng như hiệu quả cao nhất trong quá trình sử dụng (MC 5.11.1). Danh mục thiết bị đầy đủ, rõ ràng (MC 5.11.2). Hồ sơ, sơ đồ bố trí, sổ theo dõi giao nhận thiết bị phục vụ đào tạo (MC 5.11.3).

Phân tích:

Trang thiết bị đều có nguồn gốc, xuất xứ, mã số rõ ràng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Sổ sách quản lý, nhật ký theo dõi sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng được cập nhật rõ ràng, cụ thể và thường xuyên. Các chế độ bảo dưỡng, bảo trì được thực hiện đúng theo quy định, quy trình của nhà trường và nhà sản xuất. Trang thiết bị được sử dụng đúng công năng và mục đích. Hàng năm bộ phận phụ trách thiết bị thực hiện công tác báo cáo, kiểm kê và đánh giá về tình hình sử dụng trang thiết bị từ đó đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tối ưu nhất.

Nhận định:

Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá hàng năm trang thiết bị phục vụ đào tạo được thực hiện chặt chẽ. Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, hướng dẫn cho người sử dụng trang thiết bị đúng công năng, mục đích nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đồng thời tăng tuổi thọ và độ bền của thiết bị, hướng xuyên cập nhật thông tin, công nghệ mới từ đó có những đề xuất cải tiến, đầu tư mới nhằm đáp ứng kịp thời xu hướng phát triển của xã hội.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.12: *Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.*

Mô tả:

Thực hiện định kỳ hàng năm về công tác kiểm kê tài sản, từ đó định giá khấu hao lại giá trị tài sản, trang thiết bị máy móc theo thời gian. Công tác giao nhận trang thiết bị máy móc phục vụ đào tạo có sổ sách đăng ký, ghi chép cụ thể, rõ ràng về chủng loại, đảm bảo về thời gian giao và trả. Được bảo quản, bố trí sắp xếp gọn gàng trong tủ, trên kệ, trong kho. Danh mục được đánh mã số và số thứ tự dễ nhận biết và quản lý chính

xác hơn đảm bảo phục vụ một cách nhanh chóng và hiệu quả đáp ứng kịp thời kế hoạch và tiến độ đào tạo (từ MC 5.12.1 đến MC 5.12.3).

Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm đề xuất vật tư phục vụ đào tạo (MC 5.12.4). Bộ phận phụ trách lập bảng kế hoạch cấp vật tư phục vụ đào tạo (MC 5.12.5), căn cứ vào kế hoạch giảng dạy của nhà giáo để cấp phát vật tư (MC 5.12.6). Kết thúc năm học thực hiện báo cáo tình hình cấp phát và sử dụng vật tư (MC 5.12.7).

Phân tích:

Việc thực hiện công tác cấp phát trang thiết bị theo kế hoạch đào tạo của Nhà trường, đáp ứng kịp thời nhanh chóng theo kế hoạch và tiến độ đào tạo đề ra. Sổ sách cấp phát và quản lý sử dụng vật tư, thiết bị được ghi chép cụ thể, rõ ràng về mã số, chủng loại. Vật tư, thiết bị được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, nơi khô ráo thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. Hàng năm Nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản từ đó định giá trị khấu hao còn lại của trang thiết bị vật tư, đề xuất thanh lý thiết bị, vật tư hư hỏng đã hết giá trị khấu hao theo quy định của nhà nước, đề xuất đầu tư mua mới trang bị thiết bị, vật tư bổ xung sau khi đã thanh lý thiết bị, vật tư hư hỏng và đã hết giá trị khấu hao.

Điểm hạn chế là Nhà trường chưa xây dựng định mức tiêu hao vật tư hoặc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo theo quy định Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Nhận định:

Nhà trường sẽ nhanh chóng khắc phục điểm hạn chế là chưa xây dựng định mức tiêu hao vật tư hoặc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo. Với việc xây dựng định mức, công tác sử dụng vật tư đào tạo sẽ hiệu quả hơn, hợp lý hơn.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.13: *Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.*

Mô tả:

Trung tâm Thông tin Thư viện được thành lập từ năm 2008, (từ MC 5.13.1 đến MC 5.13.3), diện tích gần 1000m², trong đó có 1 phòng tổng hợp và 1 kho lưu trữ, phòng nghiệp vụ thư viện. Đội ngũ nhân viên gồm 05 người, trong đó có 03 người tốt nghiệp chuyên ngành thư viện. Nhân viên thư viện thường xuyên được bồi dưỡng về công tác chuyên môn nghiệp vụ.

Trung tâm Thông tin Thư viện về cơ bản đáp ứng được các loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, phục vụ tương đối tốt các yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên và sinh viên (MC 5.13.4). Trung tâm có danh mục tài

liệu số (MC 5.13.5), có danh mục đề nghị duyệt mua hàng hằng năm (từ MC 5.13.6 đến MC 5.13.8).

Phân tích:

Tổng số đầu sách theo chuyên ngành cho đến hiện nay của Trung tâm Thông tin - Thư viện là 2.435 tên sách, tổng số bản sách là 22.088. Trong đó: Giáo trình 17.000 bản, sách tham khảo 4000 bản, sách điện tử khoản hơn 1000 bản. Tạp chí, luận văn. Luận án, báo cáo khoa học, báo cáo thực tập 14 tạp chí. Số đầu sách trung bình tính theo ngành đào tạo (7 ngành) là hơn 1.500 đầu sách/ngành đào tạo. Trung tâm Thông tin - Thư viện còn đặt mua báo và tạp chí các loại phục vụ cho nhu cầu của độc giả.

Một số hạn chế của Trung tâm là chưa đáp ứng đầy đủ các loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo theo từng chuyên ngành; phòng đọc của thư viện chỉ mới cơ bản đáp ứng được nhu cầu đọc tại chỗ của sinh viên; không gian tự học còn hạn chế, chưa có phòng học nhóm; phòng máy tra cứu chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện tiếp cận thông tin nhanh cho nhu cầu của bạn đọc; còn thiếu sách ngoại văn; báo giấy còn chưa đầy đủ về môn loại.

Nhận định:

Trung tâm Thông tin Thư viện về cơ bản đáp ứng được các loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, phục vụ tương đối tốt các yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Nguồn tài liệu điện tử, các cơ sở dữ liệu trực tuyến trong nước của Trung tâm là phong phú và đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc truy cập và download tài liệu mọi lúc mọi nơi. Trung tâm đã liên kết được với nhiều thư viện đại học, thư viện cao đẳng, thư viện công cộng trên địa bàn TP.HCM.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.14: *Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.*

Mô tả:

Trung tâm Thông tin Thư viện được thành lập từ năm 2008 (từ MC 5.14.1 đến MC 5.14.3), diện tích gần 1000 m², đội ngũ nhân viên gồm 05 người, về cơ bản đáp ứng được các loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, phục vụ tương đối tốt các yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên và sinh viên trong Trường. Tuy nhiên các loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo theo từng chuyên ngành đào tạo thì chưa hoàn toàn có đầy đủ.

Hàng năm Trung tâm thực hiện thống kê các loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tại Trung tâm, thực hiện đầu tư bổ sung tài liệu theo yêu cầu (MC 5.14.4; MC 5.14.5). Thực hiện báo cáo tình hình hoạt động (từ MC 5.14.6 đến MC 5.14.9).

Phân tích:

Hoạt động của Trung tâm luôn là hỗ trợ, tư vấn cho học sinh sinh viên trong việc tìm kiếm, tham khảo tài liệu, hỗ trợ học sinh sinh viên mượn sách đọc tại chỗ hoặc mượn về nhà. Các loại giáo trình được phân loại theo chuyên ngành riêng biệt giúp học sinh sinh viên dễ dàng trong việc tìm kiếm, có hướng dẫn cách sử dụng máy tính tra mục lục sách. Các giáo trình điện tử lưu hành nội bộ đều cho phép học sinh sao chép, làm tài liệu học tập. Trung tâm có ứng dụng phần mềm quản lý thư viện truyền thống, thư viện số giúp bạn đọc tra cứu, tìm kiếm tài liệu một cách nhanh chóng. Ngoài ra Trung tâm còn là nơi hỗ trợ nhà giáo, cán bộ quản lý nguồn tư liệu phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trung tâm có báo cáo kết quả theo từng năm học và định hướng phát triển cho năm tiếp theo.

Nhận định:

Vai trò của Trung tâm trong quá trình đào tạo là không thể phủ nhận sự hỗ trợ tối đa cho người đọc. Trong những năm học tới, Trung tâm sẽ có những định hướng phát triển bao gồm trang bị đầy đủ các loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo theo từng chuyên ngành; bổ sung sách ngoại văn; xây dựng kế hoạch mở thư viện Trường; bố trí thêm không gian tự học, học nhóm tại thư viện tạo điều kiện cho SV học tập tốt hơn nữa.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.15: *Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.*

Mô tả:

Nhà trường đã xây dựng trang web thư viện có tên miền: thuviencdxd2.edu.vn, hợp tác trang tài liệu trực tuyến vna: <http://tailieuso.thuviencdxd2.edu.vn/> (từ MC 5.15.1 đến MC 5.15.4). Qua trang thư viện số này cũng đã liên kết chia sẻ, sử dụng nguồn tài liệu khổng lồ của hơn 200 thư viện số các trường tham gia để phục vụ học tập, và nghiên cứu của Giảng viên, sinh viên trường. Với hơn 1.400.000 tài liệu điện tử (MC 5.15.5) Trung tâm đã chủ động chuyển các loại tài liệu nội sinh, tài liệu tham khảo liên quan lên trang tài liệu điện tử của trường.

Cùng với nguồn tài liệu bổ sung hàng năm, Trung tâm TT-TV còn liên kết với các thư viện của như Thư viện ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM, Trung tâm thông tin Thư viện Đại học Nguyễn Tất Thành TP.HCM, Tailieu.vn và liên kết chia sẻ với hơn 200 trường đại học, cao đẳng trên trang thư viện số trong nước có thể sử dụng những tài liệu chuyên sâu nhằm mục đích nghiên cứu; SV của các trường có thể tiếp cận được nhiều nguồn tài liệu chuyên ngành phong phú và đa dạng.

Phân tích:

Trung tâm đã xây dựng và ban hành tương đối đầy đủ các quy trình nghiệp vụ để phục vụ bạn đọc tại thư viện (Các quy trình nghiệp vụ tại Trung tâm), thư viện chính của Trường phục vụ bạn đọc từ 7h00 đến 16h30 hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6. Với tiện ích về hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ, các nguồn tài liệu điện tử từ phục vụ việc học tập và tham khảo của sinh viên đến các nguồn cơ sở dữ liệu chuyên sâu hơn phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu trong Trường. Trung tâm đã đầu tư phần mềm Quản lý và tra cứu tài liệu thư viện, thư viện điện tử tiện ích Hilib 6.0 (MC 5.15.6).

Trung tâm đã liên kết được với nhiều thư viện đại học, thư viện cao đẳng, thư viện công cộng trên địa bàn TP.HCM. Tuy nhiên Trung tâm hiện nay chưa có phòng máy tra cứu, học tập riêng cho bạn đọc.

Nhận định:

Trung tâm hoàn toàn đáp ứng được các loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, phục vụ tương đối tốt các yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; nguồn tài liệu điện tử phong phú và đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc truy cập và download tài liệu mọi lúc mọi nơi. Trong những năm học tới, Trung tâm TT-TV, Nhà trường sẽ có những định hướng phát triển xây dựng kế hoạch mở thư viện Trường; bố trí thêm không gian tự học, học nhóm tại thư viện tạo điều kiện cho SV học tập tốt hơn nữa, trang bị phòng tra cứu CSDL trực tuyến, tìm kiếm thông tin tài liệu trực tuyến.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: *Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế*

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Bên cạnh công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học là một phần trọng yếu của Nhà trường. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định: nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, thông qua nghiên cứu khoa học để xây dựng đội ngũ, phát triển năng lực khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhà trường đã thành lập Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế, ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó khuyến khích Nhà giáo tham gia nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó Nhà trường khuyến khích Nhà giáo đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ hằng năm, đẩy mạnh các hoạt động giao lưu tìm kiếm hợp tác với tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp từ trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo. Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đã phát huy được thế mạnh của toàn thể đội ngũ cán bộ giảng dạy trong việc gắn giảng dạy với nghiên cứu khoa học.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trong các năm qua đã có những bước phát triển đáng kể. Đội ngũ Cán bộ của Trường đã thực hiện nhiều đề tài cấp Bộ và cấp Trường. Các đề tài

nghiên cứu khoa học nhìn chung đều đạt chất lượng cao, được ứng dụng ngay trong chính Nhà trường cũng như đáp ứng nhu cầu kinh tế của doanh nghiệp ngoài xã hội. Trong thời gian gần đây các hoạt động hợp tác doanh nghiệp trong và ngoài nước được đẩy mạnh thông qua các ký kết hợp tác đào tạo, nhằm xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo thiết thực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề đặt ra trong công tác này như giáo trình, bài giảng phục vụ sinh viên chưa được phong phú, các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước vẫn chưa được nhiều, vấn đề sử dụng các phương tiện thiết bị hiện đại vào học tập và giảng dạy đối với giáo viên và sinh viên còn gặp nhiều khó khăn,...vẫn còn sự không tương xứng giữa tiềm năng nghiên cứu của đội ngũ cán bộ trong trường và số cán bộ có đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp Trường, cấp Bộ đến cấp Nhà nước. Nguyên nhân của tình trạng này, một phần do cán bộ giảng dạy phải đảm nhận một khối lượng giảng dạy lớn, một phần vì kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học và chế độ đãi ngộ người làm nghiên cứu khoa học chưa cao.

Trong khả năng và quyền hạn của mình, thời gian tới Trường sẽ tập trung vào đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên cũng như tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và đơn vị đào tạo trong và ngoài nước.

Tiêu chuẩn 6.1: *Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.*

Mô tả:

Việc tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến luôn được Nhà trường chú trọng. Nhà trường đã ban hành quy định rõ ràng về chế độ mà Nhà giáo và người học được thụ hưởng khi tham gia nghiên cứu khoa học (MC 6.1.1). Ngoài ra Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện Nhà giáo đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ ngành (MC 6.1.2; MC 6.1.3). Nhà trường bắt đầu triển khai công tác nghiên cứu khoa học vào đầu các năm học. Thời gian thực hiện các nghiên cứu khoa học cấp đơn vị là một năm, thời gian thực hiện các nghiên cứu khoa học cấp Bộ ngành từ 1 năm đến 2 năm tùy theo quy mô đề tài nghiên cứu. Kết thúc năm học Nhà trường thực hiện đánh giá và nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu khoa học.

Phân tích:

Hàng năm, các đề tài khoa học được Hội đồng khoa học nghiệm thu, quy đổi thành số giờ giảng dạy, nếu vượt số giờ tiêu chuẩn nghiên cứu khoa học thì được bảo lưu cho năm học kế tiếp. Nhà giáo thực hiện đề tài cấp Bộ ngành được miễn nghiên cứu khoa học cấp đơn vị và được sử dụng phần lớn kinh phí thực hiện. Tỷ lệ đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên đã nghiệm thu được ứng dụng thực tế trong công tác đào tạo và quản lý của nhà trường đạt khoảng 70%. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện

thuận lợi cho công tác nghiên cứu khoa học như trang bị cơ sở vật chất cho thư viện, phòng thí nghiệm nên đã động viên được đội ngũ cán bộ giảng dạy tham gia nghiên cứu khoa học với số lượng ngày càng đông và chất lượng đề tài ngày càng tốt. Đặc biệt Nhà giáo tham gia các kỳ thi tay nghề, thi giáo viên giỏi, thi Olympic đạt giải được khen thưởng và tuyên dương (MC 6.1.4). Kết thúc năm học, Nhà trường thực hiện tổng kết và nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học và yêu cầu các đơn vị đưa các sản phẩm nghiên cứu đạt chất lượng vào sử dụng (MC 6.1.5), bên cạnh đó Nhà trường cũng tổng kết các đề tài nghiên cứu cấp Bộ ngành (MC 6.2.6), thực hiện nghiệm thu cấp cơ sở, đề nghị thực hiện nghiệm thu cấp Bộ và đưa vào sử dụng. Các đề tài cấp Bộ nhìn chung đều đạt chất lượng cao.

Nhận định:

Tuy vẫn còn có một thiểu số cán bộ giảng dạy chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với các hoạt động NCKH của Nhà trường, số sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học còn ít, nhưng nhìn chung hoạt động nghiên cứu khoa học được duy trì rất tốt, đặc biệt các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ mà Nhà trường đăng ký đều thực hiện đúng tiến độ yêu cầu, được đánh giá đạt chất lượng và đưa vào ứng dụng. Trong các năm tới, Nhà trường sẽ ưu tiên phân bổ kinh phí cho các đề tài trọng điểm theo đúng định hướng chiến lược nghiên cứu khoa học của trường, kết hợp chặt chẽ với các Khoa/Bộ môn để kịp thời đưa ra các giải pháp nhằm giúp các đề tài đảm bảo tiến độ, chất lượng tốt và đáp ứng mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo tại trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: *Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).*

Mô tả:

Trong các năm qua, hầu hết cán bộ giảng dạy của trường đều thực hiện nghiên cứu khoa học các cấp. Các đề tài nghiên cứu khoa học của Nhà trường luôn gắn liền với mục tiêu, chương trình đào tạo như: đề cương các môn học, giáo trình, bài giảng, sách hướng dẫn học tập, các mô hình trực quan, ngân hàng đề thi... Không những thế, hàng năm cán bộ giảng dạy của Trường cũng đã tích cực đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (MC 6.2.1). Nội dung các đề tài này hầu hết đều phục vụ cho nhu cầu của chính Nhà trường như đề cương chi tiết chương trình cao đẳng chính quy, bài giảng điện tử, khảo sát nhu cầu xây dựng chương trình khung đào tạo (MC 6.2.2). Kết quả thực hiện đề tài đúng với yêu cầu đặt ra và đạt chất lượng để có thể sử dụng trong Nhà trường (MC 6.2.3)

Phân tích:

Hoạt động nghiên cứu khoa học của trường chiếm 90% gắn với mục tiêu, chương trình đào tạo. Trong các năm gần đây đã hoàn thành biên soạn giáo trình điện tử của 6 môn học cấp Bộ, biên soạn đề cương chi tiết của chương trình đào tạo ngành xây dựng theo học chế tín chỉ, nhiều giáo trình và bài giảng cấp đơn vị, biên soạn ngân hàng đề thi và ngân hàng câu hỏi thi, và nhiều đề tài về phát triển chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và quản lý; các giáo án kiểu cổ điển nay đã chuyển thành giáo án điện tử. Ở cấp Bộ, Trường đã thực hiện được một số đề tài quan trọng và được đánh giá cao, tập trung vào các nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề về phục vụ công tác đào tạo.

Nhận định:

Hàng năm Nhà trường khuyến khích Nhà giáo thực hiện nghiên cứu khoa học và việc chọn lựa nội dung đề tài phần lớn là thiết thực, phục vụ cho hoạt động đào tạo của chính Nhà trường. Nội dung đề tài là nhưng nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, giúp người học tích cực chủ động hơn, bên cạnh đó là cập nhật kiến thức bổ sung vào chương trình dạy, hoặc nghiên cứu xây dựng các chương trình đào tạo thiết thực đáp ứng nhu cầu xã hội. Nhà trường có kế hoạch nâng dần tỷ lệ kinh phí dành cho NCKH từ quỹ chi tiêu nội bộ hàng năm. Nhà trường cũng sẽ khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học nhiều hơn, để sinh viên có thể nghiên cứu độc lập sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: *Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.*

Mô tả:

Nhà trường luôn quan tâm, động viên các cán bộ giảng dạy đăng các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí chuyên ngành. Xuất bản sách cũng như viết bài báo đăng trên các tạp chí là một trong những quy định của Nhà trường đối với Nhà giáo. Tính đến nay Nhà trường đã có nhiều sách của Nhà giáo trong trường đã được xuất bản cũng như một số bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành (từ MC 6.3.1 đến MC 6.3.4).

Phân tích:

Trường đã có cơ chế khuyến khích các cán bộ giảng dạy có các công trình, bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành các cấp....Nhà giáo viết bài đăng tạp chí hoặc viết sách vừa nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học vừa nâng cao vị thế Nhà trường. Tuy nhiên, tồn tại hiện nay là số lượng cán bộ giảng dạy tham gia viết bài báo

chưa được nhiều. Hầu hết các bài báo hoặc sách được xuất bản chỉ tập trung ở những cán bộ giảng dạy đang làm nghiên cứu sinh.

Nhận định:

Việc viết sách và bài báo đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước được Nhà trường khuyến khích đối với tất cả cán bộ giáo viên, tuy nhiên số lượng hiện nay vẫn chưa được nhiều, hầu hết Nhà giáo viết sách và bài báo đều đang làm nghiên cứu sinh. Định hướng Nhà trường sẽ đưa ra quy định khuyến khích hơn đối với tất cả cán bộ giảng dạy về việc tham gia viết báo chuyên ngành vào các năm học tới. Bên cạnh đó Nhà trường sẽ khuyến khích và tạo điều kiện cho các cán bộ tham gia viết báo cáo và tham gia các hội thảo.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: *Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.*

Mô tả:

Hàng năm, các đề tài nghiên cứu khoa học của Nhà trường đặc biệt là các đề tài nghiên cứu khoa học đăng ký cấp Bộ đều có kết quả được ứng dụng vào thực tế để giải quyết các vấn đề đào tạo và phát triển kinh tế xã hội (MC 6.4.1). Đề tài biên soạn giáo trình điện tử được sử dụng để giảng dạy trong các trường Cao đẳng ngành xây dựng; đề tài khoan mở T được sử dụng ở các công ty cấp nước ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam; đề tài xây dựng đề cương chi tiết môn học theo học chế tín chỉ được sử dụng ở các Trường cao đẳng trực thuộc Bộ Xây dựng.

Phân tích:

Nhà trường đã xây dựng được hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện, triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ phù hợp với thực tiễn (MC 6.4.2), trong đó khuyến khích các đề tài có tính ứng dụng, đề tài có bằng sáng chế phát minh, đề tài được doanh nghiệp và xã hội chấp nhận. Các đề tài được sử dụng trong thực tiễn giúp tiết kiệm chi phí hoặc đem lại hiệu quả cho người sử dụng. Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch nghiên cứu ngắn hạn và dài hạn nhằm định hướng nghiên cứu phù hợp với chiến lược phát triển và đáp ứng được nhu cầu của các địa phương trong khu vực.

Nhận định:

Về cơ bản, các đề tài nghiên cứu khoa học ở phạm vi cấp Bộ của Nhà trường đều được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn. Định hướng trong thời gian tới, Nhà trường sẽ chủ động về nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học và có kế hoạch thực hiện các đề tài có tính ứng dụng thực tiễn nhiều hơn. Số đề tài NCKH cấp Bộ hiện nay vẫn còn quy mô nhỏ và phạm vi sử dụng chưa được rộng khắp. Nhà trường sẽ tăng

cường đầu tư cho các đề tài có tính thương mại để sử dụng nguồn chất xám của Nhà trường đem lại hiệu quả kinh tế.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.5: *Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả:

Những hoạt động hợp tác về đào tạo với các đối tác trong và ngoài nước đã góp phần làm tăng nguồn lực của trường. Từ năm 2007, vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Xây dựng đã giao cho Trường thành lập Trung tâm Đào tạo ngành nước tại miền Nam để thực hiện dự án do JICA (Nhật Bản) tài trợ với nội dung “Hợp tác kỹ thuật về đào tạo nguồn nhân lực để phát triển ngành nước cho các Công ty cấp nước phía Nam” (MC 6.5.1). Từ năm 2015, Trường đã ký kết hợp đồng hợp tác đào tạo với công ty Earth Construction Consultants, Nhật Bản để triển khai khóa Đào tạo Công nghệ Xây dựng Nhật Bản. Chương trình nhằm đào tạo tăng cường chuyên môn cho đối tượng kỹ sư xây dựng đã tốt nghiệp bậc cao đẳng và đại học các chuyên ngành xây dựng, kết hợp với giới thiệu việc làm tại Nhật Bản cho học viên sau khi tốt nghiệp (từ MC 6.5.2 đến MC 6.5.4). Ngoài ra, trong các năm qua, Nhà trường đã tổ chức tiếp đón và làm việc với rất nhiều đoàn là các doanh nghiệp, tổ chức, hiệp hội đến từ trong và ngoài nước.

Phân tích:

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế gắn với nghiên cứu khoa học và đào tạo. Tất cả các chương trình hợp tác đều gắn với mục tiêu và chương trình đào tạo của Nhà trường. Hiện nay, trung tâm Đào tạo ngành nước miền Nam vẫn là thành viên và thường xuyên đón tiếp cũng như tham gia các hoạt động do tổ chức JICA tổ chức. Chương trình công nghệ xây dựng Nhật Bản hiện nay đã khai giảng được 5 khóa với tổng số lượng hơn 100 học viên. Những học viên hoàn thành chương trình học đang làm việc tại các công ty Nhật Bản trong và ngoài nước. Trong khuôn khổ dự án này, Trường đã được phía công ty tài trợ khu thực tập công nghệ xây dựng theo tiêu chuẩn Nhật Bản bao gồm giàn giáo, cốp pha, các thiết bị đo lường, máy trắc địa, công cụ, dụng cụ thực hành lắp giàn giáo... Những đổi mới trong công tác hợp tác quốc tế trong thời gian gần đây đã thực sự có hiệu quả, nâng cao danh tiếng của nhà trường trong việc đào tạo gắn với thị trường lao động.

Nhận định:

Nhà trường xác định hoạt động hợp tác quốc tế là cơ hội tốt để phát triển Nhà trường. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục tìm kiếm và xây dựng quan hệ hợp tác với các trường đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu có liên quan để xây dựng và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo. Nhà trường có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh quan

hệ hợp tác với các nước tiên tiến trong lĩnh vực đào tạo để tiếp gửi kỹ sư đi tu nghiệp cũng như triển khai các chương trình du học tại chỗ nhằm tạo thêm nguồn lực cho trường và cơ hội phát triển chuyên môn cho cán bộ giảng viên và sinh viên.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: *Quản lý tài chính*

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Trường cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức thực hiện công tác quản lý tài chính theo đúng các quy định của pháp luật. Nhà trường đã có bộ phận kế toán chuyên trách là một phòng chức năng phòng Tài chính – Kế toán hoạt động chính là đảm nhận công tác chuyên môn nghiệp vụ của kế toán tài chính, tham mưu cho Ban giám hiệu về quản lý toàn bộ công tác tài chính kế toán của Trường, quản lý toàn bộ tài sản, tất cả nguồn thu của đơn vị theo quy định của pháp luật nhà nước về quản lý tài chính. Công tác quản lý tài chính của Trường đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Quản lý thống nhất các nguồn tài chính (thu và chi) của Trường các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ dạy học và một phần để đảm bảo tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cho cán bộ, giáo viên, viên chức, người lao động. Hàng năm, Trường dựa trên kế hoạch đào tạo để xây dựng dự toán thu chi ngân sách theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định đồng thời phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà Trường.

Công tác lập kế hoạch tài chính của Trường đạt chuẩn theo hướng dẫn về mẫu biểu quy định, đáp ứng yêu cầu về nội dung, phục vụ toàn bộ các hoạt động trong năm của nhà trường và chấp hành chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước. Công tác quản lý tài chính của Trường đã chấp hành thực hiện đúng quy định đảm bảo công khai, minh bạch chặt chẽ và triệt để tiết kiệm trong việc sử dụng tất cả các nguồn thu, các khoản chi tiêu hành chính. Quản lý thu, chi và thực hiện công tác hạch toán kế toán đúng các quy định về quản lý tài chính, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, đầy đủ và chính xác. Phối hợp với các phòng ban chức năng thực hiện đúng quy định trong việc thanh toán, mua sắm tài sản, trang thiết bị, vật tư thực tập trong công tác giảng dạy và trong học tập. Hướng dẫn chế độ kế toán, phổ biến các văn bản của Nhà nước về quản lý tài chính, tài sản đối với các đơn vị có hoạt động thu chi tài chính. Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng theo đúng quy định và được công bố công khai, minh bạch. Các nguồn thu tài chính hàng năm tại đơn vị đều được sử dụng đúng mục đích.

Quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật hàng năm qua hội nghị cán bộ công chức viên chức người lao động toàn đơn vị dựa trên cơ sở những văn bản hướng dẫn của Nhà Nước và tình thực tế của Trường. Quá trình thực hiện QCCTNB đã thực sự phát huy tác dụng hiệu quả và đảm bảo sự phát triển của Nhà Trường.

Tuy nhiên, Quy chế chi tiêu nội bộ chưa bao quát, chưa dự đoán hết các tình huống thu chi hoạt động của trường. Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng theo kế hoạch hoạt động của trường trong năm tới. Do tình hình kinh tế xã hội biến động mạnh, nên kế hoạch tài chính chưa thật sát với thực tiễn. Các nguồn thu chưa được khai thác triệt để từ các hoạt động đào tạo, dịch vụ khác, chỉ mới tập trung vào thu học phí của hệ đào tạo tại trường và kinh phí NSNN cấp.

Trong tương lai, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý và dự thảo các nội dung cần điều chỉnh theo đúng quy trình, tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, cập nhật tiến tới ra quyết định sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ sát thực tế hơn. Nhà trường cần đẩy mạnh công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán để nâng cao tính chính xác, trung thực và thể hiện đầy đủ những khoản thu, chi hạch toán, quyết toán theo chế độ quy định. Hạn chế được sai sót trong số liệu báo cáo quyết toán tài chính – ngân sách của đơn vị.

Để tạo nguồn thêm nguồn tài chính, trong những năm tiếp theo, nhà trường duy trì thực hiện tốt việc tìm kiếm thêm các hợp đồng đào tạo tận nơi, đào tạo kết hợp thực tập sản xuất nhằm gắn đào tạo với nhu cầu xã hội.

Tiêu chuẩn 7.1: *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.*

Mô tả:

Nhà trường đã ban hành những quy định cụ thể về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính như: Quy chế chi tiêu nội bộ (MC 7.1.1), Quy định về thủ tục và quy trình thanh toán tài chính (MC 7.1.2), Hướng dẫn thủ tục thanh toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu khoa học (MC 7.1.3).

Quy chế chi tiêu nội bộ được thống nhất và ban hành hàng năm, thể hiện những quy định của Nhà Trường về các nguồn thu và biện pháp phân phối nguồn thu, định mức, chế độ chi tiêu cụ thể đến từng nội dung hoạt động thường xuyên của nhà trường.

Những nội dung trong quy chế chi tiêu nội bộ căn cứ trên các văn bản, nghị định, quyết định được Nhà nước ban hành, và dẫn chứng trong từng nội dung cụ thể, căn cứ vào tình hình tài chính hiện tại hàng năm của nhà trường thông qua bản dự thảo, lấy ý kiến đóng góp của từng đơn vị trong toàn trường, thống nhất ý kiến và ban hành (MC 7.1.4).

Để tạo điều kiện thuận lợi cho Cán bộ, viên chức trong việc thanh toán, giảm bớt các khâu đi lại, chỉnh sửa và hoàn thiện chứng từ, đẩy nhanh công tác thanh quyết toán, đảm bảo chứng từ thanh toán đúng thủ tục phù hợp với các quy định về tài chính, Nhà trường đã ban hành Quy định về thủ tục và quy trình thanh toán tài chính (MC 7.1.4), Hướng dẫn thủ tục thanh toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu khoa học (MC 7.1.5). Thông qua bản dự thảo, tổng hợp đóng góp ý kiến của các đơn vị, và tập huấn về quy trình thủ tục thanh toán tài chính tại trường (MC 7.1.6; MC 7.1.7). Các quy định được thống nhất và ban hành trong toàn trường, đảm bảo tuân thủ đúng và phù hợp với các quy định thanh quyết toán tài chính theo các văn bản pháp

luật hiện hành, trên tinh thần công khai, minh bạch, thực hiện có khoa học và thuận lợi. Hàng năm được xem xét sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

Phân tích:

Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng dựa trên những văn bản, quyết định, nghị định đã được ban hành. Bên cạnh đó, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường đều có ý thức đóng góp ý kiến xây dựng để hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với tình hình hoạt động tại Trường. Các khoản thu, chi, định mức, trong quy chế thể hiện chi tiết, rõ ràng, cụ thể.

Quy định về thủ tục và quy trình thanh toán tài chính, hướng dẫn đầy đủ về từng bộ hồ sơ chứng từ cho từng khoản chi, thu. Các loại mẫu biểu được xây dựng theo đúng quy định về chế độ tài chính. Hồ sơ thanh toán được ghi chi tiết, cụ thể đến từng khoản mục, có quy định hồ sơ, quy trình thanh toán

Hướng dẫn thủ tục thanh toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án NCKH cấp Bộ được ban hành, giúp các đơn vị nắm bắt được các thủ tục và hồ sơ cần có khi thực hiện thanh quyết toán các dự án, đề tài nghiên cứu. Các khoản tạm ứng, thanh toán, mẫu biểu đều được quy định rõ ràng đến từng đối tượng, nội dung cụ thể.

Bên cạnh đó, kế toán viên nhà trường đều có trình độ nghiệp vụ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, cẩn thận và năng động. Thường xuyên trau dồi kiến thức nhằm nâng cao nghiệp vụ của mình trong lĩnh vực kế toán - tài chính để hoàn thành tốt công việc được giao.

Điểm hạn chế là Quy chế chi tiêu nội bộ chưa bao quát, chưa dự đoán hết các tình huống thu chi hoạt động của trường, vẫn còn một số nội dung chi tiêu chưa được dự trù nên khi phát sinh nhiệm vụ chi lại không có trong quy chế, chưa có sự phối hợp nhịp nhàng từ các đơn vị thực hiện, dẫn đến mất thời gian trong việc thanh toán.

Nhận định:

Để công tác quản lý tài chính tại đơn vị được thực hiện đúng theo chế độ tài chính, nhà trường cần thường xuyên rà soát hoàn thiện các quy chế, quy định sát thực tế tại trường. Các đơn vị cần nghiêm túc, phối hợp trong công tác thanh quyết toán.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: *Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo đúng quy định.*

Mô tả:

Trong những năm qua nhà trường có kế hoạch sử dụng và quản lý tài chính đúng theo quy định cho các hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh, dịch vụ của trường. Nguồn thu từ các trung tâm có đủ điều kiện hạch toán độc lập được trường

giao quyền tự chủ tự thu, tự chi theo sự kiểm soát của nhà trường. Các đơn vị hạch toán độc lập có nguồn thu từ hoạt động đào tạo, hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị và chủ yếu là hoạt động đào tạo của các trung tâm như Trung tâm Ngoại Ngữ và Tin học, Trung tâm Tư vấn Xây dựng, Trung tâm tư vấn hướng nghiệp đào tạo và dịch vụ. Các nguồn thu này đều hợp pháp, được công khai minh bạch và được phản ánh đầy đủ trên sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định (MC 7.2.1; MC 7.2.2)

Trong những năm gần đây nhà trường đẩy mạnh công việc đào tạo các khóa học ngắn hạn, đào tạo theo yêu cầu của các đơn vị, như nâng cao tay nghề cho công nhân trong lĩnh vực xây dựng, kế toán, huấn luyện kỹ năng trên cao, và đào tạo cấp chứng chỉ trong ngành cấp thoát nước, môi giới bất động sản. Trường thực hiện quản lý tài chính tập trung về mặt chứng từ thu, chi của tất cả các hoạt động, về đào tạo ngắn hạn, liên kết đào tạo đều phải có hợp đồng và nội dung được thể hiện trong hợp đồng, Các nội dung thu chi đã được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và hướng dẫn thủ tục thanh toán của trường. Ngoài ra các hợp đồng phát sinh không có trong quy chế chi tiêu nội bộ thì phải có quyết định phê duyệt, tờ trình của ban giám hiệu nhà trường.

Phân tích:

Nhà trường có nguồn thu ổn định từ các hoạt động đào tạo, liên kết đào tạo, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao tay nghề, cấp các chứng chỉ...(MC 7.2.3). Bên cạnh đó Trường còn khai thác mọi thế mạnh về cơ sở vật chất nhằm góp phần cải thiện nguồn thu cho trường đồng thời phục vụ nhu cầu gia tăng các nguồn thu thông qua việc khai thác cho thuê bãi xe, căn tin, phòng học. Nguồn thu của nhà trường có ổn định tuy nhiên với tốc độ tăng thu không kịp với tốc độ tăng các khoản chi trong hoạt động thường xuyên của đơn vị tạo nên áp lực lớn trong việc quản lý và sử dụng nguồn thu.

Nhận định:

Nguồn từ hoạt động dịch vụ và các trung tâm của trường tuy không lớn nhưng cũng tạo nguồn thu tài chính hợp pháp, giúp tăng thu nhập bình quân cho nhà trường và tăng các khoản phúc lợi cho cán bộ công nhân viên chức trong toàn trường, đáp ứng các hoạt động đào tạo và tạo ra nhiều hướng phát triển cho trường. Để đảm bảo được nguồn thu này nhà trường có kế hoạch, giải pháp như mở rộng các ngành nghề và quy mô đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Mô tả:

Trường có nguồn thu sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, phần còn lại được Nhà nước cấp. Cơ chế quản lý tài chính của Trường hiện này áp dụng theo nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 /4/2006 và Thông tư 71/2006/TT – BTC ngày 9/8/2006 của Chính phủ. Nguồn ngân sách nhà nước cấp phát chi cho hoạt động thường xuyên (MC 7.3.2). Đây là nguồn thu mang tính truyền thống và có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động của Trường. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị, Chủ yếu các khoản thu từ học phí và một số khoản thu sự nghiệp khác của đơn vị (MC 7.3.3).

Trên thực tế cho thấy, nguồn tài chính của nhà trường tương đối ổn định và đáp ứng được việc tổ chức các hoạt động của nhà trường, góp phần từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong toàn trường. Tất cả các khoản thu chi của trường đều được thể hiện thông qua báo cáo tài chính các năm (MC 7.3.1). Trường phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo kinh phí cho các hoạt động thường xuyên của Trường, thể hiện trong báo cáo quyết toán các năm (MC 7.3.4).

Hàng năm, Nhà trường đều chú trọng và hoàn thiện đầy đủ các khoản thu, chi theo mục lục ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Kế hoạch tài chính hàng năm được lập xuất phát từ yêu cầu thực tế của các lĩnh vực hoạt động do các đơn vị đầu mối đề xuất, nhằm đáp ứng cho hoạt động đào tạo. Quyết toán đầy đủ kịp thời và trung thực các khoản thu, chi phát sinh, sử dụng hóa đơn chứng từ thu chi theo đúng quy định của Bộ Tài chính ban hành và Quy chế chi tiêu nội bộ.

Phân tích:

Do đặc điểm ưu thế ngành nghề và ưu thế khu vực làm cho nhu cầu học tập tại Trường rất cao, hàng năm tuyển sinh đều đạt chỉ tiêu làm nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của Trường tương đối ổn định. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính của Trường được chuẩn hóa, công khai, minh bạch và theo đúng quy định.

Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm chưa phân tích chi tiết hiệu quả của việc sử dụng kinh phí và tính cân đối giữa các lĩnh vực hoạt động. Do nhu cầu mở rộng quy mô, lương tối thiểu tăng, cùng với tình hình giá cả thị trường leo thang liên tục đã tạo áp lực về việc cân đối tài chính trong nhà trường.

Nhận định:

Trong năm học tới nhà Trường sẽ tổ chức lấy ý kiến đề xuất của các đơn vị về kế hoạch tài chính của Trường từ đó ưu tiên đầu tư có trọng điểm và phân bổ, quản lý kinh phí hợp lý, hiệu quả hơn, tận dụng lợi thế ngành nghề, cơ sở vật chất, đẩy mạnh các hoạt động liên kết đào tạo liên thông, tại chức với các đơn vị cùng ngành, đào tạo ngắn hạn để tăng nguồn thu, thực hiện cơ chế khoán chi cho một số nội dung chi tiêu trong đơn vị, phát động chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định

Mô tả:

Đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu học phí các hệ đào tạo chính quy tại trường và các nguồn thu khác từ liên kết đào tạo, dịch vụ. Các khoản thu này nhà trường đều nộp vào tài khoản tại Kho bạc nhà nước, ngân hàng để đảm bảo việc quản lý, sử dụng đúng mục đích, minh bạch, rõ ràng và Nhà trường thực hiện việc thanh quyết toán đúng quy định về chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu theo quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, Thông tư 185/2010/TT- BTC ngày 15/11/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006. Chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính được quản lý chặt chẽ, khoa học. Công tác tài chính được tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo quyết toán theo đúng qui định chế độ tài chính, kế toán hiện hành (từ MC 7.4.1 đến MC 7.4.4)

Trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, là quy chế tổng hợp các quy trình, quy định của Nhà trường nhằm cụ thể hóa các định mức thu chi phù hợp với quy định của các văn bản pháp luật hiện hành và được sửa đổi, bổ sung hàng năm cho phù hợp với tình hình tài chính thực tế. Bên cạnh đó Nhà trường cũng xây dựng mới quy định và quy trình về thủ tục thanh toán tài chính qua hệ thống kho bạc nhà nước, ngân hàng nhằm xử lý nhanh chóng các chứng từ thanh toán chuyển khoản.

Hàng năm Nhà trường đều có báo cáo thực hiện kiểm tra, xét duyệt quyết toán tài chính gửi về Vụ Kế hoạch tài chính – Bộ Xây dựng. Và được cơ quan chủ quản khi kiểm tra, xét duyệt quyết toán báo cáo tài chính của đơn vị cũng đã có những đánh giá tích cực về công tác tài chính của nhà trường (MC 7.4.5; MC 7.4.6).

Phân tích:

Nguồn tài chính hàng năm tại đơn vị đều được sử dụng đúng mục đích, rõ ràng công khai, minh bạch và được cơ quan chủ quản thẩm tra phê duyệt theo từng năm. Đồng thời được thực hiện thông qua cơ chế, tập trung dân chủ; lấy ý kiến đóng góp của toàn thể CBGVNV trường và được thảo luận công khai tại các cuộc họp cán bộ chủ chốt trường.

Thực hiện theo đúng các quy định về tài chính, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng đầy đủ và chính xác. Nhà trường có cập nhật thường xuyên các nghị định, thông tư hướng dẫn trong việc thu chi tài chính cho phù hợp và đúng quy định. Các phòng ban khoa chức năng thực hiện đúng quy định trong việc mua sắm trang thiết bị, tài sản và vật tư thực tập trong giảng dạy và trong học tập.

Việc thanh toán qua kho bạc còn nhiều bất tiện do chiếm nhiều thời gian kiểm soát chi và kiểm soát quá chặt các quy định về định mức chi. Các hoạt động chi cho các

hoạt động chủ yếu được trang trải bằng nguồn kinh phí của nhà nước cấp do đó trường phải lập được dự toán thu chi và việc chi tiêu phải đúng dự toán được duyệt theo các tiêu chuẩn, định mức nhà nước quy định. Đôi lúc việc lập dự toán này chưa sát với tình hình thực tế nên việc thanh quyết toán còn gặp nhiều vướng mắc.

Nhận định:

Cần thực hiện phân bổ sử dụng nguồn tài chính hợp lý hơn đảm bảo đúng yêu cầu và quy định của các hoạt động tại trường. Nhà trường luôn đặt vai trò quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính là điều kiện tạo tiền đề duy trì nguồn tài chính ổn định, có tích lũy trên cơ sở trích lập các quỹ dự phòng theo quy định hiện hành.

Tiếp tục hoàn thiện quy định, quy trình thanh toán tài chính một cách khoa học trên cơ sở các Thông tư, Nghị định của Bộ tài chính; Quy định thanh toán của Kho bạc Nhà nước. Rút ngắn thời gian kiểm tra, thanh toán các bộ chứng từ chuyển khoản qua hệ thống ngân hàng, kho bạc cho các đơn vị giao dịch với trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: *Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai chính theo quy định.*

Mô tả:

Nhằm đánh giá chất lượng hoạt động, tình hình chấp hành cơ chế chính sách và quản lý các khoản thu chi tài chính của các đơn vị trực thuộc trường. Hàng năm nhà trường có kế hoạch kiểm tra tài chính của các đơn vị này. Qua đó phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai phạm đồng thời tổ chức rút kinh nghiệm, tìm ra nguyên nhân và đưa ra phương hướng, biện pháp khắc phục giúp tăng cường công tác quản lý tài chính, kế toán tại đơn vị. (MC 7.5.1; MC 7.5.2).

Trên cơ sở căn cứ vào biên bản kiểm toán của cơ quan kiểm toán Nhà nước, đơn vị đã thực hiện theo đúng kiến nghị của kết quả kiểm toán tại trường, hàng năm trường đều gửi Báo cáo thực hiện công tác tài chính kế toán theo đúng quy định. (MC 7.5.3). Nhà trường đã có báo cáo khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính tại trường và các trung tâm (MC 7.5.4)

Thông qua các cuộc họp, hội nghị viên chức trong năm thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra, chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho cán bộ, công nhân viên, giáo viên nắm vững những kiến thức về việc sử dụng kinh phí tiết kiệm, an toàn, hiệu quả (MC 7.5.5).

Căn cứ Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ tài chính về việc ban hành “ Quy chế tự kiểm tra tài chính tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước” Nhà trường đã xây dựng Quy trình tự kiểm tra tài chính, kế toán trong đó đã quy định rõ mục đích, nhiệm vụ, nội dung, quy trình và thủ tục tự kiểm tra, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị có liên quan. Ngoài ra việc kết hợp với Ban Thanh tra nhân dân cùng tiến hành công tác tự kiểm tra định kỳ, thường xuyên giám sát việc thực hiện các hoạt động tài chính đã nêu trong QCCTNB của nhà trường. Hàng năm trường đều tiến hành việc kiểm tra tài chính kế toán đối với các đơn vị (*từ MC 7.5.6 đến MC7.5.8*). Thông qua việc kiểm tra này đã đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài chính kế toán chung của trường và các đơn vị.

Phân tích:

Nhà trường thực hiện đầy đủ công tác lập dự toán, quyết toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định, rõ ràng minh bạch, công khai, phổ biến nội dung công tác tự kiểm tra cho toàn thể cán bộ, công chức trong đơn vị biết và thực hiện.

Nhà trường đã xây dựng Quy định tự kiểm tra tài chính qua đó đánh giá chất lượng hoạt động, tình hình chấp hành cơ chế chính sách và quản lý các khoản thu chi tài chính, quản lý và sử dụng tài sản, tiền vốn, sử dụng quỹ lương, quỹ thưởng, các quỹ của cơ quan và công tác đầu tư xây dựng cơ bản trong đơn vị.

Hạn chế là việc thực hiện công tác kiểm tra tài chính mới chỉ thực hiện biện pháp kiểm tra chéo giữa các bộ phận thực hiện công tác tài chính kế toán, kiểm tra giữa các khâu trong hoạt động kinh tế, tài chính tại đơn vị, chưa tự kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch cho từng kỳ kế toán hoặc cả năm tài chính của đơn vị. Công tác kiểm tra nội bộ về quản lý và sử dụng tài chính của các đơn vị hầu như mới chỉ xem xét, đánh giá được một số nội dung chi của đơn vị và việc các đơn vị đã thực hiện theo đúng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp luật hiện hành về kế toán. Chưa đánh giá được đầy đủ toàn bộ các nội dung tài chính kế toán của đơn vị.

Nhận định:

Những năm tới Nhà trường cần tăng cường tốt hơn nữa công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, để giám sát thực hiện hoạt động thu chi của đơn vị theo đúng quy định, đúng chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành làm cơ sở cho công tác hạch toán, quyết toán, lập dự toán, xây dựng các định mức trong quá trình hoạt động của trường.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: *Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường*

Mô tả:

Hàng năm trường có báo cáo về việc xây dựng kế hoạch nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ quản đã giúp cho đơn vị rà soát, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ hoạt động theo kế hoạch đề ra để đánh giá những thuận lợi, khó khăn, định hướng kế hoạch và giải pháp thực hiện các hoạt động của nhà trường nói chung và hoạt động quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính nói riêng (MC 7.6.1)

Các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 06 tháng hàng năm của trường cũng đã xác định được nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp để hoàn thành mục tiêu kế hoạch trong năm, qua đó đánh giá được kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về quản lý, sử dụng tài chính một cách tốt nhất. (MC 7.6.2).

Trên cơ sở căn cứ kết quả đào tạo, tài chính hàng năm Nhà trường đều có đánh giá hiệu quả công tác tài chính. Đối với nguồn kinh phí từ ngân sách, trường lập dự toán thu chi ngân sách nhà nước theo hướng dẫn hàng năm của đơn vị chủ quản. Đây là một phần nguồn tài chính để đảm bảo đủ kinh phí phục vụ cho hoạt động thường xuyên, các khoản thu hoạt động sự nghiệp theo cơ chế quy định của nhà nước, các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của nhà trường đã thực hiện trong năm, qua đó đánh giá kết quả quản lý, sử dụng nguồn tài chính trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và chuyên môn thường xuyên được giao cho đơn vị. Và giải pháp để quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính hàng năm Nhà trường đều đảm bảo rằng các nguồn tài chính này đều được kiểm toán, báo cáo thống kê định kỳ, giám sát, quản lý chặt chẽ hiệu quả bằng cách hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý, sử dụng tài chính đảm bảo kế hoạch, minh bạch và công khai theo đúng quy định của tài chính. (MC 7.6.3).

Phân tích:

Nhà trường cập nhật đầy đủ các nghị định, thông tư hướng dẫn trong việc thu chi tài chính cho phù hợp và chính xác. Định kỳ trường thực hiện công tác thống kê báo cáo tình hình hoạt động gửi lãnh đạo Bộ xây dựng xem xét. Và thông qua báo cáo thể hiện thực trạng, phân tích điểm mạnh, điểm yếu và xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng quản lý, các hoạt động của nhà trường.

Nguồn thu chủ yếu của Trường hiện nay vẫn là học phí của các hoạt động đào tạo, tuy nhiên theo quy định mới của Nhà nước về phương thức tuyển sinh có ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo và nguồn thu sự nghiệp của Trường, dẫn đến nguồn lực tài chính còn hạn chế nên ảnh hưởng ít nhiều đến việc đánh giá hiệu quả sử dụng tài chính và các hoạt động khác của trường. Trên thực tế cũng tồn tại nhiều bất cập như Nhà trường chưa có hệ thống văn bản chi tiết quy định công tác tài chính sử dụng cho từng đơn vị chức năng. Công tác lập kế hoạch nói chung nhất là kế hoạch tài chính vài năm qua sẽ rất khó sát với thực tế khi thực hiện do tình hình kinh tế xã hội có nhiều biến động.

Nhận định:

Nhà trường sẽ phải thực hiện việc kiểm tra, đánh giá hoạt động chuyên môn, công tác quản lý sử dụng tài chính, cơ sở vật chất của nhà trường với tinh thần công khai, minh bạch. Tuân thủ quy định của Nhà nước về thanh , quyết toán kinh phí.

Tổ chức tốt việc xây dựng và thực hiện những định hướng đổi mới cơ chế quản lý, việc thực hiện quản lý chặt chẽ, vừa thực hiện khai thác cao nhất hiệu quả sử dụng nguồn tài chính là yêu cầu bức thiết trong giai đoạn hiện nay của Nhà trường

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.8. TIÊU CHÍ 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Người học trong thời gian học tập tại trường, ngoài việc được đào tạo bồi dưỡng về kiến thức trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, người học còn được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ theo đúng quy định của nhà nước như: Được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định; được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; có chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập; được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân; Nhà trường có ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu cho sinh hoạt và học tập của người học; Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường; được tư vấn việc làm sau khi tốt nghiệp; được tiếp xúc với các nhà tuyển dụng thông qua các hội chợ việc làm,...

Nhà trường đã biên soạn các tài liệu hướng dẫn, thông báo cụ thể đến người học về các nội dung liên quan, đồng thời cung cấp các thông tin cập nhật trên hệ thống thông tin điện tử, Website của Nhà trường nhằm mục đích tạo nhiều kênh thông tin đa dạng, phong phú cho người học. Công tác quản lý người học trong Nhà trường được tăng cường và đổi mới nhằm tạo môi trường thân thiện, đảm bảo an ninh chính trị, tư tưởng cho người học, đảm bảo sinh hoạt dân chủ trong Nhà trường. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập của trường được xây dựng theo những tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với điều kiện học tập, nghiên cứu của người học. Ký túc xá còn có hệ thống sân vận động, khu nhà ăn sinh viên, khuôn viên ký túc xá rộng rãi, thoáng mát, mật độ xây dựng thấp, các phòng được trang bị tiện nghi, đảm bảo an ninh trật tự... là những bộ phận hợp thành đủ để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt mỗi ngày của hàng trăm sinh viên một cách chu đáo và thuận tiện.

Trong thời gian học tại trường, người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khỏe theo quy định y tế học đường; được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ. Trong các hoạt động tập thể, người học được chủ động tham gia và sinh hoạt trong môi trường năng động với nhiều hoạt động khác nhau

Bên cạnh những việc đã làm tốt để đảm bảo những quyền lợi của người học trong quá trình học tập tại trường thì vẫn còn những tồn tại cần khắc phục như: Các hình thức tuyên truyền, phổ biến thông tin đến cho người học chưa được phong phú, lôi cuốn, người học còn ít quan tâm đến các thông tin mà Nhà trường phổ biến; Các chế độ chính sách, khen thưởng, hỗ trợ được Nhà trường quan tâm tuy nhiên trong quá trình thực hiện, phần mềm quản lý đào tạo mới đưa vào sử dụng còn nhiều phát sinh. Người học đến từ nhiều tỉnh thành khác nhau việc nắm bắt hoàn cảnh của các em gặp khó khăn nhưng Nhà trường không biết để hỗ trợ kịp thời. Về cơ sở vật chất, một số trang thiết bị phục vụ dạy học, một số phòng ở trong Ký túc xá bị giảm chất lượng. Các hoạt động để người học tiếp xúc với doanh nghiệp chưa phong phú.

Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ quan tâm hơn nữa trong việc chỉ đạo, định hướng nội dung và kế hoạch công tác tuyên truyền các nội quy, quy chế, chính sách,...tới người học. Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư kinh phí cho các bộ phận đảm bảo việc tổ chức quản lý các hoạt động cho sinh viên đạt hiệu quả cao. Hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo. Tăng cường quan hệ, hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp ngoài trường nhằm tìm kiếm thêm các nguồn tài trợ hỗ trợ cho người học như học bổng, giới thiệu việc làm, v.v...Đầu tư mới các thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập; sửa chữa, nâng cấp và xây mới những phòng học, phòng ở.

Triển khai công thông tin việc làm trong năm học 2017-2018. Đồng thời sẽ tổ chức thêm nhiều ngày hội việc làm để người học được tiếp xúc với nhà tuyển dụng, duy trì mối quan hệ với các Nhà tuyển dụng để chương trình được đa dạng về ngành nghề, phong phú về việc làm, khâu tổ chức đạt hiệu quả hơn, tạo cơ hội việc làm cho người học nhiều hơn.

Tiêu chuẩn 8.1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.*

Mô tả:

Hàng năm Nhà trường đều có các văn bản chỉ đạo việc triển khai việc soạn thảo và cung cấp tài liệu cho người học biết về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học (MC 8.1.1). Toàn bộ các thông tin này được nhà trường biên soạn thành cuốn sổ tay sinh viên và

cấp cho từng người học từ khi bắt đầu nhập học để tra cứu các thông tin cần thiết trong quá trình học tập tại trường (MC 8.1.2).

Phân tích:

Nhà trường đã cung cấp đầy đủ kịp thời các văn bản của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các quy định, thông báo của trường đến từng sinh viên bằng nhiều kênh thông tin khác nhau như: tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa nhằm giúp người học hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ, ý thức trách nhiệm của mình trong quá trình học tập; phổ biến các quy chế, quy định về đào tạo, về chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật (MC 8.1.1); sổ tay sinh viên (MC 8.1.2); từ năm học 2014-2015, tăng cường cập nhật thông tin trên website của trường các nội dung liên quan đến người học; qua sự hướng dẫn của Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập,... Vì vậy, sinh viên học sinh của trường khi bắt đầu vào học và trong quá trình học tập tại trường luôn hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Sinh viên đã thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và các vấn đề liên quan khác. Mặc dù được cung cấp đầy đủ tài liệu nhưng một bộ phận người học do không tìm hiểu kỹ dẫn đến không nắm bắt được các quyền lợi và trách nhiệm của mình trong quá trình học tại trường nên vẫn còn tình trạng người học vi phạm nội quy, quy chế.

Nhận định:

Nhà trường đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ quan tâm hơn nữa trong việc chỉ đạo, định hướng nội dung và kế hoạch công tác, đảm bảo tốt sự phối hợp ngang, dọc giữa các bộ phận trong trường để giải quyết các vấn đề liên quan đến người học. Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư kinh phí cho các bộ phận đảm bảo việc tổ chức quản lý các hoạt động cho sinh viên đạt hiệu quả cao. Đồng thời tăng cường vai trò của đội ngũ Giáo viên chủ nhiệm và Cố vấn học tập trong việc phổ biến các thông tin về chủ trương, chính sách của nhà trường tới người học.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định*

Mô tả:

Nhà trường luôn quán triệt thực hiện đúng các Quy định, Nghị định của Nhà nước đặc biệt là các Quy định liên quan đến các chế độ chính sách mà người học được hưởng. Hằng năm Nhà trường luôn tiến hành thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác mà trường đã và đang áp dụng (MC 8.2.1). Vào đầu mỗi kì học Nhà trường luôn tiến hành thông báo và

hướng dẫn cụ thể về chế độ chính sách cho người học theo đúng các Quy định Nhà nước đã ban hành. Danh sách người học được hưởng các chế độ chính sách được thông báo công khai trên bảng tin của Trường và các kênh thông tin khác (MC 8.2.2).

Phân tích:

Vào mỗi đầu học kì, sau khi tiếp nhận hồ sơ miễn, giảm học phí của người học, nhà trường sẽ tiến hành xét duyệt hồ sơ theo các đối tượng cụ thể đã được quy định, sau khi xét duyệt hồ sơ xong danh sách người học được hưởng các chế độ chính sách của nhà nước sẽ được thông báo công khai trên các kênh thông tin của trường và thông báo trực tiếp cho người học. Các chế độ chính sách cho người học luôn thực hiện nhanh chóng, kịp thời, đúng đối tượng theo quy định.

Nhận định:

Trong những năm qua, việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách cho người học được duy trì rất đều đặn. Kết quả việc thực hiện chế độ chính sách được báo cáo thường xuyên kịp thời đến lãnh đạo và các đơn vị có liên quan nhằm đảm bảo duy trì việc thực hiện chế độ chính sách một cách đầy đủ và chính xác. Mặc dù trong quá trình thực hiện vẫn còn gặp một số khó khăn do một số đối tượng quy định chưa rõ ràng, người học thì còn chậm trễ trong quá trình nộp hồ sơ dẫn đến việc xét duyệt hồ sơ nhiều khi kéo dài hơn thời gian dự kiến tuy nhiên trong thời gian tới Nhà trường sẽ khắc phục những khó khăn để việc thực hiện chế độ chính sách cho người học đảm bảo tính chính xác, khách quan, nhanh chóng.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: *Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.*

Mô tả:

Nhà trường luôn coi trọng việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Đối với người học gặp khó khăn trong quá trình học tập thì tùy theo mức độ Nhà trường đều có biện pháp hỗ trợ kịp thời để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Phân tích:

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường ban hành các văn bản quy định chính sách khen thưởng, khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện (MC 8.3.1). Mỗi học kỳ, Nhà trường đều ra quyết định công nhận người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện và có các hình thức khen thưởng tương ứng hằng năm (từ MC 8.3.2 đến MC 8.3.14). Đối với người học gặp khó khăn trong quá trình học tập như: gia đình bị thiệt hại do thiên tai,

gia đình gặp khó khăn về kinh tế, bản thân bị bệnh hiểm nghèo,... Nhà trường đều có chính sách hỗ trợ để người học hoàn thành nhiệm vụ học tập tại trường (MC 8.3.15; MC 8.3.16; MC 8.3.17). Ngoài việc khen thưởng theo quy định thì hằng năm Nhà trường còn kêu các doanh nghiệp, các cựu sinh viên tài trợ học bổng cho người học vượt khó trong học tập và rèn luyện. Trong quá trình thực hiện, do phần mềm quản lý đào tạo mới đưa vào sử dụng còn nhiều phát sinh nên một số học kỳ không xuất được danh sách người học có thành tích cao để kịp thời xét khen thưởng. Số lượng người học nhiều, các em đến từ nhiều tỉnh thành khác nhau việc nắm bắt hoàn cảnh của người học gặp khó khăn nên có những người học gặp khó khăn nhưng Nhà trường không biết để hỗ trợ kịp thời.

Nhận định:

Nhà trường đã làm tốt công tác khen thưởng người học có thành tích cao trong học tập và rèn luyện, kịp thời động viên, khích lệ, hỗ trợ người học gặp khó khăn đột xuất trong quá trình học tập để các em có thể vượt qua khó khăn và tiếp tục hoàn thành việc học. Trong năm học tới, phòng Tuyển sinh – Công tác sinh viên học sinh phối hợp chặt chẽ với Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, đội ngũ cán bộ lớp để nắm bắt thông tin của người học và có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Hoàn thiện các quy định mới về khen thưởng người học đạt thành tích cao theo các quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Tăng cường quan hệ, hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp ngoài trường nhằm tìm kiếm thêm các nguồn tài trợ hỗ trợ cho người học như học bổng, giới thiệu việc làm, v.v...

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: *Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.*

Mô tả:

Nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng với người học, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Thể hiện qua các văn bản của trường có liên quan đến người học (MC 8.4.1), thể hiện qua báo cáo tổng kết hàng năm của Trường.

Phân tích:

Nhà trường luôn quán triệt thực hiện các quy định của Điều lệ trường Cao đẳng, đặc biệt là các quy định liên quan đến người học như: Quyền được thực hiện các chế độ học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quyền được sử dụng trang thiết bị phục vụ học tập, hoạt động văn hóa thể thao; được đối xử bình đẳng, được cung cấp thông tin về học tập, v.v...Hàng năm, Nhà trường tổ chức các hội nghị đối thoại giữa Ban lãnh đạo Trường với người học để nắm bắt được các ý kiến, kiến nghị với Nhà trường về các vấn đề: Cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy,...(MC 8.4.2). Từ đó, Nhà trường có những điều chỉnh để đảm bảo quyền lợi của

người học. Bên cạnh đó, các chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật được thực hiện công bằng với mọi đối tượng theo quy định hiện hành và không có sự phân biệt đối xử, đồng thời được thông báo công khai.

Nhận định:

người học tại trường được Nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Để đảm bảo tốt hơn nữa quyền lợi của người học, Nhà trường sẽ tăng cường tổ chức lấy ý kiến người học về đánh giá các mặt hoạt động của nhà trường để có những điều chỉnh hợp lý hơn.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: *Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.*

Mô tả:

Nhà trường có ký túc xá với diện tích 8241,3 m², gồm hai dãy nhà ở cho người học nội trú với tổng cộng 80 phòng, diện tích mỗi phòng ở 36 m², khu vệ sinh khép kín (MC 8.5.1; MC 8.5.2). Mỗi phòng ở tối đa 08 người học, diện tích bình quân 4,5 m²/SV. Ký túc xá của Nhà trường hiện nay đáp ứng được 80% người học có nhu cầu ở tại Ký túc xá và đáp ứng khoảng 20% so với tổng số người học đang theo học tại trường (MC 8.5.3). Ký túc xá có căn tin rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ cho tất cả người học nội trú; đảm bảo an toàn về tài sản và phòng chống cháy nổ; sân thể thao thi đấu đa năng ngoài trời dành cho tập luyện và thi đấu. Khuôn viên Ký túc xá có nhiều cây xanh, ghế đá để SVHS nghỉ ngơi, học tập, giải trí và thư giãn.

Phân tích:

Ký túc xá có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, mật độ xây dựng thấp. Trang thiết bị và các tiện nghi trong phòng ở như giường ngủ, điện, nước đầy đủ, hệ thống internet được kéo tận các phòng ở. Các phòng ở đều có nhà vệ sinh riêng biệt, khép kín, khu nhà xí, nhà tắm rửa, khu giặt quần áo riêng biệt đảm bảo vệ sinh sạch sẽ. Ký túc xá đảm bảo an ninh trật tự, an toàn PCCC, an toàn nguồn nước uống và nước sinh hoạt. Bảo vệ trực 24/24h, đội xung kích tự quản hoạt động hiệu quả, PCCC, an toàn vệ sinh nguồn nước được các cơ quan chuyên môn của địa phương kiểm tra thường xuyên và định kỳ. Ký túc xá Trường đã được công nhận là ký túc xá đạt chuẩn văn hoá cấp Thành phố 10 năm liên tục, được nhận nhiều bằng khen từ Thành phố và Bộ Xây Dựng. Điểm hạn chế là một số phòng ở trong ký túc xá đã xuống cấp như nền gạch, một số giường tầng bị hư hỏng, trong ký túc xá chưa trang bị được phòng tự học và thư viện, chưa có phòng sinh hoạt chung và vẫn còn hạn chế về sân chơi thể thao.

Nhận định:

Được sự quan tâm của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu nhà trường, ký túc xá hiện đã đáp ứng đủ nhu cầu nội trú và sinh hoạt của người học. Trong thời gian tới, ký túc xá sẽ được đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây mới những phòng ở, những hạng mục vui chơi, tập luyện thể thao phục vụ người học nội trú và sẽ đáp ứng 100% người học có nhu cầu ở nội trú.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: *Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.*

Mô tả:

Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập một bộ phận y tế để kịp thời chăm sóc sức khỏe cho viên chức, người lao động và người học trong Trường khi có ốm đau đột xuất (MC 8.6.2). Bộ phận y tế cũng được Nhà trường phê duyệt kế hoạch mua sắm, trang bị một số trang thiết bị y tế cơ bản để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của viên chức, người lao động cũng như người học trong Trường (MC 8.6.3). Hàng năm, bộ phận y tế Trường cũng ký hợp đồng tại cơ sở y tế và Bệnh viện Đại học Y dược TP.HCM để thăm khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong Trường và cho người học toàn trường. Cuối năm đều có văn bản báo cáo cụ thể về tình hình khám sức khỏe của cán bộ viên chức người lao động và người học trong Trường (MC 8.6.1; MC 8.6.4).

Nhà trường còn có một căn tin rộng 200 m² phục vụ nhu cầu của tất cả cán bộ viên chức, người lao động và học sinh sinh viên trong Trường, và tại ký túc xá cũng có căn tin rộng rãi khoảng 250 m², tất cả đều sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, và đã được Trung tâm chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố công nhận (MC 8.6.5).

Phân tích:

Việc chăm sóc sức khỏe và vệ sinh an toàn thực phẩm trong Nhà trường luôn được bộ phận y tế chú trọng. Định kỳ, Nhà trường đều phê duyệt kế hoạch mua sắm trang bị các chủng loại thuốc cơ bản để chăm sóc kịp thời các trường hợp ốm đau đột xuất. Việc thăm khám sức khỏe tổng quát hàng năm cho toàn thể cán bộ viên chức, người lao động trong Trường là việc quan trọng và luôn được Ban lãnh đạo Trường quan tâm. Bên cạnh đó, khu vực căn tin cũng luôn được sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhà ăn cho cán bộ viên chức người lao động cũng rộng rãi, sạch sẽ. Chưa có một vụ ngộ độc thực phẩm nào đáng tiếc xảy ra.

Nhận định:

Dịch vụ của phòng y tế và khu vực căn tin của nhà Trường về cơ bản đáp ứng nhu cầu cơ bản của người học, phục vụ tốt cho quá trình sinh hoạt, học tập và lưu trú của người học cũng như đội ngũ cán bộ viên chức người lao động trong Trường.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.7: *Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.*

Mô tả:

Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường là đơn vị thường xuyên tổ chức các phong trào thể thao, văn hóa, văn nghệ, tạo sân chơi cho học sinh sinh viên đăng ký tham dự. Các hoạt động được tổ chức đa dạng cả về hình thức và nội dung. Với chủ trương là tạo môi trường tốt để người học có điều kiện tham gia phần đấu, khẳng định mình, tạo điều kiện để những đoàn viên, thanh niên ưu tú phần đấu đứng vào hàng ngũ của Đoàn, của Đảng ... Thu hút người học vào các hoạt động văn hóa tinh thần bổ ích, tránh xa các tệ nạn xã hội, tiêu cực là chủ trương xuyên suốt, là mục tiêu của các chương trình hoạt động bề nổi của Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức là Tiếng hát học sinh sinh viên chào mừng ngày Nhà giáo, thi viết Báo tường, các chương trình văn nghệ; giải bóng đá truyền thống học sinh sinh viên; hiến máu tình nguyện; công tác chăm lo cho các em thiếu nhi nghèo vượt khó học giỏi, tổ chức sân chơi cho con em cán bộ, giảng viên trong Nhà trường.

Ngoài ra, Chi đoàn Giáo viên đã thành lập CLB thể thao, đây là trung tâm, là đầu mối để Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên thường xuyên duy trì tổ chức các giải thể thao trong nhà trường thu hút người học tham gia nhằm rèn luyện sức khỏe, tinh thần, tránh xa tệ nạn xã hội, tập trung học tập tốt (*từ MC 8.7.1 đến MC 8.7.29*).

Sau các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, công tác xã hội. Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên đều thực hiện công tác báo cáo kết quả với Đảng ủy – Ban Giám hiệu Nhà trường, Đoàn cấp trên để có sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời cho các hoạt động tiếp theo (*MC 8.7.30*).

Phân tích:

Văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động xã hội là một sân chơi bổ ích đầy ý nghĩa nên nhận được sự quan tâm từ Đảng ủy - Ban Giám hiệu Nhà trường, Đoàn Khối Bộ Xây dựng, Hội Sinh viên Thành phố nên công tác tổ chức tốt đạt hiệu quả cao, đáp ứng được nhu cầu của học sinh sinh viên.

Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai rộng rãi đến từng Chi đoàn – Chi hội nên thu hút đông đảo học sinh sinh viên tham gia.

Có nhiều kinh nghiệm tổ chức các sự kiện lớn nên trường được Đoàn Khối Bộ Xây dựng, Hội Sinh viên Thành phố chọn làm đơn vị đăng cai tổ chức Nét đẹp Đoàn viên Khối Bộ Xây dựng; Giải bóng đá Khối Bộ Xây dựng; Hội thi học sinh sinh viên giỏi nghề lần 9 Thành phố Hồ Chí Minh; Hội thi Bàn Tay vàng Ngành Xây dựng Khối

Cụm Xây dựng – Giao thông. Qua những lần tổ chức được Thành Đoàn, Đoàn Khối Bộ Xây dựng đánh giá cao.

Tuy nhiên, sân bãi còn thiếu, diện tích hạn chế làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động thể dục thể thao trong nhà trường, phải thuê sân bóng đá nên bị thụ động về thời gian, điều kiện tập luyện bị hạn chế. Các trang thiết bị, dụng cụ thể thao còn thiếu và chưa phong phú, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của học sinh sinh viên.

Nhận định:

Chủ động xây dựng chương trình, phối hợp chặt chẽ với Chi đoàn – Chi hội, với Công Đoàn trường để các hoạt động được phong phú, đa dạng, mang lại hiệu quả cao hơn. Tích cực duy trì và hỗ trợ các Câu lạc bộ tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao ở địa phương, cấp đoàn Khối, cấp Thành tổ chức. Đầu tư nhiều hơn trong công tác tổ chức, phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.8: *Trường học thực hiện tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả:

Công tác tư vấn hỗ trợ việc làm cho sinh viên luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng. Nhà trường có nhiều hình thức khác nhau để thực hiện việc tư vấn hướng nghiệp cho Người học sau khi tốt nghiệp như: Tham gia các ngày hội việc làm, chuyển các thông báo tuyển dụng của các công ty đến người học,... (MC 8.8.1). Phòng Tuyển sinh - Công tác sinh viên học sinh được Nhà trường giao nhiệm vụ là đầu mối phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, giáo viên ở các khoa để thực hiện công tác tư vấn việc làm cho Người học,...(MC 8.8.2).

Phân tích:

Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên ở cấp Khoa/Bộ môn; phối hợp tổ chức Hội chợ, hội thảo tư vấn việc làm theo chuyên ngành tạo cơ hội tiếp xúc giữa các nhà tuyển dụng với sinh viên, giúp một số sinh viên tìm được việc làm hoặc nơi thực tập hướng nghiệp. Các thông tin tuyển dụng do các nhà tuyển dụng gửi đến trường luôn được nhà trường thường xuyên được gửi đến sinh viên, học viên sau tốt nghiệp thông qua các group của lớp, bảng tin, được đăng tải trên website của Nhà trường,... Hàng năm, Nhà trường giới thiệu sinh viên năm cuối tới thực tập tại các công ty giúp người học có cơ hội tiếp cận với nghề nghiệp tương lai, giúp các nhà tuyển dụng dễ dàng hơn trong công tác tuyển chọn. Vào đầu mỗi năm học, Phòng Tuyển sinh - Công tác sinh viên học sinh tổ chức họp cùng với Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên để phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi bộ phận trong việc phối hợp tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Nhà trường đã rất nỗ lực trong công tác tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp, tuy nhiên do đội ngũ tham gia tư

vấn việc làm cho sinh viên chủ yếu là kiêm nhiệm nên còn những hạn chế.

Nhận định:

Công tác tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp là vô cùng quan trọng trong chiến lược đào tạo của nhà trường. Vì vậy Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty Careerbulder để xây dựng cổng thông tin việc làm và sẽ triển khai trong năm học 2017-2018. Đồng thời sẽ tổ chức thêm nhiều ngày hội việc làm để SVHS được tiếp xúc với nhà tuyển dụng.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.9: *Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.*

Mô tả:

Đoàn thanh niên – Hội Sinh viên trường và phòng tuyển sinh – Công tác học sinh sinh viên là cầu nối giữa sinh viên với các doanh nghiệp, các công ty trong việc tìm kiếm việc làm. Đây là nhu cầu rất cần thiết đối với người học đang theo học tại trường và sau khi tốt nghiệp.

Hàng năm, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường phối hợp với phòng tuyển sinh – Công tác học sinh sinh viên chủ động xây dựng kế hoạch, tìm kiếm kết nối các doanh nghiệp, các đơn vị tuyển dụng tổ chức Ngày hội Tư vấn và giới thiệu việc làm (MC 8.9.1; MC 8.9.2). Bên cạnh đó, phối hợp với Trung Tâm hỗ trợ Sinh viên Thành phố, trường Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Tp Hồ Chí Minh thực hiện Ngày Hội hướng nghiệp và tuyển dụng việc làm giới thiệu rộng rãi đến người học trong trường tham gia (MC 8.9.3; MC 8.9.4; MC 8.9.5).

Sau mỗi lần tổ chức, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường đều có văn bản báo cáo kết quả lên Đảng ủy – Ban Giám hiệu về công tác tổ chức và tình hình tham gia của SVHS trong Nhà trường (MC 8.9.6; MC 8.9.7; MC 8.9.8).

Phân tích:

Ngày Hội tư vấn và giới thiệu việc làm là một hoạt động giúp học sinh sinh viên có định hướng trong nghề nghiệp, tiếp cận với môi trường làm việc cũng như những yêu cầu về trình độ, kỹ năng cần thiết nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của doanh nghiệp.

Tạo điều kiện cho học sinh sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp và đã tốt nghiệp có cơ hội tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo; Tạo cơ hội về việc làm bán thời gian cho các sinh viên có nhu cầu.

Định hướng việc học tập cho học sinh sinh viên đang học thông qua các hoạt động tuyển dụng trực tiếp, các buổi tạo đàm và giúp sinh viên làm quen với thị trường

tuyển dụng lao động, giúp Nhà trường tiếp nhận thông tin phản hồi từ phía học sinh sinh viên và đặc biệt là từ đơn vị sử dụng lao động.

Việc tổ chức ngày hội việc làm có rất nhiều thuận lợi như: Cựu học sinh sinh viên hiện nay nắm giữ vị trí chủ chốt trong nhiều doanh nghiệp lớn, là giám đốc các công ty vì vậy việc mời các doanh nghiệp tham gia Ngày hội hướng nghiệp và tuyển dụng việc làm được dễ dàng; Bên cạnh đó, các Cán bộ Đoàn – Hội năng động, nhiệt tình tích cực tìm kiếm, kết nối doanh nghiệp và học sinh sinh viên chủ động muốn học hỏi, tìm hiểu về việc làm trong tương lai.

Đảng ủy - Ban Giám hiệu Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và quan tâm đến các hoạt động ngoại khóa cho học sinh sinh viên, đặc biệt là các ngày hội tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm. Qua ngày hội việc làm, Nhà trường nhận được nhiều phản ánh từ Doanh nghiệp: Hầu hết các doanh nghiệp đánh giá trình độ chuyên môn, kiến thức của sinh viên khá tốt và đồng đều, đáp ứng được yêu cầu công việc. Tuy nhiên kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế.

Nhận định:

Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường phối hợp cùng Phòng tuyển sinh – công tác học sinh sinh viên, Trung tâm hỗ trợ sinh viên tổ chức thành công ngày hội tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, cách thức tổ chức khoa học, trang trọng và chu đáo; tạo được cơ hội cho các Doanh nghiệp, Nhà tuyển dụng và sinh viên tiếp cận được với nhau. Trong thời gian tới, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường tiếp tục duy trì mối quan hệ với các Nhà tuyển dụng đồng thời mở rộng quan hệ, tìm kiếm, kết nối các Doanh nghiệp, Nhà tuyển dụng nhiều hơn để chương trình được đa dạng về ngành nghề, phong phú về việc làm, khâu tổ chức đạt hiệu quả hơn, tạo cơ hội việc làm cho học sinh sinh viên nhiều hơn.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.9. TIÊU CHÍ 9: *Giám sát, đánh giá chất lượng.*

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

Hoạt động giám sát đánh giá chất lượng rất cần thiết đối với Nhà trường nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra và phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường. Chất lượng đào tạo của Nhà trường được phản ánh một cách trực tiếp thông qua ý kiến phản hồi của người học, người làm việc trực tiếp trong Trường và từ các doanh nghiệp sử dụng lao động. Đây là những ý kiến khách quan phản ánh rõ nét mức độ thành công trong đào tạo của Nhà trường. Chính vì thế Nhà trường đã có những phân công công việc cụ thể cho các đơn vị trong Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi, cụ thể Phòng Tổ chức Hành chính chịu trách nhiệm thu thập ý kiến cán bộ, viên chức, người lao động về chế độ chính sách; phòng Công tác sinh viên học sinh lấy ý kiến doanh

nghiệp về công việc của người học sau khi tốt nghiệp; Phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng lấy ý kiến người học về nội dung đào tạo.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu, các phòng ban chức năng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Về chế độ chính sách, Nhà trường chủ trương lấy ý kiến cán bộ, viên chức và người lao động thường xuyên trước và sau khi phê duyệt ban hành các quy chế quy định, điều này cũng phù hợp với việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong Nhà trường. Đối với người học và doanh nghiệp, Nhà trường đã xây dựng nội dung lấy ý kiến, lập kế hoạch và triển khai lấy ý kiến đều đặn trong từng năm. Kết quả lấy ý kiến được dùng để phân tích đánh giá chất lượng đào tạo. Nhìn chung qua các năm mức độ hài lòng của người học và doanh nghiệp đối với Nhà trường tương đối khả quan.

Tuy vậy, trong các năm qua, một hạn chế của Nhà trường là chưa thực hiện được công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp định kỳ hằng năm theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Những tồn tại của Nhà trường trong quá trình hoạt động chỉ có thể được nhìn thấy một cách tổng quát thông qua việc tự đánh giá cơ sở theo các tiêu chí, tiêu chuẩn mà Bộ chủ quản ban hành. Thiếu hoạt động tự đánh giá, Nhà trường chưa có một kế hoạch dài hạn khắc phục những tồn tại và xây dựng lộ trình hướng tới đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Kế hoạch Nhà trường kể từ năm học 2017 là thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp định kỳ hằng năm theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, có kế hoạch khắc phục các mặt tồn tại hạn chế, tiến tới đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, phấn đấu mục tiêu đạt tiêu chuẩn Trường cao đẳng chất lượng cao. Bằng cách đó, Nhà trường có thể hoàn thành mục tiêu sứ mạng của mình là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng phục vụ cho nhu cầu phát triển xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam của đất nước.

Tiêu chuẩn 9.1: *Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

Mô tả:

Ý kiến phản hồi từ các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động có vai trò quan trọng đối với việc xây dựng mục tiêu, nội dung đào tạo của nhà trường. Nhà trường đã giao cho bộ phận Tuyển sinh-Công tác SVHS xây dựng phương án thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hằng năm (MC 9.1.1); lập danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến (MC 9.1.2); lưu trữ các văn bản, tài liệu thu thập ý kiến đã thực hiện (MC 9.1.3); báo cáo kết quả thu thập ý kiến hằng năm (MC 9.1.4).

Phân tích:

Phương châm của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng được nhu cầu lao động của xã hội. Nên việc lấy ý kiến phản hồi từ các nhà sử dụng lao động được Nhà trường làm thường xuyên. Báo cáo kết quả thu thập ý kiến hằng năm (MC 9.1.4) đã giúp Nhà trường: xây dựng mục tiêu, nội dung đào tạo phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp; đào tạo theo định hướng: “Dạy cái gì mà xã hội cần, người học cần, chứ không dạy cái gì mà nhà trường sẵn có”; điều chỉnh các tiêu chuẩn để đánh giá khách quan về năng lực của Người học, nâng cao chất lượng đào tạo. Cũng qua hoạt động này, Nhà trường có mối liên hệ và có cơ sở để giới thiệu cho Người học đến thực tập tại các đơn vị phù hợp với chuyên ngành mà sinh viên được đào tạo tại Trường. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức hội thảo để lấy ý kiến của các chuyên gia, đại diện các đơn vị trong ngành kinh tế xây dựng, ngành kế toán,... nhằm điều chỉnh chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo. Nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng đào tạo và từng bước triển khai một số nội dung của công tác đánh giá chất lượng đào tạo.

Nhận định:

Mối quan hệ giữa Nhà trường và doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của xã hội. Nhận thấy được tầm quan trọng này, trong những năm tới Nhà trường tiếp tục tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo, mở rộng nhiều đối tượng tham gia đánh giá. Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hàng năm nhằm điều chỉnh các hoạt động đào tạo theo hướng ngày càng phù hợp hơn, thực hiện tốt sứ mạng và nhiệm vụ được giao.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.2: *Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.*

Mô tả:

Hàng năm, Trường tổ chức lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các chính sách (quy chế, quy định) liên quan đến dạy và học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (MC 9.2.1; MC 9.2.2; MC 9.2.3); Việc lấy ý kiến được thực hiện đối với toàn bộ cán bộ, viên chức và người lao động của Nhà trường. Trường có thống kê các ý kiến đóng góp (MC 9.2.4) và lập báo cáo tiếp thu ý kiến trình Ban Giám Hiệu xem xét. Thông qua báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức người lao động hằng năm, Nhà trường đưa các ý kiến đóng góp của các đơn vị ra bàn bạc, thảo luận để xem xét đưa vào áp dụng nếu cần (MC 9.2.5). Mục đích việc lấy ý kiến là để rà soát các quy định, quy chế đã ban hành xem có phù hợp với thực tiễn Nhà trường hay không để có những điều chỉnh kịp thời.

Phân tích:

Việc lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các chính sách của Trường nhằm đảm bảo quy định về dân chủ cơ sở, giúp Nhà Trường ban hành và thực hiện các quy chế, quy định không trái với quy định pháp luật và phù hợp với tình hình thực thể của Trường, giúp hiệu quả công việc của Trường ngày càng tốt hơn. Các quy định, quy chế Nhà trường trước khi ban hành đều được lấy ý kiến đóng góp từ các đơn vị một cách cẩn thận, xem xét kỹ lưỡng mức độ phù hợp với mục tiêu chung, với nhu cầu và nguyện vọng của người lao động. Trong quá trình vận hành, không thể tránh khỏi những tình huống phát sinh nằm ngoài dự định, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của Nhà trường. Vì vậy các quy định, quy chế này vẫn được xem xét rà soát định kỳ hằng năm để có những điều chỉnh kịp thời nếu cần thiết, hoặc để tổng kết rút kinh nghiệm áp dụng.

Nhận định:

Việc lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các chính sách của Trường là công tác dân chủ cơ sở đang được thực hiện tốt ở Trường, mỗi ý kiến đóng góp, phản ánh được lãnh đạo Nhà trường tiếp thu và có giải pháp xử lý kịp thời. Nhà trường sẽ tiếp tục duy trì công tác lấy ý kiến đóng góp chế độ chính sách như thời gian vừa qua.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.3: *Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của Trường.*

Mô tả:

Bắt đầu từ năm học 2014, bộ phận Đảm bảo Chất lượng của Nhà trường đã soạn thảo và trình Ban Giám hiệu phê duyệt chủ trương hằng năm tiến hành khảo sát lấy ý kiến của sinh viên học sinh về việc đánh giá tất cả các học phần đang được giảng dạy ở tất cả các ngành nghề đào tạo của Trường (MC 9.3.1). Đối tượng được lấy ý kiến đánh giá học phần là toàn bộ sinh viên học sinh của Nhà trường. Nội dung lấy ý kiến bao gồm kiến thức giảng dạy của học phần được truyền tải đến người học, phương pháp truyền đạt kiến thức của Nhà giáo, những điều kiện cần thiết để tiếp cận và nắm bắt nội dung môn học, nội dung thi kết thúc học phần (MC 9.3.2). Phương pháp lấy ý kiến là định dạng bảng câu hỏi gửi đến người học khảo sát mức độ đồng ý với các nội dung lấy ý kiến. Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên. Thành phần tham dự bao gồm đại diện lãnh đạo Nhà trường, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ đến lắng nghe ý kiến từ đại diện sinh viên các lớp, các ngành nghề đào tạo, đại diện các đoàn thể trong sinh viên học sinh.

Phân tích:

Quan điểm của Nhà trường hiện nay rất xem trọng phản hồi của người học về chương trình đào tạo cũng như dịch vụ đào tạo của Nhà trường. Chất lượng đào tạo được thể hiện thông qua phản hồi của người học. Sau những đợt khảo sát lấy ý kiến, kết quả khảo sát được chuyển về bộ phận Đảm bảo Chất lượng (MC 9.3.3). Kết quả này được phân tích để xác định xem môn học có đáp ứng yêu cầu của người học hay không, nhà giáo có hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy của mình hay không. Kết quả này được báo cáo lên lãnh đạo Nhà trường để từ đó có những thay đổi, chấn chỉnh kịp thời về nội dung môn học và hoạt động của Nhà giáo (MC 9.3.4), nhằm duy trì chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó việc lắng nghe ý kiến đóng góp của người học qua hội nghị đối thoại sinh viên là kênh thông tin quan trọng thứ hai để Nhà trường rà soát kiểm tra chất lượng dịch vụ đào tạo của Nhà trường về tất cả các mặt: cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị giảng dạy, thư viện, sinh hoạt ngoại khóa, quy trình đào tạo, chế độ chính sách, thái độ phục vụ nhân viên phòng ban chức năng... Tại hội nghị Nhà trường ghi nhận tất cả các yêu cầu của sinh viên để điều chỉnh cải thiện dịch vụ đào tạo (MC 9.3.5).

Nhận định:

Việc duy trì đều đặn các hoạt động tiếp nhận phản hồi từ người học là điều kiện bắt buộc để cải thiện chất lượng đào tạo. Thông qua hoạt động này Nhà trường mới biết mặt nào còn hạn chế để mà cải thiện. Định hướng thời gian tới Nhà trường sẽ tiến hành lấy ý kiến 100% người học về tất cả các hoạt động của Trường, không chỉ gói gọn ở đại diện các lớp. Việc khảo sát bao gồm cả chương trình đào tạo, dành cho các sinh viên năm cuối và cả cựu học viên, để Nhà trường có cơ sở đánh giá tính hiệu quả của một chương trình.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.4: *Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.*

Mô tả:

Năm 2014, Nhà trường ban hành Quy định về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến công tác tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục (MC 9.4.1). Phạm vi tự đánh giá là toàn bộ các hoạt động của Trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm học 2015 – 2016, Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo chất lượng trong Nhà trường, bao gồm công tác kiện toàn đội ngũ nhân sự chuyên trách thực hiện đảm bảo chất lượng, rà soát lại các quy quy định Nhà trường, đặc biệt quy định về công tác khảo thí, từng bước thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục, tiến tới đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục. Năm học 2017, thực hiện chuyển đổi cơ quan quản lý nhà nước từ Bộ Giáo dục và Đào tạo sang Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, các hoạt động tự đánh

giá của Trường cũng tạm dừng để chuyển sang cập nhật bộ tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục mới.

Phân tích:

Theo chủ trương đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, Nhà trường đã thành lập Bộ phận Đảm bảo Chất lượng để nhanh chóng tiếp cận với các quy định về đảm bảo chất lượng trường đại học và cao đẳng của Bộ chủ quản đồng thời tiếp thu hệ thống tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng tiên tiến trong khu vực ASEAN. Tuy nhiên, việc kiện toàn đội ngũ nhân sự chuyên trách đảm bảo chất lượng vẫn còn nhiều hạn chế. Kể từ năm 2014 trở về sau, Trường vẫn chưa bổ sung nhân viên đi tập huấn về công tác triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục do không có các lớp bồi dưỡng từ Bộ chủ quản, vì vậy đội ngũ chuyên trách đảm bảo chất lượng của Trường chưa được trang bị kiến thức về tự đánh giá, ngoài ra Nhà trường vẫn chưa có được kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục. Trong thời gian qua, theo kế hoạch đã vạch ra, Nhà trường trước mắt tập trung rà soát hoàn thiện các quy định, quy chế của Nhà trường. Đến năm 2017, các hoạt động về đảm bảo chất lượng tạm dừng để tiếp cận bộ tiêu chuẩn mới từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Việc triển khai hoạt động tự đánh giá từ cấp đơn vị chưa thực hiện được và Nhà trường không có báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục trong từng năm. Vì vậy Nhà trường cũng không công bố báo cáo tự đánh giá lên trang web của Nhà trường.

Nhận định:

Việc thực hiện đảm bảo chất lượng trong Nhà trường diễn ra rất sớm theo yêu cầu chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng gặp nhiều hạn chế do Nhà trường không chủ động được việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự chuyên trách đảm bảo chất lượng. Một phần còn do sự chuyển đổi của cơ quan quản lý nhà nước về chuyên môn. Trong thời gian qua, Nhà trường đã chưa thực hiện được báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp và công khai báo cáo tự đánh giá lên trang web của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 9.5: *Hàng năm, Trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.*

Mô tả:

Năm 2014, Nhà trường ban hành Quy định về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến công tác tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MC 9.5.1). Năm 2015, Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo chất lượng trong Nhà trường. Năm 2017, thực hiện chuyển đổi cơ quan quản lý nhà nước từ Bộ Giáo dục và Đào tạo

sang Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, các hoạt động tự đánh giá của Trường cũng tạm dừng để chuyển sang cập nhật bộ tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục mới. Đến nay Nhà trường chưa có báo cáo tự đánh giá hằng năm.

Phân tích:

Việc thực hiện đảm bảo chất lượng trong Nhà trường diễn ra theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng gặp nhiều hạn chế do Nhà trường không chủ động được việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự chuyên trách đảm bảo chất lượng. Một phần còn do sự chuyển đổi của cơ quan quản lý nhà nước về chuyên môn. Trong thời gian qua, Nhà trường đã chưa thực hiện được báo cáo tự đánh giá hằng năm cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Việc rà soát lại các quy định, quy chế Nhà trường vẫn thực hiện căn cứ trên báo cáo của các Đơn vị trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ. Tất nhiên trong trường hợp thực hiện được báo cáo tự đánh giá, Nhà trường sẽ có được cái nhìn toàn diện về những tồn tại của Nhà trường cần khắc phục. Để từ đó có kế hoạch lâu dài hơn, căn cơ hơn về định hướng phát triển Nhà trường đảm bảo chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó báo cáo tự đánh giá cũng là cơ sở để Nhà trường thực hiện đánh giá ngoài trong tương lai, tiến tới đạt chuẩn của một Trường cao đẳng giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao.

Nhận định:

Trong thời gian qua, Nhà trường chưa thực hiện được báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Mặc dù đã có những biện pháp khác nhau để tăng cường chất lượng đào tạo tuy nhiên việc chưa thực hiện báo cáo tự đánh giá khiến Nhà trường chưa có cái nhìn toàn cục về những mặt tồn tại của Nhà trường. Định hướng trong thời gian tới, theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Nhà trường có kế hoạch thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục từng năm. Căn cứ báo cáo tự đánh giá hằng năm, Nhà trường sẽ có kế hoạch cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo, tiến tới thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 9.6: *Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.*

Mô tả:

Việc điều tra, khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp là một hoạt động trong kế hoạch đào tạo của trường (MC 9.6.1). Tất cả người học sau khi tốt nghiệp sau 6 tháng đều được khảo sát (từ MC 9.6.2 đến MC 9.6.14). Theo kết quả thống kê từ các lần khảo sát (MC 9.6.16) cho thấy đa phần người học (trên 80%) đều tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

Phân tích:

Trường Cao đẳng Xây dựng Thành Phố Hồ Chí Minh là trường trọng điểm đào tạo về quản lý, kỹ thuật xây dựng của khu vực, đảm bảo uy tín với chất lượng cao trong đào tạo cán bộ trình độ cao đẳng trở xuống, có các nghề trọng điểm quốc gia như Công nghệ kỹ thuật Giao thông, Quản lý xây dựng và các ngành nghề trọng điểm khu vực như Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước, Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng. Nhu cầu về nguồn nhân lực ngành xây dựng nói chung tăng cao trong những năm qua và là nhóm ngành thu hút nhiều lao động nhất hiện nay. Hàng năm, tất cả người học tốt nghiệp các ngành trọng điểm đều được Nhà trường phát phiếu khảo sát (MC 9.6.15) (phát trực tiếp, gửi qua bưu điện) để thu thập thông tin về việc làm sau khi tốt nghiệp, hầu hết người học được khảo sát đều có phản hồi lại cho nhà trường (từ MC 9.6.2 đến MC 9.6.14). Theo kết quả điều tra (MC 9.6.16) cho thấy có khoảng trên 80% người học tốt nghiệp sau 6 tháng tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Do cơ sở dữ liệu về người học được thiết lập đầy đủ, chi tiết nên việc liên lạc với người học sau tốt nghiệp khá thuận lợi. Tuy nhiên, một số người học học sau khi tốt nghiệp thay đổi nơi ở, số điện thoại, email nên nhà trường phải liên hệ thông qua nhiều kênh trung gian như gia đình, bạn bè,.. làm kéo dài thời gian khảo sát.

Nhận định:

Kết quả của việc điều tra giúp cho Trường đánh giá đúng hơn về chất lượng chương trình đào tạo. Cũng từ đó, Nhà trường có biện pháp điều chỉnh phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của xã hội. Vì vậy, Nhà trường sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở dữ liệu đào tạo, tập trung cho cơ sở dữ liệu về người học tốt nghiệp và công bố tình hình người học tốt nghiệp trên website của trường. Nghiên cứu để có giải pháp hữu hiệu đối với công tác thu thập thông tin về tình hình người học tốt nghiệp và việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 1 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÀ TRƯỜNG

1. Tình hình phát triển và dự báo nhu cầu nhân lực ngành xây dựng

Để đạt được mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp thì ngành Xây dựng giữ một vị trí rất quan trọng để tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ ban đầu cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà. Những nhiệm vụ của ngành Xây dựng phải đảm trách là:

- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, quy hoạch tổng thể xây dựng, phát triển kinh tế xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn; thực hiện chức năng quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý kiến trúc;

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, năng lượng, cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, chất thải bảo vệ môi trường;

- Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp trọng điểm quốc gia, khu công nghiệp tập trung, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng;

- Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, khu đô thị và các công trình phúc lợi xã hội;

Đây là một khối lượng công việc khổng lồ và cần rất nhiều nhân lực được đào tạo các chuyên ngành về lĩnh vực xây dựng. Vì vậy các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực của ngành Xây dựng đứng trước một thử thách lớn, trách nhiệm nặng nề về đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, lành nghề và đủ về số lượng, có chất lượng để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành và đủ sức tham gia hội nhập kinh tế Quốc tế.

Vùng Thành phố Hồ Chí Minh là vùng kinh tế phát triển năng động và lớn nhất nước; là đầu mối giao thông quan trọng ở trong nước và quốc tế, có nhiều khu đô thị lớn, đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh. Trong những năm vừa qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng cao hơn tăng trưởng bình quân chung của cả nước, hàng năm đóng góp ngân sách Nhà nước chiếm khoảng 60% ngân sách của cả nước.

Quy hoạch phát triển nhân lực Việt nam giai đoạn 2011-2020 đã cho thấy lực lượng lao động ngành Xây dựng giữ một vị trí quan trọng trong đó Vùng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 ước tính có khoảng 2,5 triệu người làm việc trong lĩnh vực xây dựng, và mục tiêu là có 1,62 triệu người đã qua đào tạo ở mọi cấp học.

Theo Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011-2020, tỷ lệ nhân lực qua đào tạo đạt khoảng 65,0% năm 2020; bao gồm, bậc đào tạo nghề chiếm khoảng 68,0% năm 2020, bậc trung cấp chuyên nghiệp chiếm khoảng 24,0% năm 2020, bậc cao đẳng chiếm khoảng 3,0% năm 2020, bậc đại học và trên đại học chiếm khoảng 5,0% năm 2020. Với vai trò là trung tâm văn hóa giáo dục và khoa học kỹ thuật của miền nam, với nhu cầu về lực lượng lao động như trên, Vùng Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải đảm nhiệm một quy mô đào tạo các bậc học đại học và cao đẳng từ 30-40% nhu cầu đào tạo cả nước, do vậy, trung bình chỉ tiêu đào tạo hàng năm của của lĩnh vực xây dựng sẽ là từ 4-6.000 chỉ tiêu cao đẳng và khoảng hơn 25.000 chỉ tiêu nhân lực các nghề từ cấp sơ cấp và trung cấp.

2. Định hướng phát triển của Nhà trường

Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM vẫn đảm nhận nhiệm vụ đào tạo nhân lực thực hành (Cử nhân, kỹ sư thực hành) và đội ngũ lao động qua đào tạo cho khu vực phía Nam. Vì vậy, Nhà trường xác định trách nhiệm và phương hướng phát triển của nhà trường trong khuôn khổ của Luật Giáo dục Nghề nghiệp là phát triển đa dạng ngành nghề trong lĩnh vực xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực lao động đồng thời tập trung phát triển các ngành nghề trọng điểm như sau:

- Ngành kỹ thuật công nghệ công trình xây dựng: với thế mạnh sẵn có của Nhà trường là có hơn 40 năm kinh nghiệm trong đào tạo nghề xây dựng; Trường đã được Tổng cục Dạy nghề cấp phép thành lập Trung tâm đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho ngành này; Trường đã có chương trình liên kết đào tạo với doanh nghiệp; Trường đã thành lập Trung tâm huấn luyện an toàn làm việc trên cao và trong không gian hạn chế dành riêng cho ngành xây dựng.

- Ngành Cấp thoát nước: với thế mạnh sẵn có của Trường là có kinh nghiệm trong đào tạo ngành nước, đặc biệt Trường có Trung tâm Đào tạo Ngành nước phía Nam do Bộ Xây dựng thành lập với sự hợp tác của tổ chức JICA (Nhật Bản); Trường đã được Tổng cục Dạy nghề cấp phép thành lập Trung tâm đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho ngành này; Trung tâm hiện nay đã có chương trình hợp tác với doanh nghiệp và có các chương trình nghiên cứu ứng dụng vào doanh nghiệp.

- Ngành Công nghệ kỹ thuật kiến trúc: với thế mạnh sẵn có của Trường là đơn vị đầu tiên triển khai ngành ở bậc cao đẳng; Trường đang có sự hợp tác với nhiều trường trong khu vực về ngành này và ngành kiến trúc là một lĩnh vực trong hợp tác ASEAN về trao đổi lao động; Trường đang hợp tác doanh nghiệp triển khai ứng dụng SMART Home.

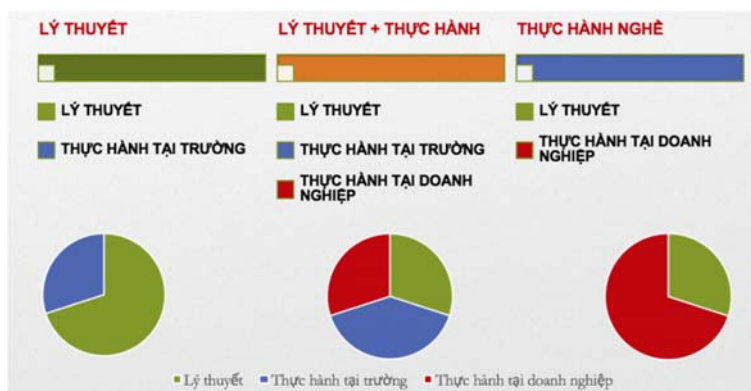
- Ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng: với thế mạnh của Nhà trường là có kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo vật liệu xây dựng đặc biệt là bê tông; Trường đã được Tổng cục Dạy nghề cấp phép thành lập Trung tâm đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho ngành này; Trường đang nhận được sự hỗ trợ của Bộ Xây dựng về kinh phí nghiên cứu khoa học lĩnh vực bê tông và vật liệu không nung.

3. Kế hoạch nâng cao chất lượng của Nhà trường

Để đạt được mục tiêu và định hướng phát triển nêu trên, Nhà trường phải có một kế hoạch dài hạn và lộ trình cụ thể, phát huy những thế mạnh sẵn có đồng thời từng bước khắc phục những mặt tồn tại nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Ban lãnh đạo Nhà trường có chủ trương đúng đắn theo từng giai đoạn, quan tâm theo dõi và có những hỗ trợ cần thiết kịp thời đối với các hoạt động đảm bảo chất lượng, được triển khai đến từng đơn vị, từng cá nhân trong Nhà trường để đảm bảo hoạt động này được vận hành liên tục. Trong thời gian tới, Nhà trường tập trung vào các giải pháp nâng cao chất lượng như sau:

- Duy trì thường xuyên hoạt động tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo từng năm theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, tiến tới mục tiêu là thực hiện kiểm định ngoài cơ sở giáo dục. Thông qua hoạt động tự kiểm định thường xuyên, Nhà trường sẽ có cái nhìn tổng quát về những mặt mạnh cũng như những mặt hạn chế của Nhà trường, từ đó sẽ có biện pháp phát huy hay khắc phục. Trước mắt là đáp ứng các yêu cầu của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đối với một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong tương lai là đáp ứng các điều kiện cần thiết để có thể trở thành trường cao đẳng chất lượng cao.

- Kịch bản toàn các chương trình đào tạo của Nhà trường theo hướng tăng cường thực hành và tiếp cận các chương trình đào tạo quốc tế cùng ngành. Nhà trường xác định đào tạo là sự gắn kết giữa nhà trường, người học và doanh nghiệp, tạo sự xuyên suốt giữa đầu vào – đào tạo – và đầu ra là 03 khâu quan trọng trong đổi mới hoạt động đào tạo nghề. Nhà trường định hướng theo 2 mô hình đào tạo bao gồm đào tạo theo Xưởng thực hành và đào tạo theo phương thức học tại trường và làm việc tại doanh nghiệp, chú trọng tính thực hành, tính thực tiễn, tính cập nhật kiến thức và công nghệ mới, tính thời sự trong chương trình đào tạo.



Đây là 02 mô hình đào tạo tăng cường đào tạo thực hành, sinh viên tham gia lao động thực tế ngay trong quá trình học. Thời gian lý thuyết được rút ngắn chỉ còn dưới 30% trong tổng số thời gian học. Để xây dựng mô hình này, đòi hỏi việc tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo, thực hành và quan trọng hơn là tăng cường hợp tác doanh nghiệp.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, chú trọng bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Tuyển chọn và đào tạo đủ số lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên có chất lượng để hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và nhân lực của Trường. Chú trọng đầu tư đội ngũ giảng viên nhằm đào tạo kỹ sư, cử nhân thực hành và đội ngũ công nhân kỹ thuật cao, công nhân ngành xây dựng được đào tạo. Khuyến khích giảng viên tự nâng cao trình độ, kết hợp đào tạo theo kế hoạch để không ngừng nâng cao và phát triển toàn diện về trí lực, kiến thức chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp; bổ sung thường xuyên đội ngũ giáo viên, giảng viên mới, đạt chuẩn về trình độ theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, đáp ứng số lượng giảng viên theo quy định.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao chất lượng đào tạo. Thông qua tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học với các đề tài có tính ứng dụng thực tiễn, có thể đưa vào sản xuất của cải xã hội, tăng cường hợp tác doanh nghiệp để người học có điều kiện tiếp cận trang thiết bị hiện đại ngay từ trong giảng đường, tranh thủ các chương trình tài trợ, viện trợ từ các chương trình hỗ trợ giáo dục.

Tập trung vào 4 nhóm giải pháp nêu trên, với một kế hoạch dài hạn, Nhà trường khẳng định từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, hoàn thành sứ mạng là địa chỉ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng ở khu vực phía Nam, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tạo điều kiện thuận lợi trong việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện công tác đảm bảo chất lượng ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đào tạo bổ sung đội ngũ kiểm định viên kiểm định chất lượng ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Kiến nghị Bộ Xây dựng tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường ở cấp Bộ ngành, làm nền tảng cho việc hiện đại hóa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng mục tiêu phát triển thành trường cao đẳng chất lượng cao.

Kiến nghị Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận các chương trình đào tạo cùng ngành theo chuẩn quốc tế, đặc biệt các chương trình đào tạo của các ngành có dịch chuyển lao động tự do trong khối ASEAN.

Kiến nghị Bộ Lao động Thương binh và Xã hội sớm cụ thể hoá các quy định về kỹ năng nghề quốc gia đối với đội ngũ lao động phải qua đào tạo để chuẩn hóa chương trình đào tạo và chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo tham gia đào tạo.

Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng cảm ơn.



PGS.TS.Lê Anh Đức

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-CDXD2 ngày 24/8/2012 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2011 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trường Phòng Khoa học, Hợp tác Quốc tế và Đảm bảo Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh gồm 11 ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm tổ chức triển khai công tác tự kiểm định và báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo đúng quy định hiện hành của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại điều 1 và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KH-HTQT-ĐBCL, K(8).



PGS.TS. Lê Anh Đức

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

Hội đồng kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-CDXD ngày 18 tháng 10 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ Và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lê Anh Đức	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Ông Nguyễn Bá Khiêm	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng
4	Ông Nguyễn Xuân Khoa	Trưởng Phòng KH-HTQT-ĐBCL	Thư ký Hội đồng
5	Ông Nguyễn Đình Đa	Trưởng Phòng Tổ chức HC	Ủy viên
6	Ông Lê Khắc Toàn	Trưởng Phòng Đào tạo	Ủy viên
7	Ông Huỳnh Phi Tuấn Khanh	Trưởng Phòng TS-CTSVHS	Ủy viên
8	Bà Nguyễn Thị Trang	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	Ủy viên
9	Ông Đinh Văn Hậu	Trưởng Phòng Quản trị	Ủy viên
10	Ông Nguyễn Ngọc Phúc	Trưởng Khoa Xây dựng	Ủy viên
11	Ông Vũ Sĩ Tuấn	Giám đốc TTĐTTH-UDCNXD	Ủy viên



PGS.TS.Lê Anh Đức

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 04..tháng. 10..năm 2017

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2017

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Sản phẩm dự kiến	Nội dung thực hiện
1.	Kiểm tra, rà soát các minh chứng (<i>quy định, quyết định, công văn</i>) có liên quan đến phòng, khoa, bộ môn theo Thông tư 15/TT-BLĐTBXH	Các phòng ban và khoa bộ môn	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	05/10/2017	15/10/2017	Các minh chứng, quy định, quyết định có liên quan trong vòng 03 năm: 2014, 2015, 2016	- Đọc, tìm hiểu các tiêu chuẩn trong Thông tư 15/TT-BLĐTBXH có liên quan đến đơn vị mình - Trích lục các văn bản đã lưu và photo lưu - Liệt kê, thống kê các tài liệu, hồ sơ, minh chứng nào đã có hay không có - Đánh số và sắp xếp các hồ sơ theo từng minh chứng
2.	Lập Hội Đồng Kiểm Định Chất Lượng Cơ Sở Giáo Dục Nghề Nghiệp	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	Các phòng ban và khoa bộ môn	15/10/2017	20/10/2017	Quyết định thành lập hội đồng và trách nhiệm của các thành viên tham gia Quy định, quy trình thực hiện, cách thức tìm minh chứng	- Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của công tác thực hiện báo cáo tự đánh giá ĐBCL GDNN theo công văn 1845 của bộ LĐTBXH và sự cần thiết của công việc ĐBCL GDNN - Phổ biến trách nhiệm của Hội đồng và quy trình thực hiện kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư 42/TT-BLĐTBXH - Phân công nhiệm vụ cho từng khoa, bộ môn, phòng ban có các tiêu

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Sản phẩm dự kiến	Nội dung thực hiện
							chỉ, tiêu chuẩn liên quan đến báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN - Trao đổi, làm rõ về cách thức thực hiện tìm minh chứng - Hướng dẫn cách đánh số minh chứng - Trao đổi, hướng dẫn các đơn vị viết báo cáo tự đánh giá theo phụ lục của công văn 1845 Bộ LĐTBXH trên cơ sở các tài liệu đã có
3.	Thực hiện tự đánh giá của các đơn vị	Các bộ môn, khoa, các phòng, ban, trung tâm	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	20/10/2017	20/11/2017	Báo cáo tự đánh giá của các đơn vị	Thu thập minh chứng, tự đánh các hoạt động của đơn vị, viết báo cáo tự đánh giá và gửi Hội Đồng Kiểm Định Chất Lượng
4.	Thông qua báo cáo tự đánh giá của các đơn vị	Hội Đồng Kiểm Định	Các bộ môn, khoa, các phòng, ban, trung tâm	20/11/2017	30/11/2017	Báo cáo tự đánh giá của các đơn vị	- Hợp Hội Đồng Kiểm Định, nghiên cứu, rà soát, đối chiếu các minh chứng với các tiêu chuẩn. - Nghiệm thu báo cáo tự đánh giá của các đơn vị - Yêu cầu các đơn vị chỉnh sửa, bổ sung, giải trình (nếu cần)
5.	Thông qua báo cáo kết quả tự đánh giá của trường	Hội Đồng Kiểm Định	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	01/12/2017	10/12/2017	Báo cáo Tự đánh giá được cập nhật:	- Thành phần họp: + Thành viên Hội Đồng Kiểm Định + Trưởng các đơn vị + Đại diện các tổ chức Đảng, đoàn thể của trường - Nội dung báo cáo kết quả tự đánh giá của trường phải được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng nhất trí thông

Y
ƯỜNG
ĐẢNG
DUNG
HCM
★

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Sản phẩm dự kiến	Nội dung thực hiện
							qua - Chủ tịch Hội Đồng Kiểm Định công bố thông qua báo cáo tự đánh giá -Thực hiện theo TT 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017
6.	Công bố báo cáo tự đánh giá toàn trường	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	Trung Tâm Thông Tin và Thư Viện	10/12/2017	14/12/2017	Báo cáo tự đánh giá	- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá bằng văn bản cho toàn trường - Đăng báo cáo tự đánh giá trên website trường và các phương tiện truyền thông khác
7.	Nộp báo cáo tự đánh giá	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	-	14/12/2017	15/12/2017	Báo cáo tự đánh giá	- Nộp báo cáo tự đánh giá bản in cho Bộ LĐTBXH và Sở LĐTBXH (để lưu) - Nội dung báo cáo tóm tắt: + Quá trình thực hiện tự đánh giá + Tổng hợp kết quả tự đánh giá + Điểm mạnh, điểm tồn tại và kế hoạch khắc phục của trường sau tự đánh giá

PHÒNG KHOA HỌC – HTQT&ĐBCL



Nguyễn Xuân Khoa



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.Lê Anh Đức

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.1		QĐ 439/QĐ-CĐXD2 ngày 24/8/2012 Quy chế tổ chức và hoạt động trường CĐXD2 (có mục tiêu sứ mạng Nhà trường)
2	1	1	1.1.2		Nghị quyết đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2015 - 2020
3	1	1	1.1.3		Đề án thành lập trường Đại học Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Xây dựng số 2
4	1	1	1.1.4		Quy hoạch phát triển nguồn Nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (Quyết định 1217/QĐ-TTg); Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 838/QĐ-BXD)
5	1	1	1.1.5		Hợp đồng 195/HĐĐTTC-BXD Ngày 14/7/2015. Hợp đồng 472/QCTH Ngày 02/8/2015. Hợp đồng 398/QCTH Ngày 25/3/2015. Hợp đồng quảng cáo số 400/HĐ-2016TT
6	1	2	1.2.1	1.1.3	Đề án thành lập trường Đại học Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Xây dựng số 2
7	1	2	1.2.2		Đề án đổi tên trường Cao đẳng Xây dựng số 2 thành trường Cao đẳng xây dựng thành phố Hồ Chí Minh
8	1	2	1.2.3		BC 102/BC-CĐXD2 ngày 05/3/2015 Xây dựng quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo thuộc ngành xây dựng đến năm 2020 và tầm nhìn 2030
9	1	2	1.2.4		Giấy chứng nhận số 41/2014/CNĐKHH-TCDN ngày 25/9/2014. Giấy chứng nhận số 41a/2014/CNĐKHH-TCDN ngày 26/6/2015. Giấy chứng nhận số 110/2017/GCNĐKHH-TCDN ngày 02/6/2017
10	1	2	1.2.5		Công văn số 406/TCDN-DNCQ ngày 07/4/2016. CV số 423/CĐXD2-ĐKHH ngày 11/7/2017. CV số 422/CĐXD2-ĐT ngày 11/7/2017. CV số 421/CĐXD2-ĐKBSHH ngày 11/7/2017
11	1	2	1.2.6		Giấy chứng nhận số 110a/GCNĐKBS-TCDN ngày 17/7/2017
12	1	3	1.3.1		Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 V/v thành lập trường CĐXD2
13	1	3	1.3.2		QĐ1148/QĐ-LĐTBXH ngày 18/7/2017
14	1	3	1.3.3	1.1.1	QĐ 439/QĐ-CĐXD2 ngày 24/8/2012 Quy chế tổ chức và hoạt động trường CĐXD2

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
15	1	3	1.3.4		QĐ 590/QĐ-BXD ngày 29/3/2001 thành lập khoa Xây dựng
16	1	3	1.3.5		QĐ 1999/QĐ-BXD ngày 03/12/2001 thành lập TTĐT ngành Nước tại miền Nam
17	1	3	1.3.6		QĐ 890/QĐ-BXD ngày 03/6/2004 thành lập TT Tư vấn xây dựng
18	1	3	1.3.7		QĐ 132/QĐ-CĐXD2 ngày 26/3/2008 thành lập BQLKTX
19	1	3	1.3.8		131/QĐ-CĐXD2 ngày 26/3/2008 thành lập khoa Cấp thoát nước
20	1	3	1.3.9		QĐ 130/QĐ-CĐXD2 ngày 26/3/2008 thành lập khoa Ngoại ngữ
21	1	3	1.3.10		QĐ 133/QĐ-CĐXD2 ngày 26/3/2008 thành lập Bộ môn Kinh tế xây dựng
22	1	3	1.3.11		QĐ 549/QĐ - BXD ngày 10/6/2011 thành lập TTTVHN,ĐT và DVXD
23	1	3	1.3.12		QĐ 38/QĐ-CĐXD2 ngày 15/2/2012 thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
24	1	3	1.3.13		QĐ 381/QĐ-CĐXD2 ngày 17/7/2012 thành lập Bộ môn lý luận chính trị
25	1	3	1.3.14		QĐ 249/QĐ-CĐXD2 ngày 27/4/2017 thành lập Khoa kiến trúc
26	1	3	1.3.15		QĐ 260/QĐ-CĐXD2 ngày 28/4/2017 thành lập phòng Khoa học - HTQT&ĐBCL
27	1	3	1.3.16		QĐ 265/QĐ-CĐXD2 ngày 28/4/2017 thành lập Trung tâm ĐTTH-UDCNXD
28	1	3	1.3.17		QĐ 253/QĐ-CĐXD2 ngày 28/4/2017 sát nhập Khoa Cấp thoát nước vào Trung tâm ĐT ngành Nước tại miền Nam
29	1	3	1.3.18		QĐ 254/QĐ-CĐXD2 ngày 28/4/2017 thành lập Trung tâm Thông tin - Thư viện
30	1	3	1.3.19		QĐ 255/QĐ-CĐXD2 ngày 28/4/2017 thành lập phòng Tuyển sinh - Công tác sinh viên, học sinh
31	1	3	1.3.20		QĐ 259/QĐ-CĐXD2 ngày 02/5/2013 thành lập Khoa Quản lý xây dựng.
32	1	3	1.3.21		QĐ 597/QĐ-CĐXD2 ngày 08/11/2016 Quy chế chi tiêu nội bộ. QĐ 559/QĐ-CĐXD2 ngày 31/10/2014 Quy định làm việc
33	1	4	1.4.1		Thông báo số 280/TB-CĐXD2 ngày 25/6/2014 Kết luận nội dung cuộc họp giao ban tháng 6/2014

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
34	1	4	1.4.2		Thông báo số 433/TB-CĐXD2 ngày 10/9/2014 V/v đóng góp ý kiến các bản dự thảo quy định, quy chế
35	1	4	1.4.3		Kế hoạch số 497/KH-CĐXD2 ngày 07/9/2015 Tổ chức HNCBCCVC năm 2015
36	1	4	1.4.4		Kế hoạch số 484/KH-CĐXD2 ngày 19/9/2016 Tổ chức HNCBCCVC năm học 2016-2017
37	1	4	1.4.5		Kế hoạch 652/KH-CĐXD2 ngày 31//8/2017 Tổ chức HNCBCCVC năm học 2017-2018
38	1	4	1.4.6		TB số 316/TB-CĐXD2 ngày 05/7/2016, Kết luận hội nghị giao ban tháng 6/2016
39	1	4	1.4.7		Thông báo số 538/TB-CĐXD2 ngày 29/10/2014 V/v Phê duyệt và ban hành đưa vào sử dụng các Quy chế, Quy định
40	1	4	1.4.8		Tổng hợp ý kiến đóng góp các quy chế quy định năm 2014. Tổng hợp ý kiến đóng góp các quy chế quy định năm 2016. Tổng hợp ý kiến đóng góp các quy chế quy định năm 2017
41	1	5	1.5.1		QĐ 560/QĐ-CĐXD2 ngày 31/10/2014 Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường CĐXD2
42	1	5	1.5.2		Báo cáo hội nghị CBCNVC năm 2014, 2015, 2016
43	1	6	1.6.1		QĐ 535/QĐ-CĐXD2 ngày 28/10/2014 Thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp
44	1	6	1.6.2		QĐ 411/QĐ-CĐXD2 ngày 03/9/2017 thành lập Hội đồng xét lên lớp năm học 2014-2015
45	1	6	1.6.3		743/QĐ-CĐXD2 ngày 31/12/2014 thành lập Hội đồng Kiểm kê tài sản năm 2014
46	1	6	1.6.4		586/QĐ-CĐXD2 ngày 11/11/2014 thành lập Hội đồng Đầu tư và Quản lý cơ sở vật chất
47	1	6	1.6.5		545/QĐ-CĐXD2 ngày 31/10/2014 thành lập Hội đồng thanh lý tài sản
48	1	6	1.6.6		669/QĐ-CĐXD2 ngày 16/11/2015 thành lập Hội đồng xét học vụ năm 2015
49	1	6	1.6.7		15/QĐ-CĐXD2 ngày 14/01/2015 Thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp Cao đẳng hệ vừa làm vừa học năm 2015
50	1	6	1.6.8		638/QĐ-CĐXD2 ngày 05/11/2015 Thành lập Hội đồng thanh lý tài sản
51	1	6	1.6.9		178/QĐ-CĐXD2 ngày 15/4/2015 thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
52	1	6	1.6.10		202/QĐ-CĐXD2 ngày 29/4/2015 thành lập Hội đồng tuyển sinh Cao đẳng hệ Chính quy năm 2015
53	1	6	1.6.11		296/QĐ-CĐXD2 ngày 10/6/2015 thành lập Hội đồng Khoa học - Đào tạo
54	1	6	1.6.12		393 /QĐ-CĐXD2 ngày 17/8/2016 thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản năm 2016
55	1	6	1.6.13		379/QĐ-CĐXD2 ngày 10/8/2016 thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp năm 2016
56	1	6	1.6.14		288/QĐ-CĐXD2 ngày 17/6/2016 thành lập Hội đồng tuyển sinh Cao đẳng nghề năm 2016
57	1	6	1.6.15		470/QĐ-CĐXD2 ngày 16/9/2016 thành lập Hội đồng tuyển sinh liên thông Cao đẳng năm 2016
58	1	6	1.6.16		549/QĐ-CĐXD2 ngày 17/10/2016 thành lập Hội đồng xét học vụ năm 2016
59	1	6	1.6.17		212/QĐ-CĐXD2 ngày 8/5/2015 thành lập HĐ tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp năm 2015
60	1	6	1.6.18		495/QĐ-CĐXD2 ngày 7/9/2015 thành lập HĐ kiểm kê tài sản năm 2015
61	1	6	1.6.19		565/QĐ-CĐXD2 ngày 02/10/2015 thành lập HĐ tuyển sinh CĐLT năm 2015
62	1	6	1.6.20		58/QĐ-CĐXD2 ngày 20/1/2014 thành lập HĐ thi tốt nghiệp CĐ hệ vừa làm vừa học năm 2014
63	1	6	1.6.21		256/QĐ-CĐXD2 ngày 3/6/2014 thành lập HĐ thi tuyển sinh CĐCQ năm 2014
64	1	6	1.6.22		303/QĐ-CĐXD2 ngày 02/7/2014 thành lập HĐ thi TNTCCNCQ năm 2014
65	1	6	1.6.23		301/QĐ-CĐXD2 ngày 1/7/2014 thành lập HĐTTN CĐCQ năm 2014
66	1	6	1.6.24		302/QĐ-CĐXD2 ngày 2//7/2014 thành lập HĐTTNLTCĐCQ năm 2014
67	1	6	1.6.25		401/QĐ-CĐXD2 ngày 19/8/2016 thành lập HĐĐG lại tài sản năm 2016
68	1	6	1.6.26		345/QĐ-CĐXD2 ngày 5/6/2017 thành lập HĐ tuyển sinh CĐ năm 2017
69	1	6	1.6.27		385/QĐ-CĐXD2 ngày 27/6/2017 thành lập HĐ thi tốt nghiệp CĐ năm 2017

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
70	1	6	1.6.28		386/QĐ-CĐXD2 ngày 27/6/2017 thành lập HĐ thi tốt nghiệp TC năm 2017
71	1	6	1.6.29		794/QĐ-CĐXD2 ngày 25/12/2017 thành lập HĐ đầu tư và QLCSVC năm 2015
72	1	6	1.6.30		622/QĐ-CĐXD2 ngày 03/12/2014 thành lập HĐ kiểm tra và sát hạch viên chức năm học 2014-2015
73	1	6	1.6.31		316/QĐ-CĐXD2 ngày 21/7/2014 thành lập HĐ Khoa học và đào tạo
74	1	6	1.6.32		623/QĐ-CĐXD2 ngày 3/2/2014 thành lập HĐ tuyển dụng viên chức năm học 2014-2015
75	1	6	1.6.33	1.5.1	QĐ 560/QĐ-CĐXD2 ngày 31/10/2014 Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường CĐXD2
76	1	6	1.6.34	1.5.2	Báo cáo HNCBCCVC năm 2014, 2015, 2016
77	1	7	1.7.1		Quyết định thành lập Phòng Thanh tra Khảo thí ĐBCL
78	1	7	1.7.2		Quy định về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục;
79	1	7	1.7.3		Kế hoạch thực hiện Đảm bảo chất lượng các năm 2014, 2015, 2016
80	1	7	1.7.4	1.5.2	Báo cáo HNCBCNVC năm 2014, 2015, 2016
81	1	8	1.8.1	1.7.1	Quyết định Thành lập phòng Thanh tra Khảo thí ĐBCL
82	1	8	1.8.2	1.5.1	QĐ 560/QĐ-CĐXD2 ngày 31/10/2014 Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường CĐXD2
83	1	8	1.8.3		Báo cáo cuối năm của phòng TTKTĐBCL (phần ĐBCL) năm 2014, 2015, 2016
84	1	9	1.9.1		QĐ 34-QĐ/ĐU ngày 04/8/2015 V/v Ban hành Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ Trường Cao đẳng Xây dựng số 2
85	1	9	1.9.2		Quyết định 292-QĐ/ĐUK ngày 30/6/2015 Chuẩn y kết quả đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 Khóa VIII, (nhiệm kỳ 2015-2020)
86	1	9	1.9.3		Báo cáo 109-BC/ĐU Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 2017
87	1	9	1.9.4	1.5.2	Báo cáo HNCBCNVC năm 2014, 2015, 2016

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
88	1	10	1.10.1		Quyết định số 08 - QĐ/ĐK ngày 10/12/2012 của Đoàn Khối Bộ Xây dựng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đoàn Cơ sở Trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 (nhiệm kỳ 2012 - 2015); Quyết định số 110 - QĐ/ĐK ngày 05/6/2015 của Đoàn Khối Bộ Xây dựng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đoàn Cơ sở Trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 (nhiệm kỳ 2015 -2017); Quyết định số 78 - QĐ/ĐK ngày 08/6/2017 của Đoàn Khối Bộ Xây dựng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đoàn Cơ sở Trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 (nhiệm kỳ 2017 -2019);
89	1	10	1.10.2		Quyết định số 22 /QĐ-BTK-TC ngày 04/6/2013 của Ban Thư ký Hội Sinh viên Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuẩn y Ban Chấp hành Hội Sinh viên Trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 (nhiệm kỳ 2013 -2015); Quyết định số 14/QĐ-BTK-TC ngày 10/6/2016 của Ban Thư ký Hội Sinh viên Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuẩn y Ban Chấp hành Hội Sinh viên Trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 (nhiệm kỳ 2016 -2018);
90	1	10	1.10.3		Quyết định số 289/QĐ-CCB, ngày 10/11/2005 của Hội CCB Quận Thủ Đức về việc thành lập tổ chức Hội CCB cơ sở Trường CĐXD Số 2 trực thuộc Ban chấp hành Hội CCB Quận Thủ Đức
91	1	10	1.10.4		Quyết định số 179 /QĐ-CCB, ngày 10/12/2006 của Hội CCB Quận Thủ Đức về việc Chuẩn y Ban chấp hành Hội CCB Trường CĐXD Số 2 nhiệm kỳ I (2006 -2011) gồm 3 đ/c. Quyết định số 47/QĐ-CCB, ngày 30/03/2012 của Hội CCB Quận Thủ Đức về việc Chuẩn y Ban chấp hành Hội CCB Trường CĐXD Số 2 nhiệm kỳ II (2012-2017) gồm 3 đ/c. Quyết định số 70/QĐ-CCB, ngày 27/03/2017 của Hội CCB Quận Thủ Đức về việc Chuẩn y Ban chấp hành Hội CCB Trường CĐXD Số 2 nhiệm kỳ III (2017-2022) gồm 3 đồng chí.
92	1	10	1.10.5		Quyết định số 86/QĐ-CCB, ngày 26/05/2014 của Hội CCB Quận Thủ Đức về việc Chuẩn y đồng chí Vũ Sĩ Tuấn Phó Chủ tịch Hội CCB Trường Cao Đẳng Xây Dựng Số 2 giữ chức Chủ tịch Hội CCB Trường nhiệm kỳ (2012 - 2017)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
93	1	10	1.10.6		Quyết định số 87/QĐ-CCB, ngày 26/05/2014 của Hội CCB Quận Thủ Đức về việc Chuẩn y đồng chí Nguyễn Đình Đa Ủy viên Ban chấp hành Hội CCB Trường Cao Đẳng Xây Dựng Số 2 giữ chức Phó Chủ tịch Hội CCB Trường nhiệm kỳ (2012 -2017) thay cho đồng chí Vũ Sĩ Tuấn chuyên công tác khác.
94	1	10	1.10.7		Cơ cấu tổ chức 01 - CCTC/ĐTN ngày 30/6/2012 của Ban Chấp hành Đoàn - Hội Trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc sắp xếp Cơ cấu Tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên nhiệm kỳ (2012 -2015);. Ngày 30/6/2015 nhiệm kỳ (2015-2017). Ngày 15/5/2017 nhiệm kỳ (2017 - 2019)
95	1	10	1.10.8		Quy chế 01 - QC/ĐTN ngày 01/01/2013 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Xây dựng 2 khóa XII, nhiệm kỳ (2012 - 2015). Ngày 01/6/2015 nhiệm kỳ (2015-2017). Ngày 11/6/2017 nhiệm kỳ (2017 - 2019)
96	1	10	1.10.9		Kế hoạch hoạt động số 15 - KHHĐ/ĐTN-HSV ngày 15/8/2014 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn thanh niên - Hội Sinh viên Trường Cao đẳng Xây dựng 2 năm 2014; Kế hoạch hoạt động số 01 - KHHĐ/ĐTN-HSV ngày 01/01/2015 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn thanh niên - Hội Sinh viên Trường Cao đẳng Xây dựng 2 năm 2015; Kế hoạch hoạt động số 06 - KHHĐ/ĐTN-HSV ngày 11/01/2016 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn thanh niên - Hội Sinh viên Trường Cao đẳng Xây dựng 2 năm 2016. Kế hoạch hoạt động số 16 - KHHĐ/ĐTN-HSV ngày 08/03/2017 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn thanh niên - Hội Sinh viên Trường Cao đẳng Xây dựng 2 năm 2017;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
97	1	10	1.10.10		Phương hướng hoạt động số 01 - PHHD/ĐTN ngày 29/8/2012 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc xây dựng phương hướng hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Xây dựng 2 khóa XII, nhiệm kỳ (2012 - 2015); nhiệm kỳ (2015-2017); nhiệm kỳ (2017-2019)
98	1	10	1.10.11		Kế hoạch số 01/KH-ĐTN ngày 25/02/2014 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc tổ chức chương trình Nghĩa Tình Xây dựng lần thứ 5 năm 2014;
99	1	10	1.10.12		Kế hoạch số 03/KH-ĐT ngày 07/10/2014 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về thực hiện chương trình chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11-2014.
100	1	10	1.10.13		Thông báo số 04/HSV ngày 07/10/2014 của Ban Chấp hành Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc tham gia Ngày hội " Hướng nghiệp, dạy nghề" Lần II - năm 2014 do Thành Đoàn TPHCM Tổ chức;
101	1	10	1.10.14		Thông báo số 05-2014/TB - ĐT ngày 17/10/2014 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc Tổ chức lớp bồi dưỡng 6 Bài lý luận chính trị và tập huấn kỹ năng sinh hoạt Đoàn cho Đoàn viên - Thanh niên;
102	1	10	1.10.15		Kế hoạch số 06-KH/ĐTN-CCB-Khoa ĐTN ngày 25/11/2014 của Đoàn Thanh niên phối hợp cùng Hội Cựu Chiến binh, Khoa đào tạo nghề trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc Tổ chức Cuộc thi Bàn Tay vàng Đoàn cho Đoàn viên - Thanh niên.
103	1	10	1.10.16		Kế hoạch số 15-KH/ĐT ngày 10/3/2014 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc ban hành kế hoạch Lễ Hội ẩm thực chào mừng 83 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2014);
104	1	10	1.10.17		Kế hoạch số 19-/KHTV ngày 10/3/2014 của Ban Thường vụ Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc ban hành kế hoạch tổ chức Chiến dịch Mùa hè xanh năm 2014;
105	1	10	1.10.18		Kế hoạch số 05/KH - ĐTN - HSV ngày 10/3/2014 của Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc ban hành kế hoạch tập huấn Cán bộ Đoàn - Hội năm 2014;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
106	1	10	1.10.19		Kế hoạch 01 - KH/ĐTN - HSV ngày 30/5/2015 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện Mùa hè xanh năm 2015;
107	1	10	1.10.20		Kế hoạch 03 - KH/ĐTN ngày 05/03/2015 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Giải bóng đá truyền thống sinh viên học sinh năm 2015;
108	1	10	1.10.21		Kế hoạch 04 - KH/ĐTN ngày 12/9/2015 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Đêm hội Trăng Rằm Trà Cú Trà Vinh;
109	1	10	1.10.22		Kế hoạch 05 - KH/HSV ngày 12/02/2015 của Ban Chấp hành Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Vận động Hiến Máu tình nguyện năm 2015;
110	1	10	1.10.23		Kế hoạch 06 - KH/ĐTN - HSV ngày 02/11/2015 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Tập huấn Cán bộ Đoàn - Hội năm 2015.
111	1	10	1.10.24		Kế hoạch 07 - KH/ĐTN ngày 01/3/2015 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Tháng thanh niên năm 2015;
112	1	10	1.10.25		Kế hoạch 06 - KH/ĐTN ngày 19/10/2015 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 và Chào đón Tân Sinh viên năm 2015;
113	1	10	1.10.26		Kế hoạch 08 - KH/ĐTN ngày 06/03/2015 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Ngày Hội Đoàn viên Chào mừng ngày Thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/03/2015;
114	1	10	1.10.27		Kế hoạch 09 - KHPH/ĐTN - CĐ ngày 09/01/2016 của Ban Chấp hành Đoàn trường phối hợp với Công đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức tìm hiểu Luật lao động năm 2012;
115	1	10	1.10.28		Kế hoạch 10 - KH/ĐTN - HSV ngày 10/03/2016 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Hội Thao Chào mừng 85 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2016) và kỷ niệm 40 năm thành lập Trường CĐ Xây dựng Số 2 (1976 - 2016);

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
116	1	10	1.10.29		Kế hoạch 11 - KH/ĐTN - HSV ngày 10/03/2016 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Giải Bóng đá truyền thống học sinh sinh viên năm 2016;
117	1	10	1.10.30		Kế hoạch 13 - KH/ĐTN - HSV ngày 30/04/2016 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Chiến dịch Mùa hè xanh năm 2016
118	1	10	1.10.31		Kế hoạch 14 - KH/ĐTN - HSV ngày 20/09/2016 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Hội trại tập huấn Cán bộ Đoàn - Hội và Chào đón Tân Sinh viên năm 2016;
119	1	10	1.10.32		Kế hoạch 15 - KH/ĐTN ngày 20/09/2016 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2016;
120	1	10	1.10.33		Kế hoạch 20 - KH/ĐTN ngày 20/09/2016 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Ngày Hội Tư vấn và giới thiệu việc làm;
121	1	10	1.10.34		Kế hoạch 02 - KH/ĐTN - HSV ngày 15/02/2017 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Giải bóng đá truyền thống học sinh sinh viên năm 2017;
122	1	10	1.10.35		Kế hoạch 03 - KH/HSV ngày 10/06/2017 của Ban Chấp hành Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Chiến dịch Mùa hè xanh năm 2017;
123	1	10	1.10.36		Kế hoạch 04 - KH/ĐTN ngày 27/7/2017 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Hội thi trực tuyến Tự Hào Sử Việt lần 4 năm 2017.
124	1	10	1.10.37		Kế hoạch 10 - KH/ĐTN ngày 27/7/2017 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Đêm hội Trăng Rằm năm 2017;
125	1	10	1.10.38		Kế hoạch 11 - KH/ĐTN - HSV ngày 29/9/2017 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Hội trại truyền thống và Chào đón Tân Sinh viên năm 2017;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
126	1	10	1.10.39		Kế hoạch 12 - KH/ĐTN - HSV ngày 10/10/2017 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11 và Chào đón Tân Sinh viên năm 2017;
127	1	10	1.10.40		Hình ảnh Hội CCB về nguồn Tây Bắc thăm Điện Biên, viếng Nghĩa trang Đồi A1, thăm Tượng Đài Chiến Thắng. Hình ảnh Hội CCB về thăm lại chiến trường xưa Cần giờ, Địa Đạo Củ Chi. Hình ảnh Hội CCB về nguồn thăm Nghĩa trang Liệt sỹ Trường Sơn, Viếng Mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp...vv Hình ảnh Hội CCB về nguồn Thăm Côn Đảo Viếng Nghĩa Trang Liệt sỹ Hàng Dương, Viếng mộ Chị Võ Thị Sáu ...vv. Hình ảnh Hội CCB về nguồn thăm Nhà Tù Phú Quốc
128	1	11	1.11.1		Quy định tổ chức và hoạt động thanh tra
129	1	11	1.11.2		Quyết định phê chuẩn ban thanh tra nhân dân
130	1	11	1.11.3		Kế hoạch kiểm tra giám sát hoạt động đào tạo năm 2014, 2015, 2016
131	1	11	1.11.4		Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo năm 2014, 2015, 2016
132	1	11	1.11.5		Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân trước hội nghị CBVC hằng năm
133	1	12	1.12.1		101/TB-CDXD2 ngày 17/03/2014 về thực hiện chế độ miễn giảm học phí NH 2013-2014
134	1	12	1.12.2		Thông báo về thực hiện chế độ miễn giảm học phí, các năm 2014, 2015, 2016
135	1	12	1.12.3		Thông báo thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho SVHS là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo năm 2015, 2016
136	1	12	1.12.4	1.3.21	QĐ 597/QĐ-CĐXD2 ngày 08/11/2016 Quy chế chi tiêu nội bộ
137	1	12	1.12.5		Bảng chi học bổng hằng năm (chế độ cho sinh viên). Bảng chi lương tháng (chế độ cho cán bộ viên chức)
138	1	12	1.12.6		QĐ 552/QĐ-CĐXD2 ngày 31/10/2014 Kien toàn Ban Vi sự tiến bộ của Phụ nữ trường CĐXD2
139	1	12	1.12.7		Báo cáo Vi sự tiến bộ Phụ nữ ngày 31/10/2014
140	1	12	1.12.8		Báo cáo Tổng kết hoạt động công đoàn năm 2014 - 2015- 2016 - 2017

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
141	2	1	2.1.1	1.2.4	Giấy chứng nhận số 41/2014/CNĐKHH-TCDN ngày 25/9/2014. Giấy chứng nhận số 41a/2014/CNĐKHH-TCDN ngày 26/6/2015. Giấy chứng nhận số 110/2017/GCNĐKHH-TCDN ngày 02/6/2017. Giấy chứng nhận số 110a/GCNĐKBS-TCDN ngày 17/7/2017
142	2	1	2.1.2	1.2.5	Công văn số 406/TCDN-DNCQ ngày 07/4/2016. CV số 423/CĐXD2-ĐKHH ngày 11/7/2017. CV số 422/CĐXD2-ĐT ngày 11/7/2017. CV số 421/CĐXD2-ĐKBSHH ngày 11/7/2017
143	2	1	2.1.3		QĐ 554/QĐ-CĐXD2 công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo Cao đẳng chính quy ngày 31/03/2011 người ký thầy Chu Văn Quyết.
144	2	1	2.1.4		QĐ 16/QĐ-CĐXD2 công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngày 19/01/2011 người ký thầy Chu Văn Quyết.
145	2	1	2.1.5		QĐ Chương trình đào tạo năm 2011 ngày 01/07/2010 người ký Thầy Chu văn Quyết (kèm chương trình đào tạo).
146	2	1	2.1.6		QĐ ban hành chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên hệ cao đẳng chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ ngày 11/12/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm theo Quy định chuẩn đầu vào và đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên hệ cao đẳng chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ).
147	2	1	2.1.7		QĐ số 503/QĐ-CĐXD2 ban hành mục tiêu, chương trình đào tạo các ngành và chuyên ngành và chuyên ngành trình độ cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngày 09/09/2015 người ký thầy Lê Anh Đức (kèm chương trình đào tạo).
148	2	1	2.1.8		Hình ảnh chương trình và chuẩn đầu ra công bố trên website
149	2	2	2.2.1		Quy chế tuyển sinh năm 2014
150	2	2	2.2.2		Đề án tuyển sinh năm 2015 ngày 16/09/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức.
151	2	2	2.2.3		Đề án tuyển sinh năm 2016 ngày 20/05/2016 người ký Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục.
152	2	3	2.3.1		Chỉ tiêu tuyển sinh đăng ký năm 2014 ngày 03/03/2014. Chỉ tiêu tuyển sinh đăng ký năm 2015 ngày 09/03/2015. Chỉ tiêu tuyển sinh đăng ký năm 2016 ngày 22/02/2016

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
153	2	3	2.3.2		Kế hoạch tuyển sinh Cao đẳng chính quy năm 2014 ngày 22/03/2014 người ký Thầy Chu Văn Quyết.
154	2	3	2.3.3		Thông tin tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy năm 2015 ngày 15/10/2014 người ký Thầy Lê Anh Đức. Thông tin tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy năm 2016 ngày 28/01/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
155	2	3	2.3.4		Thông báo tuyển sinh Trung cấp năm 2016 ngày 24/03/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. Thông báo tuyển sinh Trung cấp năm 2015 ngày 20/03/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức. Thông báo tuyển sinh Trung cấp năm 2014 ngày 20/06/2014 người ký Thầy Lê Anh Đức.
156	2	3	2.3.5		TB tuyển sinh TC liên thông CĐ 2015 ngày 19/05/2015.TB tuyển sinh TC liên thông cao đẳng đợt 2 năm 2015 ngày 03/03/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. TB tuyển sinh TC liên thông cao đẳng đợt 1 năm 2016 ngày 30/05/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. TB tuyển sinh TC liên thông cao đẳng đợt 2 năm 2016 ngày 19/09/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
157	2	3	2.3.6		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh CĐ năm 2014 ngày 03/06/2014 người ký Thầy Lê Anh Đức. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh CĐ, TC 2015 ngày 29/04/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh CĐ, TC 2016 ngày 13/06/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
158	2	3	2.3.7		QĐ 295/QĐ-CĐXD2 ngày 05/06/2014 thành lập ban thư ký tuyển sinh Cao đẳng hệ chính quy năm 2014 người ký thầy Lê Anh Đức.
159	2	3	2.3.8		QĐ 297/QĐ-CĐXD2 ngày 30/06/2014 thành lập ban đề thi tuyển sinh Cao đẳng hệ chính quy năm 2014 người ký thầy Lê Anh Đức.
160	2	3	2.3.9		QĐ 296/QĐ-CĐXD2 ngày 25/06/2014 thành lập Ban coi thi tuyển sinh Cao đẳng chính quy năm 2014 người ký thầy Lê Anh Đức.
161	2	3	2.3.10		QĐ 314/QĐ-HĐTS ngày 16/07/2014 thành lập Ban chấm thi tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy năm 2014 người ký thầy Lê Anh Đức.
162	2	3	2.3.11		QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh cao đẳng liên thông năm 2015 ngày 02/10/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức
163	2	3	2.3.12		QĐ thành lập Ban coi thi tuyển sinh cao đẳng liên thông năm 2015 ngày 06/10/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
164	2	3	2.3.13		Biên bản họp hội đồng tuyển sinh liên thông cao đẳng chính quy năm 2015 ngày 03/11/2015 người ký thầy Lê Anh Đức.
165	2	3	2.3.14		QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp năm 2015 ngày 08/05/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức.
166	2	3	2.3.15		QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh liên thông cao đẳng năm 2016 ngày 16/09/2016 người ký thầy Lê Anh Đức.
167	2	3	2.3.16		QĐ thành lập Ban thư ký HĐTS liên thông Cao đẳng năm 2016 ngày 16/09/2016 người ký thầy Lê Anh Đức.
168	2	3	2.3.17		QĐ thành lập Ban đề thi tuyển sinh liên thông Cao đẳng năm 2016 ngày 16/09/2016 người ký thầy Lê Anh Đức.
169	2	3	2.3.18		QĐ thành lập Ban coi thi tuyển sinh liên thông Cao đẳng năm 2016 ngày 16/09/2016 người ký thầy Lê Anh Đức.
170	2	3	2.3.19		QĐ thành lập Ban chấm thi tuyển sinh liên thông Cao đẳng năm 2016 ngày 19/09/2016 người ký thầy Lê Anh Đức.
171	2	3	2.3.20		QĐ thành lập Ban đề thi tuyển sinh liên thông Cao đẳng năm 2016 – đợt 2 ngày 03/01/2017 người ký thầy Lê Anh Đức.
172	2	3	2.3.21		QĐ thành lập Ban coi thi tuyển sinh liên thông Cao đẳng năm 2016 – đợt 2 ngày 03/01/2017 người ký thầy Lê Anh Đức.
173	2	3	2.3.22		QĐ thành lập Ban chấm thi tuyển sinh liên thông Cao đẳng năm 2016 – đợt 2 ngày 11/01/2017 người ký thầy Lê Anh Đức.
174	2	3	2.3.23		QĐ thành lập các lớp hệ cao đẳng khóa 2014-2017 ngày 22/10/2014 ngày ký Thầy Nguyễn Văn Thọ (kèm danh sách lớp). QĐ thành lập các lớp hệ TCCN khóa 2014-2016 ngày 11/11/2014 người ký Thầy Nguyễn Văn Thọ (Kèm danh sách lớp). QĐ bổ sung học sinh vào danh sách lớp hệ Trung cấp khóa 2014-2016 ngày 22/12/2014 người ký Thầy Nguyễn Văn Thọ. QĐ bổ sung sinh viên vào danh sách lớp hệ Cao đẳng khóa 2014-2017 ngày 11/11/2014 người ký Thầy Nguyễn Văn Thọ (Kèm danh sách lớp)
175	2	3	2.3.24		QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là SV Cao đẳng khóa 2015 ngày 30/10/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách). QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là học sinh trung cấp chuyên nghiệp khóa 2015 ngày 30/10/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
176	2	3	2.3.25		QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là sinh viên – học sinh chính thức khóa 2016 ngày 19/10/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách lớp). QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là sinh viên – học sinh chính thức khóa 2016 – đợt 2 ngày 14/12/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
177	2	3	2.3.26		Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2014, 2015, 2016
178	2	3	2.3.27		Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo năm 2014, 2015, 2016
179	2	4	2.4.1	2.3.5	TB tuyển sinh Trung cấp liên thông cao đẳng năm 2015 ngày 19/05/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức. TB tuyển sinh TC liên thông cao đẳng đợt 2 năm 2015 ngày 03/03/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. TB tuyển sinh TC liên thông cao đẳng đợt 1 năm 2016 ngày 30/05/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. TB tuyển sinh TC liên thông cao đẳng đợt 2 năm 2016 ngày 19/09/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
180	2	4	2.4.2		Danh sách thí sinh trúng tuyển Đại học, cao đẳng năm 2015 hệ liên thông ngày 05/11/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức.
181	2	4	2.4.3		Danh sách thí sinh tuyển thẳng liên thông cao đẳng chính quy ngày 05/11/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức.
182	2	4	2.4.4		Danh sách thí sinh trúng tuyển Đại học, cao đẳng năm 2016 hệ liên thông ngày 23/09/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. Danh sách thí sinh trúng tuyển Đại học, cao đẳng năm 2016 hệ liên thông ngày 13/01/2017 người ký Thầy Lê Anh Đức.
183	2	4	2.4.5		Kế hoạch đào tạo năm học 2014-2015 (Kế hoạch đào tạo 2014-2015)
184	2	4	2.4.6		Biểu đồ kế hoạch học tập năm học 2015-2016 (Kế hoạch đào tạo 2015-2016) người ký thầy Lê Anh Đức.
185	2	4	2.4.7		Kế hoạch đào tạo và cây chương trình đào tạo các ngành năm 2015 (Sổ tay sinh viên 2015-2018).
186	2	4	2.4.8		Biểu đồ kế hoạch học tập năm học 2016-2017 (Kế hoạch đào tạo 2016-2017)
187	2	4	2.4.9		Kế hoạch đào tạo và cây chương trình đào tạo các ngành năm 2016 (Sổ tay sinh viên 2015-2019).

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
188	2	4	2.4.10	2.3.23	QĐ thành lập các lớp hệ cao đẳng khóa 2014-2017 ngày 22/10/2014 ngày ký Thầy Nguyễn Văn Thọ (kèm danh sách lớp). QĐ thành lập các lớp hệ TCCN khóa 2014-2016 ngày 11/11/2014 người ký Thầy Nguyễn Văn Thọ (Kèm danh sách lớp). QĐ bổ sung học sinh vào danh sách lớp hệ Trung cấp khóa 2014-2016 ngày 22/12/2014 người ký Thầy Nguyễn Văn Thọ. QĐ bổ sung sinh viên vào danh sách lớp hệ Cao đẳng khóa 2014-2017 ngày 11/11/2014 người ký Thầy Nguyễn Văn Thọ (Kèm danh sách lớp)
189	2	4	2.4.11	2.3.24	QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là SV Cao đẳng khóa 2015 ngày 30/10/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách). QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là học sinh trung cấp chuyên nghiệp khóa 2015 ngày 30/10/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách)
190	2	4	2.4.12	2.3.25	QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là sinh viên – học sinh chính thức khóa 2016 ngày 19/10/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách lớp). QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là sinh viên – học sinh chính thức khóa 2016 – đợt 2 ngày 14/12/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
191	2	4	2.4.13		QĐ công nhận tốt nghiệp năm 2013 – đợt 2 liên thông CĐ hệ vừa làm vừa học khóa 2011 ngày 25/04/2014 người ký Thầy Chu Văn Quyết. QĐ công nhận tốt nghiệp năm 2013 – đợt 2 liên thông CĐ chính quy khóa 2011 ngày 25/04/2014 người ký Thầy Chu Văn Quyết. QĐ công nhận tốt nghiệp năm 2013 – đợt 1 cao đẳng vừa làm vừa học ngày 30/05/2014 người ký Thầy Chu Văn Quyết.
192	2	4	2.4.14		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 10 năm 2014 liên thông cao đẳng chính quy ngày 30/10/2014 người ký Thầy Lê Anh Đức. QĐ công nhận tốt nghiệp năm 2014 – đợt 1 liên thông cao đẳng chính quy ngày 30/05/2014 người ký Thầy Chu Văn Quyết. QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 10 năm 2014 cao đẳng chính quy ngày 31/10/2014 ký Thầy Lê Anh Đức.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
193	2	4	2.4.15		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 11 năm 2015 cao đẳng chính quy ngày 31/10/2015 ký Thầy Lê Anh Đức. QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 8 năm 2015 liên thông cao đẳng chính quy ngày 11/09/2015 ký Thầy Lê Anh Đức. QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 8/2015 cao đẳng hệ vừa làm vừa học ngày 11/09/2015 ký Thầy Lê Anh Đức. QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 8/2015 cao đẳng hệ chính quy ngày 11/09/2015 ký Thầy Lê Anh Đức.
194	2	4	2.4.16		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 10/2016 Trung cấp/cao đẳng hệ vừa làm vừa học/ cao đẳng chính quy ngày 30/11/2016 ký Thầy Lê Anh Đức. QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 07/2016 cao đẳng vừa làm vừa học/ cao đẳng chính quy ngày 26/08/2016 ký Thầy Lê Anh Đức.
195	2	5	2.5.1	2.1.7	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành nghề đã được đào tạo (2015)
196	2	5	2.5.2		Kế hoạch học tập năm học 2016 -2017 ngày 18/08/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. Kế hoạch học tập năm học 2015-2016 ngày 26/08/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức. Kế hoạch học tập năm học 2014-2015 ngày 07/2014 người ký Thầy Lê Anh Đức.
197	2	5	2.5.3		Kế hoạch đào tạo học kỳ I năm 2014 -2015 ngày 18/08/2014 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Kế hoạch đào tạo học kỳ II năm 2014 -2015 ngày 24/01/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ I năm học 2015-2016 ngày 24/08/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ II năm học 2015-2016 ngày 31/12/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ I năm học 2016-2017 ngày 15/09/2016 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ II năm học 2016-2017 ngày 21/12/2016 người ký Thầy Lê Khắc Toàn.
198	2	5	2.5.4		Quy chế học vụ
199	2	6	2.6.1	2.5.2	Kế hoạch học tập năm học 2016 -2017 ngày 18/08/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. Kế hoạch học tập năm học 2015-2016 ngày 26/08/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức. Kế hoạch học tập năm học 2014-2015 ngày 07/2014 người ký Thầy Lê Anh Đức.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
200	2	6	2.6.2	2.5.3	Kế hoạch đào tạo học kỳ I năm 2014 -2015 ngày 18/08/2014 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Kế hoạch đào tạo học kỳ II năm 2014 -2015 ngày 24/01/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ I năm học 2015-2016 ngày 24/08/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ II năm học 2015-2016 ngày 31/12/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ I năm học 2016-2017 ngày 15/09/2016 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ II năm học 2016-2017 ngày 21/12/2016 người ký Thầy Lê Khắc Toàn.
201	2	6	2.6.3		Bài giảng các môn học của Khoa/Bộ môn
202	2	6	2.6.4		Bản kiểm tra công tác giảng dạy của giảng viên (hàng ngày)
203	2	7	2.7.1	2.5.2	Kế hoạch học tập năm học 2016 -2017 ngày 18/08/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. Kế hoạch học tập năm học 2015-2016 ngày 26/08/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức. Kế hoạch học tập năm học 2014-2015 ngày 07/2014 người ký Thầy Lê Anh Đức.
204	2	7	2.7.2	2.5.3	Kế hoạch đào tạo học kỳ I năm 2014 -2015 ngày 18/08/2014 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Kế hoạch đào tạo học kỳ II năm 2014 -2015 ngày 24/01/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ I năm học 2015-2016 ngày 24/08/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ II năm học 2015-2016 ngày 31/12/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ I năm học 2016-2017 ngày 15/09/2016 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ II năm học 2016-2017 ngày 21/12/2016 người ký Thầy Lê Khắc Toàn.
205	2	7	2.7.3	2.5.4	Quy chế học vụ
206	2	7	2.7.4		Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo năm 2014, 2015, 2016
207	2	7	2.7.5		Biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động cho SV thực tập
208	2	7	2.7.6		Hình ảnh thực tập của người học
209	2	7	2.7.7		DS người học đã được thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
210	2	7	2.7.8		Báo cáo của người học kết quả thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
211	2	7	2.7.9		Nhận xét kết quả thực tập tốt nghiệp của sinh viên

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.8.1	2.5.3	Kế hoạch đào tạo học kỳ I năm 2014 -2015 ngày 18/08/2014 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Kế hoạch đào tạo học kỳ II năm 2014 -2015 ngày 24/01/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ I năm học 2015-2016 ngày 24/08/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ II năm học 2015-2016 ngày 31/12/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ I năm học 2016-2017 ngày 15/09/2016 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ II năm học 2016-2017 ngày 21/12/2016 người ký Thầy Lê Khắc Toàn.
212	2	8	2.8.2		Lịch trình lên lớp của các Khoa/Bộ môn
213	2	8	2.8.3		Biên bản dự giờ
214	2	9	2.9.1		Bài giảng điện tử các môn học
215	2	9	2.9.2		Hướng dẫn sử dụng phần mềm Quản lý điểm.
216	2	9	2.9.3		Hình ảnh thực tế làm việc trên phần mềm Quản lý điểm.
217	2	9	2.9.4		Danh mục màn chiếu máy chiếu của Trường
218	2	10	2.10.1	1.7.1	Quyết định thành lập Phòng TTKTĐBCL
219	2	10	2.10.2	1.11.1	Quy định tổ chức và hoạt động thanh tra
220	2	10	2.10.3		Kế hoạch giám sát giảng dạy của giảng viên mỗi học kỳ
221	2	10	2.10.4		Báo cáo kết quả giám sát giảng dạy của giảng viên gửi các đơn vị và phòng TCHC. Báo cáo kết quả giám sát giảng dạy của giảng viên cuối năm gửi phòng TCHC
222	2	10	2.10.5		Biên bản họp Khoa/Bộ môn chấn chỉnh giờ lên lớp của giảng viên
223	2	10	2.10.6		Báo cáo Phòng thanh tra đề xuất kỷ luật giảng viên vi phạm giờ lên lớp
224	2	11	2.11.1	2.10.4	Báo cáo kết quả giám sát giảng dạy của giảng viên gửi các đơn vị và phòng TCHC
225	2	11	2.11.2	2.10.5	Biên bản họp Khoa/Bộ môn chấn chỉnh giờ lên lớp của giảng viên
226	2	11	2.11.3	2.10.6	Báo cáo Phòng thanh tra đề xuất kỷ luật giảng viên vi phạm giờ lên lớp
227	2	12	2.12.1		Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên-học sinh trường Cao đẳng xây dựng số 2 ngày 01/10/2009
228	2	12	2.12.2		Sổ tay sinh viên 2015-2018. Sổ tay sinh viên 2016-2019
229	2	13	2.13.1	2.7.5	Biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động cho SV thực tập
230	2	13	2.13.2	2.7.9	Nhận xét kết quả thực tập tốt nghiệp của sinh viên

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
231	2	13	2.13.3	2.7.6	Hình ảnh thực tập của người học
232	2	14	2.14.1	2.12.1	Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên-học sinh trường Cao đẳng xây dựng số 2 ngày 01/10/2009
233	2	14	2.14.2	2.12.2	Sổ tay sinh viên 2015-2018. Sổ tay sinh viên 2016-2019
234	2	14	2.14.3		Báo cáo tình hình xét đủ điều kiện thi tốt nghiệp, công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp, tổ chức thi tốt nghiệp và cấp phát văn bằng tốt nghiệp đợt 1 năm 2014 ngày 31/12/2014 người ký Lê Khắc Toàn.
235	2	14	2.14.4	1.8.3	Báo cáo cuối năm của phòng TTKTĐBCL (phần Khảo thí) năm 2014, 2015, 2016
236	2	14	2.14.5	1.11.4	Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo năm 2014, 2015, 2016
237	2	15	2.15.1		QĐ 220/QĐ-CĐXD2 ngày 03/04/2013 về việc ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần, môn học người ký thầy Chu Văn Quyết. QĐ 22/QĐ-CĐXD2 ngày 14/01/2016 về việc ban hành quy chế học vụ đào tạo cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ người ký thầy Lê Anh Đức.
238	2	15	2.15.2		Báo cáo rà soát quy chế học vụ, sổ tay sinh viên.
239	2	15	2.15.3		QĐ 388/QĐ-CĐXD2 xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hệ Cao đẳng chính quy khóa 2011-2014 và các khóa trước ngày 27/08/2014 người ký Thầy Lê Anh Đức (đính kèm danh sách). QĐ 387/QĐ-CĐXD2 xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hệ liên thông Cao đẳng chính quy khóa 2012-2014
240	2	15	2.15.4		QĐ 420/QĐ-CĐXD2 ngày 03/09/2014 xét điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp năm 2014 người ký thầy Lê Anh Đức. QĐ 25/QĐ-CĐXD2 ngày 23/01/2015 xét điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy đợt 2 năm 2014 người ký thầy Lê Anh Đức. QĐ 27/QĐ-CĐXD2 ngày 23/01/2015 xét điều kiện dự thi tốt nghiệp Cao đẳng hệ VLVH năm 2015. QĐ 28/CĐXD2 ngày 23/01/2015 xét điều kiện dự thi tốt nghiệp liên thông Cao đẳng hệ chính quy đợt 2 năm 2014
241	2	15	2.15.5		QĐ 311/QĐ-CĐXD2 ngày 04/07/2016 xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hệ Cao đẳng đợt tháng 07/2016 . QĐ 312/QĐ-CĐXD2 ngày 04/07/2016 công nhận đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp đợt tháng 07/2016 cho học sinh TCCN khóa 2014

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
242	2	15	2.15.6		QĐ 519/QĐ-CĐXD2 ngày 05/10/2016 công nhận đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp cho học sinh TCCN đợt tháng 10/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. QĐ 2018/QĐ-CĐXD2 ngày 05/10/2016 xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hệ Cao đẳng đợt tháng 10/2016
243	2	15	2.15.7		Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần, môn học năm 2013
244	2	15	2.15.8		Kế hoạch tổ chức thi kết thúc môn học năm 2014
245	2	15	2.15.9		Quy định tổ chức khảo thí năm 2015
246	2	16	2.16.1		QĐ 839/QĐ-CĐXD ngày 10/11/2017 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng theo hình thức chính quy người ký Thầy Lê Anh Đức. QĐ 840/QĐ-CĐXD ngày 10/11/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ liên thông cao đẳng người ký thầy Lê Anh Đức.
247	2	16	2.16.2		BC 841/BC-CĐXD ngày 13/11/2017 về việc hoạt động đào tạo liên thông người ký thầy Lê Anh Đức.
248	2	16	2.16.3		QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là SV Cao đẳng khóa 2015 ngày 30/10/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách).
249	2	16	2.16.4		QĐ chuyển kết quả học tập cho sinh viên liên thông cao đẳng hệ chính quy năm 2016 _ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng ngày 01/02/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
250	2	16	2.16.5		QĐ công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khóa 2015 Cao đẳng liên thông chính quy năm 2017 ngày 23/10/2017 người ký Thầy Lê Anh Đức.
251	2	16	2.16.6		QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là sinh viên – học sinh chính thức khóa 2016 ngày 19/10/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách lớp).
252	2	16	2.16.7		QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là sinh viên – học sinh chính thức khóa 2016 – đợt 2 ngày 14/12/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
253	2	16	2.16.8		QĐ chuyển kết quả học tập cho sinh viên liên thông cao đẳng hệ chính quy năm 2016 _ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng ngày 19/12/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
254	2	16	2.16.9		QĐ chuyển kết quả học tập cho sinh viên liên thông cao đẳng hệ chính quy năm 2016 ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng ngày 09/05/2017
255	2	16	2.16.10	2.5.3	Thời khóa biểu – HKI & HKII năm học 2015-2016 ngày 24/08/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – HKI & HKII năm học 2016-2017
256	2	17	2.17.1		Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 21/09/2016 người ký thầy Nguyễn Văn Thọ.
257	2	17	2.17.2		Hướng dẫn sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo.
258	2	17	2.17.3		Hình ảnh thực tế cơ sở dữ liệu trên phần mềm Quản lý đào tạo.
259	2	17	2.17.4		Quy định về việc Quản lý và triển khai phần mềm quản lý đào tạo.
260	2	17	2.17.5		Quyết định cảnh báo học tập năm 2016 ngày 28/10/2016 người ký Lê Anh Đức. Quyết định cảnh báo học tập năm 2015 ngày 11/12/2015 người ký Lê Anh Đức. Hình ảnh thực tế làm việc trên phần mềm Quản lý đào tạo.
261	3	1	3.1.1		Quyết định 408/QĐ-CĐXD2 ngày 10/8/2015 ban hành quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động viên chức
262	3	1	3.1.2		668/HD-CĐXD2 ngày 5/12/2014 Hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức năm 2014. 705/HD-CĐXD2 ngày 7/12/2015 Hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức năm 2015. 716/HD-CĐXD2 ngày 20/12/2016 Hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức năm 2016
263	3	1	3.1.3		NĐ 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức
264	3	1	3.1.4		TT 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức
265	3	1	3.1.5		56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức
266	3	1	3.1.6		HD số 57/HD-BCSĐ ngày 10/12/2013 của Ban cán sự Đảng bộ Xây dựng về việc kiểm điểm, đánh giá hàng năm đối với tập thể, cá nhân thuộc diện Bộ quản lý

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
267	3	1	3.1.7		HD số 99-HD/BCSĐB ngày 08/12/2015 của Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng V/v kiểm điểm, đánh giá hàng năm đối với tập thể, cá nhân bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Bộ quản lý và công chức, viên chức các đơn vị trực thuộc Bộ năm 2015
268	3	2	3.2.1	3.1.1	QĐ 408/QĐ-CĐXD2 ngày 10/8/2015 V/v Ban hành quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ.
269	3	2	3.2.2		BC 381/BC-CĐXD2 ngày 22/8/2014 Kết quả tuyển sùng, sử dụng, quản lý viên chức
270	3	2	3.2.3		BC 599/BC-CĐXD2 ngày 14/11/2014 Bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2010-2015 định kỳ năm 2014
271	3	2	3.2.4		BC 616/BC-CĐXD2 Báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn năm 2011-2010
272	3	2	3.2.5	1.5.2	Báo cáo HNCBCCVC năm 2014, 2015, 2016
273	3	2	3.2.6		Thông báo ngày 24/11/2014 về việc tuyển dụng viên chức
274	3	2	3.2.7		Biên bản họp Hội đồng tuyển dụng viên chức ngày 20/7/2015
275	3	3	3.3.1		Danh sách CBCCVC trường
276	3	3	3.3.2		Hồ sơ quản lý nhà giáo
277	3	3	3.3.3		Bản tự nhận xét, đánh giá cán bộ viên chức năm 2014, 2015, 2016
278	3	3	3.3.4		Nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định
279	3	4	3.4.1	3.3.1	Danh sách CBCCVC trường
280	3	4	3.4.2	3.3.2	Hồ sơ quản lý nhà giáo
281	3	4	3.4.3	3.3.3	Bản tự nhận xét, đánh giá cán bộ viên chức năm 2014, 2015, 2016
282	3	5	3.5.1	3.3.1	Danh sách CBCCVC trường
283	3	5	3.5.2		563/QĐ-CĐXD2 ngày 31/10/2014 Quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên
284	3	5	3.5.3	2.5.2	Kế hoạch học tập năm học 2016 -2017 ngày 18/08/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức. Kế hoạch học tập năm học 2015-2016 ngày 26/08/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức. Kế hoạch học tập năm học 2014-2015 ngày 07/2014 người ký Thầy Lê Anh Đức.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			3.5.4	2.5.3	Kế hoạch đào tạo học kỳ I năm 2014 -2015 ngày 18/08/2014 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Kế hoạch đào tạo học kỳ II năm 2014 -2015 ngày 24/01/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ I năm học 2015-2016 ngày 24/08/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ II năm học 2015-2016 ngày 31/12/2015 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ I năm học 2016-2017 ngày 15/09/2016 người ký Thầy Lê Khắc Toàn. Thời khóa biểu – học kỳ II năm học 2016-2017 ngày 21/12/2016 người ký Thầy Lê Khắc Toàn.
285	3	5	3.5.5	2.3.23	QĐ thành lập các lớp hệ cao đẳng khóa 2014-2017 ngày 22/10/2014 ngày ký Thầy Nguyễn Văn Thọ (kèm danh sách lớp). QĐ thành lập các lớp hệ TCCN khóa 2014-2016 ngày 11/11/2014 người ký Thầy Nguyễn Văn Thọ (Kèm danh sách lớp). QĐ bổ sung học sinh vào danh sách lớp hệ Trung cấp khóa 2014-2016 ngày 22/12/2014 người ký Thầy Nguyễn Văn Thọ. QĐ bổ sung sinh viên vào danh sách lớp hệ Cao đẳng khóa 2014-2017 ngày 11/11/2014 người ký Thầy Nguyễn Văn Thọ (Kèm danh sách lớp)
286	3	5	3.5.6	2.3.24	QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là SV Cao đẳng khóa 2015 ngày 30/10/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách). QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là học sinh trung cấp chuyên nghiệp khóa 2015 ngày 30/10/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách)
287	3	5	3.5.7	2.3.25	QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là sinh viên – học sinh chính thức khóa 2016 ngày 19/10/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức (kèm danh sách lớp). QĐ công nhận TS trúng tuyển nhập học là sinh viên – học sinh chính thức khóa 2016 – đợt 2 ngày 14/12/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
288	3	5	3.5.8		Bảng kê khai/tổng hợp giờ giảng Nhà giáo các năm 2014, 2015, 2016
289	3	5	3.5.9		Bảng thanh toán tiền vượt giờ
290	3	5	3.5.10		Bảng thống kê tỉ lệ người học/nhà giáo
291	3	5	3.5.11		Quyết định thành lập lớp sơ cấp nghề kỹ thuật xây dựng (17-XD-M1-TH) (31 học viên)
292	3	5	3.5.12		Hợp đồng giáo viên dạy lớp sơ cấp nghề kỹ thuật xây dựng (17-XD-M1-TH) (2 giáo viên)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
293	3	5	3.5.13		Thời khóa biểu lớp sơ cấp nghề kỹ thuật xây dựng (17-XD-M1-TH) (4 tháng)
294	3	6	3.6.1	2.5.2	Kế hoạch đào tạo Nhà trường từng ngành nghề theo năm
295	3	6	3.6.2	2.5.3	Thời khóa biểu đào tạo Nhà trường từng ngành nghề theo học kỳ
296	3	6	3.6.3		Danh sách nhà giáo/giảng viên dạy các môn học
297	3	6	3.6.4	2.6.3	Bài giảng các môn học của các Khoa/Bộ môn
298	3	6	3.6.5	2.8.2	Lịch trình lên lớp của các Khoa/Bộ môn
299	3	6	3.6.6	2.6.4	Bản kiểm tra công tác giảng dạy của giảng viên (hàng ngày)
300	3	6	3.6.7		Biên bản dự giờ một số lớp
301	3	6	3.6.8		Biên bản kiểm tra đề cương bài giảng năm học 2014-2015
302	3	7	3.7.1	1.3.21	QĐ 597/QĐ-CĐXD2 ngày 08/11/2016 Quy chế chi tiêu nội bộ
303	3	7	3.7.2		Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng tiếng anh chương trình IELTS năm 2014
304	3	7	3.7.3		BC số 195/CĐXD2-QT ngày 31/3/2017 Báo cáo số liệu thống kê năm 2015 và 2016; đề xuất kế hoạch giai đoạn 2017-2020 và 2021-2025
305	3	8	3.8.1	3.7.3	BC số 195/CĐXD2-QT ngày 31/3/2017 Báo cáo số liệu thống kê năm 2015 và 2016; đề xuất kế hoạch giai đoạn 2017-2020 và 2021-2025
306	3	8	3.8.2		Kế hoạch 375/CDDXD2-QT ngày 20/6/2017 thực hiện nhiệm vụ năm 2017 đề án "Dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục giai đoạn 2008-2020"
307	3	8	3.8.3		QĐ 436/QĐ-CĐXD2 ngày 11/9/2014 V/v cử viên chức tập huấn chương trình huấn luyện an toàn lao động
308	3	8	3.8.4		QĐ 311/QĐ-CĐXD2 ngày 17/7/2014 V/v cử viên chức đi học cao học

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
309	3	8	3.8.5		QĐ 681/QĐ-CĐXD2 ngày 12/12/2014 V/v cử viên chức đi học cao học. QĐ 470/QĐ-CĐXD2 ngày 29/9/2014 V/v cử viên chức đi học cao học. QĐ 183/QĐ-CĐXD2 ngày 29/4/2014 V/v cử viên chức đi nghiên cứu sinh. QĐ 311/QĐ-CĐXD2 ngày 17/7/2014 V/v cử viên chức đi học cao học. QĐ 386/QĐ-CĐXD2 ngày 30/7/2015 V/v cử viên chức đi học cao học. QĐ 385/QĐ-CĐXD2 ngày 30/7/2015 V/v cử viên chức đi học cao học. QĐ 182/QĐ-CĐXD2 ngày 05/5/2015 V/v cử viên chức đi học cao học. QĐ 185/QĐ-CĐXD2 ngày 05/5/2015 V/v cử viên chức đi học cao học. QĐ 82/QĐ-CĐXD2 ngày 05/2/2015 V/v cử viên chức đi học cao học. QĐ 340/QĐ-CĐXD2 ngày 06/7/2015 V/v cử viên chức đi học cao học
310	3	8	3.8.6		QĐ397/QĐ-CĐXD2 ngày 08/5/2015 V/v cử giảng viên dự lớp bồi dưỡng giảng viên các môn Lý luận chính trị
311	3	8	3.8.7		QĐ 402/QĐ-CĐXD2 ngày 06/8/2015 V/v cử giảng viên dự hội nghị tập huấn
312	3	8	3.8.8		QĐ 318/QĐ-CĐXD2 ngày 25/7/2014 V/v cử giảng viên dự lớp bồi dưỡng tập huấn các môn lý luận chính trị
313	3	8	3.8.9		Báo cáo cuối năm của nhà giáo về tình hình học tập bồi dưỡng CMNV
314	3	9	3.9.1		Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu dạy môn chuyên môn
315	3	9	3.9.2		DS nhà giáo cơ hữu thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm
316	3	9	3.9.3		Hình ảnh nhà giáo đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
317	3	10	3.10.1	1.5.2	Báo cáo HNCBCCVC năm 2014, 2015, 2016
318	3	11	3.11.1	3.3.1	Danh sách CBCCVC trường
319	3	11	3.11.2		Hồ sơ của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng
320	3	11	3.11.3		QĐ 722/QĐ-BXD ngày 30/6/2017 Phê duyệt kết quả đánh giá, phân loại cán bộ công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng
321	3	11	3.11.4	1.5.2	Báo cáo HNCBCCVC năm 2014, 2015, 2016
322	3	11	3.11.5		QĐ khen thưởng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng
323	3	12	3.12.1	1.1.1	QĐ 439/QĐ-CĐXD2 ngày 24/8/2012 Quy chế tổ chức và hoạt động trường CĐXD2
324	3	12	3.12.2	3.3.1	Danh sách CBCCVC trường

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
325	3	12	3.12.3	3.1.1	QĐ 408/QĐ-CĐXD2 ngày 10/8/2015 Ban hành Quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động viên chức.
326	3	13	3.13.1	3.3.1	Danh sách CBCCVC trường
327	3	13	3.13.2		Hồ sơ cán bộ của Trưởng/Phó các đơn vị trong trường
328	3	13	3.13.3		QĐ 145/QĐ-CDDXD2 ngày 30/3/2016 V/v giao nhiệm vụ cho viên chức phụ trách kế toán
329	3	13	3.13.4		Quy định Nhà trường về tuyển dụng bổ nhiệm nhân sự
330	3	13	3.13.5	1.5.2	Báo cáo HNCBCCVC năm 2014, 2015, 2016
331	3	13	3.13.6		Biên bản họp cuối năm của các đơn vị phục vụ báo cáo HNCBVC
332	3	13	3.13.7	3.3.3	Bản tự nhận xét, đánh giá cán bộ viên chức năm 2014, 2015, 2016
333	3	14	3.14.1		Nghị quyết HNCBCCVC năm 2014, 2015, 2016
334	3	14	3.14.2	3.7.2	Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng tiếng anh chương trình IELTS năm 2014
335	3	14	3.14.3	3.8.2	Kế hoạch 375/CĐXD2-QT ngày 20/6/2017 thực hiện nhiệm vụ năm 2017 đề án "Dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục giai đoạn 2008-2020"
336	3	14	3.14.4		QĐ 457/QĐ-CĐXD2 V/v cử cán bộ dự hội nghị tập huấn tuyển sinh TCCN năm 2014
337	3	14	3.14.5		QĐ 399/QĐ-CĐXD2 ngày 30/6/2017 V/v cử viên chức quản lý tham dự lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa, phòng trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp
338	3	14	3.14.6		QĐ 544/QĐ-CĐXD2 ngày 24/9/2015 V/v cử cán bộ, nhân viên tham dự lớp tập huấn
339	3	14	3.14.7		Chứng chỉ Bồi dưỡng cán bộ quản lý Khoa, Phòng trường Đại học, cao đẳng 2017; Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Đấu thầu qua mạng 2017; Bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị - hành chính 2017
340	3	15	3.15.1	3.3.1	Danh sách CBCCVC trường
341	3	15	3.15.2	1.5.2	Báo cáo HNCBCCVC năm 2014, 2015, 2016
342	3	15	3.15.3		Danh sách học viên được cử đi đào tạo bồi dưỡng chương trình tiếng anh - Tại Hội đồng Anh

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
343	3	15	3.15.4		BC số 195/CĐXD2-QT ngày 31/3/2017 Báo cáo số liệu thống kê năm 2015 và 2016; đề xuất kế hoạch giai đoạn 2017-2020 và 2021-2025
344	4	1	4.1.1	1.2.4	Giấy chứng nhận số 41/2014/CNĐKHH-TCDN ngày 25/9/2014. Giấy chứng nhận số 41a/2014/CNĐKHH-TCDN ngày 26/6/2015. Giấy chứng nhận số 110/2017/GCNĐKHH-TCDN ngày 02/6/2017
345	4	1	4.1.2	1.2.5	Công văn số 406/TCDN-DNCQ ngày 07/4/2016. CV số 423/CĐXD2-ĐKHH ngày 11/7/2017. CV số 422/CĐXD2-ĐT ngày 11/7/2017. CV số 421/CĐXD2-ĐKBSHH ngày 11/7/2017
346	4	2	4.2.1		Biên bản họp Khoa/Bộ môn về việc thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo
347	4	2	4.2.2		Thư mời và phiếu lấy ý kiến phản biện chương trình đào tạo
348	4	2	4.2.3		Biên bản làm việc trong quá trình biên soạn chương trình đào tạo
349	4	2	4.2.4	2.1.7	Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2015
350	4	2	4.2.5		Chương trình dạy nghề sơ cấp năm 2017
351	4	2	4.2.6		Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành
352	4	3	4.3.1	2.1.7	Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2015
353	4	3	4.3.2	4.2.5	Chương trình dạy nghề Sơ cấp năm 2017
354	4	3	4.3.3	4.2.6	Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành
355	4	4	4.4.1	4.2.1	Biên bản họp Khoa/Bộ môn về việc thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo
356	4	4	4.4.2	4.2.2	Thư mời và phiếu lấy ý kiến phản biện chương trình đào tạo
357	4	4	4.4.3	4.2.3	Biên bản làm việc trong quá trình biên soạn chương trình đào tạo
358	4	4	4.4.4	2.1.7	Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2015
359	4	4	4.4.5		Có danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo
360	4	5	4.5.1	4.2.1	Biên bản họp Khoa/Bộ môn về việc thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo
361	4	5	4.5.2	4.2.2	Thư mời và phiếu lấy ý kiến phản biện chương trình đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
362	4	5	4.5.3	4.2.3	Biên bản làm việc trong quá trình biên soạn chương trình đào tạo
363	4	5	4.5.4	2.1.7	Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2015
364	4	5	4.5.5	4.2.5	Chương trình dạy nghề sơ cấp năm 2017
365	4	5	4.5.6	4.2.6	Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành
366	4	6	4.6.1	2.1.5	QĐ Chương trình đào tạo năm 2011 ngày 01/07/2010 người ký Thầy Chu văn Quyết (kèm chương trình đào tạo).
367	4	6	4.6.2	2.1.7	Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2015
368	4	6	4.6.3	4.2.6	Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành
369	4	7	4.7.1	2.1.7	QĐ số 503/QĐ-CĐXD2 ban hành mục tiêu, chương trình đào tạo các ngành và chuyên ngành trình độ cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngày 09/09/2015 người ký thầy Lê Anh Đức (kèm chương trình đào tạo).
370	4	7	4.7.2		QĐ 306/QĐ-CĐXD2 ngày 22/05/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng người ký thầy Lê Anh Đức.
371	4	7	4.7.3		QĐ 307/QĐ-CĐXD2 ngày 22/05/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp người ký thầy Lê Anh Đức.
372	4	8	4.8.1		QĐ Chương trình đào tạo năm 2011 ngày 01/07/2010 người ký Thầy Chu văn Quyết (kèm chương trình đào tạo)
373	4	8	4.8.2	2.1.7	QĐ số 503/QĐ-CĐXD2 ban hành mục tiêu, chương trình đào tạo các ngành và chuyên ngành trình độ cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngày 09/09/2015 người ký thầy Lê Anh Đức (kèm chương trình đào tạo).
374	4	8	4.8.3	4.7.2	QĐ 306/QĐ-CĐXD2 ngày 22/05/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng người ký thầy Lê Anh Đức.
375	4	8	4.8.4	4.7.3	QĐ 307/QĐ-CĐXD2 ngày 22/05/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp người ký thầy Lê Anh Đức.
376	4	9	4.9.1	4.2.6	Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành
377	4	9	4.9.2		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh liên thông cao đẳng chính quy năm 2015 ngày 03/11/2015 người ký Thầy Lê Anh Đức.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
378	4	9	4.9.3		QĐ chuyển kết quả học tập cho sinh viên liên thông cao đẳng hệ chính quy năm 2016 _ ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng ngày 19/12/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
379	4	9	4.9.4		Danh sách các học phần được công nhận cho sinh viên hệ cao đẳng liên thông khóa 2016 ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng ngày 19/12/2016 người ký thầy Chu Tuấn Hào.
380	4	9	4.9.5		Danh sách các học phần được công nhận kết quả học tập ngày 19/12/2016 người ký thầy Lê Anh Đức.
381	4	9	4.9.6		QĐ chuyển kết quả học tập cho sinh viên liên thông cao đẳng hệ chính quy năm 2016 _ ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng ngày 09/05/2017 người ký Thầy Lê Anh Đức.
382	4	9	4.9.7		Danh sách các học phần được công nhận cho sinh viên hệ cao đẳng liên thông khóa 2016 ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng ngày 09/05/2017 người ký thầy Chu Tuấn Hào.
383	4	9	4.9.8		Danh sách các học phần được công nhận kết quả học tập ngày 09/05/2017 người ký thầy Lê Anh Đức.
384	4	9	4.9.9		QĐ chuyển kết quả học tập cho sinh viên liên thông cao đẳng hệ chính quy năm 2016 _ ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng ngày 01/02/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
385	4	9	4.9.10		QĐ chuyển kết quả học tập cho sinh viên liên thông cao đẳng hệ chính quy năm 2016 _ ngành Kế toán ngày 01/02/2016 người ký Thầy Lê Anh Đức.
386	4	9	4.9.11		Danh sách các học phần được công nhận cho sinh viên hệ cao đẳng liên thông khóa 2016 ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng ngày 28/01/2016 người ký thầy Lê Anh Đức.
387	4	9	4.9.12		Danh sách các học phần được công nhận cho sinh viên hệ cao đẳng liên thông khóa 2016 ngành Kế toán ngày 28/01/2016 người ký thầy Lê Anh Đức.
388	4	9	4.9.13		Danh sách các học phần được công nhận kết quả học tập ngày 01/02/2016 người ký thầy Lê Anh Đức
389	4	10	4.10.1		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp ngày 02/06/2017 người ký BLĐTBXH

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
390	4	10	4.10.2		Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp ngày 17/07/2017 người ký BLĐTBXH
391	4	10	4.10.3		Danh sách thống kê giáo trình theo từng modul
392	4	10	4.10.4		Bản in các giáo trình
393	4	11	4.11.1	4.10.3	Danh sách thống kê giáo trình cho từng modul
394	4	11	4.11.2	4.10.4	Bản in các giáo trình
395	4	11	4.11.3		Biên bản họp Khoa/Bộ môn về việc lựa chọn giáo trình giảng dạy trình độ sơ cấp
396	4	11	4.11.4		Biên bản họp Khoa/Bộ môn về việc lựa chọn giáo trình giảng dạy trình độ Trung cấp, Cao đẳng
397	4	12	4.12.1	2.1.7	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
398	4	12	4.12.2	4.11.4	Biên bản họp Khoa/Bộ môn về việc lựa chọn giáo trình giảng dạy trình độ Trung cấp, Cao đẳng
399	4	12	4.12.3	4.10.4	Bản in các giáo trình
400	4	13	4.13.1	2.1.7	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
401	4	13	4.13.2	4.11.4	Biên bản họp Khoa/Bộ môn về việc lựa chọn giáo trình giảng dạy trình độ Trung cấp, Cao đẳng
402	4	13	4.13.3	4.10.4	Bản in các giáo trình
403	4	14	4.14.1		Thống kê danh mục giáo trình của Khoa/Bộ môn
404	4	14	4.14.2		Biên bản họp Khoa/Bộ môn về việc đánh giá giáo trình
405	4	14	4.14.3		Phiếu gợi đại diện doanh nghiệp lấy ý kiến đánh giá giáo trình
406	4	14	4.14.4		Biên bản họp Khoa/Bộ môn về việc tiếp thu ý kiến đánh giá về giáo trình
407	4	15	4.15.1		Biên bản nghiệm thu của Khoa/Bộ môn về tài liệu giảng dạy theo chương trình đào tạo điều chỉnh
408	5	1	5.1.1		Quyết định thành lập trường các năm 1976, 1999, 2017. Tổng mặt bằng quy hoạch của Trường (Cơ sở 1; Cơ sở 2; Ký túc xá)
409	5	1	5.1.2		Báo cáo tình hình an toàn tại trường năm 2014, 2015, 2016
410	5	2	5.2.1		Bản vẽ quy hoạch cơ sở 1 và khu nội trú, VB 16 ngày 04/01/2010; Bản vẽ quy hoạch cơ sở 2 VB 402 ngày 05/02/2013.
411	5	2	5.2.2		Bản vẽ thiết kế các công trình cơ sở 1: Khối nhà A, B, C, D, hàng rào 2015; Bản vẽ thiết kế các công trình cơ sở 2: Khối nhà Trung tâm nước, khoa Đào tạo nghề, phòng thí nghiệm, căn tin, nhà xe và nhà bảo vệ; Bản vẽ khu nội trú: Khối nhà A, B

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
412	5	3	5.3.1	5.2.1	Bản vẽ quy hoạch cơ sở 1 và khu nội trú, VB 16 ngày 04/01/2010; Bản vẽ quy hoạch cơ sở 2 VB 402 ngày 05/02/2013.
413	5	3	5.3.2	5.2.2	Bản vẽ thiết kế các công trình cơ sở 1: Khối nhà A, B, C, D, hàng rào 2015; Bản vẽ thiết kế các công trình cơ sở 2: Khối nhà Trung tâm nước, khoa Đào tạo nghề, phòng thí nghiệm, căn tin, nhà xe và nhà bảo vệ; Bản vẽ khu nội trú: Khối nhà A, B
414	5	4	5.4.1	5.2.1	Bản vẽ quy hoạch cơ sở 1 và khu nội trú, VB 16 ngày 04/01/2010; Bản vẽ quy hoạch cơ sở 2 VB 402 ngày 05/02/2013.
415	5	4	5.4.2	5.2.2	Bản vẽ thiết kế các công trình cơ sở 1: Khối nhà A, B, C, D, hàng rào 2015; Bản vẽ thiết kế các công trình cơ sở 2: Khối nhà Trung tâm nước, khoa Đào tạo nghề, phòng thí nghiệm, căn tin, nhà xe và nhà bảo vệ; Bản vẽ khu nội trú: Khối nhà A, B
416	5	4	5.4.3		Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng cơ sở 1 gồm: khối nhà A, B, C, D và hàng rào; Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng cơ sở 2 gồm: Khối nhà Trung tâm nước, khoa Đào tạo nghề, phòng thí nghiệm...; Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng khu nội trú gồm: Khối nhà A, B.
417	5	4	5.4.4		Giấy chứng nhận “Thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy” Số: 699/TD-PCCC(KT) ngày 09/6/2006; Giấy chứng nhận “Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy” Số: 1703/TD-PCCC ngày 15/11/2016; Giấy chứng nhận “Kết quả kiểm định điện trở nối đất hệ thống chống sét đánh thẳng đạt yêu cầu” Số: 238/ĐL ngày 03/3/2014; Giấy chứng nhận “Kết quả kiểm định điện trở nối đất hệ thống chống sét đánh thẳng đạt yêu cầu” Số: 687, 688/ĐL ngày 20/4/2015; Giấy chứng nhận “Kết quả kiểm định điện trở nối đất hệ thống chống sét đánh thẳng đạt yêu cầu” Số: 2127/ĐL ngày 14/7/2016.
418	5	4	5.4.5		Quy định về thời gian bảo trì trang thiết bị phục vụ đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
419	5	4	5.4.6		Hợp đồng số: 01-3/15/HĐKT ngày 09/3/2015 Về việc bơm nạp và bảo dưỡng bình chữa cháy; Hợp đồng số 01-1/16/HĐKT ngày 22/01/2016 Về việc bơm nạp và bảo dưỡng bình chữa cháy; Hợp đồng số 01-2/14/HĐKT ngày 21/02/2014 Về việc mua vật tư bảo trì và sửa chữa điện; Hợp đồng số 01-9/14/HĐKT ngày 03/9/2014 Về việc mua vật tư bảo trì và sửa chữa điện; Hợp đồng số 01-8/14/HĐKT ngày 11/8/2014 Về việc mua Quạt treo tường Asia L16009; Hợp đồng số 01-4/15/HĐKT ngày 07/4/2015 Về việc mua vật tư bảo trì và sửa chữa điện; Hợp đồng số 01-4/16/HĐKT ngày 07/4/2016 Về việc mua vật tư bảo trì và sửa chữa điện; Hợp đồng số 01-9/16/HĐKT ngày 19/9/2016 Về việc tháo dỡ và lắp đặt mới đèn đôi 1m2 tại giảng đường nhà C; Hợp đồng kinh tế số 1304/HĐKT ngày 13/4/2016 Về việc mua bán và lắp đặt máy chiếu Sony VPL-DX111.
420	5	4	5.4.7		Báo cáo hệ thống hạ tầng kỹ thuật trường năm 2014, 2015, 2016
421	5	5	5.5.1	5.4.3	Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng cơ sở 1 gồm: khối nhà A, B, C, D và hàng rào; Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng cơ sở 2 gồm: Khối nhà Trung tâm nước, khoa Đào tạo nghề, phòng thí nghiệm...; Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng khu nội trú gồm: Khối nhà A, B.
422	5	5	5.5.2		Yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo giai đoạn 2013-2018 (Phòng Đào tạo); Yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo giai đoạn 2013-2018 (Khoa xây dựng); Yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo giai đoạn 2013-2018 (Thư viện); Yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo giai đoạn 2013-2018 (Khoa cơ bản); Yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo giai đoạn 2013-2018 (Khoa đào tạo nghề); Yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo giai đoạn 2013-2018 (BM Vật liệu); Yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo giai đoạn 2013-2018 (Ký túc xá); Yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo giai đoạn 2013-2018 (TTĐT ngành nước miền nam)
423	5	5	5.5.3		Báo cáo định kỳ cơ sở vật chất giữa năm 2014, 2015 và 2016; Báo cáo định kỳ cơ sở vật chất cuối năm 2014, 2015 và 2016.
424	5	6	5.6.1		Danh mục theo văn bản số 105/BC-CĐXD2, ngày 16/02/2017 ; Danh mục theo văn bản báo cáo thực hiện theo công văn số 679/BXD-TCCB ngày 16/12/2016

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
425	5	6	5.6.2		Quy định, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng của nhà sản xuất
426	5	6	5.6.3		Quy định của trường về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
427	5	7	5.7.1		Quyết định sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành...
428	5	7	5.7.2		Quy định về sử dụng phòng thí nghiệm, xưởng thực hành...
429	5	7	5.7.3	5.5.3	Báo cáo định kỳ cơ sở vật chất giữa năm 2014, 2015 và 2016; Báo cáo định kỳ cơ sở vật chất cuối năm 2014, 2015 và 2016.
430	5	8	5.8.1		Bảng danh mục máy tính năm 2014, 2015, 2016
431	5	8	5.8.2		Bảng danh mục máy tính cần thiết tối thiểu phục vụ đào tạo
432	5	8	5.8.3		Báo cáo tài sản cố định năm 2014, 2015, 2016
433	5	8	5.8.4		Bảng thống kê số lượng người học theo ngành khóa 2015, 2016, 2017.
434	5	8	5.8.5		Bảng thống kê số lượng người học theo lớp khóa 2015, 2016, 2017.
435	5	8	5.8.6	2.5.3	Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ khóa 2014, 2015, 2016
436	5	9	5.9.1		Hồ sơ, sơ đồ bố trí, sổ theo dõi giao nhận thiết bị phục vụ đào tạo.
437	5	9	5.9.2		Văn bản của trường đánh giá sự an toàn VSCN, VSMT
438	5	9	5.9.3		Hồ sơ: Lý lịch thang máy, Số đăng ký:1766, Loại I – P 630; - Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng thang máy loại I. Số: 19 HCM 2006; Ngày 10/10/2016; Phiếu kết quả kiểm định; Số: 2462; Ngày 25/9/2010; Phiếu kết quả kiểm định; Số: 06358/KDM; Ngày 15/01/2017; Hợp đồng Bảo trì Thang máy; Văn bản gia hạn thỏa thuận đầu nối trạm BT 1x250kVA-22/0,4kv Số 1526/2016-TTĐN-PCTTh-TTCT, ngày 15/4/2016; Văn bản số 2442/PCTTh-KTA, v/v thỏa thuận yêu cầu kỹ thuật XDM lưới điện trung thế và trạm BT 1x250kVA-22/0,4kv .
439	5	10	5.10.1	5.6.2	Quy định, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng của nhà sản xuất
440	5	10	5.10.2	5.6.3	Quy định của trường về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
441	5	11	5.11.1	5.6.2	Quy định, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng của nhà sản xuất
442	5	11	5.11.2	5.6.1	Danh mục theo văn bản số 105/BC-CĐXD2, ngày 16/02/2017 ; Danh mục theo văn bản báo cáo thực hiện theo công văn số 679/BXD-TCCB ngày 16/12/2016

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
443	5	11	5.11.3	5.9.1	Hồ sơ, sơ đồ bố trí, sổ theo dõi giao nhận thiết bị phục vụ đào tạo.
444	5	11	5.11.4		Báo cáo đánh giá tình trạng trang thiết bị phục vụ đào tạo
445	5	12	5.12.1		Văn bản quy định cấp phát vật tư đào tạo
446	5	12	5.12.2		Sơ đồ bố trí kho lưu trữ vật tư
447	5	12	5.12.3	5.9.1	Hồ sơ, sơ đồ bố trí, sổ theo dõi giao nhận thiết bị phục vụ đào tạo.
448	5	12	5.12.4		Đề xuất vật tư phục vụ đào tạo (thống kê các đề nghị mua vật tư) năm 2014, 2015, 2016
449	5	12	5.12.5		Bảng kế hoạch cấp vật tư phục vụ đào tạo đầu năm 2014, 2015, 2016
450	5	12	5.12.6	2.8.2	Lịch trình lên lớp của các Khoa/Bộ môn
451	5	12	5.12.7		Báo cáo công tác cấp phát sử dụng vật tư phục vụ đào tạo năm 2014, 2015, 2016
452	5	13	5.13.1		Thành lập tổ thư viện Ngày 26 tháng 03 năm 2008
453	5	13	5.13.2		Đổi tên thư viện Ngày 26 tháng 05 năm 2014
454	5	13	5.13.3		Thành lập TTTT-TV Ngày 28 tháng 04 năm 2017
455	5	13	5.13.4		Danh mục kiểm kê tài liệu Tháng 08/2014
456	5	13	5.13.5		Thư viện số Ngày 03 tháng 12 năm 2013
457	5	13	5.13.6		Hợp đồng mua bán hàng hóa(bổ sung tài liệu) Ngày 21 tháng 08 năm 2015
458	5	13	5.13.7		Hợp đồng mua bán hàng hóa(bổ sung tài liệu) Ngày 08 tháng 07 năm 2016
459	5	13	5.13.8		Đề nghị bổ sung tài liệu tham khảo năm học 2014-2015
460	5	14	5.14.1	5.13.1	Thành lập tổ thư viện Ngày 26 tháng 03 năm 2008
461	5	14	5.14.2	5.13.2	Đổi tên thư viện Ngày 26 tháng 05 năm 2014
462	5	14	5.14.3	5.13.3	Thành lập TTTT-TV Ngày 28 tháng 04 năm 2017
463	5	14	5.14.4		Đề nghị bổ sung tài liệu tham khảo, học tập, nghiên cứu, giảng dạy của CB, GV, HSSV năm học 2015-2016
464	5	14	5.14.5		Đề nghị bổ sung tài liệu tham khảo năm 2016-2017
465	5	14	5.14.6		Báo cáo thư viện năm học 2012-2013 Ngày 25 tháng 05 năm 2013
466	5	14	5.14.7		Báo cáo thư viện năm học 2013-2014 Ngày 06 tháng 06 năm 2014
467	5	14	5.14.8		Báo cáo thư viện năm học 2014-2015 Ngày 19 tháng 06 năm 2015

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
468	5	14	5.14.9		Báo cáo TTTT-thư viện năm học 2015-2016 Ngày 08 tháng 09 năm 2016
469	5	15	5.15.1		Hợp tác xây dựng, phát triển và vận hành thư viện số
470	5	15	5.15.2		Hình ảnh phòng máy tính, danh mục thiết bị máy tính hiện có
471	5	15	5.15.3		Giáo trình của Trường trong thư viện số
472	5	15	5.15.4		Phần mềm quản lý tra cứu thư viện và thư viện số Ngày 01 tháng 04 năm 2013
473	6	1	6.1.1		Quy chế chi tiêu nội bộ (phần khoa học và công nghệ)
474	6	1	6.1.2		Quy định chế độ làm việc giáo viên giảng viên (phần nghiên cứu khoa học cấp Bộ ngành)
475	6	1	6.1.3		Quy định khoa học và công nghệ (phần nghiên cứu khoa học cấp Bộ ngành)
476	6	1	6.1.4		Quyết định khen thưởng thi Olympic, thi tay nghề, thi giáo viên giỏi...
477	6	1	6.1.5		Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học hằng năm của Trường
478	6	1	6.1.6		Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học cấp Bộ hằng năm gửi Bộ XD
479	6	2	6.2.1		Quyết định duyệt, giao đề tài cấp Bộ hằng năm
480	6	2	6.2.2		Đề cương thuyết minh đề tài cấp Bộ hằng năm
481	6	2	6.2.3	6.1.6	Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học cấp Bộ hằng năm gửi Bộ XD
482	6	3	6.3.1		Danh sách các bài báo của Nhà giáo được đăng trên báo, tạp chí
483	6	3	6.3.2		Sách Cơ học đất, Nền móng của Nhà giáo Nguyễn Ngọc Phúc
484	6	3	6.3.3		“Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng sợi thép đến các tính chất cơ lý của bê tông chất lượng siêu cao”, Tạp Chí Xây Dựng – Bộ Xây Dựng, số Tháng 8/2015, Tác giả: Lê Xuân Lâm
485	6	3	6.3.4		Tài liệu hướng dẫn học môn Đường Lối Cách Mạng Của Đảng Cộng Sản Việt Nam - NXB Đại học Quốc Gia Tp.HCM, năm 2016, thầy Trần Thanh Sơn
486	6	4	6.4.1		Đề tài khoan mở T, Đề tài giáo trình điện tử...
487	6	4	6.4.2		Văn bản của Phòng Khoa học về việc đưa sản phẩm NCKH cấp Bộ vào sử dụng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
488	6	5	6.5.1		Hợp đồng hợp tác đào tạo chương trình JCT, Cục cấp nước YOKOHAMA
489	6	5	6.5.2		Báo cáo của Phòng Khoa học về thực hiện chương trình đào tạo JCT
490	6	5	6.5.3		Báo cáo của Phòng Khoa học về kết quả thực hiện chương trình JCT
491	6	5	6.5.4		Hình ảnh cơ sở vật chất, trang thiết bị của chương trình JCT
492	7	1	7.1.1		QĐ 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp
493	7	1	7.1.2		Thông tư 185/2010/TT- BTC ngày 15/11/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp
494	7	1	7.1.3		Quy chế chi tiêu nội bộ - số 597/QĐ-CĐXD2 ngày 08/11/2016- Hiệu trưởng ký ban hành
495	7	1	7.1.4		Quy định về thủ tục và quy trình thanh toán tài chính Số 627/QĐ-CĐXD2 ngày 23/11/2016 - Hiệu trưởng ký ban hành
496	7	1	7.1.5		Hướng dẫn thủ tục thanh toán kinh phí thực hiện đề tài dự án nghiên cứu khoa học – Số 626/ QĐ-CĐXD2 ngày 23/11/2016 - Hiệu trưởng ký ban hành
497	7	1	7.1.6		Bản dự thảo, tổng hợp ý kiến đóng góp của từng đơn vị cho quy chế chi tiêu nội bộ
498	7	1	7.1.7		Bản dự thảo, biên bản tập huấn, ý kiến đóng góp cho Quy trình thủ tục thanh toán tài chính
499	7	2	7.2.1		Sổ Tài khoản
500	7	2	7.2.2		Báo cáo tài chính năm 2014, 2015, 2016
501	7	2	7.2.3		Báo cáo tài chính các trung tâm hạch toán độc lập năm 2014, 2015, 2016
502	7	3	7.3.1		Báo cáo nguồn thu từ hoạt động dịch vụ năm 2014, 2015, 2016
503	7	3	7.3.2		Quyết định giao vốn cho hoạt động thường xuyên các năm 2014,2015,2016
504	7	3	7.3.3		Quyết định mức thu học phí hàng năm 2014,2015,2016
505	7	3	7.3.4		Báo cáo quyết toán kinh phí NSNN các năm 2014, 2015, 2016. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ và lập dự toán NSNN năm 2014, 2015, 2016
506	7	4	7.4.1	7.2.1	Sổ Tài khoản

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
507	7	4	7.4.2	7.2.2	Báo cáo tài chính năm 2014, 2015, 2016
508	7	4	7.4.3		Bảng đối chiếu tiền gửi kho bạc, ngân hàng, tiền mặt
509	7	4	7.4.4		Bảng đối chiếu tình hình sử dụng ngân sách tại kho bạc
510	7	4	7.4.5	7.3.4	Báo cáo quyết toán kinh phí NSNN các năm 2014, 2015, 2016. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ và lập dự toán NSNN năm 2014, 2015, 2016
511	7	4	7.4.6		Biên bản kiểm toán công tác tài chính của đơn vị
512	7	5	7.5.1		Kế hoạch kiểm tra công tác kiểm tra tài chính đối với các Trung tâm trực thuộc trường
513	7	5	7.5.2		Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra công tác tài chính đối với các đơn vị trực thuộc trường
514	7	5	7.5.3		Biên bản báo cáo kết quả Kiểm toán Nhà nước 2016
515	7	5	7.5.4		Báo cáo kết quả thực hiện theo biên bản kiểm toán trường, các trung tâm
516	7	5	7.5.5		Báo cáo công tác tài chính tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động năm 2014,2015,2016
517	7	5	7.5.6		Quy trình về tự kiểm tra tài chính, kế toán
518	7	5	7.5.7		Quyết định phê chuẩn Ban Thanh tra nhân dân
519	7	5	7.5.8		Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2014,2015,2016
520	7	6	7.6.1	7.3.4	Báo cáo quyết toán kinh phí NSNN các năm 2014, 2015, 2016. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ và lập dự toán NSNN năm 2014, 2015, 2016
521	7	6	7.6.2		Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm 2014,2015,2106
522	7	6	7.6.3		Báo cáo thực hiện kiểm tra, xét duyệt quyết toán tài chính năm 2014, 2015, 2016
523	8	1	8.1.1		Văn bản Trường cung cấp thông tin cho người học
524	8	1	8.1.2	2.12.2	Sổ tay sinh viên 2015-2018. Sổ tay sinh viên 2016-2019
525	8	2	8.2.1		Thông báo các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với HSSV các năm 2014, 2015, 2016
526	8	2	8.2.2		Danh sách SVHS được miễn giảm học phí các năm 2014, 2015, 2016. Danh sách SVHS được hỗ trợ chi phí học tập các năm 2015, 2016
527	8	3	8.3.1		Quyết định 562/QĐ- CĐXD2 ngày 31/10/2014 vv Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
528	8	3	8.3.2		Quyết định 576/QĐ-CĐXD2 ngày 06/11/2014 Vv cấp học bổng tài trợ năm học 2014-2015. Quyết định 575/QĐ-CĐXD2 ngày 06/11/2014 Vv khen thưởng sinh viên đỗ thủ khoa kỳ tuyển sinh năm 2014
529	8	3	8.3.3		Quyết định 724/QĐ-CĐXD2 ngày 29/12/2014 Vv khen thưởng sinh viên tốt nghiệp năm 2014. Quyết định 725/QĐ-CĐXD2 ngày 29/12/2014 Vv khen thưởng cho các thủ khoa ngành tốt nghiệp năm 2014
530	8	3	8.3.4		Quyết định 183/QĐ-CĐXD2 ngày 17/04/2015 vv Công nhận SV đạt tiên tiến học kỳ I-NH 2014-2015. Quyết định 182/QĐ-CĐXD2 ngày 17/04/2015 vv Công nhận HS đạt tiên tiến học kỳ I-NH 2014-2015. Quyết định 184/QĐ-CĐXD2 ngày 17/04/2015 vv Cấp học bổng khuyến khích học kỳ II NH 2014-2015
531	8	3	8.3.5		Quyết định 620/QĐ-CĐXD2 ngày 29/10/2015 vv Công nhận SV đạt tiên tiến học kỳ II-NH 2014-2015. Quyết định 621/QĐ-CĐXD2 ngày 29/10/2015 vv Công nhận HS đạt tiên tiến học kỳ II-NH 2014-2015
532	8	3	8.3.6		Quyết định 622/QĐ-CĐXD2 ngày 29/10/2015 vv Cấp học bổng khuyến khích học kỳ I NH 2015-2016. Quyết định 623/QĐ-CĐXD2 ngày 29/10/2015 vv Cấp học bổng tài trợ NH 2015-2016. Quyết định 624/QĐ-CĐXD2 ngày 30/10/2015 vv Khen thưởng SVHS đạt thủ khoa tốt nghiệp đợt tháng 8 năm 2015
533	8	3	8.3.7		- Quyết định 627/QĐ-CĐXD2 ngày 30/10/2015 vv Khen thưởng SVHS đạt thủ khoa đầu vào cao đẳng chính quy năm 2015
534	8	3	8.3.8		Quyết định 243/QĐ-CĐXD2 ngày 02/06/2016 vv Công nhận SV đạt tiên tiến học kỳ I-NH 2015-2016. Quyết định 242/QĐ-CĐXD2 ngày 02/06/2016 vv Công nhận HS đạt tiên tiến học kỳ I-NH 2015-2016. Quyết định 241/QĐ-CĐXD2 ngày 02/06/2016 vv Cấp học bổng khuyến khích học kỳ II NH 2015-2016
535	8	3	8.3.9		- Quyết định 556/QĐ-CĐXD2 ngày 19/10/2016 Vv Công nhận SV đạt tiên tiến học kỳ II-NH 2015-2016
536	8	3	8.3.10		Quyết định 557/QĐ-CĐXD2 ngày 19/10/2016 Vv Công nhận HS đạt tiên tiến học kỳ II-NH 2015-2016. Quyết định 558/QĐ-CĐXD2 ngày 19/10/2016 Vv Cấp học bổng khuyến khích học kỳ I NH 2016-2017

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
537	8	3	8.3.11		- Quyết định 559/QĐ-CĐXD2 ngày 19/10/2016 Vv Cấp học bổng tài trợ học kỳ I NH 2016-2017
538	8	3	8.3.12		- Quyết định 562/QĐ-CĐXD2 ngày 19/10/2016 Vv Cấp học bổng tài trợ đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia năm 2016.
539	8	3	8.3.13		- Quyết định 555/QĐ-CĐXD2 ngày 19/10/2016 Vv Khen thưởng sinh viên có đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2016
540	8	3	8.3.14		Quyết định 225/QĐ-CĐXD2 ngày 26/05/2014 vv Khen thưởng sinh viên đạt giải Olympic cơ học toàn quốc năm 2014. Quyết định 308/QĐ-CĐXD2 ngày 25/06/2015 vv Khen thưởng sinh viên đạt giải Olympic cơ học toàn quốc năm 2015. Quyết định 253/QĐ-CĐXD2 ngày 10/06/2016 vv Khen thưởng sinh viên đạt giải Olympic cơ học toàn quốc năm 2016.
541	8	3	8.3.15		- Đề nghị trợ cấp khó khăn cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, ngày 10/12/2015
542	8	3	8.3.16		- Quyết định 787/QĐ-CĐXD2 ngày 26/12/2016 Vv Hỗ trợ cho SVHS thuộc 4 tỉnh Miền Trung
543	8	3	8.3.17		- Quyết định 721/QĐ-CĐXD ngày 10/10/2017 Vv Trợ cấp cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.
544	8	4	8.4.1		Quy định về khen thưởng, kỷ luật, Quy định ký túc xá, Quy định thư viện
545	8	4	8.4.2		Biên bản Hội nghị đối thoại với sinh viên
546	8	5	8.5.1	5.2.1	Bản vẽ quy hoạch cơ sở 1 và khu nội trú, VB 16 ngày 04/01/2010; Bản vẽ quy hoạch cơ sở 2 VB 402 ngày 05/02/2013.
547	8	5	8.5.2	5.2.3	Bản vẽ thiết kế các công trình cơ sở 1: Khối nhà A, B, C, D, hàng rào 2015; Bản vẽ thiết kế các công trình cơ sở 2: Khối nhà Trung tâm nước, khoa Đào tạo nghề, phòng thí nghiệm, căn tin, nhà xe và nhà bảo vệ; Bản vẽ khu nội trú: Khối nhà A, B
548	8	5	8.5.3		Danh sách sinh viên ở khu nội trú
549	8	6	8.6.1		Báo cáo gửi BHXH TP HCM trích kinh phí CSSKBĐ
550	8	6	8.6.2		Quyết định thành lập Bộ phận y tế năm 2015,2016. Hợp đồng khám sức khỏe 2014, 2015,2016
551	8	6	8.6.3		Biên bản kiểm kê tài sản 2014, 2015, 2016. Báo cáo tình hình sử dụng thuốc 2014, 2015, 2016.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
552	8	6	8.6.4	1.5.2	Báo cáo Hội nghị CBCNV năm 2014, 2015, 2016
553	8	6	8.6.5		Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại căn tin của Trường từ năm 2015 đến năm 2018. Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại căn tin của Ký túc xá từ năm 2016 đến năm 2019
554	8	7	8.7.1	1.10.11	Kế hoạch số 01/KH-ĐTN ngày 25/02/2014 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc tổ chức chương trình Nghĩa Tình Xây dựng lần thứ 5 năm 2014;
555	8	7	8.7.2	1.10.12	Kế hoạch số 03/KH-ĐT ngày 07/10/2014 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về thực hiện chương trình chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11-2014.
556	8	7	8.7.3	1.10.13	Thông báo số 04/HSV ngày 07/10/2014 của Ban Chấp hành Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc tham gia Ngày hội " Hướng nghiệp, dạy nghề" Lần II - năm 2014 do Thành Đoàn TPHCM Tổ chức;
557	8	7	8.7.4	1.10.14	Thông báo số 05-2014/TB - ĐT ngày 17/10/2014 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc Tổ chức lớp bồi dưỡng 6 Bài lý luận chính trị và tập huấn kỹ năng sinh hoạt Đoàn cho Đoàn viên - Thanh niên;
558	8	7	8.7.5	1.10.15	Kế hoạch số 06-KH/ĐTN-CCB-Khoa ĐTN ngày 25/11/2014 của Đoàn Thanh niên phối hợp cùng Hội Cựu Chiến binh, Khoa đào tạo nghề trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc Tổ chức Cuộc thi Bàn Tay vàng Đoàn cho Đoàn viên - Thanh niên.
559	8	7	8.7.6	1.10.16	Kế hoạch số 15-KH/ĐT ngày 10/3/2014 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc ban hành kế hoạch Lễ Hội ẩm thực chào mừng 83 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2014);
560	8	7	8.7.7	1.10.17	Kế hoạch số 19-/KHTV ngày 10/3/2014 của Ban Thường vụ Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc ban hành kế hoạch tổ chức Chiến dịch Mùa hè xanh năm 2014;
561	8	7	8.7.8	1.10.18	Kế hoạch số 05/KH - ĐTN - HSV ngày 10/3/2014 của Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về việc ban hành kế hoạch tập huấn Cán bộ Đoàn - Hội năm 2014;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
562	8	7	8.7.9	1.10.19	Kế hoạch 01 - KH/ĐTN - HSV ngày 30/5/2015 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện Mùa hè xanh năm 2015;
563	8	7	8.7.10	1.10.20	Kế hoạch 03 - KH/ĐTN ngày 05/03/2015 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Giải bóng đá truyền thống sinh viên học sinh năm 2015;
564	8	7	8.7.11	1.10.21	Kế hoạch 04 - KH/ĐTN ngày 12/9/2015 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Đêm hội Trăng Rằm Trà Cú Trà Vinh;
565	8	7	8.7.12	1.10.22	Kế hoạch 05 - KH/HSV ngày 12/02/2015 của Ban Chấp hành Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Vận động Hiến Máu tình nguyện năm 2015;
566	8	7	8.7.13	1.10.23	Kế hoạch 06 - KH/ĐTN - HSV ngày 02/11/2015 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Tập huấn Cán bộ Đoàn - Hội năm 2015.
567	8	7	8.7.14	1.10.24	Kế hoạch 07 - KH/ĐTN ngày 01/3/2015 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Tháng thanh niên năm 2015;
568	8	7	8.7.15	1.10.25	Kế hoạch 06 - KH/ĐTN ngày 19/10/2015 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 và Chào đón Tân Sinh viên năm 2015;
569	8	7	8.7.16	1.10.26	Kế hoạch 08 - KH/ĐTN ngày 06/03/2015 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Ngày Hội Đoàn viên Chào mừng ngày Thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/03/2015;
570	8	7	8.7.17	1.10.27	Kế hoạch 09 - KHPH/ĐTN - CĐ ngày 09/01/2016 của Ban Chấp hành Đoàn trường phối hợp với Công đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức tìm hiểu Luật lao động năm 2012;
571	8	7	8.7.18	1.10.28	Kế hoạch 10 - KH/ĐTN - HSV ngày 10/03/2016 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Hội Thao Chào mừng 85 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2016) và kỷ niệm 40 năm thành lập Trường CĐ Xây dựng Số 2 (1976 - 2016);

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
572	8	7	8.7.19	1.10.29	Kế hoạch 11 - KH/ĐTN - HSV ngày 10/03/2016 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Giải Bóng đá truyền thống học sinh sinh viên năm 2016;
573	8	7	8.7.20	1.10.30	Kế hoạch 13 - KH/ĐTN - HSV ngày 30/04/2016 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Chiến dịch Mùa hè xanh năm 2016
574	8	7	8.7.21	1.10.31	Kế hoạch 14 - KH/ĐTN - HSV ngày 20/09/2016 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Hội trại tập huấn Cán bộ Đoàn - Hội và Chào đón Tân Sinh viên năm 2016;
575	8	7	8.7.22	1.10.32	Kế hoạch 15 - KH/ĐTN ngày 20/09/2016 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2016;
576	8	7	8.7.23	1.10.33	Kế hoạch 20 - KH/ĐTN ngày 20/09/2016 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Ngày Hội Tư vấn và giới thiệu việc làm;
577	8	7	8.7.24	1.10.34	Kế hoạch 02 - KH/ĐTN - HSV ngày 15/02/2017 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Giải bóng đá truyền thống học sinh sinh viên năm 2017;
578	8	7	8.7.25	1.10.35	Kế hoạch 03 - KH/HSV ngày 10/06/2017 của Ban Chấp hành Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Chiến dịch Mùa hè xanh năm 2017;
579	8	7	8.7.26	1.10.36	Kế hoạch 04 - KH/ĐTN ngày 27/7/2017 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Hội thi trực tuyến Tự Hào Sử Việt lần 4 năm 2017.
580	8	7	8.7.27	1.10.37	Kế hoạch 10 - KH/ĐTN ngày 27/7/2017 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Đêm hội Trăng Rằm năm 2017;
581	8	7	8.7.28	1.10.38	Kế hoạch 11 - KH/ĐTN - HSV ngày 29/9/2017 của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Hội trại truyền thống và Chào đón Tân Sinh viên năm 2017;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
582	8	7	8.7.29	1.10.39	Kế hoạch 12 - KH/ĐTN - HSV ngày 10/10/2017 của Ban Chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 về kế hoạch tổ chức Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11 và Chào đón Tân Sinh viên năm 2017;
583	8	7	8.7.30		báo cáo kết quả hoạt động các phong trào
584	8	8	8.8.1		Thông báo ngày hội việc làm, thông báo tuyển dụng cho người học sau khi tốt nghiệp.
585	8	8	8.8.2		Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.
586	8	9	8.9.1		Thông báo số 864 - TB/ĐTN - BTNCNTH ngày 24/3/2014 của Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh về việc Tổ chức Ngày hội " Hướng nghiệp, dạy nghề" Lần II - năm 2014;
587	8	9	8.9.2		Thông báo số 04- TB/ĐTN ngày 29/3/2014 của Đoàn trường CĐ Xây dựng Số 2 về việc tham gia Ngày hội " Hướng nghiệp, dạy nghề" Lần II - năm 2014 do Thành Đoàn TP Hồ Chí Minh tổ chức;
588	8	9	8.9.3		Kế hoạch số 131/KH- ĐHSPTK ngày 28/6/2015 của Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM về việc tổ chức chương trình "Ngày hội giao lưu - tuyển dụng - việc làm" năm 2015;
589	8	9	8.9.4		Kế hoạch số 20- KH/ ĐTN ngày 20/8/2016 của Đoàn trường CĐ Xây dựng Số 2 về việc tổ chức chương trình "Ngày hội tư vấn và giới thiệu việc làm" năm 2016;
590	8	9	8.9.5		Kế hoạch số 17- KH/ ĐTN ngày 7/11/2017 của Đoàn trường CĐ Xây dựng Số 2 về việc tổ chức chương trình "Ngày hội hướng nghiệp và Tuyển dụng việc làm" năm 2017;
591	8	9	8.9.6		Công văn báo cáo số 04 - CVBC/ĐTN ngày 17/10/2014 của Đoàn trường CĐ Xây dựng Số 2 về việc báo cáo kết quả tham gia "Ngày hội hướng nghiệp, dạy nghề" lần II - năm 2014;
592	8	9	8.9.7		Công văn báo cáo số 09 - CVBC/ĐTN ngày 20/8/2015 của Đoàn trường CĐ Xây dựng Số 2 về việc báo cáo kết quả tham dự "Ngày hội giao lưu - tuyển dụng - việc làm" Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM;
593	8	9	8.9.8		Công văn báo cáo số 05 - CVBC/ĐTN ngày 17/10/2016 của Đoàn trường CĐ Xây dựng Số 2 về việc báo cáo kết quả tổ chức chương trình "Ngày hội tư vấn và giới thiệu việc làm" năm 2016;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
594	9	1	9.1.1		Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp.
595	9	1	9.1.2		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến.
596	9	1	9.1.3		Phiếu thu thập ý kiến từ đơn vị sử dụng lao động.
597	9	1	9.1.4		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến hằng năm.
598	9	2	9.2.1	1.4.2	Thông báo số 433/TB-CĐXD2 ngày 10/9/2014 V/v đóng góp ý kiến các bản dự thảo quy định, quy chế
599	9	2	9.2.2	1.4.3	Kế hoạch số 497/KH-CĐXD2 ngày 07/9/2015 Tổ chức HNCBCCVC năm 2015
600	9	2	9.2.3	1.4.4	Kế hoạch số 484/KH-CĐXD2 ngày 19/9/2016 Tổ chức HNCBCCVC năm học 2016-2017
601	9	2	9.2.4	1.4.8	Tổng hợp ý kiến đóng góp các quy chế quy định năm 2014. Tổng hợp ý kiến đóng góp các quy chế quy định năm 2016. Tổng hợp ý kiến đóng góp các quy chế quy định năm 2017
602	9	2	9.2.5	1.5.2	Báo cáo hội nghị CBCNV năm 2014, 2015, 2016
603	9	3	9.3.1		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến đánh giá học phần
604	9	3	9.3.2		Danh sách lớp mở các học kỳ
605	9	3	9.3.3		Phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá môn học/ học phần
606	9	3	9.3.4		Bảng tổng hợp ý kiến đánh giá các đợt
607	9	3	9.3.5	8.4.2	Biên bản Hội nghị đối thoại với sinh viên
608	9	4	9.4.1		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá
609	9	5	9.5.1	9.4.1	Kế hoạch thực hiện tự đánh giá
610	9	6	9.6.1		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm hằng năm.
611	9	6	9.6.2		QĐ công nhận tốt nghiệp năm 2013 – đợt 2 liên thông cao đẳng hệ vừa làm vừa học khóa 2011 ngày 25/04/2014 người ký Thầy Chu Văn Quyết.
612	9	6	9.6.3		QĐ công nhận tốt nghiệp năm 2014 – đợt 1 liên thông cao đẳng chính quy ngày 30/05/2014 người ký Thầy Chu Văn Quyết.
613	9	6	9.6.4		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 10 năm 2014 liên thông cao đẳng chính quy ngày 30/10/2014 người ký Thầy Lê Anh Đức.
614	9	6	9.6.5		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 10 năm 2014 cao đẳng chính quy ngày 31/10/2014 ký Thầy Lê Anh Đức.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
615	9	6	9.6.6		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 11 năm 2015 cao đẳng chính quy ngày 31/10/2015 ký Thầy Lê Anh Đức.
616	9	6	9.6.7		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 8 năm 2015 liên thông cao đẳng chính quy ngày 11/09/2015 ký Thầy Lê Anh Đức.
617	9	6	9.6.8		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 8/2015 cao đẳng hệ vừa làm vừa học ngày 11/09/2015 ký Thầy Lê Anh Đức.
618	9	6	9.6.9		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 8/2015 cao đẳng hệ chính quy ngày 11/09/2015 ký Thầy Lê Anh Đức.
619	9	6	9.6.10		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 10/2016 cao đẳng hệ vừa làm vừa học ngày 30/11/2016 ký Thầy Lê Anh Đức.
620	9	6	9.6.11		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 10/2016 Trung cấp chuyên nghiệp ngày 30/11/2016 ký Thầy Lê Anh Đức.
621	9	6	9.6.12		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 10/2016 cao đẳng chính quy ngày 30/11/2016 ký Thầy Lê Anh Đức.
622	9	6	9.6.13		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 07/2016 cao đẳng vừa làm vừa học ngày 26/08/2016 ký Thầy Lê Anh Đức.
623	9	6	9.6.14		QĐ công nhận tốt nghiệp đợt tháng 07/2016 cao đẳng chính quy ngày 26/08/2016 ký Thầy Lê Anh Đức.
624	9	6	9.6.15		Phiếu điều tra lần vết.
625	9	6	9.6.16		Báo cáo kết quả điều tra lần vết.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 04..tháng. 10..năm 2017

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2017

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Sản phẩm dự kiến	Nội dung thực hiện
1.	Kiểm tra, rà soát các minh chứng (<i>quy định, quyết định, công văn</i>) có liên quan đến phòng, khoa, bộ môn theo Thông tư 15/TT-BLĐTBXH	Các phòng ban và khoa bộ môn	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	05/10/2017	15/10/2017	Các minh chứng, quy định, quyết định có liên quan trong vòng 03 năm: 2014, 2015, 2016	- Đọc, tìm hiểu các tiêu chuẩn trong Thông tư 15/TT-BLĐTBXH có liên quan đến đơn vị mình - Trích lục các văn bản đã lưu và photo lưu - Liệt kê, thống kê các tài liệu, hồ sơ, minh chứng nào đã có hay không có - Đánh số và sắp xếp các hồ sơ theo từng minh chứng
2.	Lập Hội Đồng Kiểm Định Chất Lượng Cơ Sở Giáo Dục Nghề Nghiệp	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	Các phòng ban và khoa bộ môn	15/10/2017	20/10/2017	Quyết định thành lập hội đồng và trách nhiệm của các thành viên tham gia Quy định, quy trình thực hiện, cách thức tìm minh chứng	- Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của công tác thực hiện báo cáo tự đánh giá ĐBCL GDNN theo công văn 1845 của bộ LĐTBXH và sự cần thiết của công việc ĐBCL GDNN - Phổ biến trách nhiệm của Hội đồng và quy trình thực hiện kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư 42/TT-BLĐTBXH - Phân công nhiệm vụ cho từng khoa, bộ môn, phòng ban có các tiêu

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Sản phẩm dự kiến	Nội dung thực hiện
							chỉ, tiêu chuẩn liên quan đến báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN - Trao đổi, làm rõ về cách thức thực hiện tìm minh chứng - Hướng dẫn cách đánh số minh chứng - Trao đổi, hướng dẫn các đơn vị viết báo cáo tự đánh giá theo phụ lục của công văn 1845 Bộ LĐTBXH trên cơ sở các tài liệu đã có
3.	Thực hiện tự đánh giá của các đơn vị	Các bộ môn, khoa, các phòng, ban, trung tâm	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	20/10/2017	20/11/2017	Báo cáo tự đánh giá của các đơn vị	Thu thập minh chứng, tự đánh các hoạt động của đơn vị, viết báo cáo tự đánh giá và gửi Hội Đồng Kiểm Định Chất Lượng
4.	Thông qua báo cáo tự đánh giá của các đơn vị	Hội Đồng Kiểm Định	Các bộ môn, khoa, các phòng, ban, trung tâm	20/11/2017	30/11/2017	Báo cáo tự đánh giá của các đơn vị	- Hợp Hội Đồng Kiểm Định, nghiên cứu, rà soát, đối chiếu các minh chứng với các tiêu chuẩn. - Nghiệm thu báo cáo tự đánh giá của các đơn vị - Yêu cầu các đơn vị chỉnh sửa, bổ sung, giải trình (nếu cần)
5.	Thông qua báo cáo kết quả tự đánh giá của trường	Hội Đồng Kiểm Định	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	01/12/2017	10/12/2017	Báo cáo Tự đánh giá được cập nhật:	- Thành phần họp: + Thành viên Hội Đồng Kiểm Định + Trưởng các đơn vị + Đại diện các tổ chức Đảng, đoàn thể của trường - Nội dung báo cáo kết quả tự đánh giá của trường phải được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng nhất trí thông

Y
ƯỜNG
ĐẢNG
DỤNG
HCM
★

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Sản phẩm dự kiến	Nội dung thực hiện
							qua - Chủ tịch Hội Đồng Kiểm Định công bố thông qua báo cáo tự đánh giá -Thực hiện theo TT 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017
6.	Công bố báo cáo tự đánh giá toàn trường	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	Trung Tâm Thông Tin và Thư Viện	10/12/2017	14/12/2017	Báo cáo tự đánh giá	- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá bằng văn bản cho toàn trường - Đăng báo cáo tự đánh giá trên website trường và các phương tiện truyền thông khác
7.	Nộp báo cáo tự đánh giá	Bộ phận Đảm Bảo Chất Lượng	-	14/12/2017	15/12/2017	Báo cáo tự đánh giá	- Nộp báo cáo tự đánh giá bản in cho Bộ LĐTBXH và Sở LĐTBXH (để lưu) - Nội dung báo cáo tóm tắt: + Quá trình thực hiện tự đánh giá + Tổng hợp kết quả tự đánh giá + Điểm mạnh, điểm tồn tại và kế hoạch khắc phục của trường sau tự đánh giá

PHÒNG KHOA HỌC – HTQT&ĐBCL



Nguyễn Xuân Khoa



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.Lê Anh Đức

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-CDXD2 ngày 24/8/2012 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Xây dựng Số 2 thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2011 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trường Phòng Khoa học, Hợp tác Quốc tế và Đảm bảo Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh gồm 11 ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm tổ chức triển khai công tác tự kiểm định và báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo đúng quy định hiện hành của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại điều 1 và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KH-HTQT-ĐBCL, K(8).



PGS.TS. Lê Anh Đức

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

Hội đồng kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~758~~ 758/QĐ-CDXD ngày 18 tháng 10 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ Và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lê Anh Đức	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Ông Nguyễn Bá Khiêm	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng
4	Ông Nguyễn Xuân Khoa	Trưởng Phòng KH-HTQT-ĐBCL	Thư ký Hội đồng
5	Ông Nguyễn Đình Đa	Trưởng Phòng Tổ chức HC	Ủy viên
6	Ông Lê Khắc Toàn	Trưởng Phòng Đào tạo	Ủy viên
7	Ông Huỳnh Phi Tuấn Khanh	Trưởng Phòng TS-CTSVHS	Ủy viên
8	Bà Nguyễn Thị Trang	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	Ủy viên
9	Ông Đinh Văn Hậu	Trưởng Phòng Quản trị	Ủy viên
10	Ông Nguyễn Ngọc Phúc	Trưởng Khoa Xây dựng	Ủy viên
11	Ông Vũ Sĩ Tuấn	Giám đốc TTĐTTH-UDCNXD	Ủy viên



PGS.TS.Lê Anh Đức